

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



## **BÁO CÁO TỔNG HỢP**

**NHIỆM VỤ: ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ  
CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH  
THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI  
Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH  
(DỰ THẢO)**

**Hà Giang, năm 2018**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

=====☪=====

# **BÁO CÁO TỔNG HỢP**

**NHIỆM VỤ: ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ  
CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THU  
GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI  
Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

**CƠ QUAN CHỦ TRÌ**

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

**Hà Giang, năm 2018**

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>i</b>
<b>DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....</b>	<b>iv</b>
<b>DANH MỤC BẢNG BIỂU .....</b>	<b>v</b>
<b>DANH MỤC HÌNH VẼ.....</b>	<b>vii</b>
<b>MỞ ĐẦU.....</b>	<b>1</b>
I. Mục tiêu và nhiệm vụ .....	2
1.1. Mục tiêu.....	2
1.1.1. Mục tiêu tổng quát .....	2
1.1.2. Mục tiêu cụ thể.....	2
1.2. Nhiệm vụ .....	2
II. Phạm vi thực hiện .....	3
III. Căn cứ pháp lý thực hiện.....	3
IV. Phương pháp thực hiện .....	4
4.1. Phương pháp thu thập số liệu .....	4
4.2. Phương pháp khảo sát, kiểm kê thực địa .....	4
4.3. Phương pháp kế thừa số liệu .....	5
4.4. Phương pháp ứng dụng công nghệ GIS .....	5
V. Tổ chức thực hiện.....	5
5.1. Đơn vị chủ trì .....	5
5.2. Đơn vị tư vấn.....	6
5.3. Đơn vị phối hợp thực hiện .....	6
<b>CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG.....</b>	<b>7</b>
1.1. Hiện trạng các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh.....	7
1.2. Công tác cán bộ .....	32
<b>CHƯƠNG II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO PHÁT SINH CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI ĐẾN NĂM 2030 TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG .....</b>	<b>35</b>
2.1. Hiện trạng chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế .....	35
2.1.1. Nguồn phát sinh chất thải y tế nguy hại.....	35
2.1.2. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế .....	37

2.1.3. Thành phần chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh .....	69
2.2. Dự báo phát sinh chất thải y tế nguy hại đến năm 2030 tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.....	73
2.2.1. Căn cứ dự báo .....	73
2.2.2. Dự báo phát sinh CTYTNNH tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh.....	73
2.2.3. Dự báo phát sinh CTYTNNH tại các cơ sở y tế tuyến huyện .....	76
2.2.4. Dự báo phát sinh CTYTNNH tại các cơ sở y tế tuyến xã .....	86
2.2.5. Dự báo phát sinh CTYTNNH tại các cơ sở y tế tư nhân .....	87
<b>CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ NĂNG LỰC XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG.....</b>	<b>88</b>
3.1. Hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.....	88
3.1.1. Phân định các loại chất thải y tế.....	88
3.1.2. Công tác phân loại chất thải nguy hại .....	90
3.1.3. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại .....	94
3.1.4. Xử lý sơ bộ .....	99
3.1.5. Hiện trạng công tác thu gom .....	100
3.1.6. Vận chuyển nội bộ .....	109
3.1.7. Giao nhận chất thải.....	113
3.1.8. Công tác Lưu giữ chất thải.....	114
3.1.9. Xử lý chất thải .....	132
3.1.10. Tái sử dụng và tái chế chất thải.....	151
3.1.11. Vận chuyển chất thải rắn y tế ra ngoài bệnh viện để xử lý.....	151
3.1.12. Tiêu hủy sau cùng chất thải y tế.....	151
3.2. Năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh .....	152
3.2.1. Năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế .....	152
3.2.2. Hiệu quả xử lý khí thải lò đốt chất thải y tế.....	157
<b>CHƯƠNG IV. KẾ HOẠCH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG .....</b>	<b>160</b>
4.1. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại.....	160



4.1.1. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế .	160
4.1.2. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình xử lý tại chỗ	164
4.2. Kế hoạch thực hiện và phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại .....	165
4.2.1. Kế hoạch thu gom chất thải y tế nguy hại.....	165
4.2.2. Kế hoạch lưu giữ chất thải y tế nguy hại .....	165
4.2.3. Kế hoạch vận chuyển chất thải y tế nguy hại.....	166
4.3. Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh .....	168
4.4. Kinh phí thực hiện kế hoạch .....	178
4.5. Tổ chức thực hiện.....	179
4.5.1. Sở Tài nguyên và Môi trường: .....	179
4.5.2. Sở Y tế:.....	179
4.5.3. Sở Kế hoạch và đầu tư: .....	179
4.5.4. Sở Tài chính: .....	179
4.5.5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: .....	180
4.5.6. Trách nhiệm của các cơ sở y tế: .....	180
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>181</b>
<b>KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>183</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>185</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>187</b>

## **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	: Bộ Y tế
CP	: Chính phủ
CTLN	: Chất thải lây nhiễm
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTNHKLN	: Chất thải nguy hại không lây nhiễm
CTR	: Chất thải rắn
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTRYT	: Chất thải rắn y tế
CTYT	: Chất thải y tế
CTYTNH	: Chất thải y tế nguy hại
CTYTTT	: Chất thải y tế thông thường
CSYT	: Cơ sở y tế
DS	: Dân số
KH	: Kế hoạch
KHHGD	: Kế hoạch hóa gia đình
KST	: Ký sinh trùng
NĐ	: Nghị định
PKĐKKV	: Phòng khám đa khoa khu vực
QĐ	: Quyết định
QL	: Quốc lộ
TDTT	: Thể dục thể thao
TT	: Thông tư
TTLT	: Thông tư liên tịch
UBND	: Ủy ban nhân dân

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1.1. Hiện trạng các cơ sở y tế tuyến tỉnh .....	8
Bảng 1.2. Hiện trạng các cơ sở y tế tuyến huyện .....	11
Bảng 1.3. Hiện trạng các cơ sở y tế tuyến xã .....	15
Bảng 1.4. Hiện trạng các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang .....	26
Bảng 2.1. Tiêu chuẩn phát sinh chất thải rắn y tế.....	36
Bảng 2.2. Khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh .....	38
Bảng 2.3. Tỷ lệ khối lượng CTYT/NH so với khối lượng CTRYT tại tuyến tỉnh .....	40
Bảng 2.4. Khối lượng CTRYT tại các cơ sở y tế tuyến huyện.....	41
Bảng 2.5. Tỷ lệ khối lượng CTYT/NH so với khối lượng CTRYT tại tuyến huyện.....	50
Bảng 2.6. Khối lượng CTRYT tại các cơ sở y tế tư nhân .....	61
Bảng 2.7. Bảng tổng hợp khối lượng CTRYT phát sinh trên địa bàn tỉnh Hà Giang .....	68
Bảng 2.8. Hệ số phát thải CTYT/NH của các cơ sở y tế tuyến tỉnh .....	73
Bảng 2.9. Số giường bệnh các cơ sở y tế tuyến tỉnh đến năm 2020 và 2030 .....	74
Bảng 2.10. Dự báo khối lượng CTYT/NH tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh năm 2020 và 2030.....	75
Bảng 2.11. Hệ số phát thải CTYT/NH của các cơ sở y tế tuyến huyện .....	76
Bảng 2.12. Số giường bệnh các cơ sở y tế tuyến huyện đến năm 2020 và 2030 .....	80
Bảng 2.13. Dự báo khối lượng CTYT/NH tại các cơ sở y tế tuyến huyện năm 2020 và 2030 .....	83
Bảng 3.1. Bảng phân định các loại chất thải ở cơ sở y tế tuyến tỉnh.....	88
Bảng 3.2. Bảng công tác phân loại chất thải y tế nguy hại tuyến tỉnh.....	92
Bảng 3.3. Bảng mô tả yêu cầu về dụng cụ, thiết bị phân loại của các cơ sở y tế tuyến tỉnh... ..	96
Bảng 3.5. Bảng mô tả công tác thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm .....	102
Bảng 3.6. Danh sách các cơ sở y tế cấp huyện phát sinh chất thải nguy hại không lây .....	103
Bảng 3.7. Danh sách các cơ sở y tế cấp xã phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm.....	104
Bảng 3.8. Bảng danh sách các cơ sở phát sinh chất thải y tế thông thường.....	106
Bảng 3.9. Bảng danh sách các cơ sở phát sinh chất thải y tế thông thường tuyến Huyện .....	107
Bảng 3.10. Công tác vận chuyển CTYT/NH tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh .....	110
Bảng 3.11. Công tác vận chuyển CTYT/NH tại các Bệnh viện đa khoa huyện.....	111
Bảng 3.12. Công tác vận chuyển CTYT/NH tại các Trung tâm y tế tuyến huyện .....	112
Bảng 3.13. Bảng tổng hợp các cơ sở y tế cấp tỉnh có khu vực lưu trữ chất thải y tế riêng ....	115
Bảng 3.14. Bảng mô tả các yêu cầu kỹ thuật khu vực lưu giữ CTYT/NH tại cơ sở y tế cấp... ..	116
Bảng 3.15. Bảng dụng cụ, thiết bị lưu giữ và thời gian lưu giữ chất thải NH tại cơ sở y tế ..	118
Bảng 3.16. Yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ .....	122

Bảng 3.17. Bảng dụng cụ, thiết bị lưu giữ và thời gian lưu giữ chất thải NH tại cơ sở y tế ..	125
Bảng 3.18. Các yêu cầu kỹ thuật của các trạm y tế cấp xã.....	129
Bảng 3.19. Công nghệ được sử dụng tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh.....	133
Bảng 3.20. Công nghệ được sử dụng tại các cơ sở y tế tuyến huyện .....	136
Bảng 3.21. Công nghệ xử lý được sử dụng tại các trạm y tế cấp xã .....	138
Bảng 3.22. Danh sách các phòng khám tư nhân không phát sinh chất thải .....	145
Bảng 3.23. Danh sách các cơ sở y tế nhờ các đơn vị khác xử lý chất thải .....	147
Bảng 3.24. Danh sách các đơn vị nhờ xử lý và nơi tiếp nhận xử lý chất thải y tế.....	152
Bảng 3.25. Kết quả phân tích khí thải tại lò đốt các cơ sở y tế có lò đốt rác .....	158
Bảng 4.1. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn.....	170

## **DANH MỤC HÌNH VẼ**

Hình 1.1. Sơ đồ hệ thống quản lý ngành y tế trên địa bàn tỉnh .....	7
Hình 1.2. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tỉnh Hà Giang .....	10
Hình 1.3. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tuyến huyện.....	14
Hình 1.4. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tuyến xã, tỉnh Hà Giang .....	25
Hình 1.5. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.....	32
Hình 2.1. Một số biểu tượng nguy hại.....	36
Hình 2.2. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến .	39
Hình 2.3. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện thuộc hệ dự phòng.....	47
Hình 2.4. Tương quan giữa khối lượng CTYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện thuộc bệnh viện đa khoa .....	48
Hình 2.5. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các bệnh viện đa.....	48
Hình 2.6. Tương quan giữa khối lượng CTYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện thuộc đơn vị chuyên ngành.....	49
Hình 2.7. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các Phòng khám .....	50
Hình 2.8. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn TP Hà Giang....	53
Hình 2.9. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Bắc.....	54
Hình 2.10. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Vị.....	54
Hình 2.11. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Quang .	55
Hình 2.12. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Xín .....	56
Hình 2.13. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Hoàng .	56
Hình 2.14. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Bắc Mê	57
Hình 2.15. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Yên .....	58
Hình 2.16. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Quản ...	58
Hình 2.17. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Đồng ...	59
Hình 2.18. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Mèo.....	60
Hình 2.19. Khối lượng CTYT - số phòng khám phân theo loại hình khám chữa bệnh .....	67
Hình 2.20. Thành phần CTYT/NH tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh .....	70
Hình 2.21. Thành phần CTYT/NH tại các đơn vị y tế tuyến huyện.....	71
Hình 2.22. Thành phần CTYT/NH tại các đơn vị y tế tuyến xã.....	72
Hình 2.23. Thành phần CTYT/NH tại các cơ sở y tế tư nhân .....	72
Hình 2.24. Dự báo khối lượng CTYT/NH tuyến tỉnh đến năm 2030 .....	76
Hình 3.1. Dụng cụ, thiết bị lưu giữ tại Bệnh viện mắt .....	98

Hình 3.2. Dụng cụ, thiết bị lưu giữ tại Trung tâm y tế huyện Quản Bạ .....	98
Hình 3.3. Dụng cụ, thiết bị lưu giữ tại Bệnh viện phục hồi chức năng .....	98
Hình 3.4. Trung tâm y tế xã Đồng Tâm - huyện Bắc Quang .....	98
Hình 3.5. Trung tâm y tế thị trấn Đồng Văn - huyện Đồng Văn.....	99
Hình 3.6. Trung tâm y tế xã Tát Ngà - huyện Mèo Vạc .....	99
Hình 3.7. Trạm y tế xã Thượng Phùng - huyện Mèo Vạc .....	99
Hình 3.8. Trạm y tế xã Lũng Thầu - huyện Đồng Văn.....	99
Hình 3.9. Sổ giao nhận chất thải y tế hàng ngày của Trung tâm giám định Y khoa tỉnh.....	113
Hình 3.10. Khu lưu giữ chất thải nguy hại của Bệnh viện Lao và Phổi .....	120
Hình 3.11. Khu lưu giữ chất thải của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang .....	120
Hình 3.12. Khu lưu giữ chất thải của Bệnh viện phục hồi chức năng.....	121
Hình 3.13. Khu vùi giữ chất thải nguy hại của Trung tâm phòng chống HIV/AIDS.....	121
Hình 3.14. Khu lưu giữ TTYT Hà Giang .....	127
Hình 3.15. Khu lưu giữ BVĐK H. Vị Xuyên.....	127
Hình 3.16. Khu lưu trữ Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ.....	128
Hình 3.17. Khu lưu giữ của Bệnh viện Đa khoa Hoàng Su Phì .....	128
Hình 3.18. Khu lưu trữ Bệnh viện Đa khoa huyện Xí Mần.....	129
Hình 3.19. Một số nơi lưu giữ của các trạm y tế .....	132
Hình 3.20. Lò đốt 1 buồng, lò đốt CP10 .....	138
Hình 3.21. Lò đốt Chuwastar và hệ thống nghiền cắt khử khuẩn .....	138
Hình 3.22. Lò Chuwastar và các lò đốt thủ công tại các phòng khám hay bệnh viện đa .....	137
Hình 4.1. Bản đồ phân vùng thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh .....	169

## MỞ ĐẦU

Con người và hoạt động sống của con người đang từng ngày tạo ra rất nhiều loại chất thải khác nhau như chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp dưới những dạng rắn, lỏng, khí... Trong số những loại chất thải đó không thể không nhắc tới chất thải y tế, đặc biệt là chất thải y tế nguy hại (CTYTNH), bởi những đặc tính nguy hiểm của loại chất thải này khi đưa ra môi trường.

Quản lý chất thải y tế nguy hại là một thách thức cho công tác bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội, nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng tăng cao, dẫn đến sự gia tăng về quy mô và số lượng các cơ sở y tế trong những năm qua, theo đó lượng chất thải y tế nói chung và chất thải y tế nguy hại nói riêng cũng liên tục gia tăng, tạo sức ép rất lớn đối với công tác bảo vệ môi trường. Chất thải y tế nguy hại khi thải ra môi trường nếu không được xử lý đúng cách thì hậu quả để lại sẽ rất nguy hiểm, nó có thể gây ra các đại dịch cũng như các vấn đề về ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nặng nề tới sức khỏe cộng đồng. Vì vậy, việc quản lý, xử lý, tiêu hủy các loại chất thải y tế nguy hại phải đảm bảo các yêu cầu cần thiết nhằm giảm thiểu những tác động của nó đối với môi trường, góp phần bảo vệ môi trường sống lành mạnh, an toàn.

Cùng với xu hướng phát triển chung của cả nước, trong những năm gần đây, hệ thống bệnh viện và các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang không ngừng tăng lên, đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, đây cũng là một sức ép đối với công tác bảo vệ môi trường của địa phương. Theo thống kê của Sở Y tế tỉnh Hà Giang, tính hết tháng 6/2017 tổng lượng chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh là 634 kg/ngày. Việc phân loại, thống kê để đánh giá hiện trạng phát thải cũng như hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế nguy hại để có thể xây dựng được kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý loại chất thải này một cách hiệu quả đảm bảo theo đúng yêu cầu của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.



Từ thực tế trên, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Hà Giang đã chủ trì thực hiện nhiệm vụ: **“Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải Y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”**. Nhiệm vụ được thực hiện nhằm đưa ra các đánh giá về các vấn đề liên quan đến chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý môi trường, đặc biệt là quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh trong thời gian tiếp theo.

## **I. Mục tiêu và nhiệm vụ**

### **1.1. Mục tiêu**

#### **1.1.1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý chất thải y tế nguy hại, đồng thời nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

#### **1.1.2. Mục tiêu cụ thể**

- Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
- Đánh giá hiện trạng phát sinh và dự báo lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh đến năm 2030;
- Xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại phù hợp với thực trạng và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, được UBND tỉnh phê duyệt;
- Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

### **1.2. Nhiệm vụ**

- Điều tra, thu thập thông tin về hiện trạng phát sinh và công tác quản lý chất thải y tế nguy hại tại các đơn vị;
- Khảo sát thực tế, phân loại, kiểm kê khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế;
- Quan trắc chất lượng khí thải lò đốt CTR y tế tại các bệnh viện đã được đầu tư lò đốt;
- Tính toán dự báo lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh đến năm 2030;
- Tổng hợp thông tin về khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, hạ tầng các công trình xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế,



năng lực xử lý của các cơ sở xử lý chất thải nguy hại, xây dựng kế hoạch quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh;

- Xây dựng các bản đồ, các báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng hợp thuyết minh kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- Xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại; trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Tích hợp dữ liệu điều tra vào CSDL môi trường của tỉnh.

## **II. Phạm vi thực hiện**

Nhiệm vụ được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang.

## **III. Căn cứ pháp lý thực hiện**

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;
- Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về việc Quản lý chất thải và phế liệu (Điều 14);
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại (Điều 11, Điều 23, Điều 24);
- Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế;
- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 08 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường;
- Chỉ thị số 05/CT-BYT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Về việc tăng cường quản lý chất thải y tế trong bệnh viện;
- Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 đến 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại đến năm 2025;
- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 06/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 02/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 11/08/2014 của UBND tỉnh Hà Giang Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025;
- Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về phê duyệt đề cương nhiệm vụ Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh.

#### **IV. Phương pháp thực hiện**

##### **4.1. Phương pháp thu thập số liệu**

Phương pháp này giúp thu thập, tổng hợp được một bộ số liệu thống nhất từ các cơ quan quản lý nhà nước và tại các đơn vị quản lý trực tiếp các cơ sở y tế. Từ bộ số liệu thu thập được, các cán bộ chuyên môn sẽ tiến hành phân tích và kết hợp với các bộ số liệu điều tra, kiểm kê sẽ có những đánh giá, nhận định khách quan, chính xác về những vấn đề nêu ra trong nhiệm vụ.

##### **4.2. Phương pháp khảo sát, kiểm kê thực địa**

Giúp thu thập số liệu chính xác từ địa bàn điều tra. Các số liệu thu thập, khảo sát và kiểm kê thực địa sẽ là cơ sở để xây dựng bản đồ chuyên đề, các báo cáo chuyên đề và báo cáo tổng hợp, đồng thời góp phần xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh một cách hiệu quả.

### **4.3. Phương pháp kế thừa số liệu**

Nhiệm vụ được phát triển trên cơ sở khai thác và kế thừa các nhiệm vụ điều tra trên địa bàn tỉnh Hà Giang, các báo cáo, bản đồ, công trình xây dựng của các Viện và các Trung tâm nghiên cứu.

### **4.4. Phương pháp ứng dụng công nghệ GIS**

- *Phương pháp xây dựng CSDL*

ArcGIS là một sản phẩm phần mềm về GIS hoàn thiện và tính năng rất mạnh trong việc xây dựng, quản lý dữ liệu không gian và phân tích không gian. Các dữ liệu không gian và dữ liệu phi không gian được lưu trữ trong kho ứng dụng ArcCatalog. Đồng thời, phần mềm còn cho phép hiển thị, chỉnh sửa, cập nhật dữ liệu thuộc tính thông qua ứng dụng ArcMap và bộ công cụ ArcToolBox với các chức năng xử lý, phân tích không gian, để thao tác với dữ liệu.

Sử dụng công cụ GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu, quản trị dữ liệu và tiến hành phân tích không gian để thành lập các bản đồ chuyên đề.

- *Phương pháp truy xuất thông tin từ CSDL*

Người sử dụng thông tin khởi động phần mềm ArcGis và thao tác các ứng dụng của phần mềm trên hệ thống máy tính. Trong đó, quản lý dữ liệu trong ứng dụng Arc Catalog; hiển thị và chỉnh sửa, cập nhật dữ liệu trên ứng dụng Arc Map; xử lý, phân tích các dữ liệu thông qua bộ công cụ ToolBox.

- *Phương pháp xây dựng bản đồ*

Phương pháp sử dụng bản đồ nền cơ sở địa lý kết hợp với kết quả điều tra, khảo sát thực tế xây dựng các bản đồ chuyên đề liên quan. Các bản đồ được xây dựng bằng phần mềm Arcgis.

## **V. Tổ chức thực hiện**

### **5.1. Đơn vị chủ trì**

#### **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang.**

- Địa chỉ: Phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, Tỉnh Hà Giang.
- Điện thoại: 02193.866.458
- Các thành viên tham gia:

Hoàng Văn Nhu, Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang.

Nguyễn Thế Phương, Chi cục trưởng Chi cục BVMT.

Hoàng Thị Mai Lan, Phó chi cục trưởng Chi cục BVMT.

Dương Khánh Phúc, Trưởng phòng Kiểm soát ô nhiễm - Chi cục BVMT.

Trần Thị Minh, Trưởng phòng thẩm định ĐTM, thuộc Chi cục BVMT.

## **5.2. Đơn vị tư vấn**

**Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ môi trường.**

- Địa chỉ: Số 143/85, Hạ Đình, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Điện thoại: 0246276605
- Các thành viên tham gia nhiệm vụ:

ThS. Trần Văn Nghĩa, Tổng giám đốc công ty;

CN. Đào Công Thảo, Phó tổng giám đốc công ty;

ThS. Phạm Hoa Cường, Trưởng ban Ban quản lý dự án Dịch vụ Môi trường;

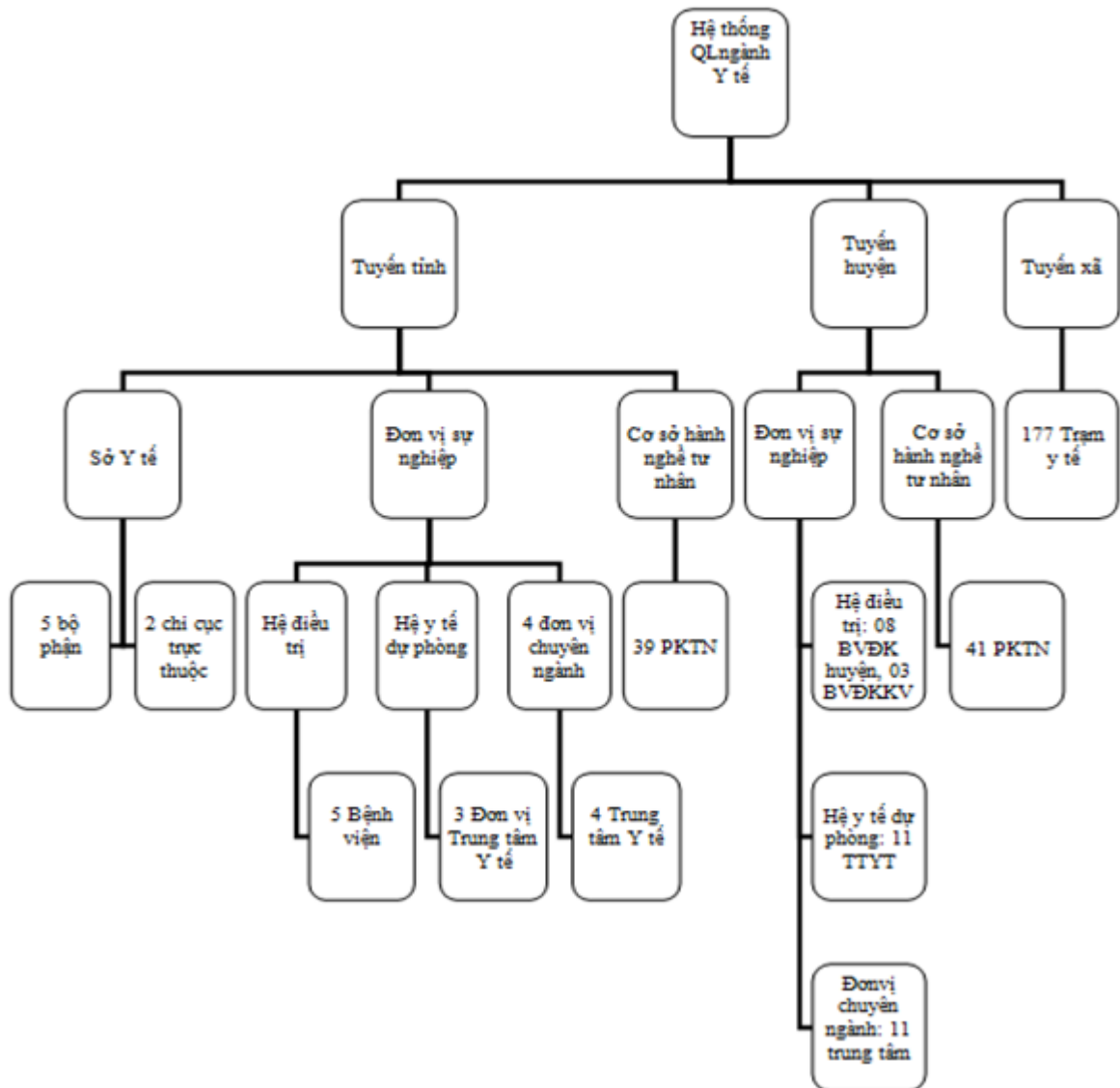
ThS. Nguyễn Văn Đức, CN. Ngô Duy Tuyên, ThS. Hoàng Khai Dũng, CN. Phạm Văn Đức, ThS. Phạm Thị Hà, KS. Phan Văn Vỹ, CN. Chế Hải Hùng, CN. Nguyễn Thị Hà, KS. Nguyễn Minh Khôi, CN. Đoàn Công Thuần, ThS. Trần Thị Hạnh Trang, CN. Nguyễn Phương Thảo, KS. Đoàn Thị Nhung, ThS. Nguyễn Thị Tuyết, KS. Nguyễn Thị Kiều Anh, KS. Nguyễn Trọng Đạo, CN. Tô Thị Yến, KS. Nguyễn Hồng Trà, KS. Nguyễn Thị Ngọc Thương, KS. Nguyễn Kim Huế, CN. Phạm Thanh Tùng, KS. Nguyễn Thị Trang, ThS. Nguyễn Minh Nhật.

## **5.3. Đơn vị phối hợp thực hiện**

- Sở Y tế tỉnh Hà Giang;
- Cục Thống kê tỉnh Hà Giang;
- Phòng Tài nguyên và môi trường; Phòng Y tế các huyện/thành phố trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
- Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, bao gồm: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (trừ phòng khám bác sĩ gia đình, phòng chẩn trị y học cổ truyền; cơ sở dịch vụ đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; chăm sóc sức khỏe tại nhà; cơ sở dịch vụ hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài; cơ sở dịch vụ kính thuốc; cơ sở dịch vụ làm răng giả; bệnh xá; y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức); cơ sở y tế dự phòng; cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu có thực hiện các xét nghiệm về y học (được quy định tại khoản 7 Điều 3 **Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT**).

## CHƯƠNG I. TỔNG QUAN VỀ CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG

Sơ đồ Hệ thống quản lý ngành Y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.



**Hình 1.1. Sơ đồ hệ thống quản lý ngành y tế trên địa bàn tỉnh**

### 1.1. Hiện trạng các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh

Theo số liệu thống kê và điều tra, dân số trung bình toàn tỉnh hiện nay là 820.427 người, tổng số giường bệnh tại các CSYT trên toàn tỉnh là 3.626 giường, cao hơn so với tỷ lệ giường bệnh của năm 2015, 2016.

Số giường bệnh so với mật bằng chung cả nước khá cao. Cụ thể, theo Nghị quyết số 142/2016/QH13 về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 đến năm 2020 cả nước có tỷ lệ giường bệnh trên 26,5 giường bệnh/10.000 dân. Đối với tỉnh Hà Giang hiện nay có tỷ lệ giường bệnh 34,5

giường/10.000 dân. Số giường bệnh năm 2017 tại các CSYT trên toàn tỉnh tăng theo dự kiến nhu cầu về giường bệnh trong giai đoạn từ 2015-2020.

### **Tuyển tỉnh**

Theo số liệu thống kê của Công ty cổ phần Xây dựng và chuyển giao công nghệ môi trường, đến **cuối năm 2017** trên địa bàn tỉnh Hà Giang có tất cả 12 đơn vị y tế cấp tỉnh (đơn vị sự nghiệp).

- Hệ điều trị: Có 05 bệnh viện (Bệnh viện Đa khoa tỉnh 420 giường; Bệnh viện Y - Dược cổ truyền 120 giường, Bệnh viện Lao & bệnh Phổi 100 giường, Bệnh viện Phục hồi chức năng 80 giường, Bệnh viện Mắt 50 giường);
- Hệ Y tế dự phòng 03 đơn vị;
- Các đơn vị chuyên ngành 04 đơn vị.
- Tháng 4/2018, thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh được thành lập trên cơ sở sáp nhập 05 Trung tâm, gồm: Trung tâm Y tế dự phòng; Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe; Trung tâm Phòng, chống Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng và Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Chương I Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, các đơn vị y tế tuyển tỉnh nằm trong đối tượng khảo sát, thu thập thông tin bao gồm 12 đơn vị, trong đó có: 5 bệnh viện, 3 đơn vị y tế dự phòng và 4 đơn vị chuyên ngành. Số lượng giường bệnh của các CSYT tuyển tỉnh thống kê cụ thể dưới bảng 1.1 sau:

**Bảng 1.1. Hiện trạng các cơ sở y tế tuyển tỉnh**

TT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh thực kê
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>		<b>770</b>
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	420
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	50
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	Tổ 3, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	100
4	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng	Thôn Vạt, xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	80



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh thực kê
5	Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	Tổ 8, phường Quang Trung, TP.Hà Giang	120
<b>II</b>	<b>Hệ Y tế dự phòng</b>		<b>0</b>
1	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
2	Trung tâm Phòng chống Sốt rét-KST-côn trùng	Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang	0
3	Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS	Tổ 7, phường Quang Trung, TP. Hà Giang	0
<b>III</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>		<b>0</b>
1	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản	Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang	0
2	Trung tâm Kiểm nghiệm	Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
3	Trung tâm giám định Y khoa	Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
4	Trung tâm Pháp y	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0

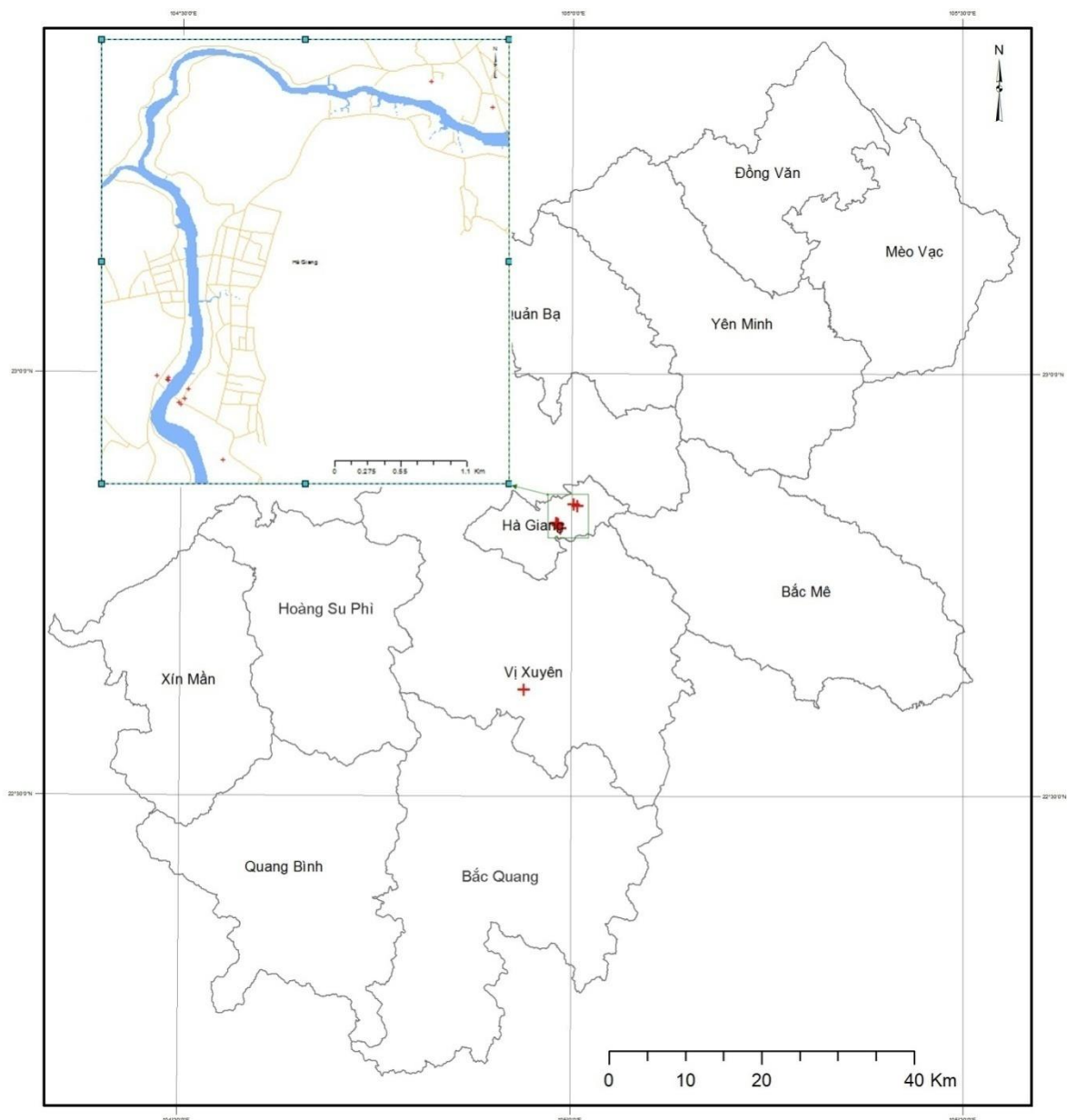
(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, 2017)

Theo số liệu thống kê của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường tại Bảng 1.1, tính đến hết tháng 3 năm 2017, các cơ sở y tế tuyến tỉnh có tổng số 770 giường bệnh.

Giường bệnh chủ yếu được trang bị tại 5 BV lớn (hệ điều trị), còn lại đối với Hệ y tế dự phòng và Đơn vị chuyên ngành đều không có giường bệnh.

Các CSYT tuyến tỉnh đều nằm ở vị trí trung tâm thành phố, gần các tuyến đường lớn, giao thông dễ qua lại, việc thu gom vận chuyển CTYT đến nơi khác xử lý không khó khăn. Bên cạnh đó, khá thuận tiện cho nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

Dưới đây là bản đồ thể hiện vị trí các cơ sở y tế tuyến tỉnh:



**Hình 1.2. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tuyến tỉnh, tỉnh Hà Giang**

### **Tuyến huyện**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có tất cả 52 đơn vị y tế cấp huyện với tổng số giường bệnh 2.058 giường. Trong đó: Hệ dự phòng có 11 trung tâm y tế. Hệ điều trị có 08 BVĐK huyện và 03 BVĐKKV. Đơn vị chuyên ngành có 11 trung tâm, PKĐKKV có 19 PK.

- Hệ dự phòng: Gồm 11 Trung tâm Y tế huyện, thành phố.
- Hệ điều trị: bao gồm các CSYT trực tiếp khám chữa và điều trị bệnh cho người dân.



- + Gồm 03 Bệnh viện Đa khoa khu vực liên huyện với tổng số 790 giường bệnh;
- + 08 Bệnh viện đa khoa tuyến huyện với tổng số 895 giường bệnh;
- + 19 Phòng khám Đa khoa khu vực với tổng số 373 giường bệnh.
- Đơn vị chuyên ngành: Gồm 11 Trung tâm Dân số - KHHGĐ (Trực thuộc Chi cục DS - KHHGĐ).

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Chương I Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, các đơn vị y tế tuyến huyện nằm trong đối tượng khảo sát, thu thập thông tin bao gồm 52 đơn vị. Cụ thể như sau:

**Bảng 1.2. Hiện trạng các cơ sở y tế tuyến huyện**

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
<b>I</b>	<b>Hệ dự phòng</b>		<b>0</b>
1	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Tổ 3, P.Trần Phú, TP.Hà Giang	0
2	Trung tâm Y tế huyện Vị Xuyên	Tổ 10, TT. Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
3	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Tổ 1, TT. Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
4	Trung tâm Y tế huyện Quang Bình	Tổ 5, TT. Yên Bình, huyện Quang Bình	0
5	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Tổ 4, TT. Cốc Pài, huyện Xín Mần	0
6	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Tổ 5, TT. Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì	0
7	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Tổ 4, TT. Yên Phú, huyện Bắc Mê	0
8	Trung tâm Y tế huyện Quản Bạ	Tổ 4, TT.Tam Sơn, huyện Quản Bạ	0
9	Trung tâm Y tế huyện Yên Minh	Tổ 6, TT. Yên Minh, huyện Yên Minh	0
10	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT. Đồng Văn, huyện Đồng Văn	0
11	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT. Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	0
<b>II</b>	<b>Hệ điều trị</b>		<b>1.685</b>
1	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Tổ 10, TT. Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	140
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Tổ 5, TT. Yên Bình, huyện Quang Bình	100
3	Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần	Tổ 4, TT. Cốc Pài, huyện Xín Mần	90

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
4	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Tổ 1, TT. Yên Phú, huyện Bắc Mê	80
5	Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ	Tổ 4, TT. Tam Sơn, huyện Quản Bạ	160
6	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT. Đồng Văn, huyện Đồng Văn	175
7	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT. Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	80
8	Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	Phố, Nà Chì, huyện Xín Mần	70
9	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quang	Tổ 1, TT. Việt Quang, huyện Bắc Quang	400
10	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh	Tổ 6, TT. Yên Minh, huyện Yên Minh	200
11	Bệnh viện Đa khoa khu vực Hoàng Su Phì	Tổ 3, TT. Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì	190
<b>III</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>		<b>0</b>
1	Trung tâm DS-KHHGĐ thành phố Hà Giang	Tổ 6, P. Trần Phú, TP. Hà Giang	0
2	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Vị Xuyên	Tổ 3, TT. Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
3	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Bắc Quang	Tổ 3, TT. Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
4	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Quang Bình	Tổ 5, TT. Yên Bình, huyện Quang Bình	0
5	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Xín Mần	Tổ 4, TT. Cốc Pài, huyện Xín Mần	0
6	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Hoàng Su Phì	Tổ 5, TT. Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì	0
7	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Bắc Mê	Tổ 1, TT. Yên Phú, huyện Bắc Mê	0
8	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Quản Bạ;	Tổ 4, TT. Tam Sơn, huyện Quản Bạ	0
9	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Yên Minh;	Tổ 6, TT. Yên Minh, huyện Yên Minh	0
10	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Đồng Văn;	Tổ 7, TT. Đồng Văn, huyện Đồng Văn	0
11	Trung tâm DS-KHHGĐ huyện Mèo Vạc.	Tổ 5, TT. Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	0
<b>IV</b>	<b>Phòng khám đa khoa khu vực</b>		<b>373</b>
1	Phòng khám đa khoa xã Bạch Ngọc	Thôn Phai, xã Bạch Ngọc, huyện Vị Xuyên	10
2	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Thôn Trung Tâm, xã Liên	20

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường12

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
		Hiệp, huyện Bắc Quang	
3	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Thôn Phố Cáo, xã Đồng Yên, huyện Bắc Quang	15
4	Phòng khám đa khoa xã Xuân Giang	Thôn Chang, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình	44
5	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm	Thôn Độc Lập, xã Đường Âm, huyện Bắc Mê	10
6	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc	Thôn Nà Lá, xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê	10
7	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Chiến Phố Thượng, xã Chiến Phố, huyện Hoàng Su Phì	10
8	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Thôn 10, xã Nậm Dịch, huyện Hoàng Su Phì	25
9	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Khu Chợ, xã Thông Nguyên, huyện Hoàng Su Phì	30
10	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Phố Chợ, xã Ngán Chiên, huyện Xín Mần	10
11	Phòng khám đa khoa xã Đông Hà	Thôn Thống Nhất, xã Đông Hà, huyện Quản Bạ	10
12	Phòng khám đa khoa xã Tùng Vài	Suối Vui, xã Tùng Vài, huyện Quản Bạ	10
13	Phòng khám đa khoa xã Lũng Hồ	Thôn Lũng Hồ 3, xã Lũng Hồ, huyện Yên Minh	30
14	Phòng khám đa khoa xã Bạch Đích	Thôn Na Sàng 1, xã Bạch Đích, huyện Yên Minh	30
15	Phòng khám đa khoa xã Mậu Duệ	Thôn Pắc Luy, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh	55
16	Phòng khám đa khoa TT Phó Bảng	Thị trấn Phó Bảng, huyện Đồng Văn	22
17	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Thôn Mao Seo Phìn, xã Lũng Phìn, huyện Đồng Văn	12
18	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái	Thôn Xín Chải, xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc	10
19	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn	Xóm Niêm Đông, xã Niêm Sơn, huyện Mèo Vạc	10

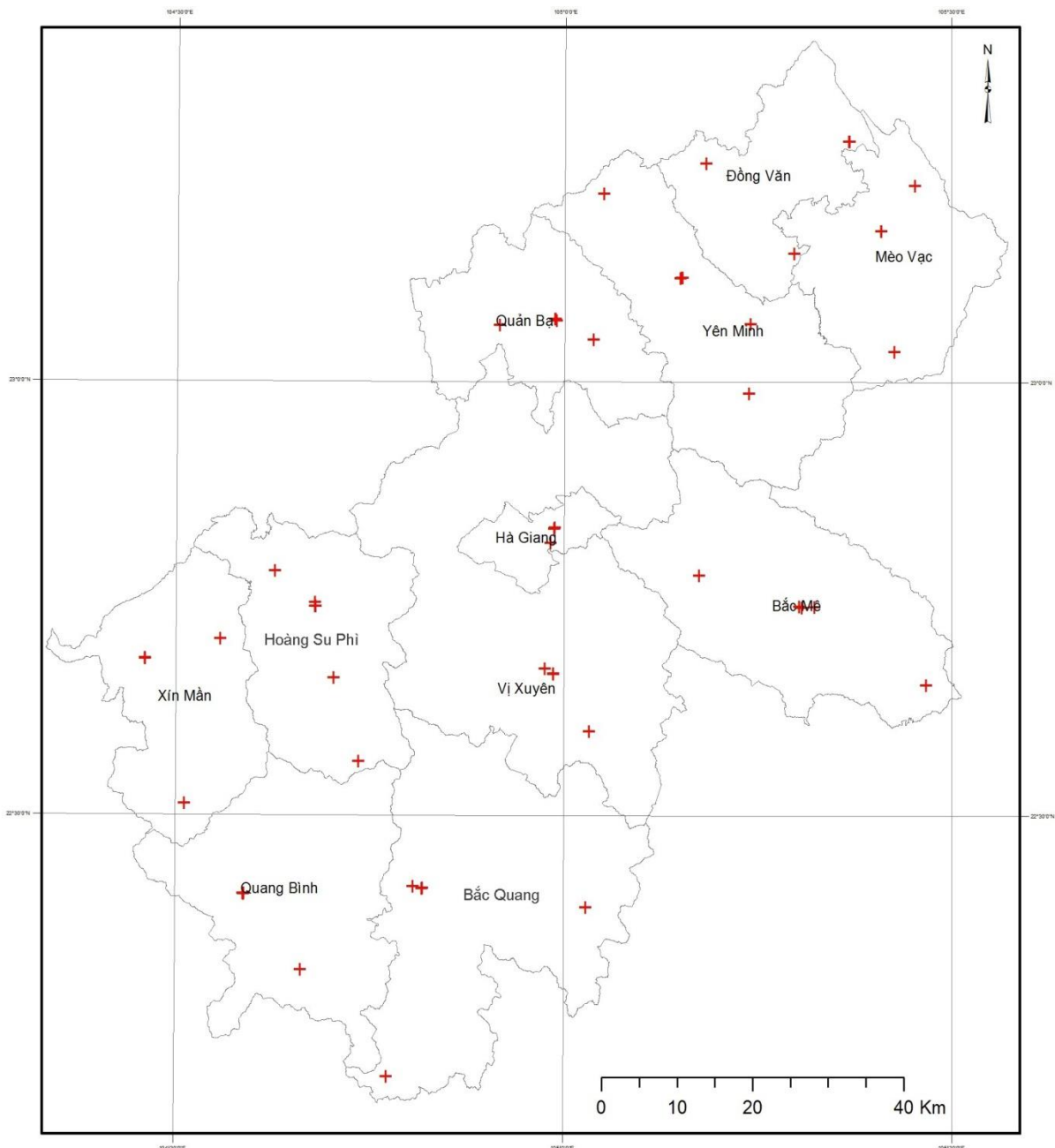
(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, 2017)

Tương tự như các CSYT tại tuyến tỉnh, tổng số giường bệnh tập trung nhiều và chủ yếu ở các BVĐK (hệ điều trị). Còn đối với các CSYT thuộc Hệ dự phòng và các đơn vị chuyên ngành không có giường bệnh, do không khám chữa

trị bệnh trực tiếp cho người dân.

Tổng số giường bệnh tại các BVĐK là 1.685 giường (chiếm 81,9% tổng số giường bệnh). Trong đó, BVĐKKV Bắc Quang chiếm nhiều nhất, có 400 giường bệnh. Tổng số giường bệnh tại các PKĐKKV là 373 giường (chiếm 18,1% tổng số giường bệnh).

Vị trí các BVĐK tuyến huyện tập trung ở các thị trấn huyện (trung tâm huyện), giao thông thuận tiện; công tác đi lại, khám chữa bệnh của người dân không gặp khó khăn. Đồng thời công tác vận chuyển thu gom của các BV cũng không bị ảnh hưởng.



**Hình 1.3. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tuyến huyện**



Có 177 Trạm Y tế xã, với 798 giường bệnh, bình quân 04-05 giường/TYT. Trạm Y tế xã trực thuộc Trung tâm Y tế huyện, thành phố. Trong đó: Trên địa bàn thành phố (8 TYT), huyện Bắc Quang (21 TYT), huyện Vị Xuyên (23 TYT), huyện Quang Bình (14 TYT), huyện Xín Mần (18 TYT), huyện Hoàng Su Phì (22 TYT), huyện Bắc Mê (11 TYT), huyện Yên Minh (16 TYT), huyện Quản Bạ (11 TYT), huyện Đồng Văn (17 TYT), huyện Mèo Vạc (16 TYT).

Theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Chương I Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, tất cả các trạm y tế đều thuộc đối tượng khảo sát, thu thập thông tin.

Số lượng giường bệnh của các trạm y tế xã thống kê cụ thể dưới bảng 1.3 sau:

**Bảng 1.3. Hiện trạng các cơ sở y tế tuyến xã**

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
<b>I</b>	<b>Các trạm Y tế xã/ phường trên địa bàn thành phố Hà Giang</b>		<b>45</b>
1	Trạm y tế phường Minh Khai	Tổ 18, phường Minh Khai, TP. Hà Giang	4
2	Trạm y tế phường Quang Trung	Tổ 4, phường Quang Trung, TP. Hà Giang	7
3	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	Tổ 7, phường Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang	3
4	Trạm y tế phường Trần Phú	Tổ 4, phường Trần Phú, TP. Hà Giang	4
5	Trạm y tế phường Ngọc Hà	Tổ 7, phường Ngọc Hà, TP. Hà Giang	11
6	Trạm y tế xã Phương Độ	Thôn Tha, xã Phương Độ, TP. Hà Giang	7
7	Trạm y tế xã Ngọc Đường	Thôn Sơn Hà, xã Ngọc Đường, TP. Hà Giang	4
8	Trạm y tế xã Phương Thiện	Thôn Chông, xã Phương Thiện, TP. Hà Giang	5
<b>II</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Bắc Quang</b>		<b>73</b>
1	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Tổ 6, TT. Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
2	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Phố Mới, TT. Vĩnh Tuy, huyện Bắc Quang	3
3	Trạm y tế xã Bằng Hành	Thôn Trung Tâm, xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang	3
4	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Thôn Chang, xã Đồng Tâm,	3

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
		huyện Bắc Quang	
5	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Thôn Chàm, xã Đồng Tiến, huyện Bắc Quang	3
6	Trạm y tế xã Đông Thành	Thôn Tiến Thành, xã Đông Thành, huyện Bắc Quang	3
7	Trạm y tế xã Đức Xuân	Thôn Xuân Trường, xã Đức Xuân, huyện Bắc Quang	3
8	Trạm y tế xã Hùng An	Thôn Tân Hùng, xã Hùng An, huyện Bắc Quang	5
9	Trạm y tế xã Hữu Sản	Thôn Quyết Tiến, xã Hữu Sản, huyện Bắc Quang	4
10	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Thôn Măng, xã Kim Ngọc, huyện Bắc Quang	3
11	Trạm y tế xã Quang Minh	Thôn Bé Triều, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang	5
12	Trạm y tế xã Tân Lập	Thôn Chu Thượng, xã Tân Lập, huyện Bắc Quang	3
13	Trạm y tế xã Tân Quang	Xã Tân Quang, huyện Bắc Quang	3
14	Trạm y tế xã Tân Thành	Thôn Ngần Hạ, xã Tân Thành, huyện Bắc Quang	3
15	Trạm y tế xã Tiên Kiều	Thôn Kim, xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang	4
16	Trạm y tế xã Thượng Bình	Thôn Nậm Ban, xã Thượng Bình, huyện Bắc Quang	2
17	Trạm y tế xã Việt Hồng	Thôn Hồng Thái, xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	2
18	Trạm y tế xã Việt Vinh	Thôn Tân Thành, xã Việt Vinh, huyện Bắc Quang	6
19	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Thôn Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang	4
20	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Thôn Vĩnh Tâm, xã Vĩnh Phúc, huyện Bắc Quang	5
21	Trạm y tế xã Vô Điểm	Thôn Xuân Trường, xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang	6
<b>III</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Vị Xuyên</b>		<b>115</b>
1	Trạm y tế thị trấn Vị Xuyên	Thôn Làng Vàng 2, TT. Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	5
2	Trạm y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Tổ 1, TT. Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	6
3	Trạm y tế xã Đạo Đức	Làng Cúng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	7



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
4	Trạm y tế xã Tùng Bá	Thôn Hồng Tiến, xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên	8
5	Trạm y tế xã Phong Quang	Thôn Lũng Càng, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên	8
6	Trạm y tế xã Thượng Sơn	Thôn Vàng Luông, xã Thượng Sơn, huyện Vị Xuyên	4
7	Trạm y tế xã Quảng Ngần	Thôn Nậm Thín, xã Quảng Ngần, huyện Vị Xuyên	7
8	Trạm y tế xã Việt Lâm	Thôn Hát, xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	3
9	Trạm y tế xã Trung Thành	Thôn Chang, xã Trung Thành, huyện Vị Xuyên	6
10	Trạm y tế xã Kim Linh	Bản Lầu, xã Kim Linh, huyện Vị Xuyên	3
11	Trạm y tế xã Kim Thạch	Bản Thầu, xã Kim Thạch, huyện Vị Xuyên	4
12	Trạm y tế xã Phú Linh	Thôn Bắc Ngần, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên	3
13	Trạm y tế xã Lao Chải	Bản Phùng, xã Lao Chải, huyện Vị Xuyên	3
14	Trạm y tế xã Minh Tân	Thôn Bắc Xum, xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên	8
15	Trạm y tế xã Ngọc Minh	Thôn Riêng, xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên	9
16	Trạm y tế xã Linh Hồ	Thôn Tát Hạ, xã Linh Hồ, huyện Vị Xuyên	4
17	Trạm y tế xã Phương Tiến	Thôn Nà Thái, xã Phương Tiến, huyện Vị Xuyên	4
18	Trạm y tế xã Thanh Thủy	Thôn Giang Nam, xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên	4
19	Trạm y tế xã Ngọc Linh	Thôn Khuổi Vai, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên	5
20	Trạm y tế xã Thanh Đức	Thôn Nậm Lan, xã Thanh Đức, huyện Vị Xuyên	3
21	Trạm y tế xã Thuận Hòa	Thôn Mịch A, xã Thuận Hòa, huyện Vị Xuyên	4
22	Trạm y tế xã Cao Bồ	Thôn Thác Tằng, xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên	4
23	Trạm y tế xã Xín Chải	Thôn Tả Ván, xã Xín Chải	3
<b>IV</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Quang Bình</b>		<b>64</b>
1	Trạm y tế thị trấn Yên Bình	Tổ 2, TT Yên Bình, Huyện Quang Bình	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường17

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
2	Trạm y tế xã Bản Rịa	Thôn Bản Rịa, xã Bản Rịa, Huyện Quang Bình	5
3	Trạm y tế xã Yên Thành	Thôn Yên Lập, xã Yên Thành, huyện Yên Bình	3
4	Trạm y tế xã Tân Trịnh	Thôn Tả Ngảo, xã Tân Trịnh, huyện Quang Bình	5
5	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Thôn Tân Tiến, xã Tiên Nguyên, huyện Quang Bình	5
6	Trạm y tế xã Xuân Minh	Thôn Minh Sơn, xã Xuân Minh, huyện Quang Bình	10
7	Trạm y tế xã Tân Bắc	Thôn Lũ Thượng, xã Tân Bắc, huyện Quang Bình	4
8	Trạm y tế xã Yên Hà	Thôn Tân Chàng, huyện Yên Hà, huyện Quang Bình	6
9	Trạm y tế xã Hương Sơn	Thôn Sơn Thành, xã Hương Sơn, huyện Quang Bình	3
10	Trạm y tế xã Nà Khương	Thôn Khả Nhò, xã Nà Khương, huyện Quang Bình	6
11	Trạm y tế xã Xuân Giang	Thôn Chang, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình	0
12	Trạm y tế xã Tân Nam	Thôn Nà Đất, xã Tân Nam, huyện Quang Bình	5
13	Trạm y tế xã Bằng Lang	Thôn Trung, xã Bằng Lang, huyện Quang Bình	4
14	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Xã Vĩ Thượng, huyện Quang Bình	5
15	Trạm y tế xã Tiên Yên	Thôn Chung, xã Tiên Yên, huyện Quang Bình	3
<b>V</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Xín Mần</b>		<b>73</b>
1	Trạm y tế thị trấn Cốc Pài	Thôn Vũ Khí, TT Cốc Pài, huyện Xín Mần	3
2	Trạm y tế xã Chí Cà	Thôn Chí Cà Thượng, xã Chí Cà, huyện Xín Mần	4
3	Trạm y tế xã Nàn Sín	Thôn Chúng Chải, xã Nàn Sín, huyện Xín Mần	3
4	Trạm y tế xã Bản Dú	Thôn Ngâm Lin, xã Bản Dú, huyện Xín Mần	6
5	Trạm y tế xã Xín Mần	Thôn Xín Mần, xã Xín Mần, huyện Xín Mần	4
6	Trạm y tế xã Thèn Phàng	Thôn Tà Lướt, xã Thèn Phàng, huyện Xín Mần	4
7	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Thôn Cốc Pù, xã Trung	3

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường18



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
		Thịnh, huyện Xín Mần	
8	Trạm y tế xã Nám Dần	Thôn Tân Sơn, xã Nám Dần, huyện Xín Mần	4
9	Trạm y tế xã Pà Vầy Sủ	Thôn Thèn Ván, xã Pà Vầy Sủ, huyện Xín Mần	3
10	Trạm y tế xã Khuôn Lùng	Thôn Lùng Thượng, xã Khuôn Lùng, huyện Xín Mần	4
11	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Thôn Quang Minh, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần	3
12	Trạm y tế xã Cốc Rể	Thôn Lùng Vai, xã Cốc Rể, huyện Xín Mần	3
13	Trạm y tế xã Tả Nhìu	Thôn Lùng Mỏ, xã Tả Nhìu, huyện Xín Mần	7
14	Trạm y tế xã Chế Là	Thôn Cốc Độ, xã Chế Là, huyện Xín Mần	9
15	Trạm y tế xã Thu Tà	Thôn Tỉ Phàng, xã Thu Tà, huyện Xín Mần	4
16	Trạm y tế xã Bản Ngò	Thôn Táo Thượng, xã Bản Ngò, huyện Xín Mần	4
17	Trạm y tế xã Nà Chì	Thôn Phỏ, xã Nà Chì, huyện Xín Mần	2
18	Trạm y tế xã Nàn Ma	Thôn Lùng Sán, xã Nàn Ma, huyện Xín Mần	3
<b>VI</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì</b>		<b>79</b>
1	Trạm y tế thị trấn Vinh Quang	Tổ 2, TT. Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì	0
2	Trạm y tế xã Tụ Nhân	Thôn Bản Cậy, xã Tụ Nhân, huyện Hoàng Su Phì	4
3	Trạm y tế xã Nậm Khòa	Thôn Vinh Quang, xã Nậm Khòa, huyện Hoàng Su Phì	4
4	Trạm y tế xã Nàng Đôn	Thôn Nàng Đôn, xã Nàng Đôn, huyện Hoàng Su Phì	4
5	Trạm y tế xã Nam Sơn	Lê Hồng Phong, xã Nam Sơn, huyện Hoàng Su Phì	3
6	Trạm y tế xã Bản Máy	Thôn Bản Máy, xã Bản Máy, huyện Hoàng Su Phì	4
7	Trạm y tế xã Bản Nhùng	Thôn Na Nhung, xã Bản Nhùng, huyện Hoàng Su Phì	3
8	Trạm y tế xã Tả Sử Choóng	Thôn Hóa Chéo Phìn, xã Tả Sử Choóng, huyện Hoàng Su Phì	4

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
9	Trạm y tế xã Bản Péo	Thôn Bản Péo, xã Bản Péo, huyện Hoàng Su Phì	3
10	Trạm y tế xã Hố Thầu	Thôn Tân Thành, xã Hố Thầu, huyện Hoàng Su Phì	3
11	Trạm y tế xã Pờ Ly Ngài	Thôn Chàng Chảy, xã Pờ Ly Ngài, huyện Hoàng Su Phì	3
12	Trạm y tế xã Sán Xả Hồ	Thôn Hạ A, xã Sán Xả Hồ, huyện Hoàng Su Phì	4
13	Trạm y tế xã Bản Luốc	Thôn Bành Văn 2, xã Bản Luốc, huyện Hoàng Su Phì	6
14	Trạm y tế xã Ngàm Đăng Vài	Thôn Thiêng Khung Thượng, xã Ngàm Đăng Vài, huyện Hoàng Su Phì	3
15	Trạm y tế xã Nậm Ty	Thôn Nậm Ty, xã Nậm Ty, huyện Hoàng Su Phì	2
16	Trạm y tế xã Bản Phùng	Thôn Tô Meo, xã Bản Phùng, huyện Hoàng Su Phì	3
17	Trạm y tế xã Pố Lô	Thôn Cốc Có, xã Pố Lô, huyện Hoàng Su Phì	4
18	Trạm y tế xã Thàng Tín	Thôn Pả Chải, xã Thàng Tín, huyện Hoàng Su Phì	3
19	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Thôn Nậm Dế, xã Thèn Chu Phìn, huyện Hoàng Su Phì	4
20	Trạm y tế xã Đản Ván	Thôn Lũng Làng, xã Đản Ván, huyện Hoàng Su Phì	4
21	Trạm y tế xã Tùng Sán	Thôn 3 khu Chù Sán, xã Tùng Sán, huyện Hoàng Su Phì	4
22	Trạm y tế xã Tân Tiến	Thôn Bản Qua 2, xã Tân Tiến, huyện Hoàng Su Phì	3
<b>VII</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Bắc Mê</b>		<b>48</b>
1	Trạm y tế thị trấn Yên Phú	Pắc Sáp, TT. Yên Phú, huyện Bắc Mê	3
2	Trạm y tế xã Thượng Tân	Thôn Tả Luồng, xã Thượng Tân, huyện Bắc Mê	3
3	Trạm y tế xã Đường Hồng	Thôn Nà Lưu 2, xã Đường Hồng, huyện Bắc Mê	6
4	Trạm y tế xã Phiêng Luông	Thôn Phiêng Đáy, xã Phiêng Luông, huyện Bắc Mê	6
5	Trạm y tế xã Yên Cường	Bản Chung, xã Yên Cường, huyện Bắc Mê	4
6	Trạm y tế xã Yên Định	Bản Loan, xã Yên Định, huyện Bắc Mê	3

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
7	Trạm y tế xã Lạc Nông	Bản Noong, xã Lạc Nông, huyện Bắc Mê	3
8	Trạm y tế xã Yên Phong	Bản Tẩn, xã Yên Phong, huyện Bắc Mê	4
9	Trạm y tế xã Phú Nam	Tẩn Khâu, xã Phú Nam, huyện Bắc Mê	10
10	Trạm y tế xã Minh Sơn	Thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê	3
11	Trạm y tế xã Giáp Trung	Thôn Khâu Nhòa, xã Giáp Trung, huyện Bắc Mê	3
<b>VIII</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Yên Minh</b>		<b>79</b>
1	Trạm y tế thị trấn Yên Minh	Tổ 5, TT Yên Minh, huyện Yên Minh	4
2	Trạm y tế xã Đường Thượng	Thôn Sảng Pả 1, xã Đường Thượng, huyện Yên Minh	4
3	Trạm y tế xã Đông Minh	Bản Lò, xã Đông Minh, huyện Yên Minh	4
4	Trạm y tế xã Ngam La	Thôn Nậm Noong, xã Ngam La, huyện Yên Minh	4
5	Trạm y tế xã Phú Lũng	Thôn Sủng Sử A, xã Phú Lũng, huyện Yên Minh	3
6	Trạm y tế xã Thắng Mố	Thôn Khún Trồ, xã Thắng Mố, huyện Yên Minh	3
7	Trạm y tế xã Sủng Tráng	Thôn Tráng Lộ, xã Sủng Tráng, huyện Yên Minh	7
8	Trạm y tế xã Sủng Thái	Thôn Hồng Ngải C, xã Sủng Thái, huyện Yên Minh	7
9	Trạm y tế xã Du Già	Thôn Cốc Pảng, xã Du Già, huyện Yên Minh	4
10	Trạm y tế xã Du Tiến	Thôn Bản Lý, xã Du Tiến, huyện Yên Minh	12
11	Trạm y tế xã Hữu Vinh	Thôn Nà Tấu, xã Hữu Vinh, huyện Yên Minh	3
12	Trạm y tế xã Na Khê	Thôn Lùng Búng, xã Na Khê, huyện Yên Minh	4
13	Trạm y tế xã Mậu Long	Thôn Hà Đạt, xã Mậu Long, huyện Yên Minh	4
14	Trạm y tế xã Ngọc Long	Bản Dẩn, xã Ngọc Long, huyện Yên Minh	12
15	Trạm y tế xã Lao và Chải	Thôn Chi Sang, xã Lao và Chải, huyện Yên Minh	4
<b>IX</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa</b>		<b>67</b>

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
	<b>bàn huyện Quản Bạ</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Tam Sơn	Tổ 4, TT Tam Sơn, huyện Quản Bạ	5
2	Trạm y tế xã Quản Bạ	Thôn Nà Vín, xã Quản Bạ, huyện Quản Bạ	7
3	Trạm y tế xã Cao Mã Pờ	Thôn Cao Mã, xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ	7
4	Trạm y tế xã Bát Đại Sơn	Thôn Sán Trồ, xã Bát Đại Sơn, huyện Quản Bạ	6
5	Trạm y tế xã Tả Ván	xã Tả Ván, huyện Quản Bạ	7
6	Trạm y tế xã Thanh Vân	Thôn Mã Hồng, xã Thanh Vân, huyện Quản Bạ	7
7	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	Thôn Na Cho Cai, xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ	4
8	Trạm y tế xã Lũng Tám	xã Lũng Tám, huyện Quản Bạ	7
9	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Thôn Đầu Cầu 2, xã Cán Tỷ, huyện Quản Bạ	6
10	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Thôn Lũng Thàng, xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ	5
11	Trạm y tế xã Thái An	Thôn Sáo Lũng 2, xã Thái An, huyện Quản Bạ	6
<b>X</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Đồng Văn</b>		<b>110</b>
1	Trạm y tế thị trấn Đồng Văn	Thôn Sì Phài, TT Đồng Văn, huyện Đồng Văn	5
2	Trạm y tế xã Tả Phìn	xã Tả Phìn, huyện Đồng Văn	8
3	Trạm y tế xã Phố Là	Thôn Phố Là A, xã Phố Là, huyện Đồng Văn	4
4	Trạm y tế xã Sà Phìn	Thôn Sà Phìn A, xã Sà Phìn, huyện Đồng Văn	9
5	Trạm y tế xã Tá Lũng	Thôn Sà Lũng, xã Tá Lũng, huyện Đồng Văn	5
6	Trạm y tế xã Lũng Cú	Thôn Thèn Pả, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	9
7	Trạm y tế xã Sủng Trái	Thôn Há Su, xã Sủng Trái, huyện Đồng Văn	5
8	Trạm y tế xã Hồ Quảng Phìn	xã Hồ Quảng Phìn, huyện Đồng Văn	6
9	Trạm y tế xã Sính Lũng	Thôn Há Đề, xã Sính Lũng, huyện Đồng Văn	6
10	Trạm y tế xã Ma Lé	Thôn Ma Lé, xã Ma Lé, huyện Đồng Văn	8
11	Trạm y tế xã Lũng Táo	Thôn Lũng Táo, xã Lũng Táo	8

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường22

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở Y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh
		huyện Đồng Văn	
12	Trạm y tế xã Phố Cáo	Thôn Chúng Pả A, xã Phố Cáo, huyện Đồng Văn	8
13	Trạm y tế xã Vần Chải	Thôn Vần Chải A, xã Vần Chải, huyện Đồng Văn	8
14	Trạm y tế xã Thái Phìn Tủng	Thôn Nhèo Lủng, xã Thái Phìn Tủng, huyện Đồng Văn	4
15	Trạm y tế xã Lũng Thầu	Thôn Tủng A, xã Lũng Thầu, huyện Đồng Văn	5
16	Trạm y tế xã Sảng Tủng	Thôn Sính Thầu, xã Sảng Tủng, huyện Đồng Văn	8
17	Trạm y tế xã Sủng Là	Thôn Đoàn Kết, xã Sủng Là, huyện Đồng Văn	4
<b>XI</b>	<b>Các trạm Y tế xã/TT trên địa bàn huyện Mèo Vạc</b>		<b>45</b>
1	Trạm y tế thị trấn Mèo Vạc	Sảng Pả A, TT Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	0
2	Trạm y tế xã Niêm Tông	Xóm Pó Pia, xã Niêm Tông, huyện Mèo Vạc	3
3	Trạm y tế xã Tát Ngà	Thôn Nà Trào, xã Tát Ngà, huyện Mèo Vạc	3
4	Trạm y tế xã Nậm Ban	Bản Ruộc, xã Nậm Ban, huyện Mèo Vạc	4
5	Trạm y tế xã Khâu Vai	Thôn Khâu Vai, xã Khâu Vai, huyện Mèo Vạc	3
6	Trạm y tế xã Lũng Pù	Thôn Sủng Trái A, xã Lũng Pù, huyện Mèo Vạc	1
7	Trạm y tế xã Cán Chu Phìn	Thôn Chó Do, xã Cán Chu Phìn, huyện Mèo Vạc	3
8	Trạm y tế xã Giàng Chu Phìn	Thôn Cá Ha, xã Giàng Chu Phìn, huyện Mèo Vạc	3
9	Trạm y tế xã Pải Lũng	Thôn Pải Lũng, xã Pải Lũng, huyện Mèo Vạc	3
10	Trạm y tế xã Thượng Phùng	Thôn Hầu Lũng Sán, xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	3
11	Trạm y tế xã Sơn Vĩ	Thôn Lũng Làn, xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc	3
12	Trạm y tế xã Tả Lũng	Thôn Há Chế, xã Tả Lũng, huyện Mèo Vạc	3
13	Trạm y tế xã Sủng Trà	Thôn Sủng Trà, xã Sủng Trà, huyện Mèo Vạc	4
14	Trạm y tế xã Sủng Máng	Thôn Sủng Nhĩ A, xã Sủng	3

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyên giao công nghệ Môi trường23

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở Y tế</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số giường bệnh</b>
		Máng, huyện Mèo Vạc	
15	Trạm y tế xã Lũng Chinh	Thôn Sủng Lủ, xã Lũng Chinh, huyện Mèo Vạc	3
16	Trạm y tế xã Pả Vi	Thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc	3

*(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, 2017)*

Dựa trên bảng số liệu thống kê về giường bệnh, cho thấy: tổng số giường bệnh của các trạm y tế theo từng huyện chênh lệch không nhiều.

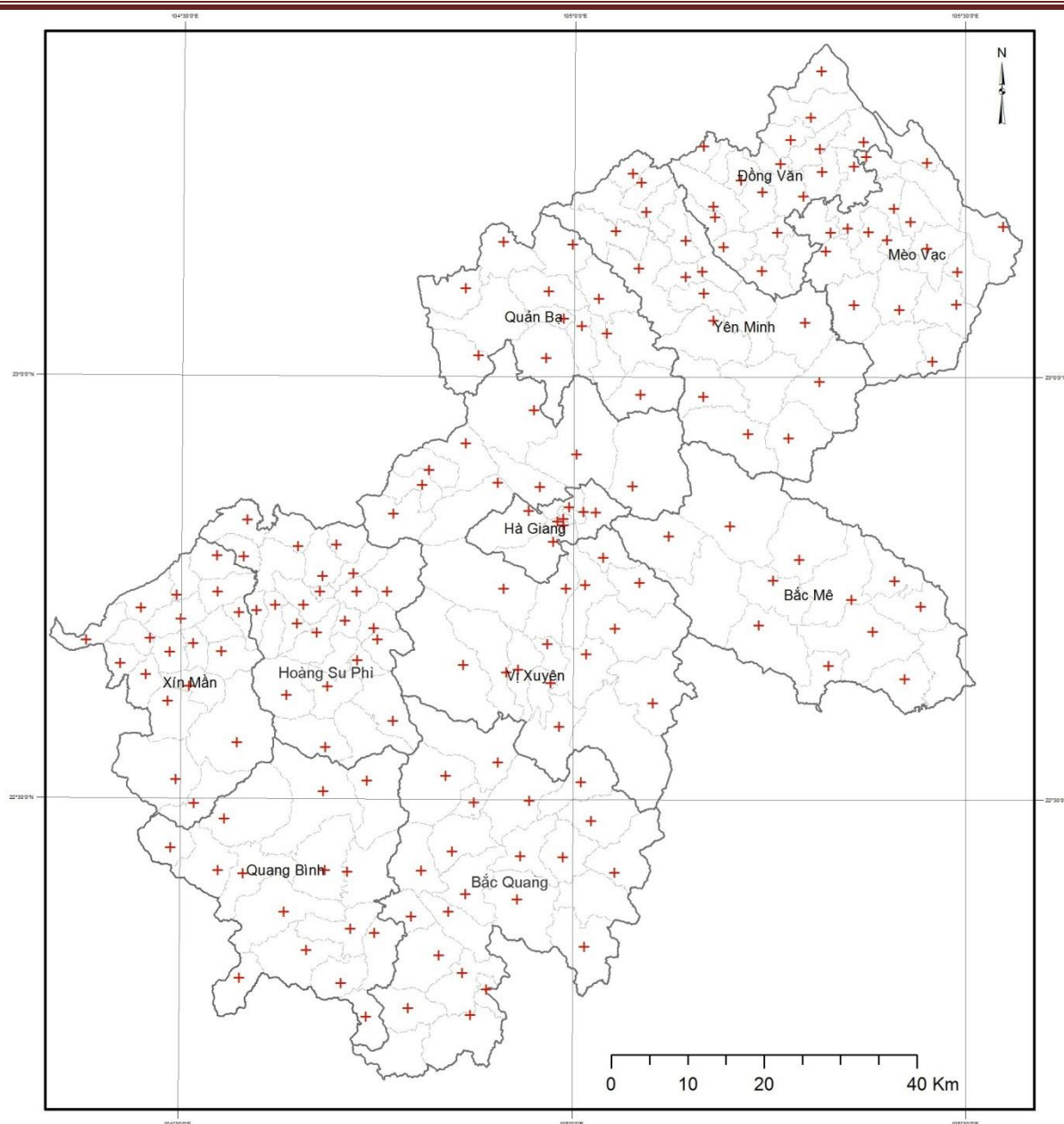
Trong đó 02/11 địa bàn huyện có tổng số giường bệnh cao hơn hẳn so với các huyện còn lại, đó là huyện Vị Xuyên (115 giường bệnh) và huyện Đồng Văn (110 giường bệnh).

So với năm trước, tổng số giường bệnh tại các TYT tăng khá nhiều. Năm 2015, 2016 tổng số giường bệnh tại 177 TYT là hơn 500 giường (1); năm 2017 tổng số giường bệnh tăng lên tới 798 giường. Cho thấy, nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao, đặc biệt đối với người dân tại các xã vùng cao. Do vậy tại các TYT đã đầu tư thêm trang thiết bị y tế và sắp xếp thêm giường bệnh để kịp thời đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân tại địa phương, cũng như đảm bảo nhu cầu về sức khỏe cho người dân một cách tốt nhất.

Đối với CSYT tuyến xã, do một số xã ở vùng xa, vùng cao, tuyến đường đi lại khá khó khăn và hiểm trở, việc đi lại khám chữa bệnh của người dân không được thuận tiện.

Dưới đây là bản đồ vị trí các cơ sở y tế tuyến xã, tỉnh Hà Giang:





**Hình 1.4. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tuyến xã, tỉnh Hà Giang**

#### **Cơ sở y tế tư nhân**

Theo số liệu thống kê và điều tra của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ môi trường, năm 2017, trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang có 80 cơ sở hành nghề Y tế tư nhân (trừ các phòng chẩn trị y học cổ truyền; cơ sở dịch vụ đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; cơ sở dịch vụ hỗ trợ vận chuyển; cơ sở dịch vụ làm răng giả) thuộc đối tượng điều tra của nhiệm vụ quy định tại khoản 7 Điều 3 Chương I Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, bao gồm:

- Đối với địa bàn thành phố Hà Giang: có số phòng khám tư nhân (PKTN) nhiều nhất cả tỉnh. Bao gồm 39/80 PKTN: **01 bệnh viện tư nhân, 04 phòng khám**



**đa khoa và 34 phòng khám chuyên khoa.**

Trong đó:

+ Bệnh viện đa khoa tư nhân Đức Minh được thành lập vào tháng 05/2017, sau khi chuyển đổi từ Phòng khám đa khoa Đức Minh (Số 22, đường Nguyễn Du, tổ 16, phường Nguyễn Trãi) có quy mô 35 giường bệnh.

+ PK răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng (tổ 10, phường Nguyễn Trãi): 02 giường;

+ PKĐK Bình Thu (tổ 12, phường Nguyễn Trãi): 03 giường;

+ PK nội khoa 263 Nguyễn Thái Học (263 Nguyễn Thái Học, phường Trần Phú): 03 giường;

+ PK nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng (tổ 6, phường Ngọc Hà): 03 giường.

- Đối với địa bàn huyện Bắc Quang: có 12/80 PKTN. Có duy nhất PKĐK Trí Đức có giường bệnh (04 giường);

- Đối với địa bàn huyện Vị Xuyên: có 09/80 PKTN. Có duy nhất PK nội khoa có giường bệnh (03 giường);

- Đối với địa bàn huyện Quang Bình: có 04/80 PKTN. Không có giường bệnh.

- Đối với địa bàn huyện Xín Mần: có 02/80 PKTN. Không có giường bệnh.

- Đối với địa bàn huyện Bắc Mê: có 02/80 PKTN. Không có giường bệnh.

- Đối với địa bàn huyện Yên Minh: có 04/80 PKTN. Không có giường bệnh.

- Đối với địa bàn huyện Quản Bạ: có 02/80 PKTN. Không có giường bệnh.

- Đối với địa bàn huyện Đồng Văn: có 03/80 PKTN. Không có giường bệnh.

- Đối với địa bàn huyện Mèo Vạc: có 02/80 PKTN. Không có giường bệnh.

- Đối với địa bàn huyện Hoàng Su Phì: có 01/80 PKTN. Không có giường bệnh.

Số lượng giường bệnh của các CSYT tuyến tỉnh thống kê cụ thể dưới bảng 1.4 sau:

**Bảng 1.4. Hiện trạng các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

TT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh thực kê
1	Phòng khám chuyên khoa Mắt BS Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Số 15, ngõ 135, tổ 3, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
2	Phòng khám chuyên Khoa mắt	Tổ 5, phường Minh Khai,	0

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh thực kê
		TP.Hà Giang	
3	Phòng khám nội khoa	Số nhà 34A, đường Lý Tự Trọng, Tổ 6, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
4	Phòng khám siêu âm Bác sĩ Học	Tổ 8, phường Minh Khai, TP. Hà Giang	0
5	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Số nhà 64, tổ 8, phường Quang Trung, TP.Hà Giang	0
6	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Số 80, tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
7	Phòng khám đông y Bùi Thị Hà	Số 27, tổ 9, phường phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang	0
8	Phòng khám răng thẩm mỹ	Số nhà 36, tổ 9, phường Minh Khai, TP. Hà Giang	0
9	Phòng khám Sông Quê	Số 40, tổ 9, phường Minh Khai, TP. Hà Giang	0
10	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	Số nhà 45, tổ 9, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
11	Phòng khám phụ sản - KHHGD	Số nhà 62, tổ 9, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
12	Phòng khám da liễu BS Hoàng Thanh Thoát	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
13	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng BS Long	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
14	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
15	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	Số 77, Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
16	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
17	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
18	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	Tổ 10, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
19	Phòng khám y học cổ truyền Quang Dương	Đường Bế Văn Đàn, tổ 12, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
20	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	Đường Hải Thượng Lãn ông, Tổ 15, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	5
21	Phòng khám nha khoa Thành Giang	149 Trần Phú, Tổ 15, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyên giao công nghệ Môi trường27

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh thực kê
22	Phòng khám sản. siêu âm Lý Thị Mến	Tổ 16, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
23	Năm 2017: Phòng khám đa khoa Đức Minh	Số 8A, đường Nguyễn Thái Học, tổ 16, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
	Năm 2018: chuyển đổi thành Bệnh viện đa khoa Đức Minh	Số 22, đường Nguyễn Du, tổ 16, phường Nguyễn Trãi	35
24	Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng Bác Sĩ Nam	Tổ 17, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
25	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng	188D, Lý Tự Trọng, tổ 20, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
26	Phòng khám Nội - Nhi	Tổ 21, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
27	Phòng khám chuẩn trị Đông Y	Số 171, tổ 22, phường Minh Khai, TP.Hà Giang	0
28	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng	Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
29	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn Đức Hùng	Tổ 10, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
30	Phòng khám đa khoa Bình Thu	Tổ 12, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
31	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Tổ 12, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
32	Phòng chuẩn trị Y học cổ truyền Minh Anh	Số 182, tổ 15, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
33	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Đức	Số 35, tổ 18, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
34	Phòng khám phục hồi chức năng Đào Cẩm Lê	Số 71, Lê Quý Đôn, phường Nguyễn Trãi, TP.Hà Giang	0
35	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	263 Nguyễn Thái Học, phường Trần Phú, TP.Hà Giang	3
36	Phòng khám nội nhi Bác Sĩ Liên	Tổ 11, phường Trần Phú, TP.Hà Giang	0
37	Phòng khám chuyên khoa nhi	Tổ 12, phường Trần Phú, TP.Hà Giang	0
38	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng	Tổ 6, phường Ngọc Hà, TP.Hà Giang	3
39	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Tổ 6, phường Ngọc Hà, TP.Hà Giang	0
40	Phòng khám Km10	Thôn Hợp Thành, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh thực kê
41	Phòng khám nội khoa	Thôn Vạt, xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên	3
42	Phòng khám BS Giang	Tổ 1, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
43	Phòng khám phụ sản KHHGD	Tổ 1, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
44	Phòng khám Tai mũi họng	Tổ 9, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
45	Phòng khám Chuyên khoa Mắt	Tổ 9, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
46	Phòng khám Phương Thiêm	Tổ 9, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
47	Phòng khám siêu âm	Tổ 10, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
48	Phòng khám BS Nguyễn Văn Minh	Tổ 16, thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên	0
49	Phòng khám bác sĩ Nông Văn Thắng	Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
50	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Xã Tân Quang, huyện Bắc Quang	0
51	Phòng khám bác sĩ Thơm	Tổ 12, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
52	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	Tổ 5, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
53	Phòng khám chuyên khoa mắt Tri Công Long	Tổ 11, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
54	Phòng khám bác sĩ Vũ Phương Dung	Xã Tân Quang, huyện Bắc Quang	0
55	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	Tổ 1, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
56	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Tổ 1, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	4
57	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Ngã 3 bưu điện Bắc Quang	0
58	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Cây	Tổ 2, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
59	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Tổ 1, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
60	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sĩ Hoàng Tất Vũ	Tổ 2, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang	0
61	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Tổ 3, Thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình	0
62	Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luân	Tổ 5, Thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyên giao công nghệ Môi trường29

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh thực kê
63	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Huyền	Thôn Vén, xã Tân Trinh, huyện Quang Bình	0
64	Phòng khám nội tổng hợp Hoàng Văn Thường	Thôn Chang, xã Xuân Giang, huyện Quang Bình	0
65	Phòng khám Hoa Lan	Tổ 1, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê	0
66	Phòng khám Khánh Chương	Tổ 1, thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê	0
67	Phòng khám Bác sĩ Lương Xuân Long	Tổ 4, thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	0
68	Phòng khám sản phụ khoa Nguyễn Thị Giang	Tổ 4, thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần	0
69	Phòng khám Sản - Phụ khoa	Tổ 2, thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn	0
70	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Tổ 2, thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn	0
71	Phòng khám chữa bệnh ngoài giờ bác sĩ Vương Thị Lan	Tổ 2, thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn	0
72	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Hạnh	Tổ 2, thị trấn Vinh Quang, huyện Hoàng Su Phì	0
73	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Tổ 5, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh	0
74	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Minh	Tổ 6, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh	0
75	Phòng khám bệnh Hà Thành	Tổ 6, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh	0
76	Phòng khám bác sỹ Thu	Tổ 7, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh	0
77	Phòng khám bác sĩ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Tổ 2, thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	0
78	Phòng khám Thu Mai	Tổ 4, thị trấn Mèo Vạc, huyện Mèo Vạc	0
79	Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Ngọc	Tổ 4, thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ	0
80	Phòng khám ngoại bác sỹ Lìn Xuân Cường	Nà Trang, thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, 2017)

Do đặc thù khám chữa bệnh tại các PK nên số giường bệnh được trang bị ít. Hầu như, chỉ khám chữa bệnh (chẩn đoán, siêu âm, khám răng...), không điều trị lâu ngày, nên đa phần không có giường bệnh tại các PKTN.

Có 11 loại hình chuyên môn trên tổng số 80 cơ sở y tế tư nhân, bao gồm: Đa khoa, da liễu, mắt, nhi, nội khoa, răng hàm mặt, sản, siêu âm, tai mũi họng, y học cổ truyền, và một số hoạt động khám chữa bệnh khác.

Loại hình khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế tư nhân được thống kê cụ thể ở bảng 1.5 dưới đây:

**Bảng 1.5. Loại hình khám chữa bệnh các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh**

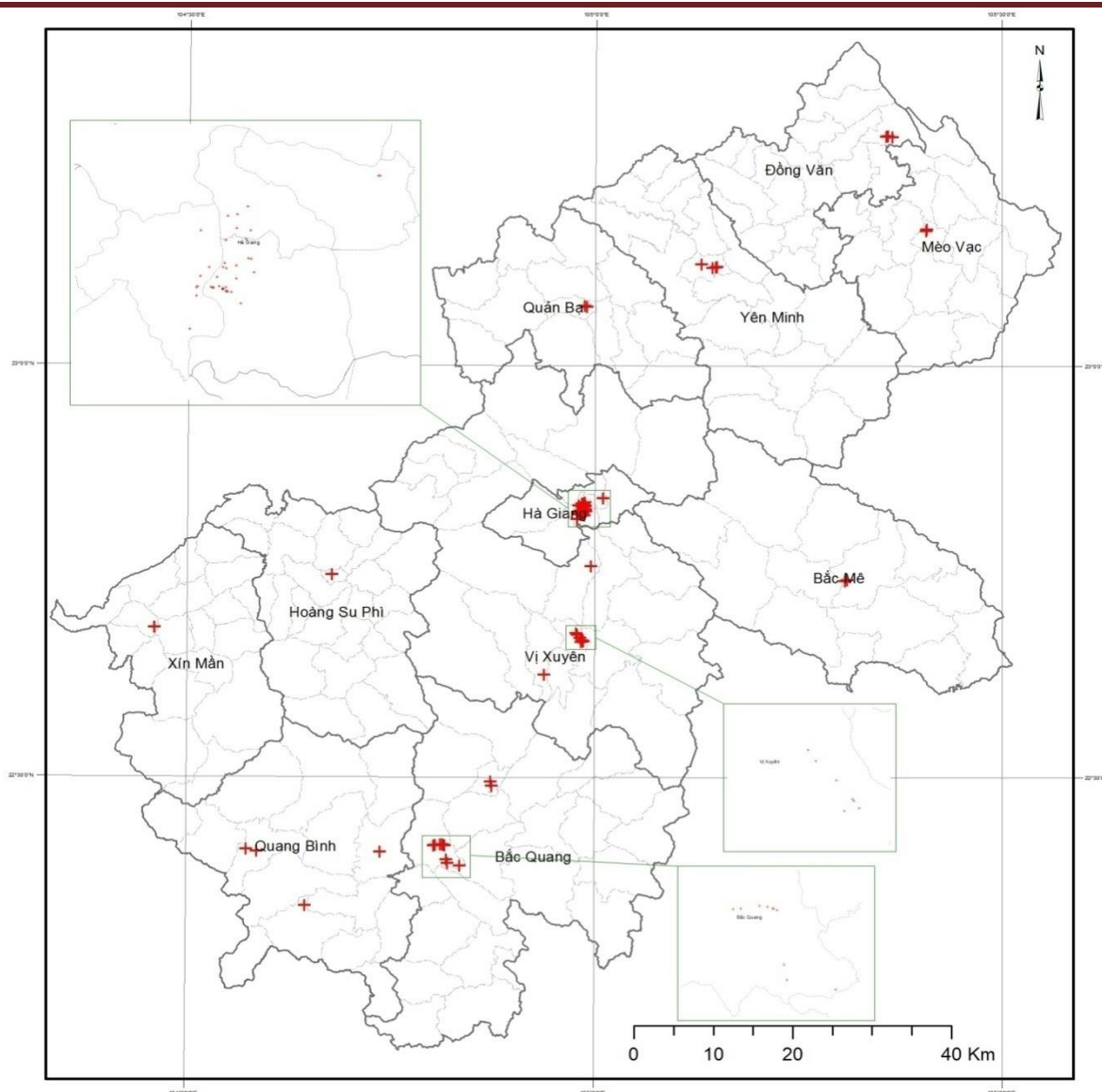
TT	Hoạt động chuyên môn	Số phòng khám
1	Đa khoa	10
2	Da liễu	3
3	Mắt	4
4	Nhi	3
5	Nội khoa	15
6	Răng hàm mặt	7
7	Phụ sản	19
8	Siêu âm	6
9	Tai mũi họng	5
10	Y học cổ truyền	4
11	Khác	4

*(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, 2017)*

Trong đó, các PK sản chiếm nhiều nhất (19 PK), nội khoa (15 PK) và đa khoa (10 PK).

Các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn toàn tỉnh được phân bố theo các tuyến được thể hiện rõ ở hình 1.9 dưới đây:





**Hình 1.5. Bản đồ vị trí các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

Được sự quan tâm đầu tư của UBND tỉnh, hỗ trợ của Bộ Y tế và Dự án dân số, đã đầu tư một số trang thiết bị y tế cho các BV tuyến tỉnh (máy siêu âm, máy Xquang, máy xét nghiệm nội soi, máy điện tim, máy hút dịch và một số dụng cụ khác phục vụ cho khám chữa bệnh). Các BV huyện được trang bị thêm giường bệnh, một số máy xét nghiệm và các dụng cụ khám bệnh khác. Đối với các TYT xã đã có khoảng 60% các trang thiết bị theo danh mục của Bộ Y tế.

## **1.2. Công tác cán bộ**

Trình độ quản lý, cơ chế điều hành và tổ chức cán bộ y tế có ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động, dịch vụ y tế; cũng như trong quá trình hoạt động chuyên môn, để đáp ứng nhu cầu về khám chữa bệnh cho người dân một cách đảm bảo nhất.



Theo báo cáo tổng kết ngành của Sở y tế năm 2017: Ngành Y có 3.374 cán bộ (857 bác sỹ; 1.169 y sỹ; 970 y tá; 378 hộ sinh); Ngành Dược có 265 cán bộ (72 dược sỹ; 189 dược sỹ trung cấp; 4 dược tá).

**Thực hiện chỉ tiêu cán bộ:**

Hiện tại, trung bình toàn tỉnh có 10 bác sỹ/10.000 dân và 0,8 Dược sỹ Đại học/10.000 dân.

Bình quân 5,9 cán bộ/Trạm Y tế xã; Toàn tỉnh có 195/195 xã (Trạm Y tế + Phòng khám ĐKKV) có bác sỹ công tác đạt 100% (Gồm: Thường trú tại xã 86; luân phiên 110) và 100% số xã có Nữ hộ sinh hoặc Y sỹ sản nhi công tác.

Theo số liệu điều tra tính đến tháng 12 năm 2017 của Công ty cổ phần Xây dựng và chuyển giao công nghệ môi trường. Tổng số cán bộ tại CSYT tuyến tỉnh là 1.069 người, tuyến huyện là 2.180 người, tuyến xã là 732 người, đối với PKTN là 266 người.

**Bảng 1.5. Số cán bộ tại các cơ sở y tế trên toàn tỉnh**

TT	Cơ sở y tế	Số lượng cán bộ y tế (người)
1	Tuyến tỉnh	1.069
2	Tuyến huyện	2.180
3	Tuyến xã	732
4	Phòng khám tư nhân	266

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, 2017)

Dựa vào số liệu thực kê, cho thấy: Đối với 12 đơn vị y tế tại tuyến tỉnh, bình quân có 89 cán bộ/CSYT. Đối với 52 đơn vị y tế tuyến huyện, bình quân 42 cán bộ/CSYT. Đối với 177 trạm y tế xã, bình quân chỉ có 04 cán bộ/TYT. Riêng 80 PKTN trên địa bàn toàn tỉnh, bình quân khoảng 03 người/PK (cơ sở y tế có số cán bộ ít).

Số lượng cán bộ tại các BV tuyến tỉnh là đông nhất. Các CSYT tại tuyến tỉnh đa phần là các BV lớn, số lượng bệnh nhân đông, nhu cầu khám chữa bệnh cũng nhiều. Đáp ứng nguồn nhân lực cán bộ y tế nhiều để đảm bảo công tác chuyên môn khám chữa bệnh cho người dân địa phương.

Theo kết quả điều tra thu thập, về cơ bản đội ngũ cán bộ y tế đã đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực khám chữa bệnh và phục hồi chức năng. Đội ngũ cán bộ y tế đã được tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn góp phần

tăng cường công tác chăm sóc toàn diện cho người dân. Mặc dù vậy, vẫn còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước.

Trước hiện trạng về nguồn nhân lực y tế đã được nêu ở trên, có một số định hướng và giải pháp nhằm nâng cao chuyên môn và phát triển hệ thống cán bộ như sau:

Liên kết với các Trường Đại học Y - Dược (Hà Nội, Thái Nguyên, Thái Bình) và tranh thủ mọi nguồn lực để đầu tư cho đào tạo nâng cao chất lượng cán bộ y tế. Áp dụng nhiều hình thức đào tạo (địa chỉ, liên thông, chính quy...). Tổ chức các Hội nghị chuyên đề nghiên cứu khoa học cấp Ngành, cấp cơ sở về chuyên môn y và dược; Tham gia các Hội nghị giao ban trực tuyến do Chính phủ, Bộ Y tế và UBND tỉnh tổ chức. Cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng phương pháp giáo dục y học cho cán bộ là giáo viên, giảng viên của tỉnh. Chỉ đạo các đơn vị y tế trong toàn tỉnh đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng sáng kiến trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống tổ chức ngành y tế theo hướng tinh giảm đầu mối để đạt hiệu quả cao. Đồng thời tiếp tục xây dựng và hoàn thiện mạng lưới tổ chức trong công tác y tế: y tế dự phòng, khám chữa bệnh và đào tạo... Hoàn thiện cơ chế quản lý ngành từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Phát triển BVĐKKV ở những địa bàn xa trung tâm tỉnh, để đưa kỹ thuật khám chữa bệnh thích hợp xuống gần người dân địa phương hơn. Bên cạnh đó, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của PKĐK tại các xã thuộc vùng cao.

Nhân lực có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống y tế, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người. Do vậy, yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ y tế phải ngày càng phát triển, chuyên môn hóa cao và sâu. Công tác quản lý ngành ngày càng đa dạng hơn do việc đưa các thiết bị hiện đại và cán bộ kỹ thuật khác nhau vào trong công tác y tế, đặc biệt là trong lĩnh vực cận lâm sàng.

## **CHƯƠNG II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VÀ DỰ BÁO PHÁT SINH CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI ĐẾN NĂM 2030 TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

### **2.1. Hiện trạng chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở y tế**

#### **2.1.1. Nguồn phát sinh chất thải y tế nguy hại**

Theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế, Chất thải y tế (CTYT) là chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở y tế, bao gồm chất thải y tế nguy hại (CTYTNH), chất thải y tế thông thường (CTYTTT) và nước thải y tế (NTYT). Trong đó:

1. CTYTNH là CTYT chứa yếu tố lây nhiễm hoặc có đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng CTNH, bao gồm chất thải lây nhiễm (CTLN) và chất thải nguy hại không lây nhiễm (CTNHKLN).

#### **- Chất thải lây nhiễm bao gồm:**

+ CTLN sắc nhọn là CTLN có thể gây ra các vết cắt hoặc xuyên thủng bao gồm: kim tiêm; bơm liềm kim tiêm; đầu sắc nhọn của dây truyền; kim chọc dò; kim châm cứu; lưỡi dao mổ; đinh, cưa dùng trong phẫu thuật và các vật sắc nhọn khác;

+ CTLN không sắc nhọn bao gồm: Chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học của cơ thể; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly;

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm: Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm phát sinh từ các phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III trở lên theo quy định tại Nghị định số 103/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm;

+ Chất thải giải phẫu bao gồm: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm.

#### **- Chất thải nguy hại không lây nhiễm bao gồm:**

+ Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại;

+ Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất;

+ Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng;

- + Chất hàn răng amalgam thải bỏ;
- + CTNH khác theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT- BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT).

## 2. Chất thải y tế thông thường bao gồm:

- Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người và chất thải ngoại cảnh trong cơ sở y tế;
- Chất thải rắn thông thường (CTR TT) phát sinh từ cơ sở y tế không thuộc Danh mục CTYT NH hoặc thuộc Danh mục CTYT NH quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này nhưng có yếu tố nguy hại dưới ngưỡng CTNH;
- Sản phẩm thải lỏng không nguy hại.



Dễ cháy



Nguy hiểm nổ



Nguy hiểm đối với MT



Gây độc

**Hình 2.1. Một số biểu tượng nguy hại**

Theo nghiên cứu của Bộ Y tế và WHO năm 2004, tiêu chuẩn phát sinh chất thải rắn y tế được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 2.1. Tiêu chuẩn phát sinh chất thải rắn y tế**

TT	Tuyến cơ sở y tế	Khối lượng CTRYT (kg/giường/ngày)	Khối lượng CTYT NH/Khối lượng CTRYT (%)
1	Cơ sở y tế tuyến TW	2,2	20
2	Cơ sở y tế tuyến tỉnh	1,5	20
3	Cơ sở y tế tuyến huyện	1,0	15
4	Trạm y tế xã, phòng khám tư nhân	0,7	15

(Nguồn: Tổng hợp các nghiên cứu của Bộ Y tế và WHO, 2004)

Cơ sở y tế bao gồm: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (trừ phòng khám bác sĩ gia đình; phòng chẩn trị y học cổ truyền; cơ sở dịch vụ đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp; chăm sóc sức khỏe tại nhà; cơ sở dịch vụ hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài; cơ sở dịch vụ kính thuốc; cơ sở dịch vụ làm răng giả; bệnh xá; y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức); cơ sở y tế dự phòng; cơ sở đào tạo và cơ sở nghiên cứu có thực hiện các xét nghiệm về y học.

Kết quả điều tra, thống kê của Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường, **tính đến hết năm 2017**, trên địa bàn tỉnh Hà Giang cơ sở y tế tuyến tỉnh gồm: Hệ Y tế dự phòng 03 đơn vị; Các đơn vị chuyên ngành 04 đơn vị; Có 05 bệnh viện (Bệnh viện Đa khoa tỉnh 420 giường; Bệnh viện Y - Dược cổ truyền 120 giường, Bệnh viện Lao & bệnh Phổi 100 giường, Bệnh viện Phục hồi chức năng 80 giường, Bệnh viện Mắt 50 giường). Tuyến huyện bao gồm: Hệ dự phòng gồm 11 Trung tâm Y tế huyện, thành phố; Hệ thống điều trị: Gồm 03 Bệnh viện Đa khoa khu vực liên huyện, 08 Bệnh viện đa khoa tuyến huyện với tổng số 1.685 giường bệnh, 19 Phòng khám Đa khoa khu vực với tổng số 373 giường bệnh, 11 Trung tâm Dân số-KHHGĐ (Trực thuộc Chi cục DS-KHHGĐ). Tuyến xã có 177 Trạm Y tế xã với 798 giường bệnh. Cơ sở hành nghề tư nhân, gồm: 80 cơ sở hành nghề Y tế tư nhân (10 Phòng khám đa khoa; 70 Phòng khám chuyên khoa).

Theo Báo cáo tổng kết của Sở y tế 2017, mạng lưới khám chữa bệnh các tuyến tiếp tục được củng cố và phát triển, cơ bản đáp ứng được yêu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Hiện toàn tỉnh có 857 bác sỹ, đạt tỷ lệ 10,45 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ số lượt khám bệnh/dân số ước đạt 1,4 lần/người/năm, công suất sử dụng giường bệnh đạt 115%.

Mạng lưới hệ thống khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền thường xuyên được củng cố và từng bước phát triển. Hoạt động khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền được triển khai thực hiện tại các Phòng khám đa khoa khu vực và Trạm Y tế xã/thị trấn. Tỷ lệ khám chữa bệnh bằng y học cổ truyền so với tổng khám chữa bệnh chung là 12,7%. Tuyến xã tỷ lệ khám và điều trị bằng y học cổ truyền đạt khá cao 17,6%. Việc triển khai nghiên cứu khoa học, kế thừa, ứng dụng phương pháp hay được áp dụng thực hiện tại một số Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện.

### **2.1.2. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế**

Theo số liệu thống kê từ các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập tại các đơn vị quản lý nhà nước và các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, khối lượng CTYTNNH phát sinh từ các cơ sở y tế trong toàn tỉnh Hà Giang như sau:

#### **2.1.2.1. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

Các đơn vị y tế cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang bao gồm 12 cơ sở, trong đó có: 5 bệnh viện, 3 đơn vị y tế dự phòng và 4 đơn vị chuyên ngành. Khối lượng CTRYT nói chung và CTYTNNH nói riêng khác nhau giữa các đơn vị, thể hiện đặc thù riêng của các đơn vị.



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

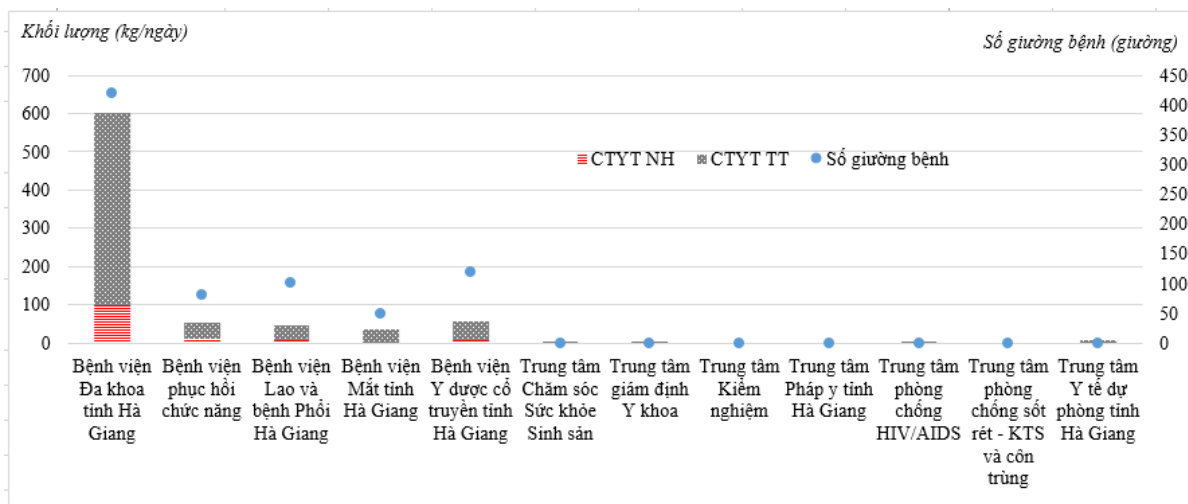
Dưới đây là bảng tổng hợp khối lượng CTYT phát sinh tại các cơ sở Y tế tuyến tỉnh trên địa bàn tỉnh:

**Bảng 2.2. Khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh (giường)	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
			CTYTTH	CTYTNH	Tổng
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>				
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	420	500	100	600
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	80	40	11,5	51,5
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	100	40	6,5	46,5
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	50	35,1	0,55	35,65
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	120	50	6,5	56,5
<b>II</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>				
6	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	0	3	0,1	3,1
7	Trung tâm giám định Y khoa	0	2	0,1	2,1
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	0	0	0,06	0,06
9	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Hệ y tế dự phòng</b>				
10	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	0	3	1,3	4,3
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	0	0	0	0
12	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	0	7,1	0,2	7,3
<b>Tổng</b>		<b>770</b>	<b>680,2</b>	<b>126,81</b>	<b>807,01</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Theo bảng trên, tổng khối lượng CTYTNH phát sinh tại 12 cơ sở y tế cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang là 126,81 kg/ngày, chiếm 15,71% tổng khối lượng CTRYT phát sinh. Khối lượng CTRYT nói chung và khối lượng CTYTNH nói riêng phát sinh chủ yếu tại các cơ sở y tế thuộc hệ điều trị, cụ thể có thể thấy rõ ở biểu đồ bên dưới:



**Hình 2.2. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Như vậy, các cơ sở y tế có nhiều giường bệnh tương ứng với khối lượng CTRYT lớn. Khối lượng CTYTNH phát sinh nhiều nhất tại các cơ sở y tế thuộc hệ điều trị, cao nhất tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang là 100 kg/ngày, tương ứng với số giường bệnh 420 giường bệnh; Bệnh viện phục hồi chức năng và Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang có khối lượng CTYTNH cao thứ 2 và thứ 3 với khối lượng lần lượt là 11,5 và 6,5 kg/ngày. Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang có khối lượng CTYTNH nhỏ nhất trong số 5 bệnh viện thuộc hệ điều trị (0,55 kg/ngày), nguyên nhân do đặc thù phát sinh chất thải tại bệnh viện thuộc chuyên ngành về Mắt phát sinh ít CTYTNH.

Các cơ sở y tế thuộc Đơn vị chuyên ngành và Hệ y tế dự phòng không có giường bệnh, do vậy khối lượng CTYTNH phát sinh rất ít, dao động từ 0 - 1,3 kg/ngày. Trong đó, Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang và Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng là cơ quan quản lý hành chính nhà nước nên không phát sinh CTRYT.

Đối với từng cơ sở y tế, khối lượng CTYTNH so với tổng khối lượng CTRYT chiếm tỉ trọng khác nhau, cụ thể:



**Bảng 2.3. Tỷ lệ khối lượng CTYTNH so với khối lượng CTRYT tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

TT	Cơ sở y tế	Tỷ lệ khối lượng CTY-TNH/CTRYT (%)
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	16,67
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	22,33
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	13,98
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	1,54
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	11,50
<b>II</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>	
6	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	3,23
7	Trung tâm giám định Y khoa	4,76
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	100
9	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	-
<b>III</b>	<b>Hệ y tế dự phòng</b>	
10	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	30,23
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	-
12	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	2,74

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Theo bảng trên, do đặc thù khám chữa bệnh của các cơ sở y tế khối lượng CTYTNH so với khối lượng CTRYT có tỷ trọng khác nhau giữa các cơ sở y tế tuyến tỉnh. Khối lượng CTYTNH tại Trung tâm Kiểm nghiệm cao nhất chiếm 100% tổng lượng CTRYT, khối lượng CTYTNH tại Bệnh viện mắt tỉnh Hà Giang chỉ chiếm 1,54% tổng lượng CTRYT tại bệnh viện.

Như vậy, tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh (đối với hệ điều trị) trung bình khối lượng CTRYT là 1,03 kg/giườngbệnh/ngày, trong đó CTYTNH là 0,16 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 15,83% khối lượng CTRYT.

2.1.2.2. Khối lượng CTYTNH phát sinh tại các cơ sở y tế tuyến huyện

Kết quả điều tra CTRYT phát sinh tại 52 cơ sở y tế cấp huyện trên địa bàn tỉnh, được tổng hợp trong bảng dưới đây:

**Bảng 2.4. Khối lượng CTRYT tại các cơ sở y tế tuyến huyện**

TT	Cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
				CTYT TT	CTYT NH	Tổng CTRYT
I	Hệ dự phòng					
1	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Tổ 4, TT Yên Phú, Bắc Mê	0	0,02	0,02	0,04
2	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Tổ 1, TT Việt Quang, Bắc Quang	0	20,00	0,50	20,50
3	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT Đồng Văn, Đồng Văn	0	0,00	0,00	0,00
4	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Tổ 5, TT Vinh Quang, Hoàng Su Phì	0	2,00	0,20	2,20
5	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT Mèo Vạc, Mèo Vạc	0	0,95	0,00	0,95
6	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Tổ 4, TT Tam Sơn, Quản Bạ	0	0,30	0,70	1,00
7	Trung tâm y tế huyện Quang Bình	Tổ 5, TT Yên Bình, Huyện Quang Bình	0	3,00	0,00	3,00
8	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	Tổ 10, TT Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên	0	10,00	0,50	10,50
9	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Tổ 4, TT Cốc Pài, Xín Mần	0	0,50	0,10	0,60

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
				CTYT TT	CTYT NH	Tổng CTRYT
10	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	Tổ 6, TT Yên Minh, Yên Minh	0	0,01	0,004	0,01
11	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Tổ 3, Phường Trần Phú , Thành phố Hà Giang	0	2,00	0,50	2,50
II	Bệnh viện đa khoa					
12	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Tổ 1, TT Yên Phú, Bắc Mê	150	29,20	5,30	34,50
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT Đồng Văn, Đồng Văn	175	24,10	5,20	29,30
14	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT Mèo Vạc, Mèo Vạc	80	33,00	21,00	54,00
15	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Tổ 4, TT Tam Sơn, Quản Bạ	160	60,00	17,00	77,00
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Tổ 5, TT Yên Bình, Huyện Quang Bình	100	250,00	7,50	257,50
17	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Tổ 10, TT Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên	140	60,00	18,75	78,75
18	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Tổ 4, TT Cốc Pài, Xín Mần	90	60,00	13,00	73,00
19	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Phố, Nà Chì, Xín Mần	70	20,00	2,00	22,00
III	Bệnh viện đa khoa khu vực					
20	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Tổ 6, TT Yên Minh, Yên Minh	200	180,00	30,00	210,00

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
				CTYT TT	CTYT NH	Tổng CTRYT
21	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Tổ 1, TT Việt Quang, Bắc Quang	400	260,00	48,00	308,00
22	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Tổ 3, TT Vinh Quang, Hoàng Su Phì	190	68,70	13,50	82,20
<b>IV</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>					
23	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Quang	Tổ 3, TT Việt Quang, Bắc Quang	0	1,50	0,00	1,50
24	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hoàng Su Phì	Tổ 5, TT Vinh Quang, Hoàng Su Phì	0	0,00	0,00	0,00
25	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Huyện Quang Bình	Tổ 5, TT Yên Bình, Huyện Quang Bình	0	0,00	0,00	0,00
26	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Vị Xuyên	Tổ 3, TT Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên	0	0,00	0,00	0,00
27	Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Xín Mần	Tổ 4, TT Cốc Pài, Xín Mần	0	0,00	0,00	0,00
28	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình TP Hà Giang	Tổ 6, Phường Trần Phú , Thành phố Hà Giang	0	0,00	0,00	0,00
29	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Quản Bạ	Tổ 4, TT Tam Sơn, Quản Bạ	0	0,10	0,00	0,10
30	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Mê	Tổ 1, TT Yên Phú, Bắc Mê	0	0,00	0,00	0,00

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường43

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
				CTYT TT	CTYT NH	Tổng CTRYT
31	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT Đồng Văn, Đồng Văn	0	0,00	0,00	0,00
32	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT Mèo Vạc, Mèo Vạc	0	0,00	0,00	0,00
33	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Yên Minh	Tổ 6, TT Yên Minh, Yên Minh	0	0,00	0,00	0,00
<b>V</b>	<b>Phòng khám đa khoa</b>					
34	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Chiến Phố Thượng, Chiến Phố, Hoàng Su Phì	10	0,50	0,15	0,65
35	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Thống Nhất, Đông Hà, Quản Bạ	10	7,00	0,80	7,80
36	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Mao Seo Phìn, Lũng Phìn, Đồng Văn	12	7,20	0,80	8,00
37	Phòng khám đa khoa TT Phó Bảng	TT Phó Bảng, Đồng Văn	22	7,40	0,60	8,00
38	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	Lũng Hồ 3, Lũng Hồ, Yên Minh	30	2,50	0,50	3,00
39	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	Pắc Luy, Mậu Duệ, Yên Minh	55	7,40	0,60	8,00
40	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc	Nà Lá, Minh Ngọc, Bắc Mê	10	3,00	4,00	7,00
41	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Thôn Chang, xã Xuân Giang, Huyện Quang Bình	44	8,20	1,00	9,20

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường44

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Địa chỉ	Số giường bệnh	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
				CTYT TT	CTYT NH	Tổng CTRYT
42	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Na Sàng 1, Bạch Đích, Yên Minh	30	4,00	5,00	9,00
43	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	Suối Vui, Tùng Vài, Quản Bạ	10	0,50	0,40	0,90
44	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái	Xín Chải, Xín Cái, Mèo Vạc	10	0,40	0,30	0,70
45	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Thôn Phai, Xã Bạch Ngọc, Huyện Vị Xuyên	10	0,50	0,20	0,70
46	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Phố Cáo, Đồng Yên, Bắc Quang	15	9,00	0,50	9,50
47	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm	Độc Lập, Đường Âm, Bắc Mê	10	4,00	2,00	6,00
48	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Trung Tâm, Liên Hiệp, Bắc Quang	20	4,25	0,75	5,00
49	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Thôn 10, Nậm Dịch, Hoàng Su Phì	25	6,60	2,10	8,70
50	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Phố Chợ, Ngán Chiên, Xín Mần	10	1,00	3,00	4,00
51	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn	Xóm Niêm Đồng, Niêm Sơn, Mèo Vạc	10	1,00	2,00	3,00
52	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Khu Chợ, Thông Nguyên, Hoàng Su Phì	30	1,00	3,00	4,00
<b>Tổng</b>				<b>1.160,82</b>	<b>211,48</b>	<b>1.372,30</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

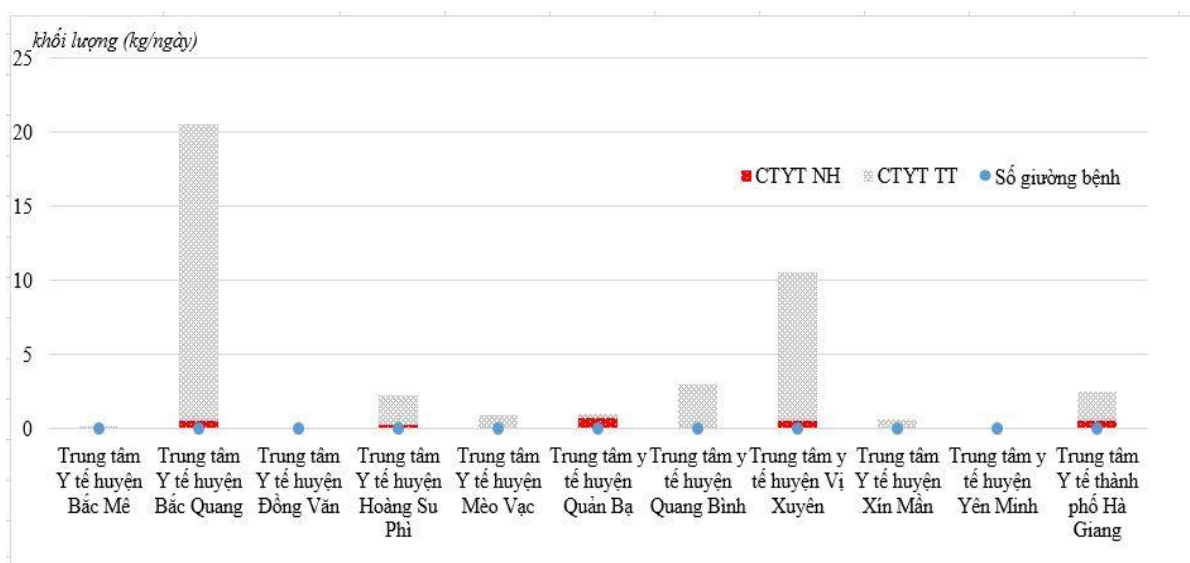
*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

---



Theo số liệu điều tra ở bảng trên, tổng khối lượng CTYTNH phát sinh tại 52 cơ sở y tế tuyến huyện là 211,48 kg/ngày, chiếm 15,41% tổng khối lượng CTRYT phát sinh. Một số cơ sở không phát sinh CTYTNH do không có giường bệnh và nhiệm vụ chủ yếu thực hiện chức năng quản lý. Phân theo đơn vị y tế, khối lượng CTYTNH có sự khác nhau, cụ thể:

- Tại 11 cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng, khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh không đáng kể. Tổng khối lượng CTYTNH của 11 cơ sở chỉ chiếm 6,12% tổng khối lượng CTRYT phát sinh. Có thể thấy rõ hơn ở biểu đồ bên dưới:

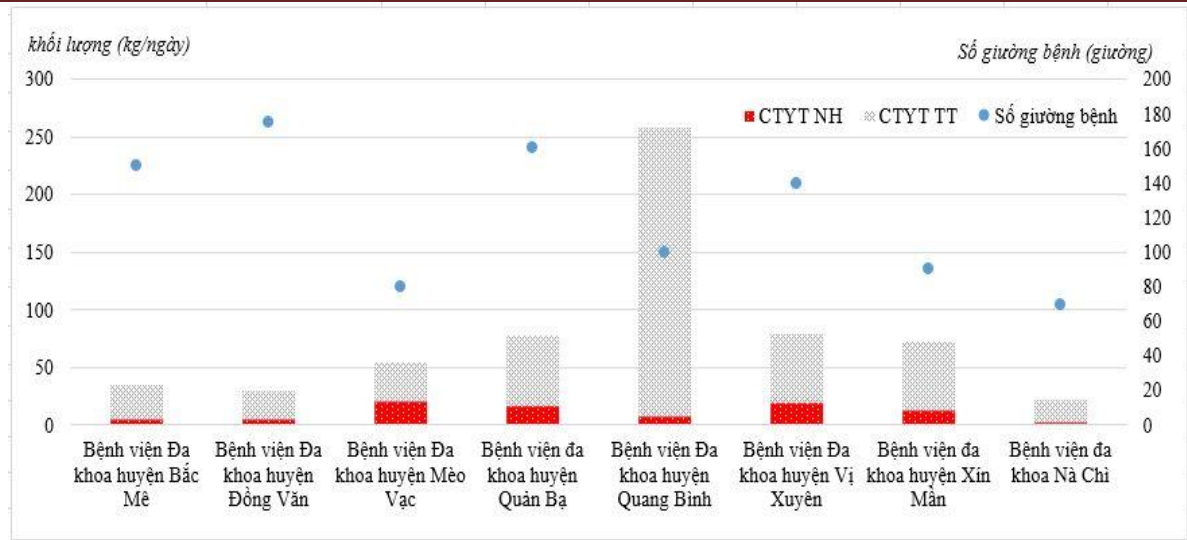


**Hình 2.3. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện thuộc hệ dự phòng**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Qua biểu đồ, các cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng không có giường bệnh, do vậy khối lượng CTYTNH phát sinh rất ít, 3/11 trung tâm y tế huyện không phát sinh CTYTNH.

- Tại các Bệnh viện đa khoa huyện, CTRYT phát sinh tương đối nhiều, tuy nhiên tổng khối lượng CTYTNH chỉ chiếm 14,34% tổng khối lượng CTRYT phát sinh. Cụ thể từng bệnh viện thể hiện ở biểu đồ dưới:

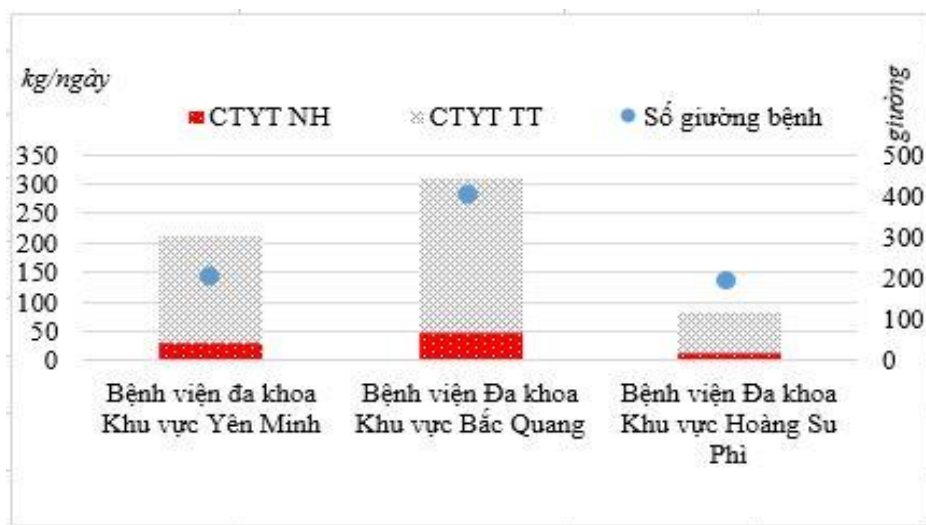


**Hình 2.4. Tương quan giữa khối lượng CTYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện thuộc bệnh viện đa khoa**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Theo biểu đồ trên, Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc, bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên và bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ phát sinh CTYT<sub>NH</sub> đáng quan tâm nhất (17 -21 kg/ngày/bệnh viện). Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần phát sinh 13 kg CTYT<sub>NH</sub>/ngày. Các bệnh viện còn lại khối lượng CTYT<sub>NH</sub> dao động 2 - 7,5 kg/ngày.

Trong số 52 bệnh viện tuyến huyện, 3 bệnh viện đa khoa khu vực phát sinh CTRYT cũng như CTYT<sub>NH</sub> nhiều nhất. Tổng khối lượng CTRYT phát sinh của 3 bệnh viện này là 600 kg/ngày, trong đó CTYT<sub>NH</sub> là 91,50 kg/ngày. So sánh khối lượng chất thải phát sinh tại 3 bệnh viện như sau:

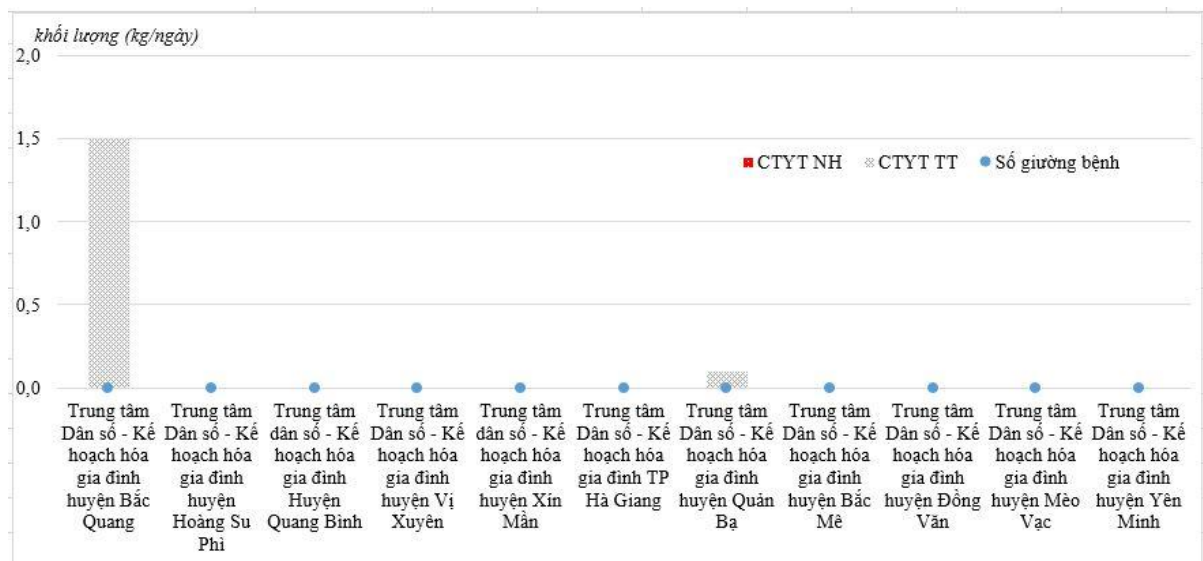


**Hình 2.5. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các bệnh viện đa khoa khu vực**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Biểu đồ trên cho thấy Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quang có khối lượng CTYTNH lớn nhất, tương ứng với số giường bệnh nhiều nhất, Bệnh viện đa khoa khu vực yên Minh và Hoàng Su Phì phát sinh CTYTNH ít hơn.

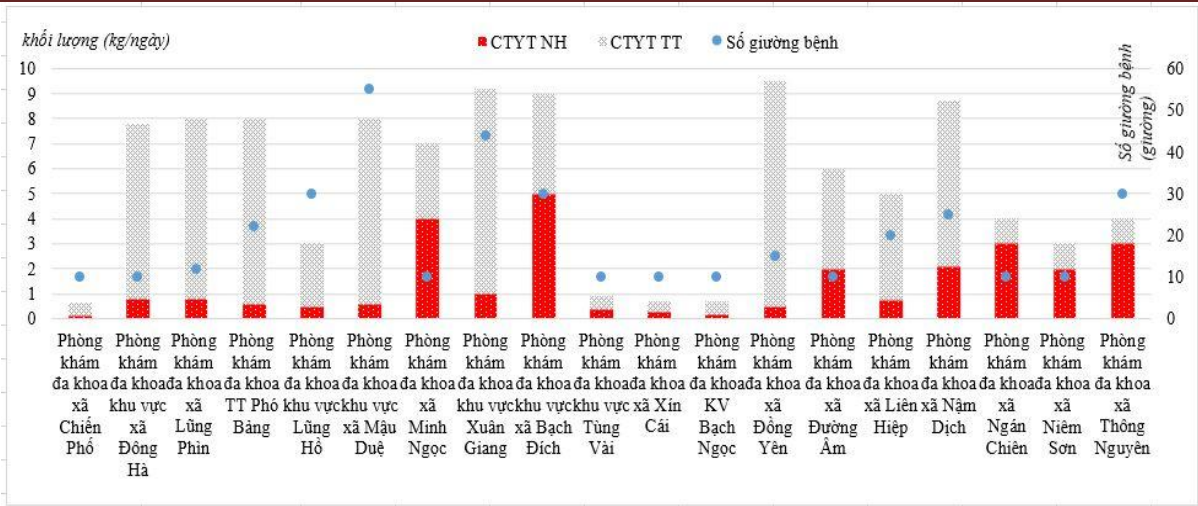
- Tại các đơn vị chuyên ngành: Các trung tâm dân số và kế hoạch hóa gia đình của 11 huyện/thành phố đều không có giường bệnh. Chức năng chính là quản lý Dân số trên địa bàn, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật, truyền thông giáo dục về Dân số - KHHGD trên địa bàn, không có chức năng khám chữa bệnh; vì vậy không phát sinh CTYTNH.



**Hình 2.6. Tương quan giữa khối lượng CTYT và số giường bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện thuộc Đơn vị chuyên ngành**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

- Tại các phòng khám đa khoa khu vực: Khối lượng CTRYT phát sinh tại 19 phòng khám đa khoa khu vực khoảng 103,15 kg/ngày, trong đó 26,85% là CTYTNH. Khối lượng CTRYT nói chung và CTYTNH nói riêng phát sinh tại các phòng khám có sự khác nhau, cụ thể thể hiện qua biểu đồ dưới đây:



**Hình 2.7. Tương quan giữa khối lượng CTRYT và số giường bệnh tại các Phòng khám đa khoa khu vực**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Phòng khám đa khoa xã Bạch Địch và xã Minh Ngọc phát sinh CTYT nguy hại nhiều nhất, các phòng khám còn lại phát sinh đến 3 kg/ngày/phòng khám.

Đối với từng cơ sở y tế, CTYT<sub>NH</sub> chiếm tỷ trọng khác nhau, cụ thể:

**Bảng 2.5. Tỷ lệ khối lượng CTYT<sub>NH</sub> so với khối lượng CTRYT tại các cơ sở y tế tuyến huyện**

TT	Cơ sở y tế	Tỷ lệ khối lượng CTYT <sub>NH</sub> /CTRYT (%)
I	Hệ dự phòng	
1	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	57,77
2	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	2,44
3	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	-
4	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	9,09
5	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	0
6	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	70
7	Trung tâm y tế huyện Quang Bình	0
8	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	4,76
9	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	16,67
10	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	40
11	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	20
II	Bệnh viện đa khoa	
12	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	15,36

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

<b>TT</b>	<b>Cơ sở y tế</b>	<b>Tỷ lệ khối lượng CTY-TNH/CTRYT (%)</b>
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	17,75
14	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	38,89
15	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	22,08
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	2,91
17	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	23,81
18	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	17,81
19	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	9,09
<b>III</b>	<b>Bệnh viện đa khoa khu vực</b>	
20	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	14,29
21	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	15,58
22	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	16,42
<b>IV</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>	
23	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Quang	0
24	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hoàng Su Phì	-
25	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Huyện Quang Bình	-
26	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Vị Xuyên	-
27	Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Xín Mần	-
28	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình TP Hà Giang	-
29	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Quản Bạ	0
30	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Mê	-
31	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Văn	-
32	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mèo Vạc	-

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường51



TT	Cơ sở y tế	Tỷ lệ khối lượng CTY-TNH/CTRYT (%)
33	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Yên Minh	-
<b>V</b>	<b>Phòng khám đa khoa</b>	
34	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	23,08
35	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	10,26
36	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	10
37	Phòng khám đa khoa TT Phó Bảng	7,50
38	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	16,67
39	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	7,50
40	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc	57,14
41	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	10,87
42	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	55,56
43	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	44,44
44	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái	42,86
45	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	28,57
46	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	5,26
47	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm	33,33
48	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	15,00
49	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	24,14
50	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	75,00
51	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn	66,67
52	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	75,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Do đặc thù khám chữa bệnh của các cơ sở y tế, tỷ trọng khối lượng CTY-TNH so với khối lượng CTRYT có sự khác nhau giữa các cơ sở y tế.

Như vậy, tại các cơ sở y tế tuyến huyện:

- Các bệnh viện đa khoa phát sinh trung bình 0,65 kg CTRYT/giường bệnh/ngày, trong đó CTYTNH là 0,09 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 14,34% khối lượng CTRYT;

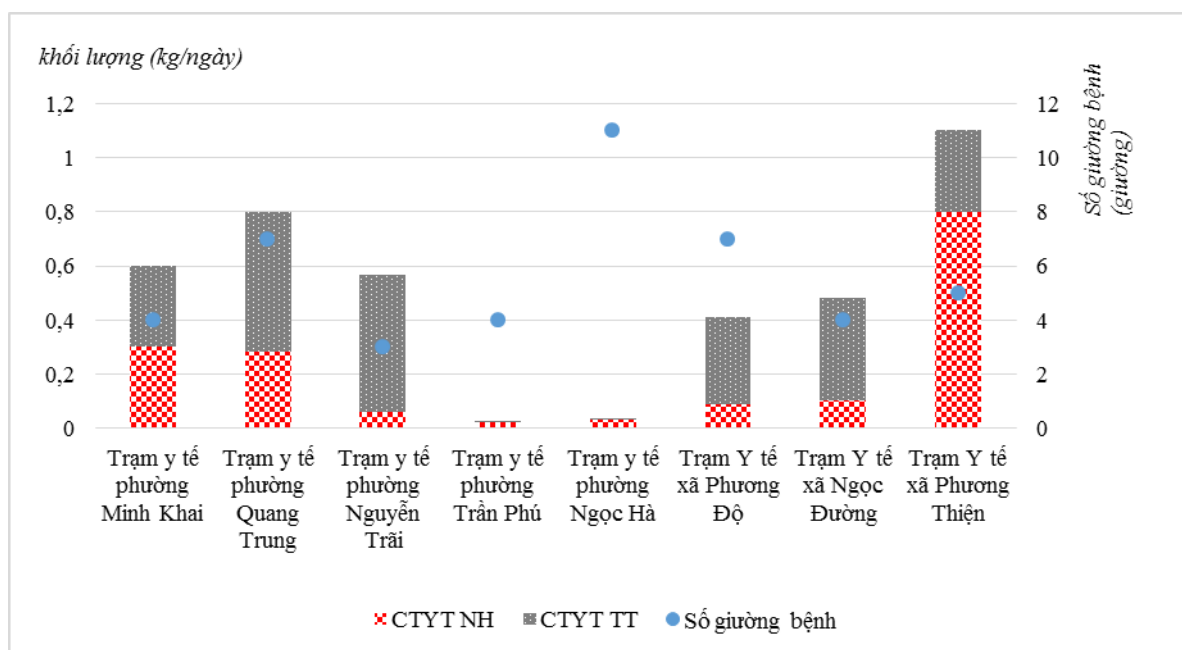
- Các bệnh viện đa khoa khu vực phát sinh trung bình 0,76 kg CTRYT/giường bệnh/ngày, trong đó CTYTNH là 0,12 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 15,25% khối lượng CTRYT;

- Các phòng khám đa khoa phát sinh trung bình 0,28 kg CTRYT/giường bệnh/ngày, trong đó CTYTNH là 0,07 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 26,85% khối lượng CTRYT.

### 2.1.2.3. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế tuyến xã

Trên địa bàn tỉnh Hà Giang có tổng 177 trạm y tế, khối lượng CTYT - số giường bệnh của toàn bộ 177 trạm y tế thuộc các huyện/thành phố được thể hiện ở các biểu đồ dưới đây:

#### (1) TP Hà Giang



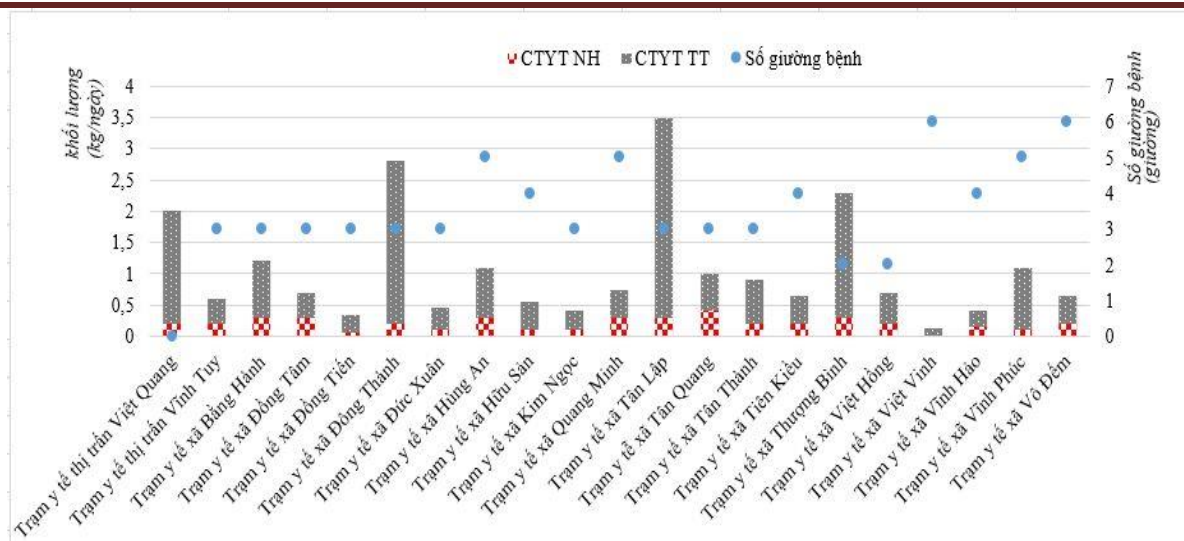
**Hình 2.8. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn TP Hà Giang**

Trên địa bàn TP Hà Giang có 8 trạm y tế, trong đó, trạm y tế phường Ngọc Hà có số giường bệnh nhiều nhất (11 giường bệnh). Tuy nhiên, tại trạm y tế xã Phương Thiện lại phát sinh khối lượng CTYTNH nhiều nhất (0,8 kg/ngày).

Trên địa bàn TP Hà Giang, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTRYT trung bình 0,09 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYTNH trung bình 0,04 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 41,79% khối lượng CTRYT.

#### (2) Huyện Bắc Quang



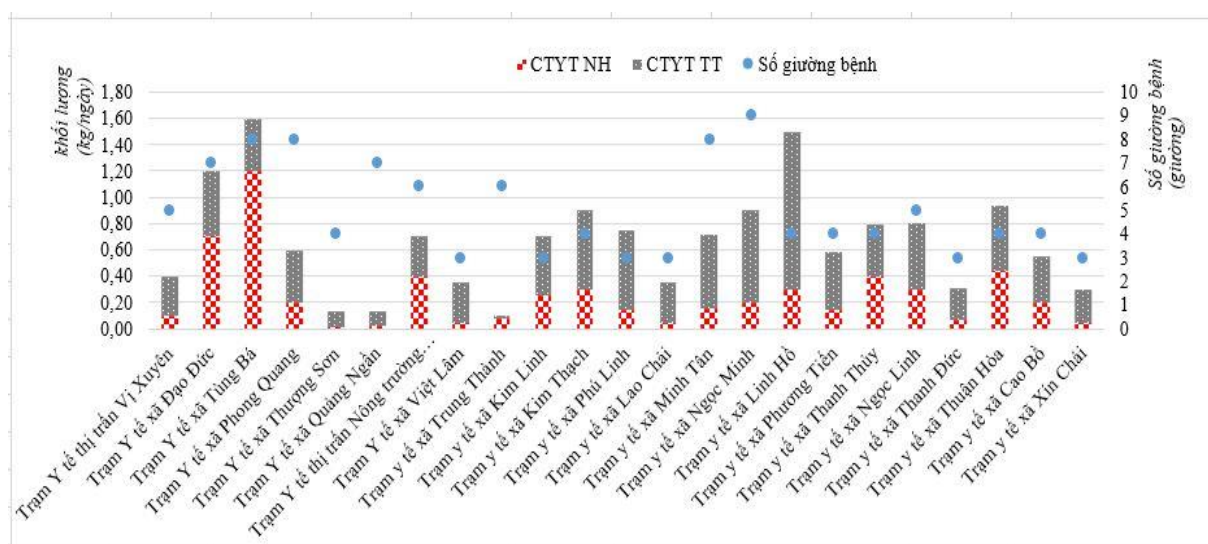


**Hình 2.9. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Bắc Quang**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTYT và số giường bệnh của 21 trạm y tế trên địa bàn huyện Bắc Quang, trong đó khối lượng CTYT NH dao động từ 0,01 kg/ngày (trạm y tế xã Việt Vinh) đến 0,4 kg/ngày (trạm y tế xã Tân Quang).

Trên địa bàn huyện Bắc Quang, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTYT trung bình 0,3 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYT NH trung bình 0,06 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 19% khối lượng CTYT.

### (3) Huyện Vị Xuyên



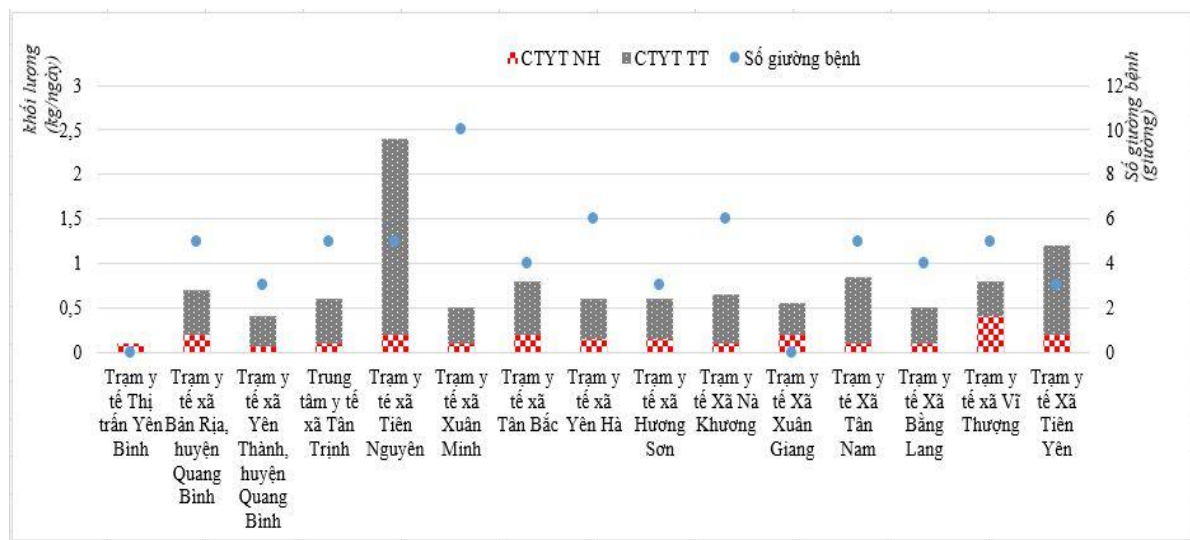
**Hình 2.10. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Vị Xuyên**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTYT và số giường bệnh của 23 trạm y tế trên địa bàn huyện Vị Xuyên, trong đó khối lượng CTYT NH

dao động từ 0,01 kg/ngày (trạm y tế xã Thượng Sơn) đến 0,7 kg/ngày (trạm y tế xã Đạo Đức).

Trên địa bàn huyện Vị Xuyên, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTRYT trung bình 0,13 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYTNNH trung bình 0,05 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 37,63% khối lượng CTRYT.

#### (4) Huyện Quang Bình

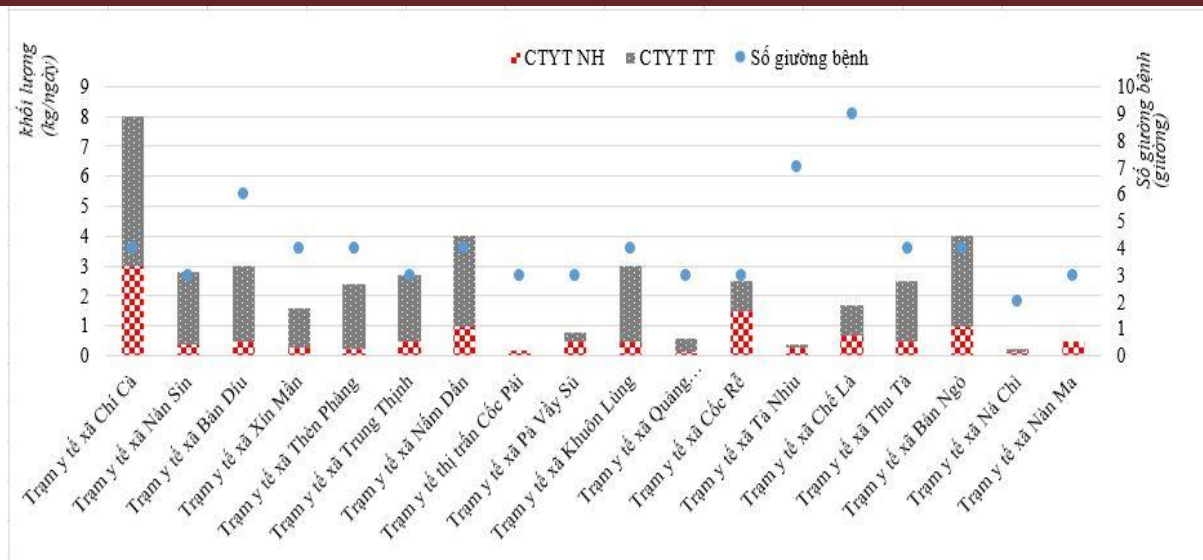


**Hình 2.11. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Quang Bình**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTRYT và số giường bệnh của 15 trạm y tế trên địa bàn huyện Quang Bình, trong đó khối lượng CTYTNNH dao động từ 0,07 kg/ngày (trạm y tế xã Yên Thành) đến 0,4 kg/ngày (trạm y tế xã Vĩ Thượng).

Trên địa bàn huyện Quang Bình, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTRYT trung bình 0,18 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYTNNH trung bình 0,04 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 21,07% khối lượng CTRYT.

#### (5) Huyện Xín Mần

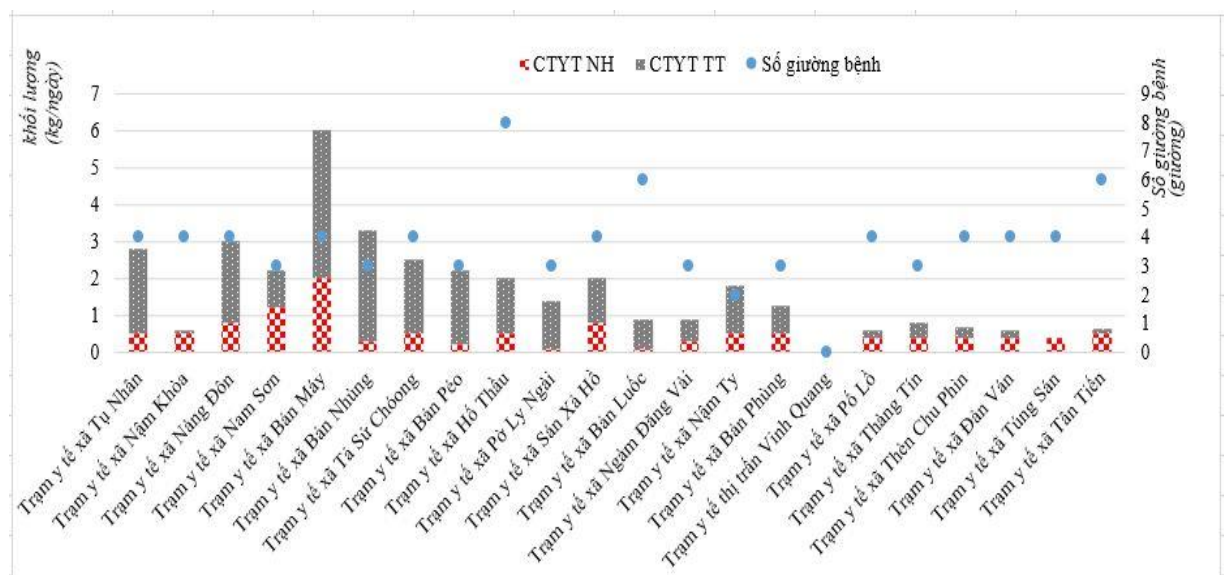


**Hình 2.12. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Xín Mần**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTYT và số giường bệnh của 18 trạm y tế trên địa bàn huyện Xín Mần, trong đó khối lượng CTYT NH dao động từ 0,1 kg/ngày (trạm y tế xã Quảng Yên, Nà Chì) đến 3 kg/ngày (trạm y tế xã Chí Cà).

Trên địa bàn huyện Xín Mần, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTYT trung bình 0,56 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYT NH trung bình 0,16 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 28,79% khối lượng CTYT.

#### (6) Huyện Hoàng Su Phì

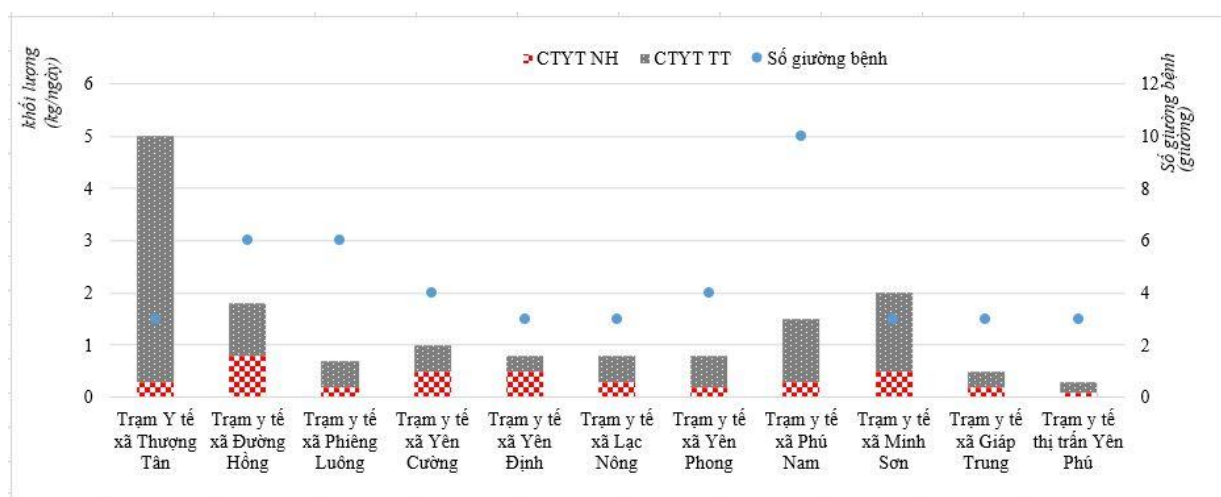


**Hình 2.13. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTRYT và số giường bệnh của 22 trạm y tế trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì, trong đó khối lượng CTYT-TNH dao động từ 0 kg/ngày (trạm y tế xã Vinh Quang) đến 0,8 kg/ngày (trạm y tế xã Nàng Đôn).

Trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTRYT trung bình 0,44 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYT-TNH trung bình 0,14 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 30,76% khối lượng CTRYT.

#### (7) Huyện Bắc Mê



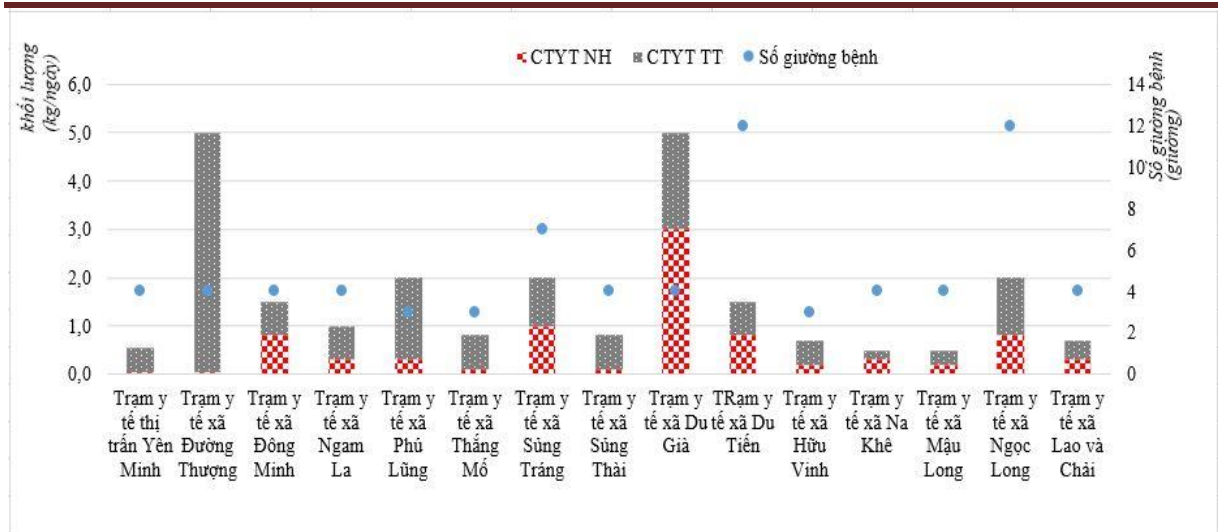
**Hình 2.14. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Bắc Mê**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTRYT và số giường bệnh của 11 trạm y tế trên địa bàn huyện Bắc Mê, trong đó khối lượng CTYT-TNH dao động từ 0,1 kg/ngày (trạm y tế TT Yên Phú) đến 0,8 kg/ngày (trạm y tế xã Đường Hồng).

Trên địa bàn huyện Bắc Mê, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTRYT trung bình 0,32 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYT-TNH trung bình 0,08 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 25,66% khối lượng CTRYT.

#### (8) Huyện Yên Minh



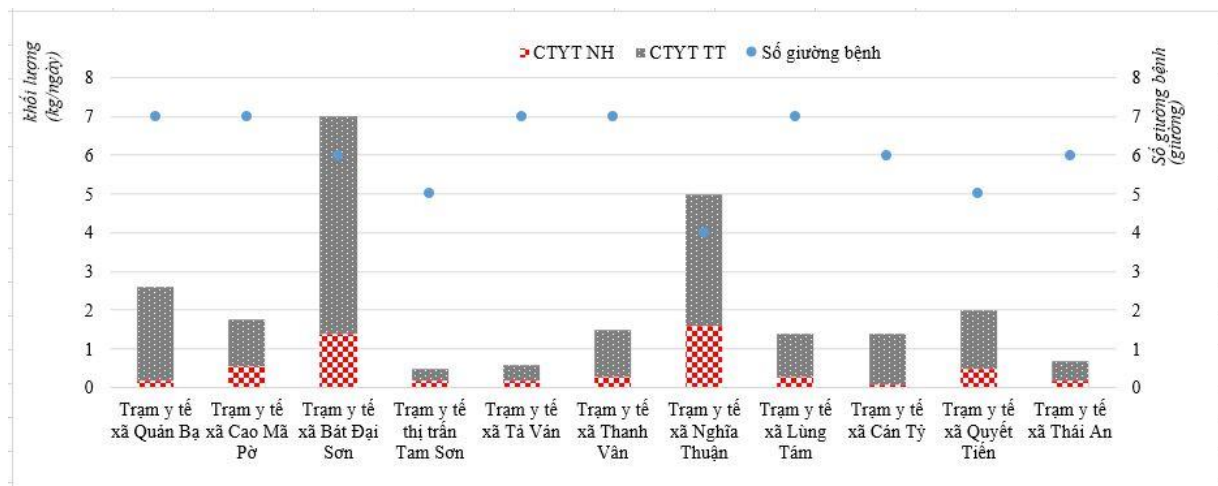


**Hình 2.15. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Yên Minh**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTYT và số giường bệnh của 15 trạm y tế trên địa bàn huyện Yên Minh, trong đó khối lượng CTYT NH dao động từ 0,1 kg/ngày đến 3 kg/ngày (trạm y tế xã Du Già).

Trên địa bàn huyện Yên Minh, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTYT trung bình 0,32 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYT NH trung bình 0,11 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 33,82% khối lượng CTYT.

#### (9) Huyện Quản Bạ



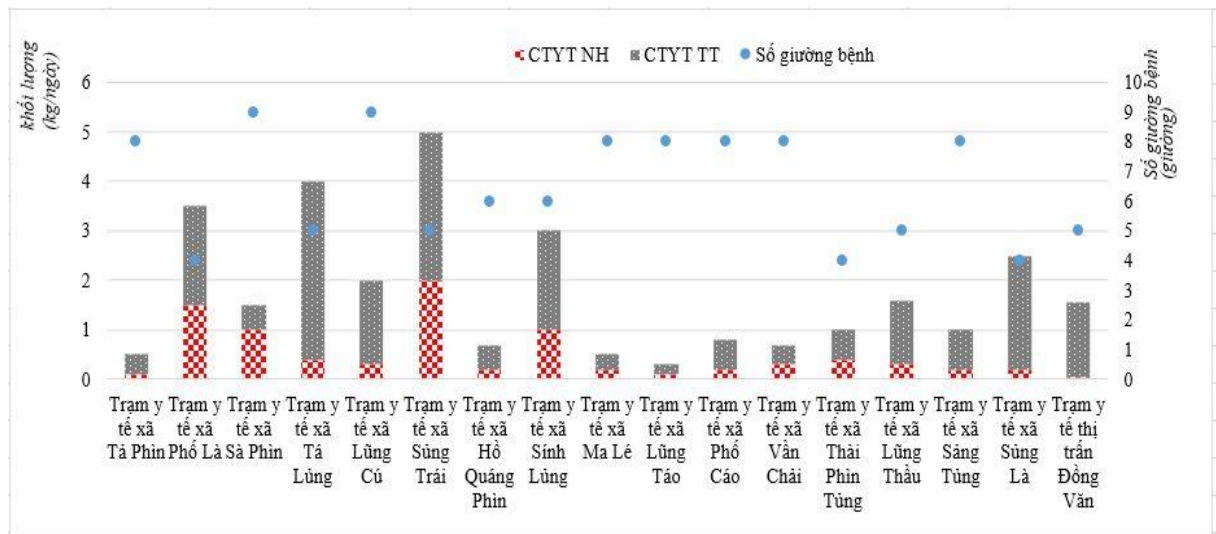
**Hình 2.16. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Quản Bạ**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTYT và số giường bệnh của 11 trạm y tế trên địa bàn huyện Quản Bạ, trong đó khối lượng CTYT NH dao động từ 0,1 kg/ngày (trạm y tế xã Cán Tỷ) đến 1,6 kg/ngày (trạm y tế xã Nghĩa Thuận).

Trên địa bàn huyện Quản Bạ, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTYT

trung bình 0,36 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYTNNH trung bình 0,08 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 22,7% khối lượng CTRYT.

(10) Huyện Đồng Văn

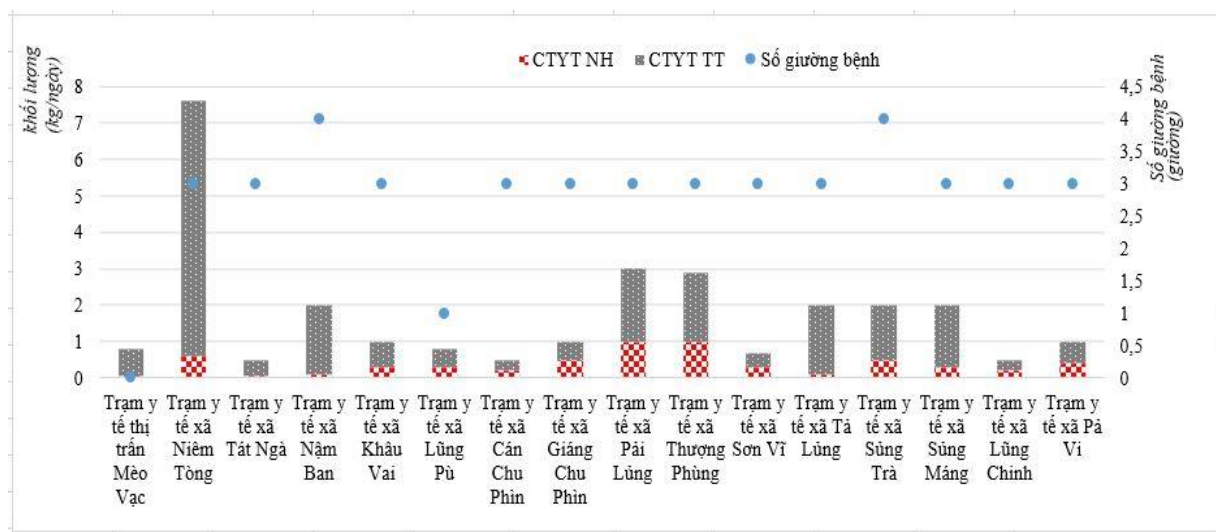


**Hình 2.17. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Đồng Văn**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTRYT và số giường bệnh của 17 trạm y tế trên địa bàn huyện Đồng Văn, trong đó khối lượng CTYTNNH dao động từ 0,05 kg/ngày (trạm y tế TT Đồng Văn) đến 1,5 kg/ngày (trạm y tế xã Phố Là).

Trên địa bàn huyện Đồng Văn, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTRYT trung bình 0,27 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYTNNH trung bình 0,08 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 28,03% khối lượng CTRYT.

(11) Huyện Mèo Vạc





**Hình 2.18. Khối lượng CTYT - số giường bệnh tại các trạm y tế trên địa bàn huyện Mèo Vạc**

Theo biểu đồ trên có thể thấy rõ khối lượng CTRYT và số giường bệnh của 16 trạm y tế trên địa bàn huyện Mèo Vạc, trong đó khối lượng CTYTNH dao động từ 0,05 kg/ngày (trạm y tế TT Mèo Vạc, xã Tát Ngàn) đến 1 kg/ngày (trạm y tế xã Pải Lũng, Thượng Lũng).

Trên địa bàn huyện Mèo Vạc, các trạm y tế phát sinh khối lượng CTRYT trung bình 0,63 kg/giường bệnh/ngày, trong đó khối lượng CTYTNH trung bình 0,13 kg/giường bệnh/ngày - chiếm 20,85% khối lượng CTRYT.

Tại các trạm y tế, CTYTNH dao động từ 0 - 3kg/ngày, trung bình 0,087 kg/giường/ngày. Các trạm y tế xã Du Già (huyện Yên Minh) và xã Chí Cà (huyện Xín Mần) phát sinh khối lượng CTYTNH nhiều nhất (3 kg/ngày - 0,75 kg/giường/ngày).

**2.1.2.4. Khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế tư nhân**

Theo số liệu tổng hợp của Sở Y tế tỉnh Hà Giang, **đến hết tháng 2/2018** trên địa bàn tỉnh có **125** cơ sở hành nghề Y tế tư nhân.

**Theo kết quả điều tra hoạt động phát sinh CTRYT tại 80 cơ sở năm 2017 cho thấy:**

- Có 14 loại hình chuyên môn trên tổng số 80 cơ sở Y tế tư nhân, bao gồm: Đa khoa, da liễu, mắt, nhi, nội khoa, ngoại khoa, răng hàm mặt, sản, siêu âm, tai mũi họng, y học cổ truyền, ung bướu, phục hồi chức năng, y tế dự phòng;
- Tổng khối lượng CTRYT phát sinh từ các cơ sở y tế tư nhân là 32,71 kg/ngày, trong đó khối lượng CTYTTT là 25,8 kg/ngày, khối lượng CTYTNH là 6,91 kg/ngày (chiếm 21,12% tổng khối lượng CTRYT);
- Đối với từng cơ sở y tế tư nhân (không tính các cơ sở y tế không phát sinh CTRYT), khối lượng CTYTNH dao động từ 0 - 1 kg/ngày, tỉ lệ CTYTNH chiếm từ 0 - 100% khối lượng CTYT của cơ sở.

Dưới đây là bảng khối lượng chất thải y tế tại các cơ sở y tế tư nhân:

**Bảng 2.6. Khối lượng CTRYT tại các cơ sở y tế tư nhân**

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh (giường)	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)			Tỷ lệ khối lượng CTYT/NH/CTRYT (%)
			CTYTTT	CTYT/NH	Tổng	
1	Phòng khám đa khoa Đức Minh (Số 8A, đường Nguyễn Thái Học, tổ 16) Thời điểm điều tra tháng 3/2017	0	2,5	0,5	3	16,67
	Bệnh viện đa khoa Đức Minh (Số 22, đường Nguyễn Du, tổ 16, phường Nguyễn Trãi) Thời điểm 5/2018	35	2,4	0,4	2,8	16,6
2	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	3	0,5	0,5	1	50,00
3	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	0	0,4	0,4	0,8	50,00
4	Phòng khám đa khoa Bình Thu	3	0,20	0,01	0,21	3,33
5	Phòng khám chuyên khoa Mắt BS Nguyễn Thị Đỗ Phúc	0	0	0	0	-
6	Phòng khám chuyên khoa nhi	0	0,05	0,1	0,15	66,67
7	Phòng khám sản. siêu âm Lý Thị Mến	0	0	0	0	-
8	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Đức	0	0,5	0	0,5	0,00
9	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	0	0,5	0,2	0,7	28,57
10	Phòng khám phục hồi chức năng Đào Cẩm Lê	0	0,5	0	0,5	0,00
11	Phòng khám răng thẩm mỹ	0	0,3	0,1	0,4	25,00
12	Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng Bác Sĩ	0	0,2	0	0,2	0,00

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh (giường)	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)			Tỷ lệ khối lượng CTYTNH/CTRYT (%)
			CTYTTT	CTYTNH	Tổng	
	Nam					
13	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	0	1,5	1	2,5	40,00
14	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	0	0,15	0	0,15	0,00
15	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	5	2,5	0,5	3	16,67
16	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	0	0,02	0,01	0,03	33,33
17	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	0	0,03	0,01	0,04	25,00
18	Phòng khám da liễu BS Hoàng Thanh Thoát	0	0,3	0	0,3	0,00
19	Phòng khám đông y Bùi Thị Hà	0	0	0	0	-
20	Phòng khám chuyên Khoa mắt	0	0	0,02	0,02	100,00
21	Phòng khám Nội - Nhi	0	0,11	0	0,11	0,00
22	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng	3	0,15	0,2	0,35	57,14
23	Phòng khám nội khoa	0	0,15	0,2	0,35	57,14
24	Phòng khám nội nhi Bác Sĩ Liên	0	0,5	0	0,5	0,00
25	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng	0	0,5	0	0,5	0,00
26	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng BS Long	0	0,07	0	0,07	0,00
27	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	0	0,3	0,2	0,5	40,00
28	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng	2	0,007	0,003	0,010	32,04

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường62

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh (giường)	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)			Tỷ lệ khối lượng CTYTNNH/CTRYT (%)
			CTYTNTT	CTYTNNH	Tổng	
29	Phòng khám nha khoa Thành Giang	0	1	0,5	1,5	33,33
30	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	0	0,08	0,15	0,23	65,22
31	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD		0,015	0,01	0,025	40,00
32	Phòng khám phụ sản - KHHGD	0	0,05	0	0,05	0,00
33	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn Đức Hùng	0	0,21	0,02	0,23	8,70
34	Phòng khám siêu âm Bác sĩ Học	0	0,07	0	0,07	0,00
35	Phòng khám Sông Quê	0	0,11	0	0,11	0,00
36	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	2	0,57	0,33	0,9	36,67
37	Phòng khám chuẩn trị Đông Y	0	0	0	0	-
38	Phòng chuẩn trị Y học cổ truyền Minh Anh	0	0,5	0	0,5	0,00
39	Phòng khám y học cổ truyền Quang Dương	0	2	0	2	0,00
40	Phòng khám bác sĩ Nông Văn Thắng	0	0	0	0	-
41	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	0	0,35	0,05	0,4	12,50
42	Phòng khám bác sĩ Thơm	0	0,4	0	0,4	0,00
43	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	0	0,25	0,15	0,4	37,50
44	Phòng khám chuyên khoa mắt Tri Công Long	0	0,4	0	0,4	0,00
45	Phòng khám bác sĩ Vũ Phương Dung	0	0,2	0	0,2	0,00
46	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	0	0,7	0,3	1	30,00

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường63

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh (giường)	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)			Tỷ lệ khối lượng CTYTNNH/CTRYT (%)
			CTYTNTT	CTYTNNH	Tổng	
47	Phòng khám đa khoa Trí Đức	4	2	0,5	2,5	20,00
48	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	0	0,44	0,08	0,52	15,38
49	Phòng khám bác sỹ Hoàng Thị Cậy	0	0,33	0,1	0,43	23,26
50	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	0	0,08	0,05	0,13	38,46
51	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sỹ Hoàng Tất Vũ	0	0,15	0,1	0,25	40,00
52	Phòng khám BS Giang	0	0,2	0,1	0,3	33,33
53	Phòng khám nội khoa	3	0,55	0,05	0,6	8,33
54	Phòng khám Km10	0	1,01	0,017	1,027	1,66
55	Phòng khám Chuyên khoa Mắt	0	0,2	0,00	0,2	0,00
56	Phòng khám BS Nguyễn Văn Minh	0	0	0	0	-
57	Phòng khám Phương Thiêm	0	0	0	0	-
58	Phòng khám phụ sản KHHGD	0	0,42	0,08	0,5	16,00
59	Phòng khám siêu âm	0	0	0	0	-
60	Phòng khám Tai mũi họng	0	0	0	0	-
61	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	0	0,05	0,05	0,1	50,00
62	Phòng khám chữa bệnh ngoài giờ bác sỹ Vương Thị Lan	0	0	0	0	-

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường<sup>64</sup>

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh (giường)	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)			Tỷ lệ khối lượng CTYT/NH/CTRYT (%)
			CTYT/TT	CTYT/NH	Tổng	
63	Phòng khám Sản - Phụ khoa	0	0	0	0	-
64	Phòng khám bác sĩ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	0	0,017	0,02	0,037	54,05
65	Phòng khám Thu Mai	0	0,13	0	0,13	0,00
66	Phòng khám ngoại bác sĩ Lìn Xuân Cường	0	0	0	0	-
67	Phòng khám ngoài giờ bác sĩ Ngọc	0	0,4	0,1	0,5	20,00
68	Phòng khám bác sĩ Ngoan	0	0	0,01	0,01	100,00
69	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Minh	0	0,018	0,002	0,02	10,00
70	Phòng khám bác sĩ Thu	0	0	0,002	0,002	100,00
71	Phòng khám bệnh Hà Thành	0	0	0	0	-
72	Phòng khám Hoa Lan	0	0,01	0,04	0,05	80,71
73	Phòng khám Khánh Chương	0	0	0	0	-
74	Phòng khám sản phụ khoa Nguyễn Thị Giang	0	0	0	0	-
75	Phòng khám Bác sĩ Lương Xuân Long	0	0	0	0	-
76	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Hạnh	0	0	0	0	-
77	Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luân	0	0,6	0,1	0,7	14,29
78	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Huyền	0	0	0	0	-
79	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	0	0,35	0,05	0,4	12,50
80	Phòng khám nội tổng hợp Hoàng Văn Thường	0	0	0	0	-

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường65

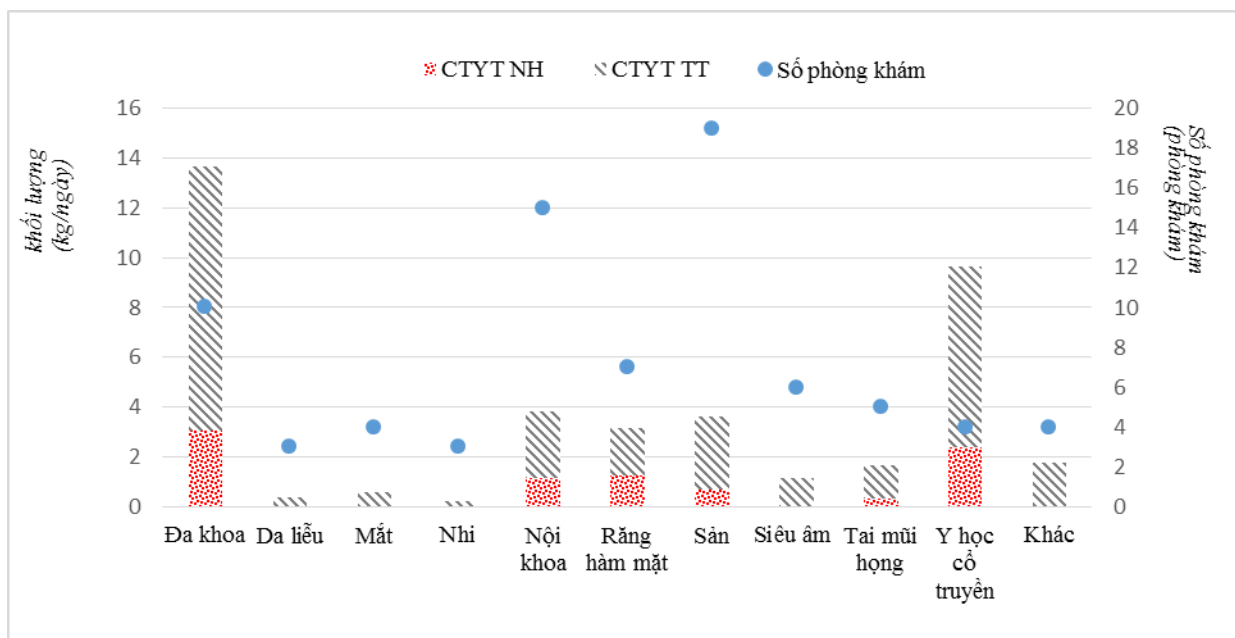


Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh (giường)	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)			Tỷ lệ khối lượng CTYTNH/CTRYT (%)
			CTYTTT	CTYTNH	Tổng	
	Tổng		25,8	6,91	32,71	

Từ bảng trên ta thấy, đa phần các cơ sở y tế tư nhân không có giường bệnh, chỉ một tỷ lệ rất nhỏ (7/80 cơ sở) có giường bệnh, chủ yếu là các cơ sở đa khoa, nhiều nhất là 5 giường bệnh/cơ sở. Có 38/80 cơ sở y tế tư nhân không phát sinh CTYTNH (trong đó 19/80 cơ sở y tế không phát sinh CTRYT). Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội có khối lượng CTYTNH cao nhất (1 kg/ngày). Các phòng khám đa khoa Trí Đức, **bệnh viện đa khoa** Đức Minh, trường trung cấp y tế Hà Giang, phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học, phòng khám nha khoa Thành Giang có khối lượng CTYTNH 0,4-0,5 kg/ngày/phòng khám, bệnh viện. Hai phòng khám sản của bác sĩ Thu và bác sĩ Ngoan (Thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh) và phòng khám chuyên khoa Mắt (Tổ 5, phường Minh Khai, TP Hà Giang) có khối lượng CTYT phát sinh không lớn (dao động từ 0,02 - 0,2 kg/ngày), tuy nhiên 100% CTYT có thành phần là CTYTNH.

Phân theo loại hình khám chữa bệnh, khối lượng CTYTNH của tổng số phòng khám theo từng loại hình như sau:



**Hình 2.19. Khối lượng CTYT - số phòng khám phân theo loại hình khám chữa bệnh**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Như vậy, CTYTNH của các phòng khám tư nhân trên địa bàn phát sinh chủ yếu từ các phòng khám đa khoa (3,09 kg/ngày/10 phòng khám), các phòng khám y học cổ truyền có tổng khối lượng CTYTNH cao thứ 2 (2,41 kg/ngày/4 phòng khám), các phòng khám nội khoa, răng hàm mặt và sản phụ khoa có tổng khối

lượng CTYTNH cao thứ 3 trong số các loại hình khám chữa bệnh (Phòng khám nội khoa 1,15 kg/ngày/15 phòng khám, phòng khám răng hàm mặt 1,25 kg/ngày/7 phòng khám, phòng khám sản 0,68 kg/ngày/19 phòng khám. Các phòng khám thuộc chuyên khoa da liễu, mắt phát sinh khối lượng CTYTNH không đáng kể.

Khối lượng CTRYT nói chung và CTRYTNH nói riêng phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang được tổng hợp trong bảng dưới đây:

**Bảng 2.7. Bảng tổng hợp khối lượng CTRYT phát sinh tại các cơ sở Y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

TT	Tuyến cơ sở y tế	Khối lượng CTRYT (kg/ngày)		
		CTYT TT	CTYTNH	Tổng CTRYT
1	Cơ sở y tế tuyến tỉnh	680,20	126,81	807,01
2	Cơ sở y tế tuyến huyện	1.160,82	211,48	1.372,30
3	Cơ sở y tế tuyến xã	182,21	69,13	251,34
4	Cơ sở y tế tư nhân	25,80	6,91	32,71
<b>Tổng</b>		<b>2.049,03</b>	<b>414,33</b>	<b>2.463,36</b>

Như vậy, toàn tỉnh Hà Giang có tổng khối lượng CTRYT là 2.463,36 kg/ngày; trong đó, có 41,33 kg CTYTNH/ngày (chiếm 16,82%) và 2.049,03 kg CTYT/TT/ngày (chiếm 83,16%).

Khối lượng CTRYT theo số giường bệnh/ngày của các cơ sở y tế có giường bệnh được thể hiện ở bảng dưới:

**Bảng 2.7. Khối lượng CTRYT phát sinh theo số giường bệnh/ngày của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

TT	Tuyến cơ sở y tế (*)	Khối lượng CTRYT (kg/giường/ngày)	Khối lượng CTYTNH/Khối lượng CTRYT (%)
1	Cơ sở y tế tuyến tỉnh	1,03	15,83
2	Cơ sở y tế tuyến huyện	0,62	15,72
3	Cơ sở y tế tuyến xã	0,32	27,34
4	Cơ sở y tế tư nhân	0,34	24,39

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Ghi chú: (\*) Tại các tuyến cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang chỉ xét các cơ sở y tế có giường bệnh, cụ thể:

- Cơ sở y tế tuyến tỉnh: Tính toán dựa trên số liệu của 5 cơ sở y tế thuộc hệ điều trị/tổng số 12 cơ sở y tế tuyến tỉnh;

- Cơ sở y tế tuyến huyện: Tính toán dựa trên số liệu của 30 cơ sở y tế/tổng số 52 cơ sở y tế tuyến huyện;

- Cơ sở y tế tư nhân: Tính toán dựa trên số liệu của 8 cơ sở y tế/tổng số 80 cơ sở y tế.

Theo bảng trên, so sánh với Bảng 2.1. Tiêu chuẩn phát sinh chất thải rắn y tế theo nghiên cứu của Bộ Y tế và WHO ta thấy khối lượng CTRYT phát sinh tại các tuyến cơ sở y tế của tỉnh Hà Giang thấp hơn so với tiêu chuẩn chung 0,36 - 0,47 kg/giường bệnh/ngày. Các cơ sở y tế tuyến xã và cơ sở y tế tư nhân, khối lượng CTRYT tại các cơ sở này chỉ bằng  $\frac{1}{2}$  so với khối lượng CTRYT phát sinh theo tiêu chuẩn, tuy nhiên tỷ trọng khối lượng CTYTNH/khối lượng CTRYT lại cao hơn so với tiêu chuẩn. Cụ thể, tiêu chuẩn tỷ trọng khối lượng CTYTNH/khối lượng CTRYT tại các cơ sở y tế tuyến xã và tư nhân là 15%, trong khi đó trên địa bàn tỉnh Hà Giang, khối lượng CTYTNH tại các cơ sở này chiếm 24 - 27% khối lượng CTRYT phát sinh.

### **2.1.3. Thành phần chất thải y tế nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh**

Qua rà soát, thống kê, CTYTNH phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, đơn vị tư vấn chia thành 5 loại CTYTNH theo thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, bao gồm: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn (CTLN sắc nhọn), chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (CTLN không sắc nhọn), chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải giải phẫu, chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn (CTNHKLN dạng rắn) và chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng (CTNHKLN dạng lỏng). CTYTNH phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, có thành phần và tỷ lệ % như sau:

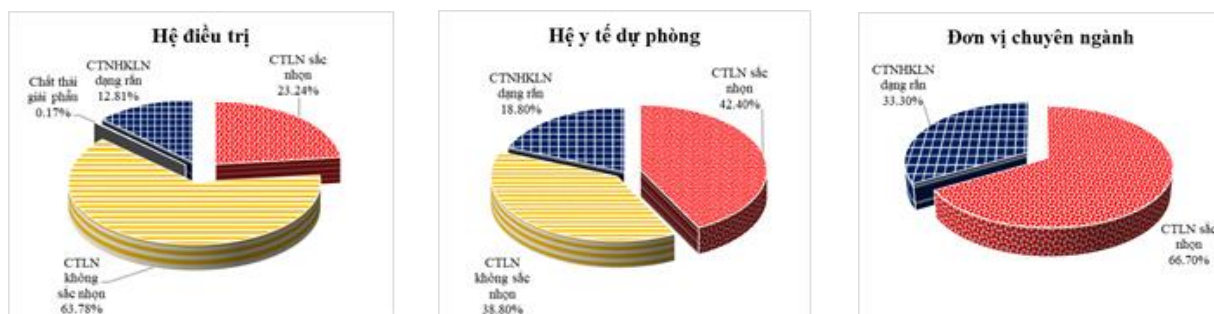
- CTLN sắc nhọn chiếm tỷ lệ 41,11%;
- CTLN không sắc nhọn chiếm tỷ lệ 47,68%;
- Chất thải giải phẫu chiếm tỷ lệ 2,53%;
- CTNHKLN dạng rắn chiếm tỷ lệ 7,54%;
- CTNHKLN dạng lỏng chiếm tỷ lệ 0,8%.

Đối với từng nhóm cơ sở y tế, CTYTNH phát sinh cũng có sự khác nhau về thành phần và tỷ lệ %, nguyên nhân chủ yếu là do việc thực hiện các hoạt động chuyên môn tại các nhóm cơ sở có sự khác nhau. Cụ thể:

✚ *Tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh:*

- CTLN sắc nhọn chiếm tỷ lệ 23,24 - 66,70%;
- CTLN không sắc nhọn chiếm tỷ lệ 33,80 - 63,78%;
- Chất thải giải phẫu chiếm tỷ lệ 0,17%;
- CTNHKLN dạng rắn chiếm tỷ lệ 12,81 - 33,30%.

Dưới đây là các biểu đồ biểu diễn thành phần CTYTNH phát sinh tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh, phân theo từng nhóm cơ sở:



**Hình 2.20. Thành phần CTYTNH tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh**

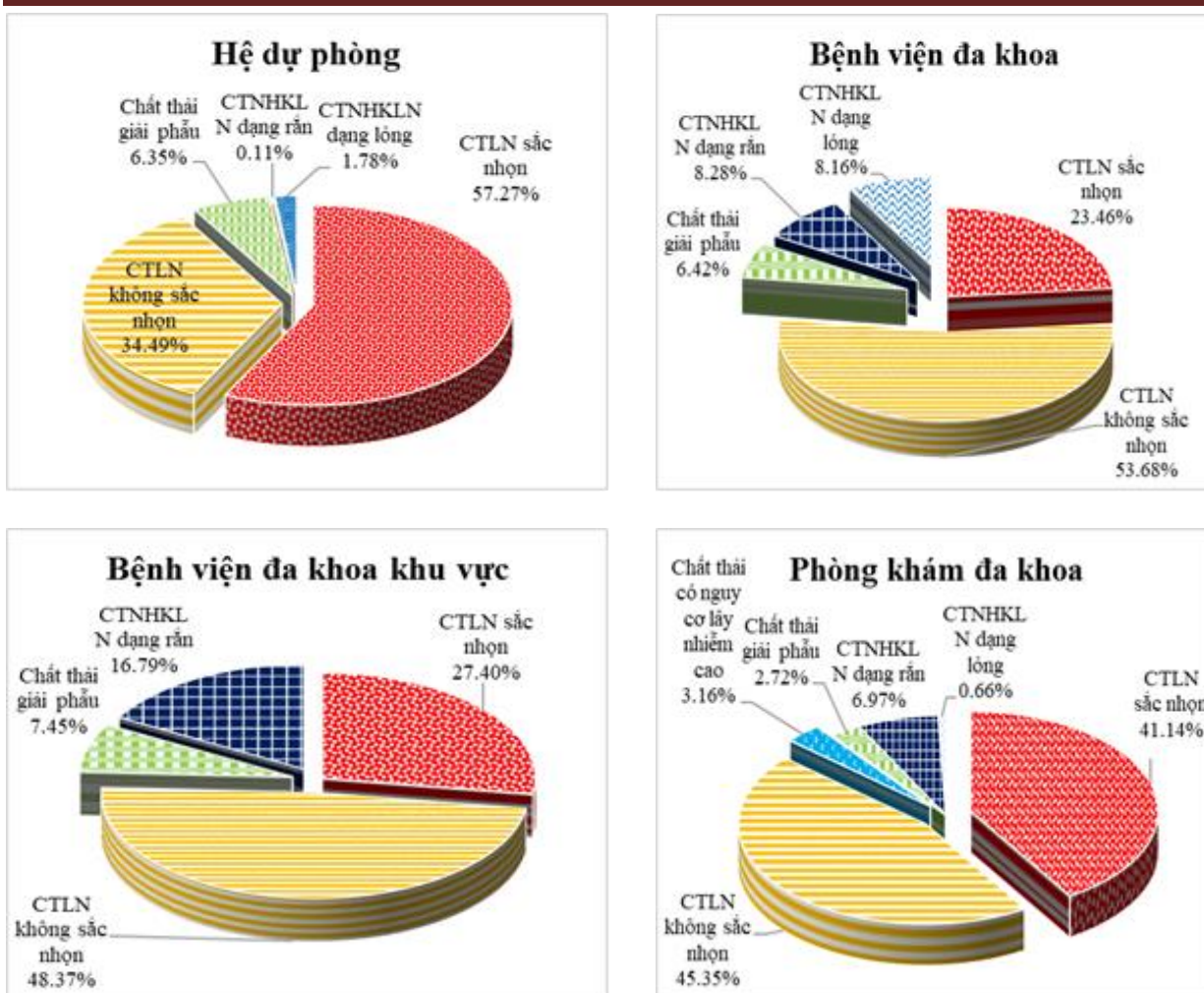
Từ các biểu đồ trên có thể thấy, CTYTNH tại các cơ sở y tế thuộc hệ điều trị và hệ y tế dự phòng có thành phần phức tạp hơn so với các cơ sở y tế thuộc đơn vị chuyên ngành. Nhìn chung các cơ sở y tế tuyến tỉnh, CTYTNH có thành phần chủ yếu là CTLN.

✚ *Tại các cơ sở y tế tuyến huyện:*

- CTLN sắc nhọn chiếm tỷ lệ 23,46 - 57,27%;
- CTLN không sắc nhọn chiếm tỷ lệ 34,49 - 53,69%;
- Chất thải giải phẫu chiếm tỷ lệ 6,35 - 7,45%;
- CTNHKLN dạng rắn chiếm tỷ lệ 0,11 - 16,79%;
- CTNHKLN dạng lỏng chiếm tỷ lệ 0,66 - 8,16%.

Thành phần CTYTNH cụ thể của 4/5 đơn vị y tế tuyến huyện phát sinh CTYTNH cụ thể:



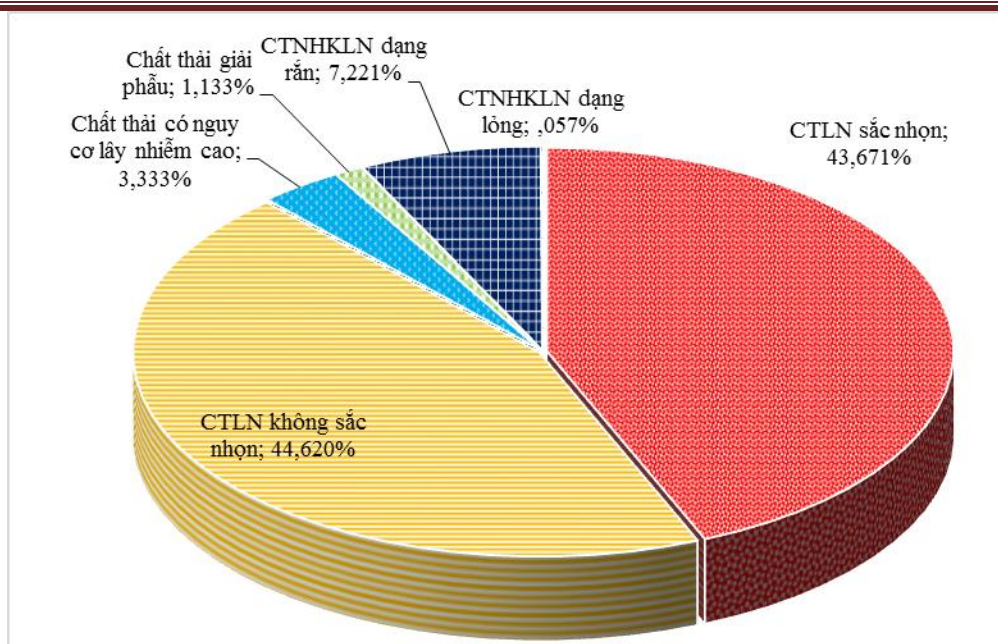


**Hình 2.21. Thành phần CTYTNNH tại các đơn vị y tế tuyến huyện**

✚ Tại các trạm y tế tuyến xã:

- CTLN sắc nhọn chiếm tỷ lệ 43,67%;
- CTLN không sắc nhọn chiếm tỷ lệ 44,62%;
- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao chiếm 3,33%;
- Chất thải giải phẫu chiếm 1,13%;
- CTNHKLN dạng rắn chiếm tỷ lệ 7,22%;
- CTNHKLN dạng lỏng chiếm tỷ lệ 0,06%.

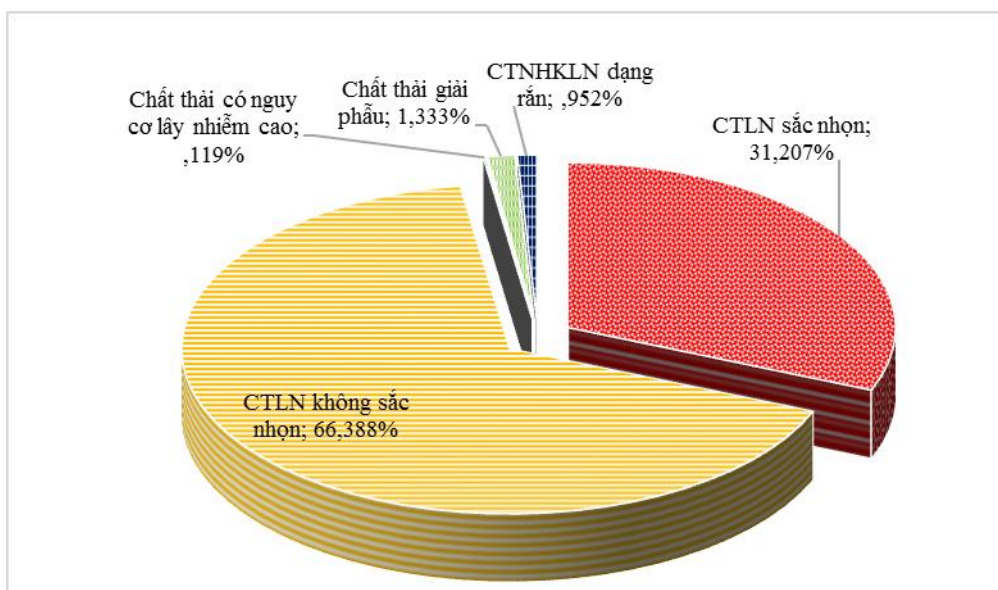




**Hình 2.22. Thành phần CTYTNNH tại các đơn vị y tế tuyến xã**

✚ Tại các cơ sở y tế tư nhân:

- CTLN sắc nhọn chiếm tỷ lệ 31,21%;
- CTLN không sắc nhọn chiếm tỷ lệ 66,39%;
- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao chiếm 0,12%;
- Chất thải giải phẫu chiếm 1,33%;
- CTNHLN dạng rắn chiếm tỷ lệ 0,95%.



**Hình 2.23. Thành phần CTYTNNH tại các cơ sở y tế tư nhân**

## 2.2. Dự báo phát sinh chất thải y tế nguy hại đến năm 2030 tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

### 2.2.1. Căn cứ dự báo

Để dự báo lượng CTYTNH phát sinh tại từng cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, đơn vị tư vấn sử dụng Phương pháp dự báo theo công thức sau:

$$Q = q_0 \times G$$

Trong đó:

Q: Khối lượng CTYTNH phát sinh (kg/ngày);

$q_0$ : Hệ số phát thải CTYTNH (kg/giường/ngày),  $q_0$  sử dụng số liệu tính toán năm 2017 của đơn vị tư vấn;

G: Số giường bệnh theo quy hoạch (giường).

### 2.2.2. Dự báo phát sinh CTYTNH tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh

Tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh, hệ số phát thải CTYTNH được tính toán ở bảng dưới đây:

**Bảng 2.8. Hệ số phát thải CTYTNH của các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh 2017 (giường)	Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)	Hệ số phát thải (kg/giường/ngày)
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>			
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	420	100	0,24
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	80	11,5	0,14
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	100	6,5	0,07
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	50	0,55	0,01
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	120	6,5	0,05
<b>II</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>			
6	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	0	0,1	-
7	Trung tâm giám định Y khoa	0	0,1	-
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	0	0,06	-
9	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	0	0	-

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh 2017 (giường)	Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)	Hệ số phát thải (kg/giường/ngày)
<b>III</b>	<b>Hệ y tế dự phòng</b>			
10	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	0	1,3	-
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	0	0	-
12	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	0	0,2	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Số giường bệnh quy hoạch đến năm 2020 và 2030 được xác định dựa trên Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

**Bảng 2.9. Số giường bệnh theo kế hoạch của các cơ sở y tế tuyến tỉnh đến năm 2020 và 2030**

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh 2020 (giường)	Số giường bệnh 2030 (giường)
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>		
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	500	600
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	100	120
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	150	150
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	100	100
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	200	200
<b>II</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>		
6	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	0	0
7	Trung tâm giám định Y khoa	0	0
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	0	0
9	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	0	0
<b>III</b>	<b>Hệ y tế dự phòng</b>		
10	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	0	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 74

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh 2020 (giường)	Số giường bệnh 2030 (giường)
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	0	0
12	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	0	0

(Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)

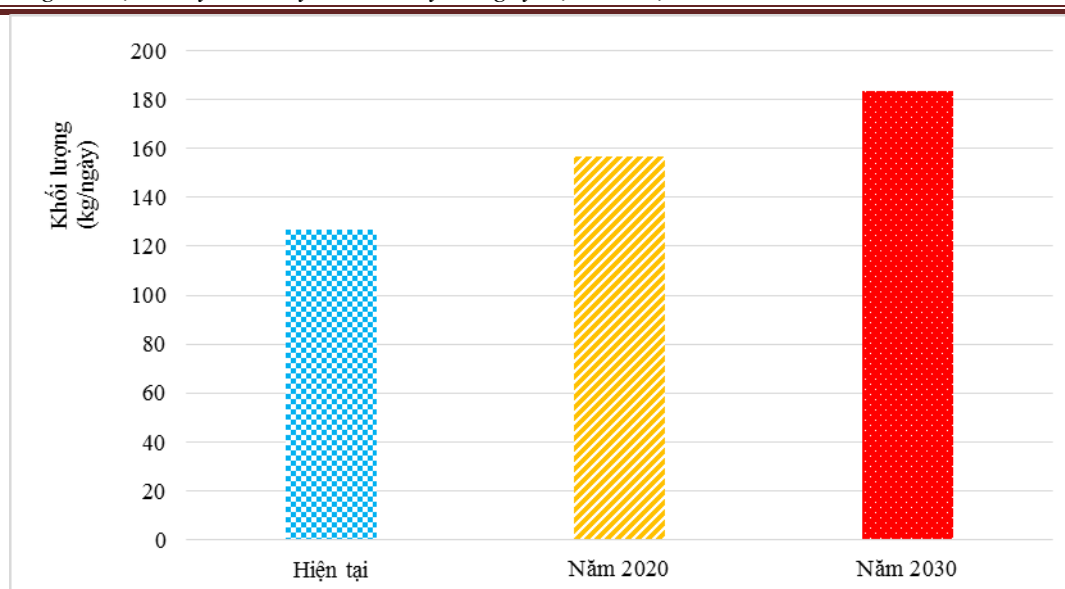
Như vậy, khối lượng CTYTNH phát sinh năm 2020 và 2030 dự kiến được thể hiện ở bảng sau:

**Bảng 2.10. Dự báo khối lượng CTYTNH tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh năm 2020 và 2030**

TT	Cơ sở y tế	Khối lượng CTY-TNH năm 2020 (kg/ngày)	Khối lượng CTY-TNH năm 2030 (kg/ngày)
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>		
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	119,05	142,86
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	14,38	17,25
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	9,75	9,75
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	1,10	1,10
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	10,83	10,83
<b>II</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>		
6	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	0,10	0,10
7	Trung tâm giám định Y khoa	0,10	0,10
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	0,06	0,06
9	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	0	0
<b>III</b>	<b>Hệ y tế dự phòng</b>		
10	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	1,30	1,30
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	0	0
12	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	0,20	0,20
<b>Tổng</b>		<b>156,87</b>	<b>183,55</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Khối lượng CTYTNH tăng dần từ nay đến năm 2030:



**Hình 2.24. Dự báo khối lượng CTYTNH tuyển tỉnh đến năm 2030**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Như vậy, đến năm 2030, dự báo tổng khối lượng CTYTNH phát sinh từ các cơ sở y tế tuyển tỉnh tăng 1,4 lần so với hiện tại, đưa tổng khối lượng CTYTNH tới 183,55 kg/ngày.

### 2.2.3. Dự báo phát sinh CTYTNH tại các cơ sở y tế tuyển huyện

Tại các cơ sở y tế tuyển huyện, hệ số phát thải CTYTNH được tính toán ở bảng dưới đây:

**Bảng 2.11. Hệ số phát thải CTYTNH của các cơ sở y tế tuyển huyện**

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh năm 2017(giường)	Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)	Hệ số phát thải (kg/giường/ngày)
<b>I</b>	<b>Hệ dự phòng</b>			
1	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	0	0,02	-
2	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	0	0,50	-
3	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	0	0,00	-
4	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	0	0,20	-
5	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	0	0,00	-

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh năm 2017(giường)	Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)	Hệ số phát thải (kg/giường/ngày)
6	Trung tâm y tế huyện Quán Bạ	0	0,70	-
7	Trung tâm y tế huyện Quang Bình	0	0,00	-
8	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	0	0,50	-
9	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	0	0,10	-
10	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	0	0,004	-
11	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	0	0,50	-
<b>II</b>	<b>Bệnh viện đa khoa</b>			
12	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	150	5,30	0,04
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	175	5,20	0,03
14	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	80	21,00	0,26
15	Bệnh viện đa khoa huyện Quán Bạ	160	17,00	0,11
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	100	7,50	0,08
17	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	140	18,75	0,13
18	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	90	13,00	0,14
19	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	70	2,00	0,03
<b>III</b>	<b>Bệnh viện đa khoa khu vực</b>			
20	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	200	30,00	0,15

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 77



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

<b>TT</b>	<b>Cơ sở y tế</b>	<b>Số giường bệnh năm 2017(giường)</b>	<b>Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)</b>	<b>Hệ số phát thải (kg/giường/ngày)</b>
21	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	400	48,00	0,12
22	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	190	13,50	0,07
<b>IV</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>			
23	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Quang	0	0,00	-
24	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hoàng Su Phì	0	0,00	-
25	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Huyện Quang Bình	0	0,00	-
26	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Vị Xuyên	0	0,00	-
27	Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Xín Mần	0	0,00	-
28	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình TP Hà Giang	0	0,00	-
29	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Quản Bạ	0	0,00	-
30	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Mê	0	0,00	-
31	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Văn	0	0,00	-
32	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mèo Vạc	0	0,00	-
33	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Yên Minh	0	0,00	-

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 78

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh năm 2017(giường)	Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)	Hệ số phát thải (kg/giường/ngày)
<b>V</b>	<b>Phòng khám đa khoa</b>			
34	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	10	0,15	0,02
35	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	10	0,80	0,08
36	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	12	0,80	0,07
37	Phòng khám đa khoa TT Phó Bảng	22	0,60	0,03
38	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	30	0,50	0,02
39	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	55	0,60	0,01
40	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc	10	4,00	0,40
41	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	44	1,00	0,02
42	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	30	5,00	0,17
43	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	10	0,40	0,04
44	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái	10	0,30	0,03
45	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	10	0,20	0,02
46	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	15	0,50	0,03
47	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm	10	2,00	0,20

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 79

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh năm 2017(giường)	Khối lượng CTYTNH (kg/ngày)	Hệ số phát thải (kg/giường/ngày)
48	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	20	0,75	0,04
49	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	25	2,10	0,08
50	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	10	3,00	0,30
51	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn	10	2,00	0,20
52	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	30	3,00	0,10

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Số giường bệnh quy hoạch đến năm 2020 và 2030 được xác định dựa trên Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, tổng số giường bệnh/10.000 dân của các cơ sở y tế công lập năm 2020 là 40 giường, năm 2030 là 45 giường/10.000 dân. Các cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, do vậy tại các cơ sở này không có giường bệnh. Tương tự, các Trung tâm y tế - kế hoạch hóa gia đình có chức năng quản lý Dân số trên địa bàn, triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật, truyền thông giáo dục về Dân số - KHHGĐ trên địa bàn nên cũng không có giường bệnh.

**Bảng 2.12. Số giường bệnh theo kế hoạch của các cơ sở y tế tuyến huyện đến năm 2020 và 2030**

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh 2020	Số giường bệnh 2030
<b>I</b>	<b>Hệ dự phòng</b>		
1	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	0	0
2	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	0	0
3	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	0	0

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh 2020	Số giường bệnh 2030
4	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	0	0
5	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	0	0
6	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	0	0
7	Trung tâm y tế huyện Quang Bình	0	0
8	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	0	0
9	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	0	0
10	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	0	0
11	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	0	0
<b>II</b>	<b>Bệnh viện đa khoa</b>		
12	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	100	120
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	120	140
14	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	120	140
15	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	100	120
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	120	140
17	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	150	170
18	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	120	140
19	Bệnh viện đa khoa Nhà Chì	75	100
<b>III</b>	<b>Bệnh viện đa khoa khu vực</b>		
20	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	200	250
21	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	250	300
22	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	200	250
<b>IV</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>		
23	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Quang	0	0
24	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	0	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 81

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

<b>TT</b>	<b>Cơ sở y tế</b>	<b>Số giường bệnh 2020</b>	<b>Số giường bệnh 2030</b>
	huyện Hoàng Su Phì		
25	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình Huyện Quang Bình	0	0
26	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Vị Xuyên	0	0
27	Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Xín Mần	0	0
28	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình TP Hà Giang	0	0
29	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Quản Bạ	0	0
30	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Mê	0	0
31	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Văn	0	0
32	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mèo Vạc	0	0
33	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Yên Minh	0	0
<b>V</b>	<b>Phòng khám đa khoa</b>		
34	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	15	19
35	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	12	15
36	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	18	23
37	Phòng khám đa khoa TT Phó Bảng	10	13
38	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	30	38
39	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	26	33
40	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc	19	24

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 82

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Cơ sở y tế</b>	<b>Số giường bệnh 2020</b>	<b>Số giường bệnh 2030</b>
41	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	23	30
42	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	15	19
43	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	19	24
44	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái	20	26
45	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	17	22
46	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	32	40
47	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm	17	22
48	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	17	21
49	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	9	11
50	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	17	21
51	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn	21	26
52	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	14	18

*(Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030)*

Như vậy, khối lượng CTYTNNH phát sinh năm 2020 và 2030 được tính toán như sau:

**Bảng 2.13. Dự báo khối lượng CTYTNNH tại các cơ sở y tế tuyến huyện năm 2020 và 2030**

<b>TT</b>	<b>Cơ sở y tế</b>	<b>Khối lượng CTYTNNH năm 2020 (kg/ngày)</b>	<b>Khối lượng CTYTNNH năm 2030 (kg/ngày)</b>
<b>I</b>	<b>Hệ dự phòng</b>		
1	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	0	0
2	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	0	0
3	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	0	0
4	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	0	0
5	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	0	0
6	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	0	0

*Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang*

*Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 83*



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Khối lượng CTYTNH năm 2020 (kg/ngày)	Khối lượng CTYTNH năm 2030 (kg/ngày)
7	Trung tâm y tế huyện Quang Bình	0	0
8	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	0	0
9	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	0	0
10	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	0	0
11	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	0	0
<b>II</b>	<b>Bệnh viện đa khoa</b>		
12	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	3,53	4,24
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	3,57	4,17
14	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	31,50	36,75
15	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	10,63	12,76
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	9,00	10,50
17	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	20,09	22,77
18	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	17,33	20,22
19	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	2,14	2,85
<b>III</b>	<b>Bệnh viện đa khoa khu vực</b>		
20	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	30,00	37,50
21	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	30,00	36,00
22	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	14,21	17,76
<b>IV</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>		
23	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Quang	0	0
24	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hoàng Su Phì	0	0
25	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	0	0

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Khối lượng CTYT/NH năm 2020 (kg/ngày)	Khối lượng CTYT/NH năm 2030 (kg/ngày)
	Huyện Quang Bình		
26	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Vị Xuyên	0	0
27	Trung tâm dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Xín Mần	0	0
28	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình TP Hà Giang	0	0
29	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Quản Bạ	0	0
30	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Mê	0	0
31	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Văn	0	0
32	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mèo Vạc	0	0
33	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Yên Minh	0	0
<b>V</b>	<b>Phòng khám đa khoa</b>		
34	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	0,23	0,29
35	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	0,96	1,20
36	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	1,21	1,53
37	Phòng khám đa khoa TT Phó Bảng	0,27	0,35
38	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	0,50	0,63
39	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	0,28	0,36
40	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc	7,47	9,45
41	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	0,53	0,67
42	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch	2,45	3,10

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 85

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Khối lượng CTYTNH năm 2020 (kg/ngày)	Khối lượng CTYTNH năm 2030 (kg/ngày)
	Đích		
43	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	0,76	0,96
44	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái	0,61	0,78
45	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	0,35	0,44
46	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	1,07	1,35
47	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm	3,45	4,37
48	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	0,63	0,79
49	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	0,72	0,92
50	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	4,99	6,31
51	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn	4,17	5,28
52	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	1,40	1,77
<b>Tổng</b>		<b>204,06</b>	<b>246,07</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường, 2017)

Như vậy, dự báo tổng khối lượng CTYTNH của các cơ sở y tế tuyến huyện năm 2020 là 204,06 kg/ngày, đến 2030 khối lượng CTYTNH là 246,07 kg/ngày.

#### **2.2.4. Dự báo phát sinh CTYTNH tại các cơ sở y tế tuyến xã**

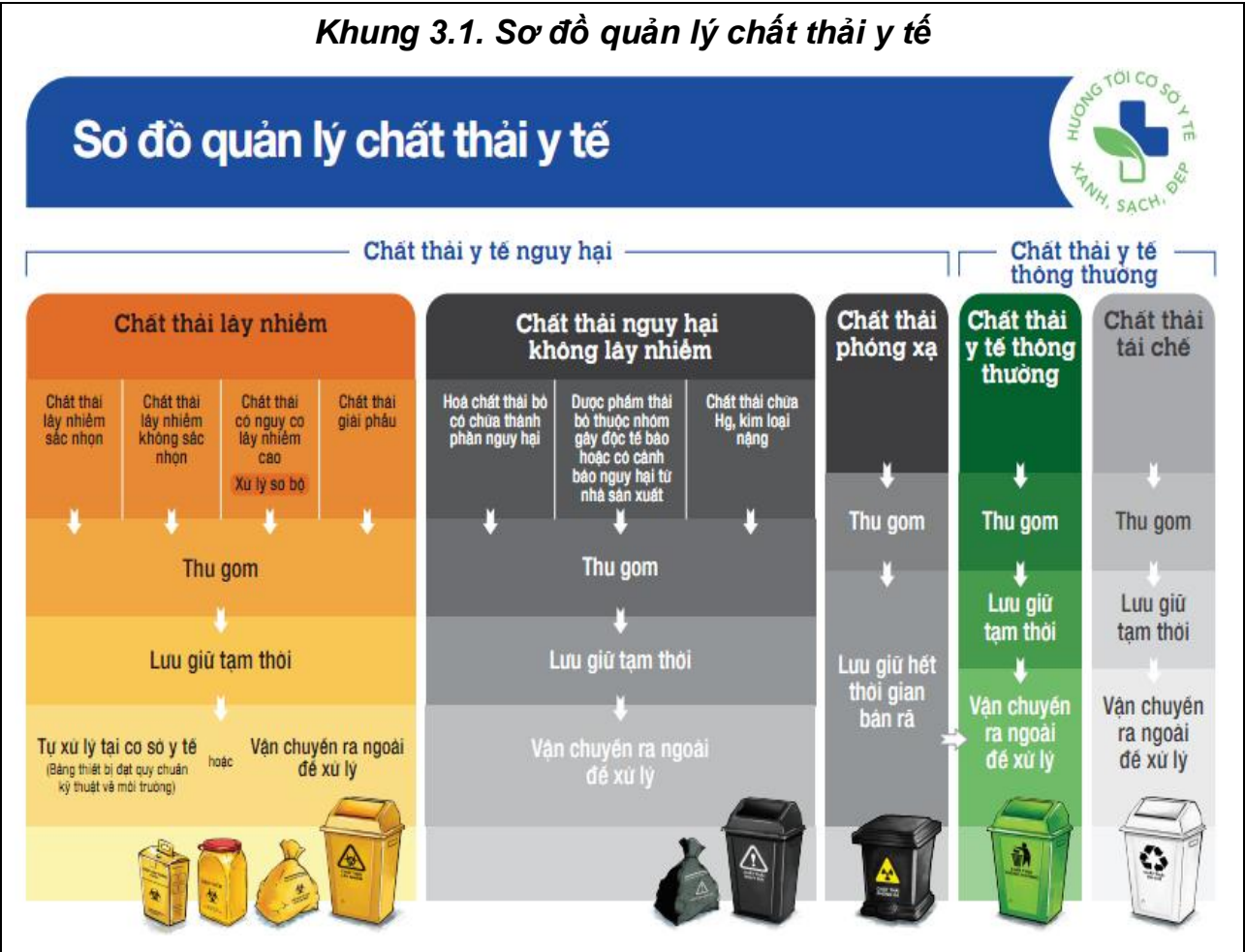
Theo Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, đến năm 2030 nâng cấp 177 Trạm y tế xã/phường/thị trấn hiện có và thành lập mới 18 Trạm Y tế xã với các xã chưa có trạm Y tế. Theo số liệu trong đề án lập quy hoạch ngành y tế tỉnh Hà Giang của Sở Y tế, đến năm 2030 trung bình có khoảng 5 giường bệnh/1 trạm y tế, số giường bệnh đến năm 2030 dự kiến sẽ là 975 giường bệnh/195 trạm y tế. Khối lượng CTRYT phát sinh của các trạm y tế theo Bảng 2.7 là 0,32 kg/giường/ngày (trong đó 27,34% là CTYTNH). Như vậy tổng khối lượng CTYTNH dự kiến năm 2030 của các cơ sở y tế tuyến xã là 84,36 kg/ngày.

#### **2.2.5. Dự báo phát sinh CTYTNH tại các cơ sở y tế tư nhân**

Theo Bảng 2.7, các phòng khám tư nhân phát sinh khoảng 0,34 kg CTRYT/giường/ngày, lượng CTYTNH chiếm 24,39% tương ứng khối lượng là 0,08 kg/giường/ngày. Theo Báo cáo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong giai đoạn đến năm 2020, các cơ sở y tế tư nhân đầu tư, nâng cấp thành các phòng khám đa khoa hoặc chuyên khoa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế. Số giường bệnh tư nhân dự kiến sẽ phát triển đến năm 2020 là 150 giường bệnh trở lên. Như vậy, khối lượng CTYTNH phát sinh năm 2020 từ các cơ sở y tế tư nhân dự kiến sẽ là 12,54 kg/ngày trở lên.

**CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ NĂNG LỰC XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

**3.1. Hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh**



**3.1.1. Phân định các loại chất thải y tế**

Qua kết quả điều tra thu thập tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, tổng cộng có 12 cơ sở y tế tuyến Tỉnh, 132 cơ sở tuyến Huyện, và 177 trạm y tế xã thuộc các Huyện và Thành phố.

Chất thải nguy hại phát sinh được phân thành các loại và được liệt kê dưới các bảng sau:

**Bảng 3.1. Bảng phân định các loại chất thải ở cơ sở y tế tuyến tỉnh**

TT	Tên cơ sở y tế	Thành phần CTYTTH (Tỉ lệ %)
----	----------------	-----------------------------

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	1 (16) 2 (83,2) 4 (0,8)
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	1 (10) 2 (90)
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	1 (32,5) 2 (48,5) 4 (0,03) 5 (18,97)
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	1 (60) 2 (40)
5	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	x
6	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	1 (24,8) 2 (37,6) 5 (37,6)
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	1 (23) 2 (45) 4 (0,04) 5 (31,96)
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	5 (100)
9	Trung tâm giám định Y khoa	1 (100)
10	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	1 (100)
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	x
12	Bệnh viện phục hồi chức năng	1 (34,7) 2 (52,2) 5 (13,1)

Bảng phân định các loại chất thải y tế ở tuyến Huyện và xã được liệt kê ở phụ lục 1.1 và phụ lục 1.2 của Báo cáo.

*Giải thích ý nghĩa của các kí hiệu:*

- 1: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn;
- 2: Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn;
- 3: Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao;
- 4: Chất thải giải phẫu;
- 5: Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn;
- 6: Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng;
- x: Không phát sinh chất thải.



Hiện trạng phân định tại các cơ sở tuyến tỉnh, tuyến huyện và tuyến xã như sau:

- Ở tuyến tỉnh có 12 cơ sở thì trong đó có 10/12 cơ sở phát sinh chất thải:
  - + Chất thải lây nhiễm sắc nhọn có 9/10 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn có 7/10 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao không có cơ sở nào phát sinh;
  - + Chất thải giải phẫu có 3/10 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn có 5/10 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng không có cơ sở nào phát sinh.
- Ở tuyến huyện bao gồm các bệnh viện đa khoa huyện, các trung tâm y tế và các trung tâm kế hoạch hóa gia đình và các phòng khám đa khoa, tổng có 132 cơ sở trong đó có 81/132 cơ sở phát sinh chất thải:
  - + Chất thải lây nhiễm sắc nhọn có 78/81 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn có 73/81 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao không có cơ sở nào phát sinh;
  - + Chất thải giải phẫu có 3/10 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn có 11/81 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng có 5/81 cơ sở phát sinh.
- Ở tuyến xã tổng có 177 trạm y tế thuộc các xã trong huyện trong đó có 176/177 cơ sở phát sinh chất thải:
  - + Chất thải lây nhiễm sắc nhọn có 176/176 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn có 170/176 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao không có cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải giải phẫu có 13/176 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn có 60/176 cơ sở phát sinh;
  - + Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng có 2/176 cơ sở phát sinh.

### **3.1.2. Công tác phân loại chất thải nguy hại**

Việc phân loại chất thải y tế nguy hại phải tuân thủ theo các yêu cầu của Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

## Khung 3.2. Hướng dẫn phân loại chất thải y tế

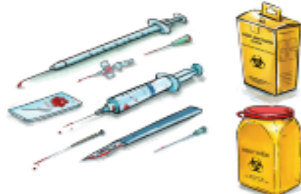
### Hướng dẫn phân loại chất thải y tế



#### Chất thải lây nhiễm

##### Chất thải lây nhiễm sắc nhọn

- Kim tiêm, bơm liên kim, đầu nhọn dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lam kính, lưỡi dao mổ... có chứa/dính máu hoặc dịch sinh học có thể



##### Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn

- Bông, băng, gạc, găng tay y tế dính máu hoặc sinh học có thể, dây truyền dịch, truyền máu, túi đựng máu, túi dẫn lưu...



##### Chất thải giải phẫu

- Mô, cơ quan, bộ phận cơ thể người thải bỏ, xác động vật thí nghiệm...



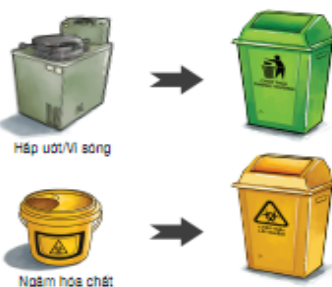
\*Đựng trong 02 lần túi

##### Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao

- Mẫu bệnh phẩm, ống xét nghiệm, đĩa/cốc đựng bệnh phẩm, các vật dụng nuôi cấy, lưu trữ các tác nhân lây nhiễm



Xử lý sơ bộ chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao tại nơi phát sinh



#### Chất thải nguy hại không lây nhiễm

- Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất
- Hóa chất thải bỏ có thành phần nguy hại
- Thiết bị y tế vô, hòng có chứa thủy ngân hoặc các kim loại nặng, bóng đèn huỳnh quang vô hòng, pin, ác quy thải loại
- Chất hàn răng amalgam thải bỏ
- Thuốc điều trị ung thư (hóa trị)



#### Chất thải y tế thông thường

- Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, vỏ bánh kẹo, túi nilon, lá cây, giấy rác từ các khu vực ngoại cảnh, v.v...
- Bột bọ trong giấy xương kín
- Dược phẩm, hóa chất (không chứa thành phần nguy hại) thải bỏ hoặc hết hạn sử dụng



#### Chất thải tái chế

- Vật liệu giấy: giấy, báo, bia, thùng các tông, vỏ hộp thuốc...
- Vật liệu nhựa: chai, lọ đựng thuốc không chứa thành phần nguy hại, chai nước giải khát, v.v...
- Vật liệu thủy tinh: chai, lọ không chứa thành phần nguy hại
- Vật liệu kim loại: lon nước giải khát, vỏ hộp sữa, v.v... không chứa thành phần nguy hại



### 3.1.2.1. Công tác phân loại chất thải y tế nguy hại tại tuyến tỉnh

Dưới đây là bảng công tác phân loại chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh:

**Bảng 3.2. Bảng công tác phân loại chất thải y tế nguy hại tuyến tỉnh**

TT	Tên cơ sở y tế	Thành phố, huyện	CTYTNNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTYTNNH phân loại theo thành phần quy định	Quy trình phân loại
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Sử dụng các thùng túi (đã được phân biệt bằng màu sắc, ký hiệu) để chứa CT theo từng loại đã được quy định.
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Các loại chất thải được đựng riêng biệt vào các túi màu, dụng cụ thiết bị lưu chứa.
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Thùng vàng đựng CTNNH. Thùng xanh đựng CT thông thường.
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> Hộp an toàn -> túi nilon màu.
5	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Kim tiêm lấy máu được đựng riêng trong hộp an toàn. Bông, băng, gạc, gang tay đựng vào thùng và túi màu.
6	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại tại nơi phát sinh tại các khoa phòng vào các thùng, túi

TT	Tên cơ sở y tế	Thành phố, huyện	CTYTNNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTYTNNH phân loại theo thành phần quy định	Quy trình phân loại
						màu, các kim sắc nhọn được đựng vào hộp màu vàng.
7	Trung tâm Kiểm nghiệm	TP Hà Giang	Có	Tại khu lưu giữ	Có	Các vi thuốc, vỏ thuốc được phân loại
8	Trung tâm giám định Y khoa	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại tại phòng tiêm và CTLN sắc nhọn được đựng trong hộp an toàn
9	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại tại phòng tiêm và CTLN sắc nhọn được đựng trong hộp an toàn
10	Bệnh viện phục hồi chức năng	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại theo từng loại theo quy định vào các hộp, túi màu khác nhau.

- Hầu hết các cơ sở y tế tuyến tỉnh đều phân loại chất thải y tế nguy hại tại nguồn và tại nơi phát sinh chất thải như ở phòng, khoa và bộ phận chỉ có Trung tâm kiểm nghiệm là phân loại chất thải y tế nguy hại tại khu vực lưu giữ.

- Từng loại chất thải y tế được phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định.

### 3.1.2.2. Công tác phân loại chất thải y tế nguy hại tuyến Huyện

Bảng mô tả công tác phân loại theo nhóm đối tượng cơ sở y tế phát sinh chất thải y tế nguy hại được liệt kê ở phụ lục 1.3.

Qua kết quả điều tra công tác phân loại ở tuyến Huyện có tổng cộng 81 cơ sở y tế phát sinh chất thải nguy hại và các nhóm đối tượng cơ sở y tế được đánh giá công tác phân loại như sau:

- Các cơ sở y tế thuộc hệ điều trị bao gồm 11 Bệnh viện đa khoa các huyện, công tác phân loại chất thải tại 11 bệnh viện đều tuân thủ theo yêu cầu quy định của thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

- Các cơ sở y tế thuộc hệ y tế dự phòng bao gồm 8 Trung tâm y tế thuộc các huyện: Các cơ sở đều phân loại tại nơi phát sinh, chất thải đều được phân loại theo các thành phần quy định, riêng Trung tâm y tế huyện Bắc Quang thì chất thải không được phân loại theo các thành phần quy định.

- Các phòng khám: Có 62 phòng khám bao gồm các phòng khám đa khoa khu vực và phòng khám tư nhân, trong đó thì đa số các cơ sở y tế đều được phân loại chất thải ngay tại nguồn và đều được phân loại theo thành phần quy định, chỉ có Phòng khám chuyên khoa phụ sản - KHHGD số 64 Minh Khai là không phân loại chất thải theo thành phần quy định.

#### **2.1.2.3. Công tác phân loại chất thải y tế nguy hại tuyến Xã**

Bảng mô tả công tác phân loại chất thải y tế nguy hại tuyến xã được mô tả ở phụ lục 1.4.

- Các cơ sở y tế tuyến xã phát sinh chất thải nguy hại trong ngày với lượng chất thải khá ít tuy nhiên chất thải nguy hại đều được phân loại ngay khi chất thải phát sinh, và được phân loại theo thành phần quy định, chất thải đều được phân loại tại nơi phát sinh. Có 8 cơ sở y tế không phân loại tại nơi phát sinh chất thải.

- Các loại chất thải đều được phân loại vào các túi màu và hộp an toàn.

#### **3.1.3. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại**

##### **3.1.3.1. Tại cơ sở y tế tuyến tỉnh**

- Vị trí đặt bao bì:

- + Các khoa, phòng, bộ phận đã bố trí vị trí để đặt các bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế.

- + Nơi đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế thì các cơ sở y tế hầu hết đều có kí hiệu riêng trên thùng chứa để hướng dẫn phân loại riêng từng chất thải đúng quy định.

+ Các bao bì, thùng đựng chất thải đều có biểu tượng theo quy định tại mục số 02 ban hành theo thông tư số 58/TTLT-BYT-BTNMT.

+ Các bao bì đều có khả năng chống thấm và có kích thước phù hợp với lượng chất thải lưu chứa.

+ Màu sắc của các loại bao bì đều phù hợp với từng loại chất thải theo quy định của khoản 3 điều 5 của thông tư số 58/TTLT-BYT-BTNMT.

+ Thùng hộp đựng chất thải đều có nắp đóng mở thuận tiện trong quá trình sử dụng.

+ Thùng hộp đựng chất thải sắc nhọn có thành, đáy cứng không bị xuyên thủng.

+ Các thùng đựng chất thải này đều có thể tái sử dụng lại theo đúng mục đích lưu chứa sau khi đã được làm sạch và để khô.

- Phân loại chất thải y tế:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn đựng trong thùng hoặc hộp có màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Đựng trong túi hoặc thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải giải phẫu: Đựng trong hai lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi có màu đen.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: Đựng trong các dụng cụ có nắp đậy kín.

100% cơ sở tuân thủ việc phân loại chất thải y tế nguy hại theo đúng quy định của Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Bảng mô tả một số yêu cầu về dụng cụ, thiết bị phân loại của các cơ sở y tế tuyến tỉnh:



**Bảng 3.3. Bảng mô tả yêu cầu về dụng cụ, thiết bị phân loại của các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

TT	Tên cơ sở y tế	TP/Huyện	Từng loại CTYTNH phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định	Dụng cụ, thiết bị	Tình trạng
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Túi vàng Túi đen Túi xanh Túi trắng Hộp đựng sắc nhọn 1,5l Thùng (xanh, vàng, trắng)	Mới
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn Túi màu	Mới
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Thùng đựng Túi nilon vàng, xanh	Tốt
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Tốt
6	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Mới
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	Túi các loại Hộp đựng sắc nhọn	Mới
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	TP Hà Giang	Có	Túi nilon	Mới
9	Trung tâm giám định Y khoa	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn	Mới
10	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	TP Hà Giang	Có	Túi vàng Túi xanh Hộp an toàn	Mới
12	Bệnh viện phục hồi chức năng	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi màu	Mới

### 3.1.3.2. Tại cơ sở y tế tuyến Huyện

Một số yêu cầu về dụng cụ, thiết bị phân loại của các cơ sở y tế tuyến Huyện được liệt kê ở phụ lục 1.5.

Qua công tác điều tra về việc thực hiện quy định về bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế tại tuyến huyện thì kết quả điều tra như sau:

Tại các cơ sở y tế thuộc hệ điều trị bao gồm các bệnh viện huyện các bệnh viện đều thực hiện quy định về bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải đều tuân thủ theo đúng quy định về màu sắc, và về vị trí để chất thải y tế nguy hại. Có một số bệnh viện thùng chứa chất thải vẫn chưa có kí hiệu chỉ dẫn để phân loại từng chất thải, bao bì chất thải tại một số cơ sở còn chưa có kí hiệu phân biệt theo phụ lục số 02 của thông tư số 58/TTLT-BYT-BTNMT. Thùng chứa chất thải một số bệnh viện là giỏ tạm bợ, không có nắp đậy.

Tại các hệ y tế dự phòng là các Trung tâm y tế và ở các phòng khám thì chất thải nguy hại được phân loại vào các dụng cụ như xô nhựa có nắp và túi nilon nhưng túi không đúng theo quy định, hoặc một số nơi thì dùng sọt nhựa và túi nilon, hay một số Trung tâm y tế thì dùng xô inox không tuân thủ đúng quy định. Các thùng đựng chất thải ở các cơ sở không tuân thủ quy định đều không có kí hiệu để phân biệt riêng từng loại chất thải. Các chất thải lây nhiễm sắc nhọn hầu hết đều được đựng vào các hộp an toàn theo quy định là có thành đáy cứng và không bị xuyên thủng.

### **3.1.3.3. Tại cơ sở y tế tuyến xã**

Một số yêu cầu về dụng cụ, thiết bị phân loại của các cơ sở y tế tuyến xã được liệt kê ở phụ lục 1.6.

Ở các cơ sở y tế cấp xã lượng chất thải phát sinh là khá ít nên việc tuân thủ các quy định về phân loại chất thải y tế còn sơ sài.

- + Có 15 cơ sở y tế không phân loại riêng trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định, mà để lẫn các loại chất thải vào với nhau.

- + Thùng đựng chất thải chưa có kí hiệu riêng biệt để phân loại chất thải, túi nilon đựng chất thải hầu hết đều là túi nilon không đúng theo quy định.

- + Hộp đựng chất thải sắc nhọn đúng quy định là đựng vào các hộp an toàn có đáy cứng và không bị xuyên thủng.

Nhìn chung việc phân loại chất thải tại nguồn phát sinh các cơ sở y tế đạt tiêu chí có khoảng 30-40% các cơ sở y tế tuân thủ đầy đủ các quy định về phân định, phân loại chất thải y tế.

Một số hình ảnh quá trình phân định, phân loại chất thải tại các cơ sở y tế:



**Hình 3.1. Dụng cụ, thiết bị lưu giữ tại Bệnh viện mắt**



**Hình 3.2. Dụng cụ, thiết bị lưu giữ tại Trung tâm y tế huyện Quản Bạ**



**Hình 3.3. Dụng cụ, thiết bị lưu giữ tại Bệnh viện phục hồi chức năng**



**Hình 3.4. Trung tâm y tế xã Đồng Tâm - huyện Bắc Quang**





**Hình 3.5. Trung tâm y tế thị trấn Đồng Văn - huyện Đồng Văn**



**Hình 3.6. Trung tâm y tế xã Tát Ngà - huyện Mèo Vạc**



**Hình 3.7. Trạm y tế xã Thượng Phùng - huyện Mèo Vạc**



**Hình 3.8. Trạm y tế xã Lũng Thầu - huyện Đồng Văn**

#### **3.1.4. Xử lý sơ bộ**

Theo khoản 1d, điều 7 Thông tư liên tịch số 58/2015-TTLT-BYT-BTNMT quy định: Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phải xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

Qua điều tra hiện trạng trong tổng số 269 cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh không có cơ sở nào phát sinh chất thải nguy cơ lây nhiễm cao.

Nhưng theo quy định thông tư 58/2015-TTLT-BYT-BTNMT thì nếu các cơ sở y tế có phát sinh loại chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao trong tương lai thì ta cần phải áp dụng phương pháp xử lý ban đầu như sau:

- Khử khuẩn bằng hóa chất: ngâm chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao trong

dung dịch Cloramin B 1-2%, Javen 1-2% trong thời gian tối thiểu 30 phút hoặc các hóa chất khử khuẩn khác theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Khử khuẩn bằng các thiết bị công nghệ không đốt: cho chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao vào trong thiết bị và vận hành theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất và quy định hiện hành.

### **3.1.5. Hiện trạng công tác thu gom**

Thu gom chất thải y tế phải tuân thủ theo quy định thu gom các loại chất thải y tế theo điều 7 Thông tư liên tịch số 58/2015-TTLT-BYT-BTNMT quy định về quản lý chất thải y tế.

#### **3.1.5.1. Thu gom chất thải lây nhiễm**

##### **➤ Thu gom chất thải lây nhiễm các cơ sở y tế ở tuyến tỉnh**

Trong tổng số 12 cơ sở y tế tuyến tỉnh thì có 10 cơ sở phát sinh chất thải đều phát sinh chất thải lây nhiễm và 02 cơ sở không phát sinh chất thải y tế: Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang và Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng. Các cơ sở y tế đều thu gom chất thải lây nhiễm theo yêu cầu thu gom được quy định tại khoản 1 điều 7 của thông tư liên tịch số 58/201-TTLT-BYT-BTNMT:

- Chất thải lây nhiễm được thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải hoặc thu gom để vận chuyển đi xử lý;

- Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải được buộc kín, đối với các bệnh viện có phát sinh khối lượng chất thải lớn thì thùng đựng chất thải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom.

- Các cơ sở y tế tuyến tỉnh hầu hết không quy định tuyến đường thu gom riêng, thời gian thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp.

- Ở tuyến tỉnh không phát sinh các chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao nên không phải tiến hành xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ hoặc vận chuyển đi xử lý nơi khác.

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế và thu gom để vận chuyển đi xử lý nơi khác ở các cơ sở y tế tuyến tỉnh thường là 1-2 lần 1 ngày theo đúng quy định. Bệnh viện mắt tỉnh Hà Giang do khối lượng phát sinh chất thải lây nhiễm dưới 0,5kg/ngày nên tần suất thu gom ở Bệnh viện mắt là 3-4 lần/tháng. Còn riêng ở Trung tâm kiểm

nghiệm thì không phát sinh chất thải lây nhiễm.

- Tỷ lệ thu gom chất thải đều đạt 100%.

Bảng mô tả công tác thu gom chất thải được mô tả ở phụ lục 1.7 của báo cáo.

➤ Thu gom chất thải lây nhiễm các cơ sở y tế ở tuyến Huyện

Trong tổng số 132 cơ sở y tế tuyến Huyện thì có 81 cơ sở phát sinh chất thải trong đó đều phát sinh chất thải lây nhiễm và có 50 cơ sở không phát sinh chất thải y tế được liệt kê trong phụ lục 8 kèm theo báo cáo này. Các cơ sở y tế đều thu gom chất thải lây nhiễm theo các yêu cầu thu gom được quy định tại khoản 1 điều 7 của thông tư liên tịch số 58/2015-TTLT-BYT-BTNMT:

- Chất thải lây nhiễm được thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải hoặc vận chuyển đi xử lý nơi khác;

- Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải được buộc kín, đối với các bệnh viện có phát sinh chất thải với khối lượng lớn thì được thu gom vào thùng đựng theo đúng yêu cầu quy định là có nắp đậy kín, dung tích thùng phù hợp, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom;

- Các cơ sở y tế ở tuyến huyện không quy định tuyến đường thu gom riêng, thời gian thu gom chất thải lây nhiễm hiện tại phù hợp;

- Ở tuyến huyện không có cơ sở nào phát sinh chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao nên không phải xử lý sơ bộ chất thải.

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm ở các cơ sở y tế tuyến Huyện thường là từ 1-2 lần/ngày đối với các cơ sở thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế. Qua kết quả này ta thấy tần suất thu gom tuân thủ theo quy định ở khoản 1đ điều 7 của TTLT 58/2015-TTLT-BYT-BTNMT quy định tối thiểu là 1 lần/ngày.

- Và có một số cơ sở đầy thùng đựng thì mới thu gom về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên cơ sở y tế hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy như ở Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Minh, huyện Yên Minh; Trung tâm y tế huyện Bắc Mê; Phòng khám Hoa Lan, huyện Bắc Mê. Hay thu gom 1 tuần/lần như ở Phòng khám chuyên khoa răng hàm mặt, huyện Đồng Văn và thu gom 2-3 tuần/lần ở Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luận đúng theo quy định ở khoản 1e điều 7 của TTLT 58/2015-TTLT-BYT-BTNMT là tối thiểu là 01 lần/tháng.



- Tỷ lệ thu gom chất thải lây nhiễm hầu hết đều đạt 100%.

➤ Thu gom chất thải lây nhiễm các cơ sở y tế ở tuyến xã:

- Trong tổng số 177 cơ sở y tế cấp xã thì có 176 cơ sở phát sinh chất thải nguy hại và đồng thời phát sinh chất thải lây nhiễm. Các cơ sở y tế tuyến xã đều thu gom chất thải lây nhiễm theo đúng quy định của Thông tư 58. Ở các cơ sở tuyến xã thì hầu hết chất thải nguy hại phát sinh đều rất ít, nhiều nhất là 0,8kg/ngày và cũng không xử lý bằng các lò đốt hiện đại, hầu hết được thu gom vào cuối ngày, cuối giờ làm việc, hoặc vào sáng sớm như ở Trạm y tế thị trấn Yên Bình - huyện Quang Bình hay thu gom vào buổi trưa và buổi chiều như ở Trạm y tế xã Phố Là - huyện Đồng Văn.

- Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải được buộc kín và không làm rò rỉ, rơi vãi.

- Cơ sở y tế không quy định tuyến đường thu gom.

### 3.1.5.2. Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm

- Ở tuyến tỉnh: Có 5 cơ sở y tế tuyến tỉnh phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm. Chất thải không lây nhiễm được phân biệt riêng và vận chuyển lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên của cơ sở y tế. Tần suất thu gom và thời điểm thu gom và tỷ lệ thu gom đều giống với chất thải lây nhiễm.

Dưới đây là bảng mô tả công tác thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:

**Bảng 3.5. Bảng mô tả công tác thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện, Thành phố	CTYT/NH được thu gom riêng biệt	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỷ lệ thu gom(%)
1	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	TP Hà Giang	Có	1	Sáng	100
2	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	TP Hà Giang	Có	1	16h thứ 3 và thứ 5 hàng tuần	100
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Có	2	Sáng và Chiều	100

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện, Thành phố	CTYT/NH được thu gom riêng biệt	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom(%)
4	Trung tâm Kiểm nghiệm	TP Hà Giang	Có	1 quý/lần	Sau khi thành lập hợp đồng hủy thuốc	100
5	Bệnh viện phục hồi chức năng	Huyện Vị Xuyên	Có	1	Chiều	100

- Ở tuyến Huyện: Có 12 cơ sở y tế phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm. Và Các chất thải đều được thu gom riêng biệt. Chất thải là thiết bị y tế bị vỡ, hỏng đa qua sử dụng, thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp nhựa với vật liệu phù hợp và đảm bảo không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường. Tần suất thu gom và thời điểm thu gom và tỉ lệ thu gom đều giống với việc thu gom chất thải lây nhiễm.

Dưới đây là danh sách các cơ sở y tế cấp huyện phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm:

***Bảng 3.6. Danh sách các cơ sở y tế cấp huyện phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm***

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc
3	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc
4	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Hoàng Su Phì
5	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì
6	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bắc Mê
7	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Bắc Quang
8	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Bắc Quang
9	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Bắc Quang
10	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Vị Xuyên
11	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Yên Minh

*Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang*

*Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Môi trường 103*

- Ở tuyến xã: Có 55 cơ sở y tế phát sinh chất thải không lây nhiễm. Việc phân loại chất thải lây nhiễm được tiến hành ngay tại nơi phát sinh chất thải và được thu gom vào các thời điểm cùng với các loại chất thải khác.

Dưới đây là danh sách các cơ sở y tế cấp xã phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm:

**Bảng 3.7. Danh sách các cơ sở y tế cấp xã phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện
1	Trạm y tế xã Tả Ván	Quản Bạ
2	Trạm y tế xã Lùng Tám	Quản Bạ
3	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Quản Bạ
4	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Quản Bạ
5	Trạm y tế xã Thái An	Quản Bạ
6	Trạm y tế xã Ngam La	Yên Minh
7	Trạm y tế xã Phú Lũng	Yên Minh
8	Trạm y tế xã Thắng Mố	Yên Minh
9	Trạm y tế xã Sùng Tráng	Yên Minh
10	Trạm y tế xã Bản Máy	Hoàng Su Phì
11	Trạm y tế xã Bản Péo	Hoàng Su Phì
12	Trạm y tế xã Hố Thầu	Hoàng Su Phì
13	Trạm y tế xã Pố Lò	Hoàng Su Phì
14	Trạm y tế xã Thàng Tín	Hoàng Su Phì
15	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Hoàng Su Phì
16	Trạm y tế xã Đản Ván	Hoàng Su Phì
17	Trạm y tế xã Túng Sán	Hoàng Su Phì
18	Trạm y tế xã Tân Tiến	Hoàng Su Phì
19	Trạm y tế xã Yên Định	Bắc Mê

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

20	Trạm y tế xã Năm Dân	Xín Mần
21	Trạm y tế xã Pà Vây Sủ	Xín Mần
22	Trạm y tế xã Khuôn Lùng	Xín Mần
23	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Xín Mần
24	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Bắc Quang
25	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Bắc Quang
26	Trạm y tế xã Bằng Hành	Bắc Quang
27	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Bắc Quang
28	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Bắc Quang
29	Trạm y tế xã Đông Thành	Bắc Quang
30	Trạm y tế xã Đức Xuân	Bắc Quang
31	Trạm y tế xã Hùng An	Bắc Quang
32	Trạm y tế xã Hữu Sản	Bắc Quang
33	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Bắc Quang
34	Trạm y tế xã Quang Minh	Bắc Quang
35	Trạm y tế xã Tân Lập	Bắc Quang
36	Trạm y tế xã Tân Quang	Bắc Quang
37	Trạm y tế xã Tân Thành	Bắc Quang
38	Trạm y tế xã Tiên Kiều	Bắc Quang
39	Trạm y tế xã Thượng Bình	Bắc Quang
40	Trạm y tế xã Việt Hồng	Bắc Quang
41	Trạm y tế xã Việt Vinh	Bắc Quang
42	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Bắc Quang
43	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Bắc Quang
44	Trạm y tế xã Vô Đếm	Bắc Quang
45	Trung tâm y tế xã Tân Trịnh	Quang Bình

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

46	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Quang Bình
47	Trạm y tế xã Xuân Minh	Quang Bình
48	Trạm y tế xã Tân Bắc	Quang Bình
49	Trạm y tế xã Yên Hà	Quang Bình
50	Trạm y tế xã Hương Sơn	Quang Bình
51	Trạm y tế xã Nà Khương	Quang Bình
52	Trạm y tế xã Tân Nam	Quang Bình
53	Trạm y tế xã Bằng Lang	Quang Bình
54	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Quang Bình
55	Trạm y tế xã Tiên Yên	Quang Bình

### **3.1.5.3. Thu gom chất thải y tế thông thường**

- Ở tuyến tỉnh: Chất thải y tế thông thường phát sinh tại 9/12 cơ sở bao gồm chất thải thông thường phục vụ mục đích tái chế và chất thải y tế thông thường không phục vụ mục đích tái chế hầu hết được thu gom riêng biệt theo quy định thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Dưới đây là bảng danh sách các cơ sở phát sinh chất thải y tế thông thường:

**Bảng 3.8. Bảng danh sách các cơ sở phát sinh chất thải y tế thông thường**

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện/TP</b>
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	TP Hà Giang
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang
5	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	TP Hà Giang
6	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang
7	Trung tâm giám định Y khoa	TP Hà Giang
8	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	TP Hà Giang
9	Bệnh viện phục hồi chức năng	Huyện Vị Xuyên

- Ở tuyến Huyện: Có 132 cơ sở y tế, trong đó có 31 cơ sở y tế không phát sinh chất thải y tế thông thường. Còn lại các cơ sở khác đều phát sinh chất thải y tế thông thường và được phân loại thành chất thải sinh hoạt thông thường và chất thải y tế thông thường được thu gom, tái chế.

Dưới đây là bảng danh sách các cơ sở phát sinh chất thải y tế thông thường ở tuyến Huyện:

**Bảng 3.9. Bảng danh sách các cơ sở phát sinh chất thải y tế thông thường tuyến Huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện/TP
1	Phòng khám ngoại bác sỹ Lìn Xuân Cường	Quản Bạ
2	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Yên Minh	Yên Minh
3	Phòng khám bệnh Hà Thành	Yên Minh
4	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Yên Minh
5	Phòng khám bác sỹ Thu	Yên Minh
6	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc
7	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì
8	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Hạnh	Hoàng Su Phì
9	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Mê	Bắc Mê
10	Phòng khám Khánh Chương	Bắc Mê
11	Phòng khám Bác sỹ Lương Xuân Long	Xín Mần
12	Phòng khám sản phụ khoa Nguyễn Thị Giang	Xín Mần
13	Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Xín Mần	Xín Mần
14	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Văn	Đồng Văn



*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

15	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	Đồng Văn
16	Phòng khám Sản - Phụ khoa	Đồng Văn
17	Phòng khám chữa bệnh ngoài giờ bác sĩ Vương Thị Lan	Đồng Văn
18	Phòng khám bác sĩ Nông Văn Thắng	Bắc Quang
19	Trung tâm dân số Kế hoạch hóa gia đình Huyện Quang Bình	Quang Bình
20	Phòng khám nội tổng hợp Hoàng Văn Thường	Quang Bình
21	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Huyền	Quang Bình
22	Trung tâm Dân số-Kế hoạch hóa gia đình TP Hà Giang	TP Hà Giang
23	Phòng khám chuyên Khoa mắt	TP Hà Giang
24	Phòng khám đông y Bùi Thị Hà	TP Hà Giang
25	Phòng khám sản. siêu âm Lý Thị Mến	TP Hà Giang
26	Phòng khám chuẩn trị Đông Y	TP Hà Giang
27	Trung tâm Dân số-Kế hoạch hóa gia đình huyện Vị Xuyên	Vị Xuyên
28	Phòng khám Tai mũi họng	Vị Xuyên
29	Phòng khám Phương Thiêm	Vị Xuyên
30	Phòng khám siêu âm	Vị Xuyên
31	Phòng khám BS Nguyễn Văn Minh	Vị Xuyên

- Ở tuyến xã: Có 177 cơ sở y tế cấp xã hầu hết là các trạm y tế thuộc các xã và huyện, có tới 172 cơ sở hầu hết đều phát sinh chất thải thông thường với khối lượng khá ít. Nhưng hầu hết các chất thải y tế thông thường được thu gom xong không được đem đi tái chế mà thu gom xong đốt tại ngay lò đốt của trạm y tế xã, hoặc nhờ các đơn vị khác xử lý. Chỉ có 5 cơ sở y tế là: Trạm y tế xã Tùng San; Trạm y tế Thị trấn Vinh Quan; Trạm y tế Thị trấn Cốc Pài; Trạm y tế xã Nàn Ma; Trạm y tế thị trấn Yên Bình không phát sinh chất thải y tế thông thường.

### **3.1.6. Vận chuyển nội bộ**

Công tác vận chuyển CTYTNH tại các cơ sở y tế phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- + Thời gian vận chuyển được bố trí hợp lý, tránh thời điểm đông bệnh nhân đến khám bệnh. Người vận chuyển tuân thủ các yêu cầu: không để quá đầy chất thải trong xe, luôn đóng nắp khi vận chuyển và không để rò rỉ nước thải hoặc rơi vãi chất thải trên đường vận chuyển.

- + Hầu hết người vận chuyển đều được trang bị thiết bị bảo hộ lao động như: quần áo bảo hộ, đội mũ, đeo khẩu trang và găng tay trong suốt quá trình vận chuyển.

- + Xe vận chuyển chất thải phải được cọ rửa, làm sạch ngay sau mỗi lần thu gom.

- + Khi vận chuyển chất thải lỏng, yêu cầu bao gói phải kín, đảm bảo không để thấm, chảy ra ngoài. Vận chuyển chất thải chịu áp lực phải chèn, chống va đập.

#### **- Công tác vận chuyển chất thải ở các cơ sở y tế tuyến tỉnh:**

Qua điều tra, khảo sát thực tế cho thấy, phần lớn các cơ sở y tế áp dụng phương thức vận chuyển thủ công xách tay CTYTNH từ nơi phát sinh đến khu vực xử lý. Riêng tại các bệnh viện lớn, khối lượng CTYTNH phát sinh nhiều, đã được trang bị xe đẩy tay để vận chuyển CTYTNH. Chất thải y tế nguy hại sau khi thu gom được vận chuyển đến khu vực lưu giữ hoặc xử lý, thời gian vận chuyển thường là cuối ngày với nhân lực tham gia là nhân lực thực hiện thu gom CTYTNH. Nhân lực tham gia đều được trang bị phương tiện bảo hộ lao động.

**Bảng 3.10. Công tác vận chuyển CTYTNH tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện/Thành phố	Phương tiện vận chuyển	Số lượng (xe)	Thời gian vận chuyển	Nhân lực tham gia (người)	Trang bị phương tiện BHLĐ
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Xe đẩy tay	64	Sáng và chiều	52	Có
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Không	0	Chiều	-	Có
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	TP Hà Giang	Xe đẩy tay	4	Sáng	4	Có
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Không	0	Cuối ngày	1	Có
5	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	TP Hà Giang	Không	0	Thứ 3 và thứ 5 vào 16h	4	Có
6	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	Xe đẩy tay	1	Sáng và chiều	-	Có
7	Trung tâm Kiểm nghiệm	TP Hà Giang	Không	0	-	-	-
8	Trung tâm giám định Y khoa	TP Hà Giang	Không	0	Cuối ngày	2	Có
9	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	TP Hà Giang	Không	0	Chiều	4	Có
10	Bệnh viện phục hồi chức năng	Huyện Vị Xuyên	Không	0	Chiều	3	Có

**- Công tác vận chuyển chất thải đối với các sở sở y tế tuyến Huyện:**

+ Đối với các Bệnh viện Đa khoa các huyện: Có 5/11 Bệnh viện đa khoa huyện vận chuyển CTYTNH bằng xe đẩy tay, các bệnh viện còn lại áp dụng phương thức vận chuyển thủ công xách tay CTYTNH từ nơi phát sinh đến nơi lưu giữ, xử lý chất thải. Thời gian vận chuyển được bố trí hợp lý, nhân lực tham gia vận chuyển đều được trang bị phương tiện bảo hộ lao động.

**Bảng 3.11. Công tác vận chuyển CTYTNNH tại các Bệnh viện đa khoa huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Phương tiện vận chuyển	Số lượng	Thời gian vận chuyển	Nhân lực tham gia (người)	Trang bị phương tiện BHLĐ
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Không	0	10h30 và 16h30	4	Có
2	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	Xe đẩy tay	5	Sau 16h30	7	Có
3	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Xe đẩy tay	4	Cuối ngày	4	Có
4	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Xe đẩy tay	2	Chiều 16h	9	Có
5	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Xe đẩy tay	2	Cuối ngày	4	Có
6	Bệnh viện đa khoa Nà chỉ	Xín Mần	Không	0	Buổi sáng, cuối buổi	4	Có
7	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	Không	0	Buổi chiều	5	Có
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	Không	0	Cuối ngày	7	Có
9	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	Xe đẩy tay	3	Đầu sáng và cuối giờ chiều	9	Có
10	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Quang Bình	Không	0	Sáng - Chiều	4	Có
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Không	0	Sáng và chiều	9	Có

+ Đối với các Trung tâm y tế: Hầu hết các cơ sở đều vận chuyển chất thải bằng phương thức thủ công, CTYTNNH được xách tay đến khu vực lưu giữ hoặc nơi xử lý chất thải. Vào cuối mỗi ngày làm việc (hoặc khi có ít bệnh nhân), nhân viên y tế tự xách túi chất thải đến khu vực lưu giữ hoặc đưa đến nơi cần xử lý chất thải.

**Bảng 3.12. Công tác vận chuyển CTYTNH tại các Trung tâm y tế tuyến huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Phương tiện vận chuyển	Số lượng	Thời gian vận chuyển	Nhân lực tham gia	Trang bị phương BHLĐ
1	Trung tâm y tế huyện Quán Bạ	Quán Bạ	Không	0	Cuối ngày	1	Có
2	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	Yên Minh	Không	0	Cuối ngày	1	Có
3	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Không	0	Cuối ngày	1	Có
4	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Không	0	Chiều 16h	1	Có
5	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Không	0	Khi hộp/túi đầy	3	Không
6	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Xín Mần	Không	0	Cuối buổi	4	Có
7	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Bắc Quang	Không	0	16h chiều	2	Có
8	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Hà Giang	Không	0	Chiều	3	Có
9	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	Vị Xuyên	Không	0	16 h	4	Có

- **Công tác vận chuyển chất thải y tế nguy hại tại các trạm y tế xã:** Lượng CTYTNH phát sinh nhỏ nên các trạm y tế xã đều áp dụng phương thức vận chuyển thủ công CTYTNH đến nơi lưu giữ, xử lý. Chất thải được nhân viên y tế trạm phân loại, thu gom và vận chuyển vào cuối buổi chiều hoặc sáng sớm trong ngày. Các nhân viên y tế đều được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động trong quá trình thu gom, vận chuyển CTYTNH.

Chi tiết công tác vận chuyển CTYTNH tại các trạm y tế xã xem tại Phụ lục 1.9.

- **Đối với các phòng khám đa khoa khu vực:** hầu hết các phòng khám tư nhân đều áp dụng phương thức vận chuyển CTYTNH thủ công, cơ sở tự bố trí người vận chuyển chất thải đến các nơi xử lý chất thải. . Thời gian vận chuyển và nhân lực người vận chuyển xem chi tiết tại phụ lục 1.10 của báo cáo.

### 3.1.7. Giao nhận chất thải

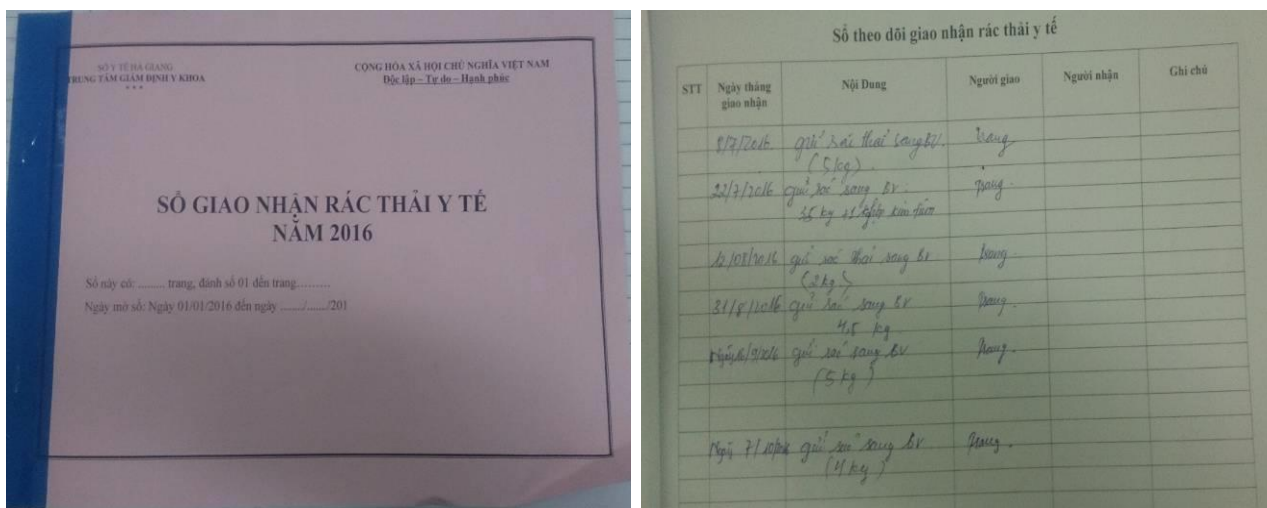
Theo khoản 6, điều 9 của TT36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất thải nguy hại, yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ xử lý CTNH là cần phải lập sổ giao nhận CTNH để theo dõi tên, số lượng, mã CTNH, thời gian, đơn vị chuyển giao hoặc tiếp nhận CTNH với cơ sở xử lý CTNH của mình, bảo đảm khớp với chứng từ CTNH.

Qua kết quả điều tra, trong tổng số các cơ sở y tế phát sinh chất thải y tế, chỉ có một số bệnh viện lớn có sổ giao nhận còn lại các cơ sở y tế khác đều không có sổ giao nhận chất thải nguy hại.

Danh sách các cơ sở có sổ giao nhận chất thải y tế:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang;
- Trung tâm giám định Y khoa tỉnh Hà Giang;
- Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang;
- Bệnh viện phục hồi chức năng huyện Vị Xuyên;
- Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình;
- Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ.

Dưới đây là hình ảnh sổ giao nhận chất thải y tế hàng ngày điển hình:



**Hình 3.9. Sổ giao nhận CTYT của Trung tâm giám định Y khoa tỉnh Hà Giang**



### 3.1.8. Công tác Lưu giữ chất thải

#### 3.1.8.1. Công tác lưu giữ chất thải ở các cơ sở y tế tuyến tỉnh

##### Khung 3.3. Yêu cầu khu lưu giữ chất thải y tế

## Yêu cầu khu lưu giữ chất thải y tế



01



- Có mái che cho khu vực lưu giữ

02



- Nên đảm bảo không bị ngập lụt, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố

03



- Tủ đựng, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại trong khu vực lưu giữ phải có biển hiệu cảnh báo, phòng ngừa tương ứng với từng loại chất thải
- Phân chia ô hoặc có dụng cụ, thiết bị lưu giữ riêng cho từng loại chất thải



04



- Có vật liệu hấp thụ (cát khô, mùn cưa, bột canxi hydroxit, bột sunfua) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải y tế nguy hại ở dạng lỏng

05



- Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền

06



- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải

Việc lưu giữ chất thải y tế tại các cơ sở y tế phải tuân theo các yêu cầu quy định theo thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Dưới đây là bảng liệt kê các đơn vị cấp tỉnh có khu vực lưu giữ chất thải y tế:

**Bảng 3.13. Bảng tổng hợp các cơ sở y tế cấp tỉnh có khu vực lưu trữ chất thải y tế riêng biệt**

TT	Tên cơ sở y tế	Có xây dựng khu vực lưu giữ chất thải y tế hay không
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	Có
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	Không
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	Có
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	Không
5	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	Không phát sinh chất thải
6	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Không xây dựng
7	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	Có
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	Có
9	Trung tâm giám định Y khoa	Không xây dựng
10	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	Có
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	Không phát sinh chất thải
12	Bệnh viện phục hồi chức năng	Có

Ở tuyến tỉnh có 12 đơn vị cơ sở y tế, trong đó có 6 đơn vị y tế có khu vực lưu trữ chất thải y tế riêng biệt. Riêng có 2 đơn vị là Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang và Trung tâm phòng chống sốt rét - KST (Kí sinh trùng) và côn trùng là không phát sinh chất thải. Còn 4 đơn vị cơ sở y tế không xây khu riêng biệt mà chỉ là lưu giữ tạm ở sân bê tông có mái che và tường gạch bao quanh hoặc trong khu vực bệnh viện hoặc trung tâm.

*a. Hiện trạng các yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ*

Theo các yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ chất thải tại cơ sở y tế của phụ lục 3 Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT, dưới đây là bảng mô tả các yêu cầu kỹ thuật của 6 cơ sở y tế cấp tỉnh có khu lưu giữ riêng biệt:

**Bảng 3.14. Bảng mô tả các yêu cầu kỹ thuật khu vực lưu giữ CTYTNH tại cơ sở y tế cấp Tỉnh**

TT	Các cơ sở y tế	Có mái che không	Kiểm soát thông gió theo nhu cầu không	Độ cao nền đảm bảo khi có sự cố ngập lụt, bị chảy tràn khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn	Khu lưu giữ có phân chia ô có cùng tính chất	Tường ô, dụng cụ theo quy định	Khu lưu giữ có vật liệu hấp thụ	Khu vực có thiết bị phòng cháy chữa cháy
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	Có	Có	Có	Có	Có	Không	Có
2	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Có
3	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	Có	Không	Có	Có	Có	Không	Có
4	Trung tâm Kiểm nghiệm	Có	Có	Có	Có	Có	Không	Có
5	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	Có	Không	Có	Không	Có	Không	Không
6	Bệnh viện phục hồi chức năng	Có	Có	Có	Không	Không	Không	Không

Nhìn chung các khu lưu giữ của các cơ sở đều có mái che, nền đều đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, không bị chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn. Trong khu lưu giữ có Bệnh viện lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Y dược cổ truyền và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản là không có hệ thống thông gió theo nhu cầu. Việc phân chia các ô lưu chứa có cùng loại chất thải hoặc nhóm chất thải cùng tính chất chỉ có 3 cơ sở là Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, Bệnh Viện Y Dược cổ truyền và Trung tâm kiểm nghiệm là đã có sự phân biệt các ô riêng để từng loại chất thải được phân biệt nhau.

Hầu hết các cơ sở có khu lưu giữ đều có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với từng loại chất thải y tế nguy hại theo từng ô, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế nguy hại trong khu vực lưu giữ. Chỉ có Bệnh viện phục hồi chức năng là không có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với từng loại chất thải y tế.

Không có cơ sở nào có trang bị vật liệu hấp thụ. Các cơ sở đều có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy, có hai cơ sở đó là Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản và Bệnh viện phục hồi chức năng đều không trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Qua kết quả điều tra, các cơ sở y tế tại tuyến tỉnh chỉ có Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang và Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh Hà Giang là hầu như tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ chất thải y tế còn lại các cơ sở y tế còn lại có một số yêu cầu kỹ thuật vẫn chưa tuân thủ đầy đủ.

#### *b. Hiện trạng dụng cụ, thiết bị lưu giữ và thời gian lưu giữ chất thải y tế*

Dưới đây là bảng liệt kê các loại dụng cụ, thiết bị lưu giữ và thời gian lưu giữ chất thải nguy hại tại các cơ sở y tế cấp tỉnh:

**Bảng 3.15. Bảng dụng cụ, thiết bị lưu giữ và thời gian lưu giữ chất thải NH tại cơ sở y tế cấp Tỉnh**

TT	Tên cơ sở y tế	Dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Tình trạng	Dụng cụ, thiết bị lưu chứa thường xuyên vệ sinh sạch sẽ không	Tần suất vệ sinh thiết bị	Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	Thùng chứa Xe đẩy tay 1m <sup>3</sup>	20 3	Đang sử dụng	Có	2 lần/ngày	24h
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	Thùng rác có nắp đậy	1	Sử dụng bình thường	Có	2	48h
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	Thùng	4	Mới	Có	1	2h
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	Thùng rác có nắp đậy	1	Sử dụng bình thường	Có	2 ngày/lần	48h
5	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Thùng chứa 100l	3	Đang sử dụng	Có	1	48h
6	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	Thùng chứa	20	Sử dụng bình thường	Có	2	24h
7	Trung tâm Kiểm nghiệm	Tủ lưu trữ	4	Đang sử dụng	Có	1	2 năm
8	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	Thùng 10 lít	3	Đang sử dụng	Có	1	48h
9	Bệnh viện phục hồi chức năng	Túi	20	Sử dụng bình thường	Có	1	24h



Qua bảng trên ta đưa ra nhận xét sau:

- Đối với CTRYT thông thường: Trang bị thùng rác các loại màu xanh có nắp đậy để tập kết CTRYT tại nhà lưu giữ trước khi được đem đi xử lý.
- Đối với CTRYT nguy hại: Bố trí các thùng rác màu cam/vàng có nắp đậy loại tại nhà tập kết hoặc nhà đốt CTRYT nguy hại của đơn vị để chứa CTRYT nguy hại. Đa phần các cơ sở y tế đều có số lượng thùng thực tế nhiều hơn so với nhu cầu lưu giữ CTRYT nguy hại của cơ sở.
- Nhìn chung chất thải y tế tại các cơ sở được lưu giữ đều có các dụng cụ và thiết bị chứa như thùng 10l, thùng 100l, các thùng chứa hầu hết tuân thủ theo yêu cầu theo quy định tại phụ lục II ban hành theo thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BNTMT. Nhưng có một số cơ sở như Bệnh viện phục hồi chức năng thì sử dụng túi nilon để lưu giữ chất thải không đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BNTMT, nhà lưu trữ chất thải không có biển chỉ dẫn, hiện trạng xuống cấp cần được cải tạo lại.
- Riêng Bệnh viện đa khoa tỉnh thì các loại chất thải y tế nguy hại và chất thải y tế thông thường đã được phân loại riêng biệt và lưu giữ riêng tại các khu vực khác nhau trong khuôn viên của bệnh viện. Cả chất thải y tế thông thường có thể tái chế hay không tái chế đều được lưu giữ ở khu riêng.
- Tại Trung tâm phòng chống HIV/AIDS chất thải y tế được lưu giữ cùng với nhà đặt thiết bị tiệt khuẩn tích hợp nghiền cắt trong cùng khoang xử lý.
- Tại Trung tâm kiểm nghiệm thì chất thải y tế được thu gom hàng ngày bao gồm các vật sắc nhọn, bơm tiêm, kim tiêm, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, găng tay, băng gạc bẩn, lam kính, ống nghiệm, vỏ chai, bao bì đựng dụng cụ, hóa chất, thuốc thử...khối lượng khoảng 5-10kg/tháng. Trung tâm tự phân loại và lưu giữ trong vòng 1 quý đến khi có hợp đồng hủy mẫu thuốc thì vận chuyển đến Bệnh Viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Hà Giang để hợp đồng xử lý.
- Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm tại các cơ sở y tế đều tuân thủ đúng quy định thông tư 58/TTLT-BYT-BTNMT.

Một số hình ảnh về khu vực lưu giữ của các cơ sở y tế cấp tỉnh:





**Hình 3.10. Khu lưu giữ chất thải nguy hại của Bệnh viện Lao và Phổi**



**Hình 3.11. Khu lưu giữ chất thải của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang**



**Hình 3.12. Khu lưu giữ chất thải của Bệnh viện phục hồi chức năng**



**Hình 3.13. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại của Trung tâm phòng chống HIV/AIDS**

#### **3.1.8.2. Công tác lưu giữ chất thải ở các cơ sở y tế tuyến huyện**

Các cơ sở y tế có khu vực lưu giữ chất thải y tế của các cơ sở y tế được liệt kê ở phụ lục 1.11.

Qua kết quả khảo sát, ở tuyến Huyện có 132 cơ sở y tế bao gồm các bệnh viện huyện, Các trung tâm ty tế cấp huyện và các phòng khám tư nhân, trong đó có 25 cơ sở có khu lưu trữ riêng biệt. Có khoảng 21% cơ sở y tế có khu lưu giữ chất thải y tế, vị trí lưu giữ chủ yếu là ở lò đốt của các cơ sở hoặc khu vực kho gần phòng khám, hoặc sau phòng khám, khu vực kiểm soát nhiễm khuẩn của cơ sở, khu vực tập trung chất thải của cơ sở hoặc khu lưu trữ riêng của các cơ sở y

tế. Khoảng 19-20% cơ sở y tế lưu giữ chất thải tại ngay phòng khám rồi cuối ngày thu gom đi xử lý hoặc thuê đơn vị khác xử lý.

Tại Trung tâm dân số Kế hoạch hóa gia đình của các huyện không nằm trong đơn vị trực thuộc hệ điều trị nên không phát sinh chất thải, nên không nằm trong diện phải xử lý chất thải y tế. Ngoài ra có 50 cơ sở chiếm khoảng 38% các phòng khám tư nhân và trung tâm y tế không phát sinh chất thải hay chất thải nguy hại.

*a. Hiện trạng các yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ*

- Hầu hết các cơ sở y tế có nhà lưu giữ đều có mái che, cách phòng khám, lối đi công cộng > 5m; Có 2 cơ sở đó là Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình và BV Đa khoa huyện Vị Xuyên đều có hệ thống thu gom thoát nước ở khu vực lưu giữ.

- Một số cơ sở y tế có nhà lưu giữ có khóa cửa, hàng rào bảo vệ; có trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân.

- Không có cơ sở y tế nào trang bị hệ thống điều hòa để lưu giữ CTRYT.

Dưới đây là bảng yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ:

**Bảng 3.16. Yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Kết cấu	Mái che	Thiết kế kỹ thuật
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Tường gạch	Có	Nhà cấp 4, mái tôn
2	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Tường gạch	Có	Nhà cấp 4, mái tôn
3	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Quản Bạ	-	Có	Nhà cấp 4, có mái che
4	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	Xây bằng gạch	Có	Xung quanh được che mái tôn kín, bên trong có các thùng có nắp để chứa, có giá đỡ
5	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Tường gạch và song sắt	Có	-
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực	Hoàng Su Phì	Tường gạch bê tông	Có	-



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Kết cấu	Mái che	Thiết kế kỹ thuật
	Hoàng Su PHì				
7	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Nhà cấp 4	Có	-
8	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	Bê tông	Có	Nền bê tông
9	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	Nhà xây mái tôn	Có	-
10	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	Bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn mới xây dựng	Có	-
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Bê tông	Có	Có hệ thống thoát nước, biển cảnh báo
12	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Huyện Quang Bình	Tường xi măng	Có	-
13	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Bê tông cốt thép	Có	Có biển hiệu
14	Phòng khám răng hàm mặt 45 – Minh Khai	Thành phố Hà Giang	-	-	Có cửa ra vào
15	Phòng khám da liễu BS Hoàng Thanh Thoát	Thành phố Hà Giang	-	Có	-
16	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng BS Long	Thành phố Hà Giang	-	Có	-

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Kết cấu	Mái che	Thiết kế kỹ thuật
17	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	Thành phố Hà Giang	-	Có	-
18	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	Thành phố Hà Giang	-	Có	Có cửa ra vào
19	Phòng khám đa khoa Đức Minh	Thành phố Hà Giang	-	Có	-
20	Phòng khám Nội - Nhi	Thành phố Hà Giang	-	Có	-
21	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Thành phố Hà Giang	Xây bằng gạch	Có	-
22	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	-	Có	Tường gạch, bê tông, có hệ thống thu gom thoát nước
23	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Huyện Vị Xuyên	Có kết cấu kín, bằng bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở

**b. Trang thiết bị lưu giữ CTRYT**

Dưới đây là bảng mô tả dụng cụ, thiết bị và thời gian lưu giữ chất thải nguy hại tại các cơ sở y tế cấp huyện:

**Bảng 3.17. Bảng dụng cụ, thiết bị lưu giữ và thời gian lưu giữ chất thải NH tại cơ sở y tế cấp huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện/TP	Dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Tình trạng	Thời gian lưu giữ CTYTNH lây nhiễm
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Thùng chứa	5	Tốt	1 ngày
2	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Thùng chứa	5	Tốt	1 ngày
3	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Quản Bạ	Không có		-	1 ngày
4	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	Thùng chứa có nắp	15	Tốt	1 ngày
5	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Không có	-	-	1 ngày
6	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Thùng chứa 150ml	10	Tốt	1 ngày
7	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Không có	-	-	1 ngày
8	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	Thùng 50l	8	Tốt	1 ngày
9	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	Không có	-	-	-
10	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	Thùng Xe đẩy tay	20 3	Tốt	1 ngày
11	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Quang Bình	Thùng nhựa HDPE	10	Tốt	24h
12	Phòng khám đa khoa khu vực	Quang Bình	Túi nilon	4	Tốt	1-2 ngày



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện/TP	Dụng cụ, thiết bị	Số lượng	Tình trạng	Thời gian lưu giữ CTYTNH lây nhiễm
	Xuân Giang		Bao bì chống thấm	2		
13	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	TP Hà Giang	Thùng 20l	2	Tốt	2 ngày
14	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	TP Hà Giang	Không có	-	-	-
15	Phòng khám da liễu BS Hoàng Thanh Thoát	TP Hà Giang	Không có	-	-	-
16	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng BS Long	TP Hà Giang	Không có	-	-	1 ngày
17	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	TP Hà Giang	Không có	-	-	-
18	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	TP Hà Giang	Không có	-	-	-
19	Phòng khám đa khoa Đức Minh	TP Hà Giang	Thùng có nắp	1	-	2-3 ngày
20	Phòng khám Nội - Nhi	TP Hà Giang	Không có	-	-	-
21	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	TP Hà Giang	Hộp chứa CTNH	1	Tốt	1 ngày
22	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Vị Xuyên	Thùng 150ml	15	Tốt	1 ngày
23	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Vị Xuyên	Hộp an toàn	3	Tốt	1 ngày

- Đối với chất thải y tế thông thường: Trang bị thùng rác các loại màu xanh có nắp đậy hoặc túi nilon màu xanh để tập kết CTRYT tại nhà lưu giữ trước khi được đem đi xử lý. Hầu hết các cơ sở y tế đều có số lượng thùng thực tế ít hơn nhiều so với số lượng thùng cần thiết. Chỉ có một số các phòng khám chuyên khoa hay tư nhân, các TTYT huyện miền núi với khối lượng phát sinh CTR thông thường ít mới có số lượng thùng được trang bị vượt nhu cầu.

- Đối với CTRYT nguy hại: Bố trí các thùng rác màu cam/vàng có nắp đậy loại 20, 50, 120l, 150l, tại nhà tập kết hoặc nhà đốt CTRYT nguy hại của đơn vị để chứa CTRYT nguy hại. Đa phần các cơ sở y tế đều có số lượng thùng thực tế nhiều hơn so với nhu cầu lưu giữ CTRYT nguy hại của cơ sở. Thùng chứa đều đang sử dụng tốt tuân thủ theo yêu cầu thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Có một số cơ sở y tế không có thùng chứa lưu giữ mà chỉ có đựng trong túi nilon hoặc thùng tạm bợ.

Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm hầu hết đều tuân thủ theo thông tư 58/TTLT-BYT-BTNMT.

Một số hình ảnh về khu lưu giữ chất thải y tế tại các cơ sở tuyến huyện:



**Hình 3.14. Khu lưu giữ TTYT Hà Giang**



**Hình 3.15. Khu lưu giữ BVĐK H. Vị Xuyên**



**Hình 3.16. Khu lưu trữ Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ**



**Hình 3.17. Khu lưu giữ của Bệnh viện Đa khoa Hoàng Su Phi**





**Hình 3.18. Khu lưu trữ Bệnh viện Đa khoa huyện Xí Mần**

### 3.1.8.3. Công tác lưu giữ chất thải ở các trạm y tế cấp xã

Lượng chất thải y tế phát sinh tại các trạm y tế cấp xã hầu như rất ít nên việc xây dựng kho lưu giữ hầu như rất ít các cơ sở xây dựng khu lưu trữ riêng biệt cho cơ sở.

Trong tổng số 177 cơ sở trạm y tế cấp xã tại các Huyện Quản Bạ, Yên Minh, Mèo Vạc, Hoàng Su Phì, Bắc Mê, Xí Mần, Bắc Quang, Quang Bình, Thành phố Hà Giang và huyện Vị Xuyên. Hầu hết các trạm y tế đều không có khu lưu trữ riêng biệt, chủ yếu là lưu trữ tại phòng khám rồi đốt vào cuối ngày hoặc vận chuyển đi xử lý vào cuối ngày, còn lại có khoảng 23 cơ sở y tế (chiếm khoảng 14% cơ sở y tế) có lưu giữ sau lò đốt, cạnh lò đốt rác và tại lò đốt rác hoặc sau trạm y tế, hay trong khuôn viên trạm y tế. Hay điển hình có Trạm y tế phường Nguyễn Trãi thì lưu giữ chất thải tại ngay kho chứa chất thải y tế ngay cạnh phòng khám.

#### a. Hiện trạng các yêu cầu kỹ thuật khu lưu giữ

Dưới đây là bảng mô tả các yêu cầu kỹ thuật của các trạm y tế cấp xã:

**Bảng 3.18. Các yêu cầu kỹ thuật của các trạm y tế cấp xã**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện/TP	Diện tích khu lưu giữ ( $m^2$ )	Kết cấu	Mái Che	Thiết kế kỹ thuật
1	Trạm y tế xã Quản Bạ	Quản Bạ	10	Tường gạch	Có	Nhà cấp 4, mái tôn
2	Trạm y tế xã Lùng Tắm	Quản Bạ	-	Chỉ là khu vực trống, ngoài trời	-	-
3	Trạm y tế xã Thái An	Quản Bạ	-	-	Có	-

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện/TP	Diện tích khu lưu giữ (m <sup>2</sup> )	Kết cấu	Mái Che	Thiết kế kỹ thuật
4	Trạm y tế xã Na Khê	Yên Minh		Tường gạch	Có	-
5	Trạm y tế xã Bằng Hành	Bắc Quang	1,5	bằng bê tông	Có	-
6	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Bắc Quang	1,5	Bằng bê tông	Có	Có rãnh thoát nước cạnh lò đốt
7	Trạm y tế xã Tân Lập	Bắc Quang	-	Bằng bê tông	Không	-
8	Trạm y tế xã Việt Vinh	Bắc Quang	-	Bê tông	Không	-
9	Trạm y tế xã Bản Rịa, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	1	Kết cấu bê tông, Sàn cao 50cm	-	-
10	Trạm y tế xã Yên Thành, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	1,1	Kết cấu bê tông, sàn cao 40-50cm	-	-
11	Trạm y tế Xã Xuân Giang	Huyện Quang Bình	-	-	-	-
12	Trạm y tế phường Minh Khai	TP Hà Giang	4	Có kết cấu mặt sàn kín, không thấm	Có mái che kín nắng	Có cửa ra vào
13	Trạm y tế phường Quang Trung	TP Hà Giang	2	Có kết cấu gạch, sàn kín	Có mái che	Có cửa ra vào
14	Trạm y tế phường Nguyễn	TP Hà Giang	1	-	-	Có cửa ra vào

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện/TP	Diện tích khu lưu giữ (m <sup>2</sup> )	Kết cấu	Mái Che	Thiết kế kỹ thuật
	Trãi					
15	Trạm y tế phường Trần Phú	TP Hà Giang	3	-	-	Có cửa ra vào
17	Trạm Y tế thị trấn Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	2	Có kết cấu kín, bằng bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở
18	Trạm Y tế xã Đạo Đức	Huyện Vị Xuyên	2	Có kết cấu kín, bằng bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở
19	Trạm Y tế xã Tùng Bá	Huyện Vị Xuyên	2,5	Có kết cấu kín, bằng bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở
20	Trạm Y tế xã Phong Quang	Huyện Vị Xuyên	2	Có kết cấu kín, bằng bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở
21	Trạm Y tế xã Thượng Sơn	Huyện Vị Xuyên	1,5	Có kết cấu bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở
22	Trạm Y tế xã Quảng Ngần	Huyện Vị Xuyên	1,5	Có kết cấu bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở
23	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	1,5	Có kết cấu bê tông	Có mái che	Có cửa đóng mở
24	Trạm y tế xã Trung Thành	Huyện Vị Xuyên	1	Có vật liệu ngăn cách với khu vực khác	-	Có cửa khóa

Qua bảng trên ta thấy các vị trí lưu giữ chất thải có diện tích từ 1 -10m<sup>2</sup>, mặt nền đảm bảo không bị ngập lụt và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, nơi lưu trữ có nơi là để lộ thiên, có nơi có cửa mở đóng và khóa, có mái che.

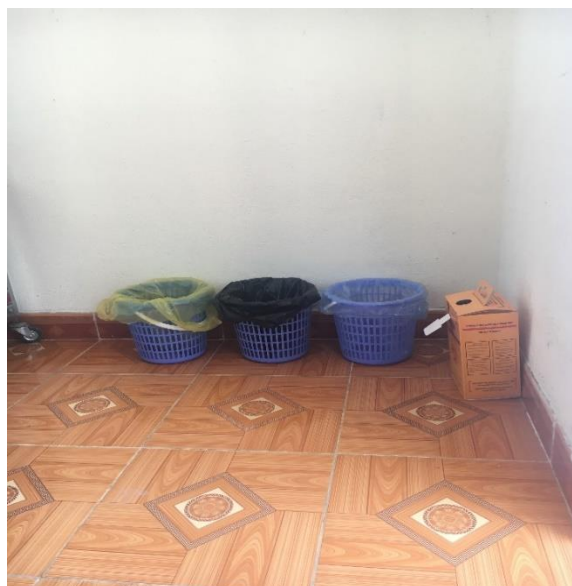
**b. Trang thiết bị lưu giữ CTRYT**

Hầu hết các trạm y tế cấp xã đều lưu giữ chất thải trong phòng khám đến



cuối ngày vận chuyển đi đốt hoặc đưa đi xử lý, còn lại các cơ sở y tế có lưu giữ chất thải thì cũng lưu giữ bằng hộp an toàn, túi nilon hoặc thùng carton.

Một số hình ảnh về lưu giữ chất thải y tế tại các cơ sở y tế cấp xã:



**Hình 3.19. Một số nơi lưu giữ của các trạm y tế**

### **3.1.9.Xử lý chất thải**

#### **3.1.9.1. Xử lý chất thải sinh hoạt thông thường**

Các cơ sở y tế hầu hết đều tự thu gom, hợp đồng với Công ty môi trường đô thị để xử lý, hoặc đơn vị tự xử lý chất thải bằng lò đốt thủ công của cơ sở.

Rác thải sinh hoạt thì tách riêng, vận chuyển đến nơi tập kết để Công ty vệ sinh môi trường vận chuyển về bãi xử lý rác chung bằng phương pháp chôn lấp.

### 3.1.9.2. Xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

Hầu hết các đơn vị khám chữa bệnh thu gom, phân loại và xử lý chất thải y tế nguy hại bằng công nghệ đốt hoặc chôn lấp, một số số bệnh viện sử dụng công nghệ không đốt (hấp khử khuẩn, nghiền).

Hiện nay, tại tỉnh Hà Giang đang áp dụng đồng thời hai mô hình xử lý CTYTNH cho các cơ sở y tế là mô hình xử lý tại chỗ và mô hình xử lý theo cụm cơ sở y tế theo hình thức tự phát (nhờ đơn vị khác xử lý). Tất cả các công trình thiết bị xử lý CTYTNH đều đặt trong khuôn viên của các bệnh viện.

Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có bệnh viện nào được cấp giấy phép hành nghề xử lý CTNH và trong tỉnh Hà Giang cũng chưa có Công ty môi trường đô thị hay công ty tư nhân nào tham gia xử lý CTRYTNH.

#### a. Mô hình xử lý tại chỗ

- Các cơ sở y tế cấp tỉnh: Trên địa bàn tỉnh Hà Giang bao gồm 12 cơ sở y tế, trong đó có: 05 bệnh viện, 03 đơn vị y tế dự phòng và 04 đơn vị chuyên ngành. Trong đó có các cơ sở sau tự xử lý tại cơ sở:

**Bảng 3.19. Công nghệ được sử dụng tại các cơ sở y tế tuyến tỉnh**

TT	Cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)	Tình trạng hoạt động	Hiệu suất xử lý (%)
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>				
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	1. Lò đốt thủ công 2 buồng 2. Công nghệ máy STERIL WAVE 250	20-30	1. Bị hỏng 2. Đang sử dụng	100
2	Bệnh viện phục hồi chức năng	Không tự xử lý	-	-	-
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	Lò đốt CP10	10-15	Đang sử dụng	100
4	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	Không tự xử lý	-	-	-
5	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	Lò đốt chất thải y tế chuyên dụng (CP10)	10-15	Đang sử dụng	100

TT	Cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)	Tình trạng hoạt động	Hiệu suất xử lý (%)
<b>II</b>	<b>Đơn vị chuyên ngành</b>				
6	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	Không tự xử lý	-	-	-
7	Trung tâm giám định Y khoa	Không tự xử lý	-	-	-
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	Không tự xử lý	-	-	-
9	Trung tâm Pháp y tỉnh Hà Giang	Không phát sinh chất thải y tế	-	-	-
<b>III</b>	<b>Hệ y tế dự phòng</b>				
10	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Lò đốt chất thải y tế chuyên dụng Công nghệ CELITRON-IS25	7	Đang sử dụng	100
11	Trung tâm phòng chống sốt rét - KST và côn trùng	Không phát sinh chất thải	-	-	-
12	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	Không tự xử lý	-	-	-

**Nhận xét:**

- Các cơ sở y tế tuyến tỉnh thuộc hệ điều trị có 5 cơ sở thì trong đó có 3 cơ sở tự xử lý, 2 cơ sở không tự xử lý.
- Các cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng có 3 cơ sở thì trong đó có 1 cơ sở tự xử lý chất thải, 01 cơ sở không phát sinh chất thải, 01 cơ sở không tự xử lý chất thải y tế.
- Các cơ sở thuộc đơn vị chuyên ngành có 4 cơ sở thì 3 cơ sở không tự xử lý và 01 cơ sở không phát sinh chất thải.
- Các công nghệ xử lý chất thải y tế được áp dụng tại tuyến tỉnh:
  - + Công nghệ máy STERIL WAVE 250: sử dụng công nghệ vi sóng, tích hợp máy cắt bên trong khoang xử lý.
  - + Công nghệ CELITRON-IS25: Thiết bị diệt khuẩn tích hợp nghiền cắt cùng trong khoang xử lý Lò đốt chất thải y tế chuyên dụng

+ Lò đốt chất thải y tế chuyên dụng (CP10): Đốt được tất cả các loại CTYTNH.

Một số công nghệ xử lý được mô tả chi tiết ở phần dưới của báo cáo này.

- Các cơ sở y tế tuyến huyện:

+ Kết quả điều tra CTRYT phát sinh tại 52 cơ sở y tế cấp huyện, tỉnh Hà Giang. Trong tổng số 52 cơ sở tuyến huyện có 12 cơ sở y tế đề không tự xử lý chất thải tại chỗ đó là các Trung tâm y tế thuộc hệ dự phòng.

+ Có 28 cơ sở y tế tự xử lý chất thải và có 11 cơ sở là Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình của các huyện không diễn ra quá trình khám chữa bệnh nên không phát sinh chất thải y tế, nếu có thì rất ít.

Các cơ sở tự xử lý chất thải được tổng hợp trong bảng dưới đây:

**Bảng 3.20. Công nghệ được sử dụng tại các cơ sở y tế tuyến huyện**

TT	Cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)	Tình trạng hoạt động	Hiệu suất xử lý (%)
<b>I</b>	<b>Hệ điều trị</b>				
1	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Công nghệ NEWSTerNW5L	13	Tốt	100
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Lò FE - 15 (Nhật Bản)	15	Đang sử dụng	80
3	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Lò đốt 2 buồng	15	Đang sử dụng	80
4	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Lò đốt CP10	10 - 15	Đang sử dụng	80
5	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Công nghệ NEWSTerNW5L	25	Đang sử dụng	100
6	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Công nghệ NEWSTerNW5L	25	Đang sử dụng	100
7	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Lò thủ công	4	Đang sử dụng	60
8	Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh	Công nghệ NEWSTerNW5L	25	Đang sử dụng	100
9	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Công nghệ NEWSTerNW5L	25	Đang sử dụng	100
10	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Công nghệ NEWSTerNW5L	25	Đang sử dụng	100
11	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Mèo Vạc	Lò thủ công	5	Đang sử dụng	60
<b>II</b>	<b>Phòng khám đa khoa</b>				
11	Phòng khám đa khoa xã Bạch Ngọc (Vị Xuyên)	Lò thủ công	-	-	-
12	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp (Bắc Quang)	Lò đốt thủ công	-	-	-
13	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên (Bắc Quang)	Lò xi măng	-	-	-
14	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm (Bắc Mê)	Đốt hở	-	-	-
15	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc (Bắc Mê)	Đốt thủ công	-	-	-
16	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố (Hoàng Su	Lò thủ công	-	-	-



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)	Tình trạng hoạt động	Hiệu suất xử lý (%)
	Phì)				
17	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch (Hoàng Su Phì)	Lò đốt 2 buồng	-	-	-
18	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên (Hoàng Su Phì)	Lò thủ công	-	-	-
19	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên (Xín Mần)	Lò thủ công	-	-	-
20	Phòng khám đa khoa xã Đông Hà (Quản Bạ)	Lò thủ công	-	-	-
21	Phòng khám đa khoa xã Lũng Hồ (Yên Minh)	Lò đốt thủ công	-	-	-
22	Phòng khám đa khoa xã Bạch Đích (Yên Minh)	Lò đốt thủ công	-	-	-
23	Phòng khám đa khoa xã Mậu Duệ (Yên Minh)	Lò thủ công	-	-	-
24	Phòng khám đa khoa TT Phó Bảng (Đồng Văn)	Lò thủ công	-	-	-
25	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn (Đồng Văn)	Đốt thủ công	-	-	-
26	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái (Mèo Vạc)	Đốt thủ công	-	-	-
27	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn (Mèo Vạc)	Đốt thủ công	-	-	-



- Các công nghệ được áp dụng xử lý chất thải y tế tại 28 cơ sở đó là:
  - + Lò đốt LD40: Xử lý các loại chất thải y tế và hiệu quả xử lý đạt 80%.
  - + Lò đốt LD40B 2 buồng đốt: Xử lý các CTYTNH, hiệu quả xử lý đạt 100%.
  - + Hệ thống xử lý rác thải NEWSTerNW5L: Ma sát ẩm với hệ thống nghiền cắt tích hợp trong khoang khử khuẩn.
  - + Lò FE - 15 (Chu Wastar 2 buồng - Nhật Bản)
  - + Lò CP10.

Một số hình ảnh về các lò đốt ở tuyến Huyện:



**Hình 3.20. Lò đốt 1 buồng, lò đốt CP10**



**Hình 3.21. Lò đốt Chuwastar và hệ thống nghiền cắt khử khuẩn**





**Hình 3.22. Lò Chuwastar và các lò đốt thủ công tại các phòng khám hay bệnh viện đa khoa**

- Các cơ sở y tế tuyến xã:

Các trạm y tế của Thành phố và các huyện là các cơ sở y tế thuộc hệ điều trị, nơi phát sinh chất thải y tế thông thường có khối lượng chủ yếu, **lượng CTYTNNH phát sinh rất ít (chủ yếu phát sinh từ hoạt động tiêm chủng).**

**Trong tổng số 177 cơ sở tuyến xã có: 14 trạm y tế thuê đơn vị khác xử lý, 159 trạm y tế tự xử lý chất thải lò đốt thủ công.**

Lò thủ công bằng gạch hoặc bằng xi măng. Hầu hết các chất thải phát sinh tại các trạm y tế đều được đem đốt, hiệu suất xử lý chỉ chiếm đc khoảng 70-90% tùy vào từng loại chất thải. Có nơi chất thải phát sinh ít chỉ có chất thải y tế thông thường thì hiệu suất đốt xử lý ở các lò thủ công lên đến 100%.

Dưới đây là bảng mô tả các công nghệ sử dụng tại các trạm y tế cấp xã:

**Bảng 3.21. Công nghệ xử lý được sử dụng tại các trạm y tế cấp xã**

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
<b>I</b>	<b>Thành phố Hà Giang</b>		
1	Trạm y tế xã Ngọc Đường	Lò đốt thủ công	2
2	Trạm y tế xã Phương Độ	Lò đốt thủ công	3
3	Trạm y tế xã Phương Thiện	Lò đốt thủ công	3
<b>II</b>	<b>Huyện Vị Xuyên</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Vị Xuyên	Lò đốt thủ công	3
2	Trạm y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Lò đốt thủ công	4
3	Trạm y tế xã Cao Bồ	Lò đốt thủ công	3
4	Trạm y tế xã Đạo Đức	Lò đốt thủ công	5
5	Trạm y tế xã Kim Linh	Lò đốt thủ công	3
6	Trạm y tế xã Kim Thạch	Lò đốt thủ công	5
7	Trạm y tế xã Lao Chải	Lò đốt thủ công	3
8	Trạm y tế xã Linh Hồ	Lò đốt thủ công	3
9	Trạm y tế xã Minh Tân	Lò đốt thủ công	4
10	Trạm y tế xã Ngọc Linh	Lò đốt thủ công	3
11	Trạm y tế xã Ngọc Minh	Lò đốt thủ công	3
12	Trạm y tế xã Phong Quang	Lò đốt thủ công	5
13	Trạm y tế xã Phú Linh	Lò đốt thủ công	3
14	Trạm y tế xã Phương Tiến	Lò đốt thủ công	3
15	Trạm y tế xã Quảng Ngần	Lò đốt thủ công	4
16	Trạm y tế xã Thanh Đức	Lò đốt thủ công	5
17	Trạm y tế xã Thanh Thủy	Lò đốt thủ công	5
18	Trạm y tế xã Thuận Hòa	Lò đốt thủ công	3

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
19	Trạm y tế xã Thượng Sơn	Lò đốt thủ công	3
20	Trạm y tế xã Trung Thành	Lò đốt thủ công	3
21	Trạm y tế xã Tùng Bá	Lò đốt thủ công	5
22	Trạm y tế xã Việt Lâm	Lò đốt thủ công	3
23	Trạm y tế xã Xín Chải	Lò đốt thủ công	3
<b>III</b>	<b>Huyện Bắc Quang</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Không tự xử lý	
2	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Lò đốt bằng xi măng	5
3	Trạm y tế xã Bằng Hành	Lò đốt thủ công	5
4	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Lò đốt bằng xi măng	5
5	Trạm y tế xã Đông Thành	Lò đốt bằng xi măng	5
6	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Lò đốt bằng xi măng	5
7	Trạm y tế xã Đức Xuân	Lò đốt thủ công	3
8	Trạm y tế xã Hùng An	Lò đốt thủ công	4
9	Trạm y tế xã Hữu Sản	Lò đốt thủ công	3
10	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Lò đốt thủ công	5
11	Trạm y tế xã Quang Minh	Lò đốt thủ công	3
12	Trạm y tế xã Tân Lập	Lò đốt thủ công	3
13	Trạm y tế xã Tân Quang	Lò đốt thủ công	5
14	Trạm y tế xã Tân Thành	Lò đốt thủ công	4
15	Trạm y tế xã Thượng Bình	Lò đốt xi măng	10
16	Trạm y tế xã Tiên Kiều	Lò đốt thủ công	3
17	Trạm y tế xã Việt Hồng	Lò đốt thủ công	4
18	Trạm y tế xã Việt Vinh	Lò đốt thủ công	5
19	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Lò đốt xi măng	5
20	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Lò đốt thủ công	3

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường139

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
21	Trạm y tế xã Vô Đém	Lò đốt thủ công	3
<b>IV</b>	<b>Quang Bình</b>		
1	Trạm y tế xã Bản Rịa	Lò đốt thủ công	3
2	Trạm y tế xã Bằng Lang	Lò đốt thủ công	3
3	Trạm y tế xã Hương Sơn	Lò đốt thủ công	3
4	Trạm y tế xã Nà Khương	Lò đốt thủ công	3
5	Trạm y tế xã Tân Bắc	Lò đốt xi măng thủ công	5
6	Trạm y tế xã Tân Nam	Lò đốt thủ công	3
7	Trạm y tế xã Tân Trịnh	Lò đốt thủ công	5
8	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Lò đốt xi măng thủ công	5
9	Trạm y tế xã Tiên Yên	Lò đốt thủ công	3
10	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Lò đốt thủ công	4
11	Trạm y tế xã Xuân Minh	Lò đốt xi măng thủ công	5
12	Trạm y tế xã Xuân Giang	Không tự xử lý	-
13	Trạm y tế xã Yên Hà	Lò đốt thủ công	3
14	Trạm y tế xã Yên Thành	Lò đốt thủ công	-
<b>V</b>	<b>Huyện Xín Mần</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Cốc Pài	Lò đốt bằng xi măng	3
2	Trạm y tế xã Bản Dịu	Lò đốt thủ công	3
3	Trạm y tế xã Bản Ngò	Lò đốt thủ công	3
4	Trạm y tế xã Chế Là	Lò đốt thủ công	3
5	Trạm y tế xã Chí Cà	Lò đốt thủ công	3
6	Trạm y tế xã Cốc Rế	Lò đốt thủ công	3
7	Trạm y tế xã Khuôn Lùng	Lò đốt thủ công	3
8	Trạm y tế xã Nà Chì	Lò đốt thủ công	3
9	Trạm y tế xã Nám Dền	Lò đốt thủ công	3

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường140



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
10	Trạm y tế xã Nàn Ma	Lò đốt xi măng	3
11	Trạm y tế xã Nàn Xín	Lò đốt thủ công	3
12	Trạm y tế xã Pà Vầy Sủ	Lò đốt xi măng	3
13	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Lò đốt xi măng	3
14	Trạm y tế xã Tả Nhìu	Lò đốt xi măng	3
15	Trạm y tế xã Thèn Phàng	Lò đốt thủ công	3
16	Trạm y tế xã Thu Tà	Lò đốt thủ công	3
17	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Lò đốt thủ công	3
18	Trạm y tế xã Xín Mần	Lò đốt thủ công	3
<b>VI</b>	<b>Huyện Hoàng Su Phì</b>		
1	Trạm y tế xã Bản Luốc	Lò đốt thủ công	2
2	Trạm y tế xã Bản Máy	Lò đốt thủ công	-
3	Trạm y tế xã Bản Nhùng	Lò đốt thủ công	2
4	Trạm y tế xã Bản Páo	Lò đốt thủ công	2
5	Trạm y tế xã Bản Phùng	Lò đốt thủ công	6
6	Trạm y tế xã Đản Ván	Đốt tại lò đốt chung của xã	-
7	Trạm y tế xã Hồ Thầu	Lò đốt thủ công	-
8	Trạm y tế xã Nam Sơn	Lò đốt thủ công	-
9	Trạm y tế xã Nàng Đôn	Lò đốt thủ công	-
10	Trạm y tế xã Nậm Khòa	Lò đốt thủ công	-
11	Trạm y tế xã Nậm Ty	Lò đốt thủ công	5
12	Trạm y tế xã Ngàm Đăng Vài	Lò đốt thủ công	-
13	Trạm y tế xã Pố Lò	Lò xi măng	2
14	Trạm y tế xã Pờ Ly Ngải	Lò đốt thủ công	-
15	Trạm y tế xã Sán Xả Hồ	Lò đốt thủ công	-
16	Trạm y tế xã Tả Sử Chóong	Lò đốt thủ công	-

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường 141



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
17	Trạm y tế xã Tân Tiến	Đốt tại lò đốt chung của xã	-
18	Trạm y tế xã Thành Tín	Lò xi măng	3
19	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Lò xi măng	4
20	Trạm y tế xã Tụ Nhân	Lò thủ công	-
21	Trạm y tế xã Túng Sán	Đốt tại lò đốt chung của xã	-
<b>VII</b>	<b>Huyện Bắc Mê</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Yên Phú	Đốt tự nhiên thủ công	-
2	Trạm y tế xã Đường Hồng	Đốt thủ công	-
3	Trạm y tế xã Giáp Trung	Đốt thủ công	3
4	Trạm y tế xã Lạc Nông	Đốt thủ công	-
5	Trạm y tế xã Minh Sơn	Đốt thủ công	3
6	Trạm y tế xã Phiêng Luông	Lò đốt thủ công	-
7	Trạm y tế xã Phú Nam	Đốt thủ công	3
8	Trạm y tế xã Thượng Tân	Lò đốt thủ công bằng gạch, 1 buồng	-
9	Trạm y tế xã Yên Cường	Lò thủ công	-
10	Trạm y tế xã Yên Định	Lò thủ công	-
11	Trạm y tế xã Yên Phong	Lò đốt thủ công	3
<b>VIII</b>	<b>Huyện Yên Minh</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Yên Minh	Lò đốt thủ công bằng gạch, 1 buồng	3
2	Trạm y tế xã Đông Minh	Lò đốt thủ công	4
3	Trạm y tế xã Du Già	Lò đốt thủ công	3
4	Trạm y tế xã Du Tiến	Lò đốt thủ công	3
5	Trạm y tế xã Đường Thượng	Lò đốt thủ công bằng gạch, 1 buồng	3

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
6	Trạm y tế xã Hữu Vinh	Lò đốt thủ công	3
7	Trạm y tế xã Lao và Chải	Lò đốt thủ công	3
8	Trạm y tế xã Mậu Duệ	Lò đốt thủ công	4
9	Trạm y tế xã Mậu Long	Lò đốt thủ công	3
10	Trạm y tế xã Na Khê	Lò đốt thủ công	3
11	Trạm y tế xã Ngam La	Lò đốt thủ công	3
12	Trạm y tế xã Ngọc Long	Lò đốt thủ công	3
13	Trạm y tế xã Phú Lũng	Lò đốt thủ công	3
14	Trạm y tế xã Sùng Thái	Đốt thủ công	-
15	Trạm y tế xã Sùng Tráng	Đốt trong hố đốt rác	-
16	Trạm y tế xã Thắng Mố	Lò đốt thủ công	4
<b>IX</b>	<b>Huyện Quỳ Bạ</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Tam Sơn	Lò đốt thủ công	3
2	Trạm y tế xã Bát Đại Sơn	Lò đốt thủ công bằng gạch, 1 buồng	3
3	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Đốt trong hố	-
4	Trạm y tế xã Cao Mã Pờ	Lò đốt thủ công bằng gạch 1 buồng	4
5	Trạm y tế xã Lùng Tám	Lò đốt thủ công	4
6	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	Lò đốt thủ công	3
7	Trạm y tế xã Quỳ Bạ	Lò đốt thủ công	3
8	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Lò đốt thủ công	3
9	Trạm y tế xã Tả Ván		-
10	Trạm y tế xã Thái An	Lò đốt thủ công	3
11	Trạm y tế xã Thanh Vân	Lò đốt thủ công	3
<b>X</b>	<b>Huyện Đồng Văn</b>		

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
1	Trạm y tế thị trấn Đồng Văn	Lò xây gạch thủ công 1 buồng	-
2	Trạm y tế xã Hồ Quang Phìn	Lò thủ công	-
3	Trạm y tế xã Lũng Cú	Lò thủ công	-
4	Trạm y tế xã Ma Lé	Lò bê tông	3
5	Trạm y tế xã Phố Cáo	Lò thủ công	3
6	Trạm y tế xã Phố Là	Lò thủ công	-
7	Trạm y tế xã Sà Phìn	Lò thủ công	-
8	Trạm y tế xã Sảng Tủng	Lò xây gạch thủ công 1 buồng	-
9	Trạm y tế xã Sính Lũng	Lò thủ công	-
10	Trạm y tế xã Sủng Là	Lò xây gạch thủ công 1 buồng	-
11	Trạm y tế xã Sủng Trái	Lò thủ công	-
12	Trạm y tế xã Tá Lũng	Lò thủ công	-
13	Trạm y tế xã Tả Phìn	Lò thủ công	-
14	Trạm y tế xã Thái Phìn Tủng	Lò thủ công	3
15	Trạm y tế xã Văn Chải	Đốt	-
<b>XI</b>	<b>Huyện Mèo Vạc</b>		
1	Trạm y tế thị trấn Mèo Vạc	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
2	Trạm y tế xã Cán Chủ Phìn	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
3	Trạm y tế xã Giàng Chu Phìn		-
4	Trạm y tế xã Khâu Vai	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
5	Trạm y tế xã Lũng Chinh	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường144

TT	Tên cơ sở y tế	Công nghệ xử lý	Công suất thiết kế (kg/h)
6	Trạm y tế xã Lũng Pù	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
7	Trạm y tế xã Nậm Ban	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
8	Trạm y tế xã Niêm Tòng	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
9	Trạm y tế xã Pả Vi	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
10	Trạm y tế xã Sủng Trà	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
11	Trạm y tế xã Sủng Máng	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
12	Trạm y tế xã Tả Lũng	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
13	Trạm y tế xã Tát Ngà	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-
14	Trạm y tế xã Thượng Phùng	Lò thủ công xây bằng gạch 1 buồng	-

- Các cơ sở phòng khám tư nhân:

Các phòng khám tư nhân đều thuộc hệ dự phòng. Trong tổng số 80 Phòng khám tư nhân của thành phố và các huyện có 58 phòng khám hầu hết đều phát sinh rất ít chất thải. Nên các cơ sở không đầu tư xây hệ thống xử lý chất thải mà chủ yếu là thuê đơn vị thu gom và xử lý.

Có 22 Phòng khám tư nhân không phát sinh chất thải y tế nguy hại chỉ có một số cơ sở phát sinh một ít chất thải thông thường.

Dưới đây là danh sách các phòng khám tư nhân không phát sinh chất thải:

**Bảng 3.22. Danh sách các phòng khám tư nhân không phát sinh chất thải**

TT	Tên phòng khám	Địa chỉ
1	Phòng khám chuyên khoa Mắt	Tổ 3, phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên phòng khám</b>	<b>Địa chỉ</b>
	bác sĩ Nguyễn Thị Đỗ Phúc	
2	Phòng khám chuyên khoa Mắt	Tổ 11, Thị trấn Việt Quang, Huyện Bắc Quang
3	Phòng khám Bác sỹ Nông Văn Thắng	SN 1594, Tổ 11, Thị trấn Việt Quang, Huyện Bắc Quang
4	Phòng khám nội tổng hợp	Tổ 12, Thị trấn Việt Quang, Huyện Bắc Quang
5	Phòng khám bác sỹ Vũ Phương Dung	Xã Tân Quang, Huyện Bắc Quang
6	Phòng khám chuyên khoa mắt bác sỹ Bằng	Tổ 9, Thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên
7	Phòng khám Phương Thiêm	Tổ 9, Thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên
8	Phòng khám Tai Mũi Họng	Tổ 9, Thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên
9	Phòng khám Siêu âm màu 4D	Tổ 10, Thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên
10	Phòng khám nội tổng hợp Nguyễn Văn Minh	Tổ 16, Thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên
11	Phòng khám chữa bệnh ngoài giờ bác sỹ Nguyễn Thị Nhon	Tổ 2, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Đồng Văn
12	Phòng khám chữa bệnh ngoài giờ bác sỹ Vương Thị Lan	Tổ 7, Thị trấn Đồng Văn, Huyện Đồng Văn
13	Phòng khám Thu Mai	Tổ 4, Thị trấn Mèo Vạc, Huyện Mèo Vạc
14	Phòng khám sản, phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình	Tổ 4, Thị trấn Tam Sơn, Huyện Quản Bạ
15	Phòng khám bệnh Hà Thành	Tổ 6, Thị trấn Yên Minh, Huyện Yên Minh
16	Phòng khám Khánh Chương	Tổ 2, Thị trấn Yên Phú, Huyện Bắc Mê
17	Phòng khám bác sỹ Lương Xuân Long	Thị trấn Cốc Pài, Huyện Xín Mần
18	Phòng khám bác sỹ Giang	Tổ 4, Thị trấn Cốc Pài, Huyện Xín Mần
19	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Hạnh	Tổ 2, Thị trấn Vinh Quang, Huyện Hoàng Su Phì
20	Phòng khám Nội tổng hợp	Xã Xuân Giang, Huyện Quang Bình

TT	Tên phòng khám	Địa chỉ
21	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Huyền	Thôn Vén, Xã Tân Trinh, Huyện Quang Bình
22	Phòng khám chuẩn trị đông y	171, tổ 22, phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang

**b. Mô hình xử lý theo cụm y tế**

Thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh Hà Giang, các bệnh viện tự xử lý CTYTNH cho bệnh viện mình ngoài ra còn nhận xử lý cho các cơ sở y tế xung quanh địa bàn như các phòng khám tư nhân, các cơ sở y tế dự phòng, các cơ sở y tế khác có phát sinh chất thải nguy hại. Đây là mô hình xử lý theo cụm nhưng ở quy mô huyện chứ chưa phải cụm theo quy mô liên huyện. Mặt khác mô hình này mới chỉ mang tính chất tự phát, chủ cơ sở chủ động liên hệ và ký hợp đồng xử lý chất thải với các bệnh viện chứ chưa thực sự theo quy hoạch chung về xử lý chất thải tập trung hay theo cụm bệnh viện.

**Bảng 3.23. Danh sách các cơ sở y tế nhờ các đơn vị khác xử lý chất thải**

TT	Các đơn vị y tế nhờ xử lý
<b>A</b>	<b>Các đơn vị y tế cấp Tỉnh</b>
1	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang
3	Trung tâm Y tế dự phòng
4	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản
5	Trung tâm giám định Y khoa
<b>B</b>	<b>Các đơn vị y tế cấp Huyện</b>
1	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang
2	Trung tâm Y tế huyện Vị Xuyên
3	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang
4	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần
5	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì
6	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê
7	Trung tâm Y tế huyện Quản Bạ
8	Trung tâm Y tế huyện Yên Minh



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Các đơn vị y tế nhờ xử lý
9	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc
10	Phòng khám đa khoa xã Tùng Vài (Quản Bạ)
<b>C</b>	<b>Đơn vị y tế cấp xã phường (Trạm y tế)</b>
<b>I</b>	<b>Thành phố Hà Giang</b>
1	Trạm y tế phường Minh Khai
2	Trạm y tế phường Ngọc Hà
3	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi
4	Trạm y tế phường Quang Trung
5	Trạm y tế phường Trần Phú
<b>II</b>	<b>Huyện Bắc Quang</b>
1	Trạm y tế thị trấn Việt Quang
<b>III</b>	<b>Quang Bình</b>
1	Trạm y tế thị trấn Yên Bình
2	Trạm y tế xã Xuân Giang
<b>IV</b>	<b>Huyện Hoàng Su Phì</b>
1	Trạm y tế xã Tả Ván
<b>V</b>	<b>Huyện Đông Văn</b>
1	Trạm y tế xã Lũng Thầu
<b>VI</b>	<b>Huyện Mèo Vạc</b>
1	Trạm y tế xã Pải Lũng
<b>VII</b>	<b>Phòng khám tư nhân</b>
1	Phòng khám Nội khoa bác sĩ Nguyễn Thị Kim Cúc
2	Phòng khám Siêu âm sản - phụ khoa Kế hoạch hóa gia đình
3	Phòng khám bác sĩ Học Siêu âm màu 4D
4	Phòng khám bác sĩ Dung - Khám chữa bệnh Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình
5	Phòng khám Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình
6	Phòng khám Răng- Hàm- Mặt Lượng Tâm (Phòng khám 45 Minh Khai)
7	Phòng khám Sông Quê

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Các đơn vị y tế nhờ xử lý</b>
8	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội
9	Phòng khám Sản - phụ khoa
10	Phòng khám Da liễu bác sĩ Hoàng Thanh Thoát
11	Phòng khám nội soi tai mũi họng bác sĩ Long
12	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt
13	Phòng khám Minh Khai bác sĩ Như - Đẹp
14	Phòng khám bác sĩ Nam da liễu
15	Phòng khám đa khoa Trường Trung cấp y tế Hà Giang
16	Phòng khám đa khoa Đức Minh
17	Phòng khám đa khoa Hùng Vương
18	Phòng khám chuyên khoa Sản - Kế hoạch hóa gia đình - Siêu âm - Xét nghiệm
19	Phòng khám Nội soi Tai Mũi Họng
20	Phòng khám Nội - Nhi
21	Phòng khám Phục Hồi chức năng
22	Phòng khám chữa Răng - Hàm - Mặt
23	Phòng khám Nội - Nhi
24	Phòng khám Tai Mũi Họng
25	Phòng khám Bình Thu
26	Phòng khám Sản phụ khoa
27	Phòng khám chữa bệnh bác sỹ Phan Bá Quỳnh
28	Phòng khám Sản - Phụ khoa
29	Phòng khám Nội khoa
30	Phòng khám 263
31	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc
32	Phòng khám đa khoa Trí Đức
33	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp
34	Phòng khám bác sỹ Hoàng Thị Cậy
35	Phòng khám đa khoa gồm: Phụ sản - Nội khoa - Răng Hàm Mặt - Siêu âm -

<b>TT</b>	<b>Các đơn vị y tế nhờ xử lý</b>
	Giải Phẫu
36	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội
37	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy
38	Phòng khám bác sĩ Giang
39	Phòng khám Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình
40	Phòng khám chữa bệnh, siêu âm
41	Phòng khám Km 10
42	Phòng khám nha khoa Đức Cường
43	Phòng khám siêu âm màu 3 chiều
44	Phòng khám bác sĩ Ngoan
45	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Minh
46	Phòng khám bác sĩ Thu
47	Phòng khám Hoa lan
48	Phòng khám Nội khoa siêu âm Hà Mỹ Hạnh
49	Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luân
50	Phòng khám Mắt
51	Phòng khám Răng Hàm Mặt Thành Giang
52	Phòng khám chuyên khoa nhi
53	Phòng khám chuyên khoa mắt
54	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng
55	Phòng khám bác sĩ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa
56	Phòng khám chuẩn trị y học cổ truyền Minh Anh
57	Phòng khám đông y Bùi Thị Hà
58	Phòng khám y học cổ truyền Quang Dương

**c. Mô hình xử lý tập trung**

Theo quy hoạch xử lý chất thải rắn y tế nguy hại được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/2/2012 thì tỉnh Hà Giang có thể áp dụng mô hình xử lý theo cụm Bệnh viện đến năm 2015 và đến năm 2025 thì phải thực hiện xử lý tập trung.

Ở Hà Giang đã có Quyết định số 1575/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ngày 11/8/2014 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025 thì dự kiến năm 2021 - 2025 sẽ tiếp tục đầu tư cho trang thiết bị thu gom, vận chuyển, hoàn thiện đầu tư lò đốt chất thải rắn y tế tập trung tại khu xử lý Thành Phố Hà Giang.

Tuy nhiên hiện nay tỉnh chưa thực hiện đầu tư khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại theo quy hoạch chung của tỉnh vì do kinh phí còn hạn hẹp, còn phải chờ thực hiện xong các quy hoạch khác.

### **3.1.10. Tái sử dụng và tái chế chất thải**

Các chất thải là các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; các chai nhựa, dây truyền, bơm tiêm (không bao gồm đầu sắc nhọn) không chứa yếu tố lây nhiễm; các vỏ chai, lọ thủy tinh chứa đựng các loại thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất là những chất thải được phép thu gom để phục vụ mục đích tái chế.

Hàng ngày được thu gom và phân loại riêng. Tuy nhiên hầu hết đều hợp đồng với công ty môi trường vận chuyển đi xử lý. Trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị nào có giấy phép hành nghề xử lý chất thải tái chế nên việc bán chất thải có thể tái chế này vẫn chưa được kiểm soát triệt để.

### **3.1.11. Vận chuyển chất thải rắn y tế ra ngoài bệnh viện để xử lý**

- Đối với CTYTTT: Trên địa bàn tỉnh Hà Giang Công ty môi trường là công ty chịu trách nhiệm vận chuyển chất thải thông thường từ các cơ sở y tế đi tiêu hủy.

- Đối với CTYTNH: Tại các bệnh viện, trạm y tế, phòng khám tư nhân CTYTNH đang được tự xử lý nên chưa phát sinh hoạt động vận chuyển CTNH. Tuy nhiên vẫn còn các cơ sở y tế phát sinh CTNH không tự xử lý được phải ký hợp đồng với các bệnh viện gần đó và việc vận chuyển CTNH đến nơi xử lý do các đơn vị này vận chuyển. Hoạt động vận chuyển diễn ra theo phương thức thủ công, không có các phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

### **3.1.12. Tiêu hủy sau cùng chất thải y tế**

Mặc dù tro của lò đốt CTYTNH thuộc ngưỡng nghi ngờ là CTYTNH theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 1/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế, nhưng việc tiêu hủy tro của các lò đốt tại các cơ sở y tế trên địa

bàn tỉnh Hà Giang không an toàn, tro được đổ ra đất hoặc chôn lấp tại cơ sở hoặc đưa ra bãi rác của địa phương cùng chất thải sinh hoạt.

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Hà Giang, với các trạm y tế xử lý chất thải rắn bằng lò đốt thủ công thì sau khi xử lý tro lò đốt sẽ được chôn lấp tại chỗ. Đối với các bệnh viện có lò đốt, tro lò đốt được đem chôn lấp hoặc được chuyển tới các bãi rác chung của huyện/thành phố để xử lý cùng với chất thải thông thường mà không có biện pháp tiêu hủy đảm bảo. CTY TNHH ở các phòng khám tư nhân vẫn còn được thu gom, vận chuyển, tiêu hủy chung với chất thải thông thường.

**3.2. Năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh**

**3.2.1. Năng lực xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế**

Ngoài việc xử lý chất thải tại cơ sở thì một số bệnh viện và Trạm y tế còn có thể tiếp nhận xử lý chất thải cho đơn vị khác. Trên địa bàn tỉnh Hà Giang hiện nay tất cả các cơ sở y tế hầu hết đều chưa có giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại.

Dưới đây là danh sách các đơn vị nhờ xử lý, và nơi tiếp nhận xử lý:

**Bảng 3.24. Danh sách các đơn vị nhờ xử lý và nơi tiếp nhận xử lý chất thải y tế**

TT	Các Đơn vị y tế nhờ xử lý	Nơi tiếp nhận xử lý
<b>A</b>	<b>Các đơn vị y tế cấp Tỉnh</b>	
1	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng	Bệnh viện Đa Khoa huyện Vị Xuyên
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi
3	Trung tâm Y tế dự phòng	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi
4	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe sinh sản	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi
5	Trung tâm giám định Y khoa	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hà Giang
<b>B</b>	<b>Các đơn vị y tế cấp Huyện</b>	
1	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang
2	Trung tâm Y tế huyện Vị Xuyên	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên
3	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang
4	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Bệnh viện Đa khoa huyện Xín Mần

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Các Đơn vị y tế nhờ xử lý	Nơi tiếp nhận xử lý
		Mần
5	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Bệnh viện Đa khoa huyện Hoàng Su Phì
6	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê
7	Trung tâm Y tế huyện Quản Bạ	Bệnh viện Đa Khoa huyện Quản Bạ
8	Trung tâm Y tế huyện Yên Minh	Bệnh viện Đa khoa khu vực Yên Minh
9	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc
10	Phòng khám đa khoa xã Tùng Vài (Quản Bạ)	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ
C	<b>Đơn vị y tế cấp xã phường (Trạm y tế)</b>	
I	<b>Thành phố Hà Giang</b>	
1	Trạm y tế phường Minh Khai	Trung tâm y tế Thành phố Hà Giang
2	Trạm y tế phường Ngọc Hà	Trạm y tế Ngọc Đường
3	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	Trung tâm y tế Thành phố Hà Giang
4	Trạm y tế phường Quang Trung	Bệnh viện y học cổ truyền
5	Trạm y tế phường Trần Phú	Trung tâm y tế Thành phố Hà Giang
II	<b>Huyện Bắc Quang</b>	
1	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang
III	<b>Quang Bình</b>	
1	Trạm y tế thị trấn Yên Bình	Bệnh Viện Đa khoa Quang Bình
2	Trạm y tế xã Xuân Giang	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Các Đơn vị y tế nhờ xử lý	Nơi tiếp nhận xử lý
<b>IV</b>	<b>Huyện Hoàng Su Phì</b>	
1	Trạm y tế xã Tả Ván	Bệnh viện đa khoa huyện Quán Bạ
<b>V</b>	<b>Huyện Đồng Văn</b>	
1	Trạm y tế xã Lũng Thầu	Bãi rác xã Lũng Thầu
<b>VI</b>	<b>Huyện Mèo Vạc</b>	
1	Trạm y tế xã Pải Lũng	Trung tâm y tế huyện Mèo Vạc
<b>VII</b>	<b>Phòng khám tư nhân</b>	
1	Phòng khám Nội khoa bác sĩ Nguyễn Thị Kim Cúc	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
2	Phòng khám Siêu âm sản - phụ khoa Kế hoạch hóa gia đình	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
3	Phòng khám bác sĩ Học Siêu âm màu 4D	Công Ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Hà Giang
4	Phòng khám bác sĩ Dung - Khám chữa bệnh Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình	Công Ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Hà Giang
5	Phòng khám Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình	Bệnh viện Lao và Phổi
6	Phòng khám Răng- Hàm- Mặt Lượng Tâm (Phòng khám 45 Minh Khai)	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
7	Phòng khám Sông Quê	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
8	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
9	Phòng khám Sản - phụ khoa	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
10	Phòng khám Da liễu bác sĩ Hoàng Thanh Thoát	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
11	Phòng khám nội soi tai mũi họng bác sĩ Long	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
12	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Các Đơn vị y tế nhờ xử lý</b>	<b>Nơi tiếp nhận xử lý</b>
	Mặt	
13	Phòng khám Minh Khai bác sĩ Như - Đẹp	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
14	Phòng khám bác sĩ Nam da liễu	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
15	Phòng khám đa khoa Trường Trung cấp y tế Hà Giang	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
16	Phòng khám đa khoa Đức Minh	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
17	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
18	Phòng khám chuyên khoa Sản - Kế hoạch hóa gia đình - Siêu âm - Xét nghiệm	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
19	Phòng khám Nội soi Tai Mũi Họng	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
20	Phòng khám Nội - Nhi	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
21	Phòng khám Phục Hồi chức năng	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
22	Phòng khám chữa Răng - Hàm - Mặt	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
23	Phòng khám Nội - Nhi	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
24	Phòng khám Tai Mũi Họng	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
25	Phòng khám Bình Thu	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
26	Phòng khám Sản phụ khoa	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
27	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
28	Phòng khám Sản - Phụ khoa	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
29	Phòng khám Nội khoa	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên
30	Phòng khám 263	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
31	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang
32	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang

*Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang*

*Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường155*

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Các Đơn vị y tế nhờ xử lý</b>	<b>Nơi tiếp nhận xử lý</b>
33	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang
34	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Cậy	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang
35	Phòng khám đa khoa gồm: Phụ sản - Nội khoa- Răng Hàm Mặt-Siêu âm - Giải Phẫu	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang
36	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Bệnh viện Đa khoa Bắc Quang
37	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Bệnh viện Đa khoa Bắc Quang
38	Phòng khám bác sĩ Giang	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên
39	Phòng khám Sản phụ khoa - Kế hoạch hóa gia đình	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên
40	Phòng khám chữa bệnh, siêu âm	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên
41	Phòng khám Km 10	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Hà Giang
42	Phòng khám nha khoa Đức Cường	Bệnh viện ĐA khoa huyện Đồng Văn
43	Phòng khám siêu âm màu 3 chiều	Bệnh viện ĐK huyện Quản Bạ
44	Phòng khám bác sĩ Ngoan	Bệnh viện ĐK khu vực Yên Minh
45	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Minh	Bệnh viện ĐK khu vực Yên Minh
46	Phòng khám bác sĩ Thu	Bệnh viện ĐH khu vực Yên Minh
47	Phòng khám Hoa lan	Bệnh viện ĐK huyện Bắc Mê
48	Phòng khám Nội khoa siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình
49	Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luân	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình
50	Phòng khám Mắt	Bệnh xá Công an tỉnh Hà Giang

<b>TT</b>	<b>Các Đơn vị y tế nhờ xử lý</b>	<b>Nơi tiếp nhận xử lý</b>
51	Phòng khám Răng Hàm Mặt Thành Giang	Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi
52	Phòng khám chuyên khoa nhi	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang
53	Phòng khám chuyên khoa mắt	Bệnh xá Công an tỉnh Hà Giang
54	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Quang
55	Phòng khám bác sĩ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc
56	Phòng khám chuẩn trị y học cổ truyền Minh Anh	Bệnh viện y học cổ truyền
57	Phòng khám đông y Bùi Thị Hà	Bệnh viện y học cổ truyền
58	Phòng khám y học cổ truyền Quang Dương	Bệnh viện y học cổ truyền

### **3.2.2. Hiệu quả xử lý khí thải lò đốt chất thải y tế**

Hiện tại các cơ sở y tế có lò đốt chất thải y tế nguy hại đều được quan trắc các loại khí thải tuân thủ theo QCVN 02:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn lò đốt chất thải rắn y tế nhằm mục đích đánh giá hiện trạng các loại khí thải sau xử lý chất thải y tế có nằm trong tiêu chuẩn cho phép hay không. Để từ đó xác định được xu thế, diễn biến và cảnh báo nguy cơ ô nhiễm môi trường không khí tại khu vực lò đốt chất thải để đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

Dưới đây là bảng kết quả phân tích các loại khí thải tại các lò đốt theo yêu cầu của QCVN 02:2012/BTNMT:

**Bảng 3.25. Kết quả phân tích khí thải tại lò đốt các cơ sở y tế có lò đốt rác**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí	Nhiệt độ	Bụi tổng	CO	NO	NOx	SO <sub>2</sub>	Pb	Cd
			( <sup>0</sup> C)	(mg/Nm <sup>3</sup> )	(mg/Nm <sup>3</sup> )	(mg/Nm <sup>3</sup> )	(mg/Nm <sup>3</sup> )	(mg/Nm <sup>3</sup> )	(mg/Nm <sup>3</sup> )	(mg/Nm <sup>3</sup> )
1	KT01	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	158	<b>120</b>	<b>237</b>	KPHT	295	<b>322</b>	KPHT	KPHT
2	KT02	Khí thải lò đốt Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	165	53	147	KPHT	211	209	KPHT	KPHT
3	KT03	Khí thải lò đốt Bệnh viện Y - Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	162	47	159	KPHT	208	217	KPHT	KPHT
4	KT04	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	170	<b>119</b>	<b>220</b>	KPHT	275	<b>322</b>	KPHT	KPHT
5	KT05	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ	160	45	<b>168</b>	KPHT	210	215	KPHT	KPHT
6	KT06	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	178	<b>135</b>	215	KPHT	269	<b>320</b>	KPHT	KPHT
7	KT07	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quang	175	<b>129</b>	<b>218</b>	KPHT	271	<b>317</b>	KPHT	KPHT
8	KT08	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	165	44	152	KPHT	205	210	KPHT	KPHT
9	KT09	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa khu vực Hoàng Su Phì	<b>190</b>	<b>125</b>	<b>234</b>	KPHT	288	<b>349</b>	KPHT	KPHT
10	KT10	Khí thải lò đốt Bệnh viện Đa khoa Nà Chì	187	<b>123</b>	<b>229</b>	KPHT	290	<b>352</b>	KPHT	KPHT
<b>QCVN 02:2012/BTNMT (cột B)</b>			<b>≤180</b>	<b>115</b>	<b>200</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>1,2</b>	<b>0,16</b>

**Nhận xét:**

Khí NO là không phát hiện thấy sau khi xử lý chất thải tại các lò đốt, khí NO<sub>x</sub> hiện tất cả cơ sở đều có kết quả phân tích nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

Với thông số nhiệt độ: Hầu hết các cơ sở y tế đều có kết quả đo nhiệt độ nằm trong tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 02:2012/BTNMT cột B. Chỉ có 2 cơ sở là Bệnh viện Đa khoa khu vực Hoàng Su Phì và Bệnh viện Đa khoa Nà Chi là có kết quả đo nhiệt độ cao hơn so với tiêu chuẩn nhưng không đáng kể cao hơn 1,03-1,05 lần so với tiêu chuẩn là  $\leq 180^{\circ}\text{C}$ .

Với thông số Bụi tổng: Có 6 cơ sở có kết quả phân tích lượng Bụi tổng cao hơn so với tiêu chuẩn từ 1,03 - 1,17 lần. Còn lại 4 cơ sở có nồng độ Bụi tổng nằm trong tiêu chuẩn cho phép là 115 mg/Nm<sup>3</sup>.

Với thông số CO: Có 6 cơ sở có kết quả phân tích nồng độ CO trong không khí cao hơn so với tiêu chuẩn từ 1,07 - 1,19 lần. Còn lại 4 cơ sở có nồng độ khí CO nằm trong tiêu chuẩn cho phép là 200 mg/Nm<sup>3</sup>.

Với thông số SO<sub>2</sub>: Kết quả phân tích cho thấy nồng độ khí SO<sub>2</sub> có 5 cơ sở y tế có kết quả cao hơn so với tiêu chuẩn cho phép từ 1,06 - 1,17 lần. Còn lại 5 cơ sở có nồng độ SO<sub>2</sub> nằm trong tiêu chuẩn cho phép là 300 mg/Nm<sup>3</sup>.

**Kết luận:** Qua kết quả nhận xét trên thì nhìn chung ta thấy hiện nay khí thải tại lò đốt có khoảng 50% cơ sở là có kết quả nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Còn lại tại một số cơ sở có kết quả phân tích vượt tiêu chuẩn cho phép nhưng với hàm lượng vượt quy chuẩn không đáng kể. Để góp phần bảo vệ môi trường nói chung, môi trường không khí nói riêng tại cơ sở y tế, cũng như sức khỏe của con người đề xuất các cơ sở y tế nên chuyển hệ thống xử lý chất thải rắn y tế sang công nghệ không đốt (ví dụ như công nghệ ma sát ẩm...) khi có điều kiện đầu tư.



## **CHƯƠNG IV. KẾ HOẠCH THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

### **4.1. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại**

Để lựa chọn mô hình xử lý CTYTNNH phù hợp cho từng địa phương, có 6 tiêu chí như sau:

- Mức độ phát sinh tập trung chất thải rắn y tế nguy hại.
- Khối lượng chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh.
- Hiện trạng cơ sở xử lý chất thải rắn.
- Mức độ thuận tiện trong việc thu gom, vận chuyển.
- Định hướng quy hoạch xử lý chất thải rắn.
- Năng lực về tài chính.

Mô hình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đề xuất áp dụng cho tỉnh Hà Giang gồm 2 loại mô hình: Xử lý theo cụm và xử lý tại chỗ.

#### **4.1.1. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm cơ sở y tế**

Áp dụng với các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, trừ Bệnh viện Y – Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang; Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang và Trung tâm phòng chống HIV/AIDS (Các cơ sở y tế này áp dụng mô hình xử lý CTYTNNH tại chỗ).

Chất thải y tế của một cụm cơ sở y tế được thu gom và xử lý chung tại hệ thống, thiết bị xử lý của một cơ sở trong cụm. Các cơ sở y tế không có hệ thống, thiết bị xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định sẽ vận chuyển chất thải y tế của cơ sở mình đến cơ sở tiếp nhận xử lý trong cụm.

Căn cứ vào các tiêu chí nêu trên, các cụm xử lý cụ thể gồm:

#### **\* Cụm 1:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang;

- Năng lực xử lý: Khử khuẩn CTYTNNH bằng công nghệ Vi sóng tích hợp nghiền cắt trong cùng khoang xử lý, sử dụng Công nghệ máy STERIL WAVE 250 công suất 37 - 38 kg/giờ. Với tổng khối lượng CTYTNNH phát sinh trong cụm 1 là 119,54 kg/ngày thì thiết bị xử lý của BVĐK tỉnh Hà Giang hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các bệnh viện, trung tâm y tế, TYT xã, phường, Bệnh viện đa khoa Đức Minh và các CSYT khác trên địa bàn TP Hà Giang và CTYTNH phát sinh tại các xã Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh thuộc huyện Vị Xuyên và xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc thuộc huyện Bắc Mê.

**\* Cụm 2:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên;
- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 2 là 33,56 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Vị Xuyên hoàn toàn đủ khả năng xử lý;
- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm y tế huyện, TYT xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Vị Xuyên (trừ các xã thuộc cụm 1).

**\* Cụm 3:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang;
- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 3 là 55,3 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Bắc Quang hoàn toàn đủ khả năng xử lý;
- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Bắc Quang.

**\* Cụm 4:**

- Đơn vị xử lý: BVĐK huyện Quang Bình;
- Năng lực xử lý hiện tại: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ đốt (Lò đốt CP10, công suất xử lý 10-15 kg/giờ);
- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ).

Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 4 là 11,02 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Quang Bình hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Quang Bình.

**\* Cụm 5:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần;

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 5 là 27,17 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Xín Mần hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Xín Mần (trừ các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên).

**\* Cụm 6:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa Nà Chì;

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 6 là 2,7 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK Nà Chì đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên thuộc huyện Xín Mần.

**\* Cụm 7:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Su Phì;

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 7 là 30,19 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Hoàng Su Phì hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì.

**\* Cụm 8:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê;

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng Hệ thống xử lý rác thải NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ. Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 8 là 13,76 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Bắc Mê hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Bắc Mê (trừ xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc).

**\* Cụm 9:**

- Đơn vị xử lý: BVĐK huyện Quản Bạ;

- Năng lực xử lý hiện tại: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ đốt (Lò đốt CHUWASTAR FE-15, công suất 15-20 kg/giờ);

- Theo kế hoạch thu gom xử lý CTYTNH, để đảm bảo xử lý được khối lượng phát sinh của cả cụm và đảm bảo an toàn cho môi trường xung quanh đề xuất xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất 25 kg/giờ).

Tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 9 là 24,55 kg/ngày thì thiết bị xử lý CTYTNH của BVĐK huyện Quản Bạ hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Quản Bạ.

**\* Cụm 10:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh;

- Năng lực xử lý: Xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 25 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH

phát sinh trong cụm 10 là 45,22 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Yên Minh hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Yên Minh và các xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Văn Chải thuộc huyện Đồng Văn.

**\* Cụm 11:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Đồng Văn;

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 11 là 13,1 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Đồng Văn hoàn toàn đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Đồng Văn (trừ các xã nêu tại Cụm 10 và Cụm 12) và xã Pải Lũng huyện Mèo Vạc.

**\* Cụm 12:**

- Đơn vị xử lý: Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc;

- Năng lực xử lý sau khi được đầu tư của tỉnh: Đề xuất xử lý bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ). Với tổng khối lượng CTYTNH phát sinh trong cụm 12 là 31,22 kg/ngày thì thiết bị (NEWSTER NW5) của BVĐK huyện Mèo Vạc đủ khả năng xử lý;

- Phạm vi xử lý: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho trung tâm y tế, TYT các xã/thị trấn và các CSYT khác trên địa bàn huyện Mèo Vạc (trừ các xã nêu tại Cụm 11) và các xã Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái thuộc huyện Đồng Văn.

**4.1.2. Kế hoạch xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình xử lý tại chỗ**

Áp dụng mô hình xử lý tại chỗ đối với các cơ sở:

- Bệnh viện Y-Dược cổ truyền tỉnh Hà Giang: xử lý CTYTNH phát sinh tại cơ sở bằng công nghệ đốt (Lò đốt chuyên dụng hiện có, công suất xử lý 10-15 kg/giờ);



- Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang: xử lý CTYTNH phát sinh tại cơ sở bằng công nghệ đốt (Lò đốt chuyên dụng với công suất xử lý 10-15 kg/giờ).

Tuy nhiên, hệ thống xử lý CTYTNH của Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang sẽ được đầu tư thay thế bằng công nghệ ma sát ẩm NEWSTER NW5 công suất xử lý 13 kg/giờ (Đã lập dự án đầu tư, dự án được phê duyệt và dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB);

- Trung tâm phòng chống HIV/AIDS: xử lý CTYTNH phát sinh tại cơ sở bằng Lò đốt công nghệ CELITRON-IS25, công suất xử lý 7 kg/giờ;

## **4.2. Kế hoạch thực hiện và phương thức thu gom, vận chuyển chất thải y tế nguy hại**

### **4.2.1. Kế hoạch thu gom chất thải y tế nguy hại**

CTYTNH sẽ được thu gom, phân loại ngay tại nơi phát sinh. Quá trình thu gom, phân loại CTYTNH đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chất thải lây nhiễm: Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT; Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom; CSYT quy định tuyến đường và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong CSYT; Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao (nếu có) phải xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên CSYT; Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT ít nhất 01 (một) lần/ngày; đối với CSYT có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 0,5kg/ngày, tần suất thu gom chất thải lây nhiễm sắc nhọn từ nơi phát sinh về khu lưu giữ tạm thời trong khuôn viên CSYT hoặc đưa đi xử lý, tiêu hủy tối thiểu là 01 (một) lần/tháng.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT; Thu gom chất hàn răng Amalgam thải và thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân: Chất thải có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

### **4.2.2. Kế hoạch lưu giữ chất thải y tế nguy hại**

Các CSYT phải bố trí khu vực lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên



CSYT đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Ngoài ra, cần lưu ý:

- CTYTNNH và chất thải y tế thông thường phải lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên CSYT.

- Chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm phải lưu giữ riêng trừ trường hợp các loại chất thải này áp dụng cùng một phương pháp xử lý.

- Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm (theo quy định tại Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT):

- + Đối với chất thải lây nhiễm phát sinh tại CSYT, thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm tại CSYT không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh dưới 8<sup>0</sup>C, thời gian lưu giữ tối đa là 07 ngày. Đối với CSYT có lượng chất thải lây nhiễm phát sinh dưới 05 kg/ngày, thời gian lưu giữ không quá 03 ngày trong điều kiện bình thường và phải được lưu giữ trong các bao bì được buộc kín hoặc thiết bị lưu chứa được đậy nắp kín.

- + Đối với chất thải lây nhiễm được vận chuyển từ CSYT khác về để xử lý theo mô hình cụm, phải ưu tiên xử lý trong ngày. Trường hợp chưa xử lý ngay trong ngày, phải lưu giữ ở nhiệt độ dưới 20<sup>0</sup>C và thời gian lưu giữ tối đa không quá 02 ngày.

Căn cứ vào tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang, loại CTYTNNH cơ bản phát sinh là bơm kim tiêm. Để hạn chế lây nhiễm, sẽ thực hiện xử lý sơ bộ loại chất thải này bằng phương pháp hấp trước khi đưa vào khu vực lưu giữ chất thải.

- Các cơ sở y tế phải bố trí khu vực lưu giữ chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế đáp ứng các yêu cầu sau:

- + Các cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại cho cụm cơ sở y tế và bệnh viện phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục A, Phụ lục 03 Thông tư 58/TTLT-BYT-BTNMT;

- + Các cơ sở y tế còn lại phải có khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Mục B, Phụ lục 03 Thông tư 58/TTLT-BYT-BTNMT.

#### **4.2.3. Kế hoạch vận chuyển chất thải y tế nguy hại**

##### **4.2.3.1. Đối với các cơ sở xử lý CTYTNNH theo mô hình cụm cơ sở y tế**

Trên địa bàn tỉnh hiện chưa có bệnh viện nào được cấp giấy phép hành nghề xử lý CTNNH và cũng chưa có Công ty môi trường đô thị hay công ty tư

nhân nào tham gia xử lý CTRYTNH. Do đó việc lựa chọn phương án tập kết chất thải y tế từ tuyến xã và phòng khám đa khoa khu vực sau đó vận chuyển về xử lý tại Bệnh viện đa khoa trong cụm. Tuy nhiên cần đảm bảo phương tiện vận chuyển theo khoản 2, 3, 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Vận chuyển chất thải rắn y tế nguy hại theo lộ trình tối ưu về tuyến đường, thời gian, bảo đảm an toàn giao thông và phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Đối với TYT xã: Các trạm y tế xã có nhiệm vụ thu gom và tập kết rác thải, tự vận chuyển CTYTNH tại cơ sở đến phòng khám đa khoa cấp huyện hoặc bệnh viện trong cụm tùy theo khoảng cách địa lý.

- Đối với phòng khám đa khoa cấp huyện: Các phòng khám đa khoa cấp huyện có nhiệm vụ tập kết rác tại khu lưu giữ và vận chuyển CTYTNH đến cụm để xử lý.

- Đối với bệnh viện đa khoa (chịu trách nhiệm xử lý CTYTNH trong cụm): Các bệnh viện đa khoa tiếp nhận CTYTNH từ các phòng khám đa khoa cấp huyện vận chuyển đến để xử lý.

Để phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh, các CSYT sử dụng xe máy có gắn thiết bị lưu chứa CTYTNH đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT để vận chuyển CTYTNH. Quá trình vận chuyển phải được chằng buộc cẩn thận. Ngoài thùng chứa có các biểu tượng CTNH, người vận chuyển phải có giấy xác nhận của người đứng đầu CSYT về số lượng, loại thành phần CTYTNH trong quá trình vận chuyển.

Căn cứ khoản 6 điều 8 của Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT và căn cứ lượng CTRYT phát sinh tại cơ sở: Thời gian vận chuyển CTYTNH tại các trạm y tế 03 – 05 ngày/1 lần.

+ Dụng cụ, thiết bị lưu chứa CTYTNH trên phương tiện vận chuyển: đáp ứng quy định tại Điều 8, Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Thiết bị lưu chứa CTYTNH trong quá trình vận chuyển được đề xuất là thùng bảo ôn vận chuyển rác thải y tế nguy hại có kích thước 50x60x60cm, dung tích chứa 0,15 m<sup>3</sup>, thùng có nắp đóng mở, có chốt cố định, vỏ thùng được sơn màu vàng, bên ngoài có ký hiệu cảnh báo theo quy định.

+ Chất thải lây nhiễm trước khi vận chuyển phải được đóng gói trong các thùng, hộp hoặc túi kín, bảo đảm không bị bụi, vỡ hoặc phát tán chất thải trên

đường vận chuyển.

Trong quá trình vận chuyển CTYTNH từ cơ sở y tế về cơ sở xử lý chất thải y tế cho cụm, khi xảy ra tràn đổ, cháy, nổ chất thải y tế hoặc các sự cố khác phải thực hiện ngay các biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

+ Yêu cầu khi bàn giao chất thải giữa các cơ sở y tế với đơn vị tiếp nhận xử lý phải có sổ giao nhận. Sổ giao nhận CTYTNH tuân thủ theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

#### **4.2.3.2. Đối với các cơ sở xử lý CTYTNH theo mô hình xử lý tại chỗ**

Thực hiện vận chuyển CTYTNH từ các khu vực phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải y tế của đơn vị để xử lý đảm bảo đúng quy định.

Yêu cầu các cơ sở y tế có sổ theo dõi chất thải y tế nguy hại phát sinh tại cơ sở của mình.

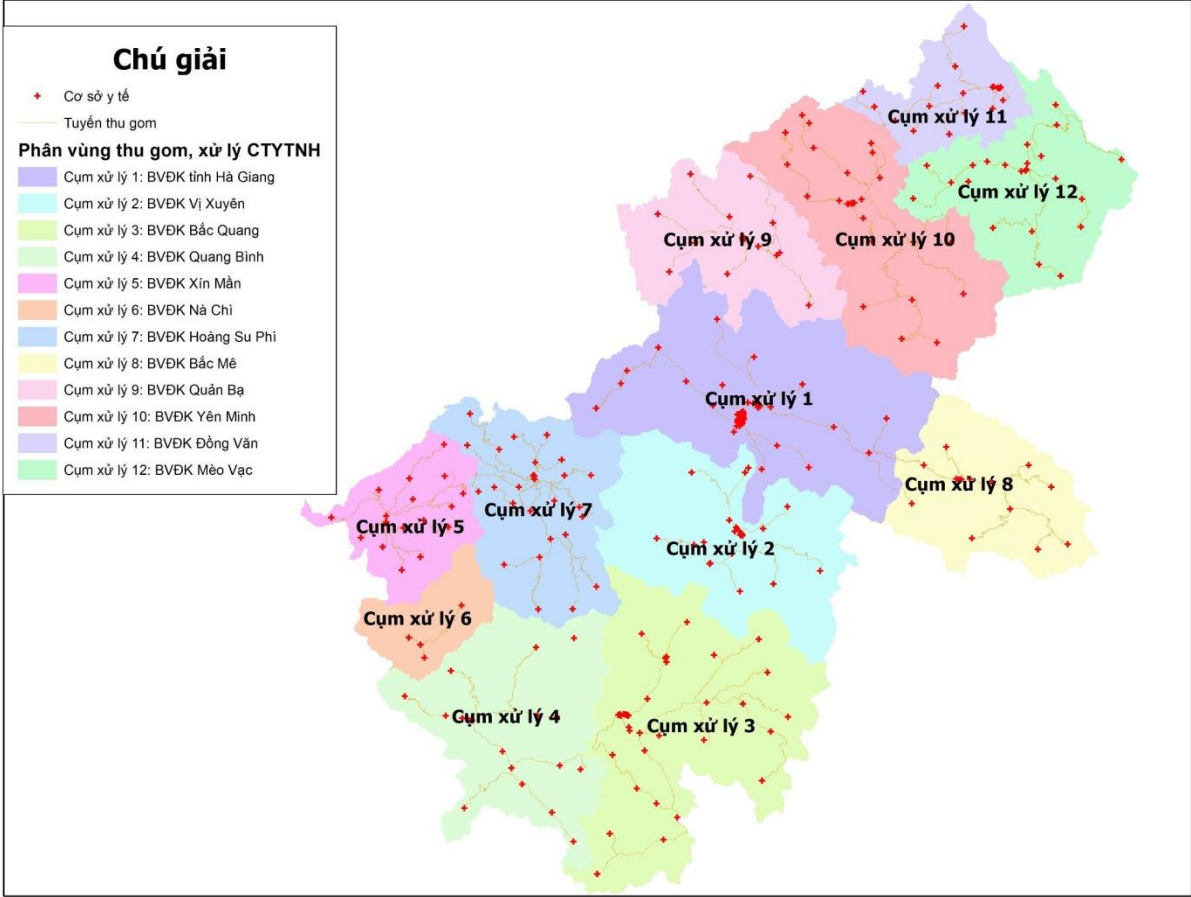
### **4.3. Tổng hợp Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Quyết định số 1021/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Văn bản số 166/BC-KHTC ngày 12/5/2017 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang Báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường và xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp môi trường năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 218/BC-SYT ngày 13/6/2017 của Sở Y tế tỉnh Hà Giang Về tình hình thực hiện các dự án xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Giang do Sở Y tế làm chủ đầu tư .

Dưới đây là bản đồ phân vùng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang:



**Hình 4.1. Bản đồ phân vùng thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang được mô tả ở bảng 4.1 dưới đây:

**Bảng 4.1. Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
I	<b>Các cụm xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh</b>				
1	Cụm 1: BVĐK tỉnh Hà Giang	Tổ 10, Minh Khai	37 – 38 kg/h	TP Hà Giang; huyện Vị Xuyên (Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh), huyện Bắc Mê (xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
2	Cụm 2: BVĐK huyện Vị Xuyên	Tổ 10, TT Vị Xuyên	25 kg/h	Huyện Vị Xuyên (trừ xã trên cụm 1)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
3	Cụm 3: BVĐK huyện Bắc Quang	Tổ 1, TT Việt Quang	25 kg/h	Huyện Bắc Quang	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
4	Cụm 4: BVĐK huyện Quang Bình	Tổ 5, TT Yên Bình	25 kg/h	Huyện Quang Bình	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
5	Cụm 5: BVĐK huyện Xín Mần	Tổ 4, TT Cốc Pài	25 kg/h	Huyện Xín Mần (trừ xã thuộc cụm 6)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
6	Cụm 6: BVĐK Nà Chì	Phố, Nà Chì	13 kg/h	Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
7	Cụm 7: BVĐK huyện Hoàng Su Phì	Tổ 3, TT Vinh Quang	25 kg/h	Huyện Hoàng Su Phì	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
8	Cụm 8: BVĐK huyện Bắc Mê	Tổ 1, TT Yên Phú	13 kg/h	Huyện Bắc Mê (trừ xã trên cụm 1)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
9	Cụm 9: BVĐK huyện Quản Bạ	Tổ 4, TT Tam Sơn	25 kg/h	Huyện Quản Bạ	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
10	Cụm 10: BVĐK huyện Yên Minh	Tổ 6, TT Yên Minh	25 kg/h	Huyện Yên Minh; huyện Đồng Văn (xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Vần Chải)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
11	Cụm 11: BVĐK huyện Đồng Văn	Tổ 7, TT Đồng Văn	13 kg/h	Huyện Đồng Văn (trừ các xã Cụm 10, 12); huyện Mèo Vạc (xã Pải Lũng )	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
12	Cụm 12: BVĐK huyện Mèo Vạc	Tổ 5, TT Mèo Vạc	13 kg/h	Huyện Mèo Vạc; huyện Đồng Văn (xã Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái)	Các cơ sở trong cụm tự thu gom, vận chuyển
<b>II</b>	<b>Đơn vị tự xử lý</b>				
1	Bệnh viện Y-Dược	Tổ 8, Quang	10 – 15 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường171



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Nội dung	Địa điểm thực hiện	Công suất xử lý	Phạm vi thực hiện	Đơn vị thu gom, vận chuyển
	cổ truyền tỉnh Hà Giang	Trung			
2	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	Tổ 3, Minh Khai	25 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom
3	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Tổ 7, Quang Trung	7 kg/h	Tại cơ sở	Cơ sở tự thu gom
4	Các cơ sở khác được Sở Tài nguyên và Môi trường đăng ký tự xử lý chất thải nguy hại trong Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại				

Đề xuất kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

### **Cụm 1:**

#### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

#### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các bệnh viện, trung tâm y tế, TYT xã, phường và các CSYT khác trên địa bàn TP Hà Giang;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các bệnh viện, trung tâm y tế, TYT xã, phường, Bệnh viện đa khoa Đức Minh và các CSYT khác trên địa bàn TP Hà Giang và CTYTNH phát sinh tại các xã Tùng Bá, Thuận Hòa, Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phương Tiến, Phong Quang, Kim Linh, Kim Thạch, Phú Linh thuộc huyện Vị Xuyên và xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc thuộc huyện Bắc Mê.

### **Cụm 2:**

#### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

#### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Vị Xuyên, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Vị Xuyên;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Bệnh viện Phục hồi chức năng, Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Vị Xuyên.

### **Cụm 3:**

#### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

#### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Bắc Quang, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Bắc Quang;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Bắc Quang.

#### **Cụm 4:**

*(Đã lập dự án đầu tư, theo kế hoạch dự án được phê duyệt và thực hiện (xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018) bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).*

##### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

##### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018 – 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Bình, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Quang Bình;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Quang Bình.

#### **Cụm 5:**

##### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

##### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Cốc Pài, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Xín Mần (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên của huyện Xín Mần);

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Xín Mần (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên của huyện Xín Mần).

## **Cụm 6:**

(Đã lập dự án đầu tư, dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).

### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm sau khi được đầu tư hệ thống xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn.

### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018 – 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại bệnh viện đa khoa Nà Chì;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho các xã Nà Chì, Khuôn Lùng, Quảng Nguyên thuộc huyện Xín Mần.

## **Cụm 7:**

### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Vinh Quang, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Hoàng Su Phì.

## **Cụm 8:**

### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Phú, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Bắc Mê (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc của huyện Bắc Mê);

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Bắc Mê (trừ các cơ sở y tế trên địa bàn các xã Minh Sơn, Yên Định, Minh Ngọc của huyện Bắc Mê).

#### **Cụm 9:**

*(Đã lập dự án đầu tư, dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2019, 2020 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).*

##### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

##### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Tam Sơn, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Quản Bạ;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Quản Bạ.

#### **Cụm 10:**

##### Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm ngay sau khi ban hành kế hoạch.

##### Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Yên Minh, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Yên Minh;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Yên Minh và các xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Vần Chải của huyện Đồng Văn.

#### **Cụm 11:**

*(Đã lập dự án đầu tư, dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2018 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB)*

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm sau khi được đầu tư hệ thống xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn thị trấn Đồng Văn, các phòng khám đa khoa khu vực trên địa bàn huyện Đồng Văn;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Đồng Văn (trừ các xã Phố Cáo, Lũng Thầu, Văn Chải, Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái của huyện Đồng Văn) và xã Pải Lũng của huyện Mèo Vạc.

**Cụm 12:**

*(Đã lập dự án đầu tư, dự kiến dự án được xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị trong năm 2019, 2020 bằng vốn ODA - vốn hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB).*

Phương án 1:

Thực hiện xử lý theo mô hình cụm sau khi được đầu tư hệ thống xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn.

Phương án 2:

- Giai đoạn 2018-2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc;

- Giai đoạn sau năm 2020: Thực hiện xử lý CTYTNH phát sinh tại đơn vị và xử lý CTYTNH cho Trung tâm y tế huyện, các cơ sở y tế tư nhân, các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã/thị trấn trên địa bàn huyện Mèo Vạc (trừ xã Pải Lũng của huyện Mèo Vạc) và các xã Lũng Phìn, Hồ Quảng Phìn, Sủng Trái của huyện Đồng Văn.



#### **4.4. Kinh phí thực hiện kế hoạch**

- Kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế hoặc các nguồn hỗ trợ khác (nếu có) như ODA;

- Nguồn kinh phí thu từ các cơ sở y tế xử lý theo mô hình cụm;

- Kinh phí thường xuyên của các đơn vị (đối với các cơ sở xử lý tại chỗ).

##### **\* Đối với các CSYT xử lý theo mô hình cụm**

Nhu cầu đầu tư phương tiện vận chuyển CTYTNH; bảo trì, vận hành hệ thống xử lý CTYTNH cho cơ sở tiếp nhận, xử lý CTYTNH trong cụm; chi phí thường xuyên hàng năm cho việc vận chuyển, xử lý CTYTNH được xác định gồm các nội dung sau:

- Trạm y tế cấp xã: Đầu tư thùng bảo ôn vận chuyển CTYTNH, tận dụng xe máy của cán bộ phụ trách vận chuyển CTYTNH từ các Trạm y tế cấp xã về PKĐK, bệnh viện gần đó;

- Phòng khám đa khoa khu vực: Đầu tư thùng bảo ôn vận chuyển CTYTNH, tận dụng xe máy của cán bộ phụ trách vận chuyển CTYTNH về xử lý tại cụm xử lý;

- Bệnh viện tiếp nhận xử lý CTYTNH trong cụm: Hỗ trợ một phần kinh phí để bảo trì, vận hành hệ thống xử lý CTYTNH cho các bệnh viện thực hiện thu gom, xử lý CTYTNH trong từng cụm; Đầu tư hệ thống xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm (NEWSTER NW5) cho các bệnh viện (Bệnh viện đa khoa Quang Bình, Bệnh viện đa khoa Quản Bạ, Bệnh viện Đa khoa Nà Chì, Bệnh viện đa khoa Đồng Văn và bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc).

Kinh phí thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2025 gồm kinh phí đầu tư hệ thống xử lý CTYTNH cho các cụm xử lý và kinh phí vận chuyển, xử lý CTYTNH. Cụ thể:

- Kinh phí đầu tư ban đầu (đầu tư hệ thống xử lý và trang thiết bị, hạ tầng phục vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTYTNH): **19.612** triệu đồng (từ nay đến 2020). Nguồn kinh phí đầu tư được lấy từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế và nguồn vốn ODA hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB.

- Kinh phí vận chuyển, xử lý CTYTNH: phụ thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh và được lấy từ nguồn chi thường xuyên của các cơ sở y tế.

*(Chi tiết tại Phụ lục 14)*

**\* Đối với các CSYT xử lý tại chỗ**

Đối với các đơn vị xử lý theo mô hình tại chỗ, lượng CTYTNH phát sinh tại cơ sở không nhiều nên các hoạt động vệ sinh, bảo trì thiết bị, vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên của cơ sở.

**4.5. Tổ chức thực hiện**

Để triển khai có hiệu quả Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang cần có sự phối hợp đồng bộ của các đơn vị quản lý nhà nước có liên quan với các cơ sở phát sinh chất thải y tế nguy hại:

**4.5.1. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

Thực hiện thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường và quản lý chất thải của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định.

-Phối hợp với Sở Y tế tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

**4.5.2. Sở Y tế:**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này.

Chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn toàn tỉnh: Thực hiện thu gom, phân loại, xử lý chất thải y tế nguy hại theo quy định; cân đối, bố trí đảm bảo kinh phí và nhân lực để thực hiện quản lý chất thải y tế nguy hại theo quy định.

Hướng dẫn, theo dõi, thanh tra, kiểm tra hoạt động quản lý và xử lý chất thải y tế nguy hại của các cơ sở y tế theo thẩm quyền.

Tổ chức đào tạo, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 58/2015/TT-BYT-BTNMT.

**4.5.3. Sở Kế hoạch và đầu tư:**

Tham mưu cho UBND tỉnh phương án cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**4.5.4. Sở Tài chính:**

Ban hành hướng dẫn thực hiện công tác thanh toán chi phí về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án quản lý chất thải y tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **4.5.5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:**

Phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác quản lý và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn.

Tổ chức truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho các cơ sở y tế và các đối tượng liên quan trên địa bàn quản lý. Phối hợp với các đơn vị liên quan trong hoạt động thanh tra, kiểm tra công tác quản lý chất thải y tế của các cơ sở y tế trên địa bàn quản lý.

#### **4.5.6. Trách nhiệm của các cơ sở y tế:**

Thực hiện quản lý chất thải y tế nguy hại theo nội dung Kế hoạch này và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Phân công lãnh đạo, khoa, phòng, cán bộ phụ trách về công tác quản lý chất thải y tế của cơ sở.

Lập và ghi đầy đủ thông tin vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo quy định.

Bố trí đủ kinh phí, nhân lực hoặc ký hợp đồng để thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế.

Đối với các cơ sở thực hiện xử lý chất thải y tế cho cụm phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật về phương tiện vận chuyển và thiết bị lưu chứa chất thải trên phương tiện vận chuyển theo quy định.

Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều b, Khoản 3, Điều 16 Thông tư số 58/2015/TT-BYT-BTNMT.

## **KẾT LUẬN**

Nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh” đã tiến hành thực hiện các nội dung theo đúng đề cương đã được phê duyệt, cụ thể: Đánh giá được hiện trạng phát sinh và dự báo lượng CTYTNH phát sinh đến năm 2030; Đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh; Xây dựng được kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH phù hợp với thực trạng và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, được UBND tỉnh phê duyệt.

Hiện trạng phát sinh và dự báo lượng CTYTNH phát sinh đến năm 2030: Theo các kết quả điều tra, khối lượng CTYT phát sinh hiện nay vào khoảng 2.463,36 kg/ngày, trong đó CTYTNH khoảng 414,33 kg/ngày (chiếm 16,82%) và CTYTTT khoảng 2.049,03 kg/ngày (chiếm 83,16%). Nguồn phát sinh CTYTNH chủ yếu tập trung ở các cơ sở thuộc hệ điều trị, đặc biệt là các bệnh viện; các cơ sở y tế thuộc hệ dự phòng và đơn vị chuyên ngành do không có chức năng khám chữa bệnh nên hầu như không phát sinh hoặc phát sinh lượng nhỏ CTYTNH; các phòng khám tư nhân còn nhỏ lẻ, chưa đầu tư giường bệnh nên lượng CTYTNH phát sinh ít, thậm chí nhiều cơ sở không phát sinh. Theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tổng số giường bệnh có sự gia tăng nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, theo đó lượng CTYT nói chung và CTYTNH nói riêng cũng có xu hướng tăng; cụ thể: ước tính đến năm 2020 lượng CTYTNH phát sinh ở tuyến tỉnh vào khoảng 156,87kg/ ngày và đến năm 2030 là 183,55kg/ngày; khối lượng CTYTNH phát sinh ở các cơ sở y tế tuyến Huyện năm 2020 là 204,06kg/ngày và năm 2030 là 212,55kg/ngày; khối lượng CTYTNH phát sinh ở các cơ sở y tế tuyến xã là 84,36kg/ngày vào năm 2030 và ở các phòng khám tư nhân là 12,54kg/ngày vào năm 2020. Việc gia tăng lượng CTYTNH sẽ là một sức ép cho công tác quản lý CTYTNH của tỉnh Hà Giang.

Hiện trạng công tác quản lý CTYTNH trên địa bàn tỉnh: Theo các kết quả điều tra thực địa cho thấy hầu hết các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang đã thực hiện quản lý CTYTNH theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải y tế. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế còn khó khăn cộng với các khó khăn về điều kiện địa hình, hạ tầng kỹ thuật

nên việc triển khai đồng bộ công tác quản lý CTYTNH theo quy định còn hạn chế. Công tác thu gom, phân loại đã được thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên công tác lưu giữ và xử lý CTYTNH còn nhiều hạn chế, nhiều cơ sở còn chưa có khu vực lưu chứa và các dụng cụ, thiết bị lưu chứa CTYT theo quy định. Cơ sở hạ tầng xử lý CTYTNH còn thô sơ, phần lớn sử dụng lò đốt thủ công xây bằng gạch (trạm y tế và các phòng khám đa khoa) để đảm bảo bộ tiêu chí, tuy nhiên hiệu quả xử lý không cao, không đáp ứng được yêu cầu về xử lý CTNH. Một số bệnh viện đã được đầu tư lò đốt 2 buồng, phù hợp với yêu cầu xử lý CTYTNH, tuy nhiên qua quá trình sử dụng đã xuống cấp, không đảm bảo hiệu quả xử lý chất thải (Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê, Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, Bệnh viện đa khoa Khu vực Yên Minh, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang).

Xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý CTYTNH: Dựa trên các tiêu chí: Mức độ phát sinh tập trung CTRYTNH; Khối lượng CTRYTNH phát sinh; Hiện trạng cơ sở xử lý CTRYT; Mức độ thuận tiện trong việc thu gom, vận chuyển chất thải; Định hướng quy hoạch xử lý chất thải rắn; Năng lực về tài chính của địa phương; nhiệm vụ đã đề xuất áp dụng cho tỉnh Hà Giang 2 loại mô hình xử lý CTYTNH là mô hình xử lý theo cụm và mô hình xử lý tại chỗ. Theo đó tỉnh Hà Giang được chia thành 12 cụm xử lý CTYTNH. Bên cạnh đó, nhiệm vụ cũng đã xây dựng được kế hoạch thực hiện và phương thức thu gom, vận chuyển CTYTNH phù hợp với thực trạng và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. “*Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang*” được xây dựng theo mẫu chi tiết tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT của liên Bộ Y tế - Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại.

## **KIẾN NGHỊ**

- UBND tỉnh Hà Giang sớm ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
- Tăng ngân sách đầu tư các hạng mục dự án nhằm thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Giang.





## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường (2015), Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT Quy định về quản lý chất thải y tế, Hà Nội;
2. Cục thống kê Hà Giang (2017), Niên giám thống kê 2016, Hà Giang;
3. Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Giang (2015), Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Hà Giang;
4. Sở NN&PTNT Hà Giang (2011), Báo cáo quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2020, Hà Giang;
5. Sở TNMT Hà Giang (2011), Báo cáo thuyết minh tổng hợp lập quy hoạch phân bổ tài nguyên nước tỉnh Hà Giang đến năm 2020, Hà Giang;
6. Sở TNMT Hà Giang (2015), Báo cáo hiện trạng môi trường tổng thể tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2015, Hà Giang;
7. Sở Y tế tỉnh Hà Giang (2015), Báo cáo kết quả hoạt động ngành năm 2015, Phương hướng nhiệm vụ năm 2016, Hà Giang;
8. Cục quản lý môi trường Y tế - Sở tay hướng dẫn quản lý chất thải y tế trong Bệnh viện (Ban hành kèm theo quyết định số 105/QĐ-MT ngày 03/07/2014 của Cục trưởng Cục quản lý môi trường Y tế);
9. Cục quản lý môi trường Y tế, Quản lý chất thải y tế cho các cán bộ quản lý;
10. Cục quản lý môi trường Y tế, Quản lý chất thải y tế cho nhân viên thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải y tế;
11. Cục quản lý môi trường Y tế, Quản lý chất thải y tế cho cán bộ chuyên trách quản lý chất thải y tế;
12. Cục quản lý môi trường Y tế, Quản lý chất thải y tế cho nhân viên y tế;
13. Cục quản lý môi trường Y tế, Quản lý chất thải y tế cho cán bộ quan trắc môi trường y tế;
14. Bộ Tài nguyên Môi trường, Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2016;
15. UBND tỉnh Hà Giang, Báo cáo hiện trạng môi trường tổng thể tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2015;
16. UBND tỉnh Kon Tum, Kế hoạch quản lý chất thải y tế tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

17. UBND tỉnh Lạng Sơn, Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;
18. Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
19. UBND tỉnh Yên Bái, Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Ban hành kèm theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái);
20. Luận Văn thạc sĩ khoa học, TS. Nguyễn Quang Trung, Đánh giá thực trạng công tác quản lý chất thải y tế tại một số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý;
21. Đề án Tổng thể xử lý chất thải y tế nguy hại tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012-2020, có tính đến 2025 (Ban hành kèm theo quyết định số 5402/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 27/12/2012);
22. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, Báo cáo tổng kết năm 2016, Kế hoạch hoạt động năm 2017;
23. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang, Kế hoạch Quản lý chất thải y tế;
24. Bệnh viện Y dược cổ truyền, Báo cáo kết quả hoạt động Bệnh viện Y Dược cổ truyền năm 2016, Phương hướng nhiệm vụ năm 2017;
25. Bệnh viện Lao và Phổi tỉnh Hà Giang, Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại Bệnh viện Lao và Bệnh Phổi;
26. Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang, Báo cáo Quản lý chất thải nguy hại của chủ nguồn thải chất thải nguy hại năm 2017;
27. Huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang, Quy định thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải;
28. Huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang, Báo cáo Kết quả quản lý chất thải y tế năm 2016;
29. Huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang, Kế hoạch quản lý chất thải y tế năm 2017;
30. Huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang, Báo cáo Kết quả quan trắc môi trường bệnh viện;
31. Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên, Kết quả quản lý CTYT.

## **PHỤ LỤC**

### **Phụ lục 1. Công tác phân định chất thải y tế nguy hại tại tuyến Huyện**

*Giải thích ý nghĩa của các kí hiệu:*

- 1: Chất thải lây nhiễm sắc nhọn;
- 2: Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn;
- 3: Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao;
- 4: Chất thải giải phẫu;
- 5: Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn;
- 6: Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng;
- x: Không phát sinh chất thải.

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)</b>
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	1 (17,6) 2 (64,7) 6 (17,7)
2	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Quản Bạ	1 (1,443) 2 (41,43) 4 (57,14)
3	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	Quản Bạ	1 (30) 2 (70)
4	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Quản Bạ	1 (42,5) 2 (32,5) 5 (12,5) 6 (12,5)
5	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Quản Bạ	Quản Bạ	x
6	Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Ngọc	Quản Bạ	1 (20) 2 (80)
7	Phòng khám ngoại bác sỹ Lìn Xuân Cường	Quản Bạ	x
8	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	1 (46) 2 (40)

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)</b>
			4 (14)
9	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	Yên Minh	1 (50) 2 (50)
10	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	Yên Minh	1 (60) 2 (40)
11	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	Yên Minh	1 (1) 2 (99)
12	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Yên Minh	Yên Minh	x
13	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Minh	Yên Minh	1 (100)
14	Phòng khám bệnh Hà Thành	Yên Minh	x
15	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Yên Minh	2 (100)
16	Phòng khám bác sỹ Thu	Yên Minh	2 (100)
17	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	1 (14,3) 2 (33,3) 4 (4,8) 6 (47,6)
18	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	x
19	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	1 (5) 2 (90) 5 (1) 6 (4)
20	Phòng khám bác sỹ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Mèo Vạc	1 (1) 2 (83) 4 (16)
21	Phòng khám Thu Mai	Mèo Vạc	x
22	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	1 (40) 2 (60)
23	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	1 (20)



TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)
	Vạc)		2 (60)
24	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Hoàng Su Phì	1 (45,75) 2 (34,2) 5 (20)
25	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Hoàng Su Phì	1 (20) 2 (60) 3 (20)
26	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	x
27	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	1 (27,9) 2 (21,7) 4 (0,04) 5(50,36)
28	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	1 (100)
29	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Hoàng Su Phì	1 (52,38) 2 (42,86)
30	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Hạnh	Hoàng Su Phì	x
31	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	1 (13,2) 2 (86,8)
32	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Mê	Bắc Mê	x
33	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bắc Mê	1 (7,3) 2 (91) 6 (9,7)
34	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc (Bắc Mê)	Bắc Mê	1 (63) 2 (25) 4 (12)
35	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm (Bắc Mê)	Bắc Mê	1 (68) 2 (17)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)
			4 (15)
36	Phòng khám Khánh Chương	Bắc Mê	x
37	Phòng khám Hoa Lan	Bắc Mê	1 (2,7) 2 (97,3)
38	Phòng khám Bác sĩ Lương Xuân Long	Xín Mần	x
39	Phòng khám sản phụ khoa Nguyễn Thị Giang	Xín Mần	x
40	Bệnh viện đa khoa Nà chì	Xín Mần	1 (35,5) 2 (61,2) 4 (3,5)
41	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	1 (45,4) 2 (54,5) 4 (0,1)
42	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Xín Mần	1 (100)
43	Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình huyện Xín Mần	Xín Mần	x
44	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Xín Mần	1 (20) 2 (60) 4 (20)
45	Phòng khám đa khoa Thị trấn Phó Bảng	Đồng Văn	1 (40) 2 (60)
46	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Đồng Văn	1 (50) 2 (50)
47	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	1 (9) 2 (45) 4 (36) 5 (10)
48	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Đồng Văn	Đồng Văn	x
49	Trung tâm Y tế huyện Đồng Văn	Đồng Văn	x

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)
50	Phòng khám Sản - Phụ khoa	Đồng Văn	x
51	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Đồng Văn	1 (40%) 2 (60%)
52	Phòng khám chữa bệnh ngoài giờ bác sĩ Vương Thị Lan	Đồng Văn	x
53	Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Quang	Bắc Quang	x
54	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	1 (8,3) 2 (83,4) 4 (8,3)
55	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Bắc Quang	1 (100)
56	Phòng khám bác sĩ Nông Văn Thắng	Bắc Quang	x
57	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Bắc Quang	1 (30) 5 (70)
58	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
59	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Bắc Quang	1 (40) 2 (60)
60	Phòng khám bác sĩ Thơm	Bắc Quang	x
61	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	Bắc Quang	1 (57) 2 (33) 4 (10)
62	Phòng khám chuyên khoa mắt Tri Công Long	Bắc Quang	x
63	Phòng khám bác sĩ Vũ Phương Dung	Bắc Quang	x
64	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	Bắc Quang	1 (40) 2 (60)
65	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Bắc Quang	1 (60)

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYT/NH (Tỉ lệ %)
			5 (40)
66	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Bắc Quang	1 (45) 2 (55)
67	Phòng khám bác sỹ Hoàng Thị Cậy	Bắc Quang	1 (10) 2 (90)
68	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Bắc Quang	1 (10) 2 (85) 4 (5)
69	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sỹ Hoàng Tất Vũ	Bắc Quang	1 (80) 2 (20)
70	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	1 (26) 2 (60) 4 (7) 5 (7)
71	Trung tâm y tế huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	x
72	Trung tâm dân số Kế hoạch hóa gia đình Huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	x
73	Phòng khám nội tổng hợp Hoàng Văn Thường	Huyện Quang Bình	x
74	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Huyện Quang Bình	1 (40) 2 (60)
75	Phòng khám bác sỹ Hoàng Văn Luân	Huyện Quang Bình	1 (45) 2 (55)
76	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Huyện Quang Bình	1 (40) 2 (60)
77	Phòng khám bác sỹ Hoàng Thị Huyền	Huyện Quang Bình	x
78	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Thành phố Hà Giang	1 (100)

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)</b>
79	Trung tâm Dân số-Kế hoạch hóa gia đình TP Hà Giang	Thành phố Hà Giang	x
80	Phòng khám chuyên khoa Mắt BS Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Thành phố Hà Giang	x
81	Phòng khám chuyên Khoa mắt	Thành phố Hà Giang	1 (65) 2 (35)
82	Phòng khám nội khoa	Thành phố Hà Giang	1 (5) 2 (95)
83	Phòng khám siêu âm Bác sĩ Học	Thành phố Hà Giang	x
84	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	1 (15) 2 (85)
85	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	1 (50) 2 (50)
86	Phòng khám đông y Bùi Thị Hà	Thành phố Hà Giang	x
87	Phòng khám răng thẩm mỹ	Thành phố Hà Giang	1 (30) 2 (70)
88	Phòng khám Sông Quê	Thành phố Hà Giang	x
89	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	Thành phố Hà Giang	1 (5) 2 (90) 4 (5)
90	Phòng khám phụ sản - KHHGD	Thành phố Hà Giang	x
91	Phòng khám da liễu BS Hoàng Thanh Thoát	Thành phố Hà Giang	x
92	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng BS Long	Thành phố Hà Giang	x
93	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà	Thành phố Hà Giang	1 (25)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)
	Nội	Giang	2 (75)
94	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	Thành phố Hà Giang	x
95	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Thành phố Hà Giang	1 (5) 2 (95)
96	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	Thành phố Hà Giang	1 (20) 2 (80)
97	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	Thành phố Hà Giang	1 (10) 2 (90)
98	Phòng khám y học cổ truyền Quang Dương	Thành phố Hà Giang	x
99	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	Thành phố Hà Giang	1 (35) 2 (65)
100	Phòng khám nha khoa Thành Giang	Thành phố Hà Giang	1 (50) 2 (50)
101	Phòng khám sản. siêu âm Lý Thị Mến	Thành phố Hà Giang	x
102	Phòng khám đa khoa Đức Minh	Thành phố Hà Giang	1 (70) 2 (30)
103	Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng Bác Sĩ Nam	Thành phố Hà Giang	x
104	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng	Thành phố Hà Giang	x
105	Phòng khám Nội - Nhi	Thành phố Hà Giang	x
106	Phòng khám chuẩn trị Đông Y	Thành phố Hà Giang	x
107	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng	Thành phố Hà Giang	2 (80) 4 (20)
108	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn	Thành phố Hà Giang	1 (20)

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường



TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)
	Đức Hùng	Giang	2 (80)
109	Phòng khám đa khoa Bình Thu	Thành phố Hà Giang	1 (30) 2 (70)
110	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Thành phố Hà Giang	1 (20) 2 (80)
111	Phòng chuẩn trị Y học cổ truyền Minh Anh	Thành phố Hà Giang	x
112	Phòng khám bác sĩ Nguyễn Thị Đức	Thành phố Hà Giang	x
113	Phòng khám phục hồi chức năng Đào Cẩm Lê	Thành phố Hà Giang	x
114	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	Thành phố Hà Giang	1 (30) 2 (70)
115	Phòng khám nội nhi Bác Sĩ Liên	Thành phố Hà Giang	x
116	Phòng khám chuyên khoa nhi	Thành phố Hà Giang	1 (60) 2 (40)
117	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng	Thành phố Hà Giang	1 (30) 2 (70)
118	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Thành phố Hà Giang	1 (10) 2 (90)
119	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	1 (26,7) 2 (24) 4 (0,04) 5 (49,26)
120	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	1 (100)
121	Trung tâm Dân số-Kế hoạch hóa gia đình huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	x
122	Phòng khám Km10	Huyện Vị	1 (10)

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỉ lệ %)</b>
		Xuyên	2 (90)
123	Phòng khám nội khoa	Huyện Vị Xuyên	1 (30) 2 (70)
124	Phòng khám BS Giang	Huyện Vị Xuyên	1 (20) 2 (80)
125	Phòng khám phụ sản KHHGD	Huyện Vị Xuyên	1 (40) 2 (60)
126	Phòng khám Tai mũi họng	Huyện Vị Xuyên	x
127	Phòng khám Chuyên khoa Mắt	Huyện Vị Xuyên	x
128	Phòng khám Phương Thiêm	Huyện Vị Xuyên	x
129	Phòng khám siêu âm	Huyện Vị Xuyên	x
130	Phòng khám BS Nguyễn Văn Minh	Huyện Vị Xuyên	x
131	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)
132	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Yên Minh	1 (30) 2 (60) 5 (10)

**Phụ lục 2. Công tác phân định chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở tuyến xã**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)
1	Trạm y tế xã Quảng Bạ	Quảng Bạ	1 (63,6) 2 (36,4)
2	Trạm y tế xã Cao Mã Pờ	Quảng Bạ	1 (1) 2 (99)
3	Trạm y tế xã Bát Đại Sơn	Quảng Bạ	1 (10) 2 (40) 4 (50)
4	Trạm y tế thị trấn Tam Sơn	Quảng Bạ	1 (2) 2 (98)
5	Trạm y tế xã Tả Ván	Quảng Bạ	1 (36,4) 2 (63,4) 5 (2)
6	Trạm y tế xã Thanh Vân	Quảng Bạ	1 (1,43) 2 (41,43) 4 (57,14)
7	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	Quảng Bạ	1 (10) 2 (40) 4 (50)
8	Trạm y tế xã Lũng Tám	Quảng Bạ	1 (38) 2 (46,5) 5 (15,5)
9	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Quảng Bạ	1 (35,5) 2 (45,5) 5 (19)
10	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Quảng Bạ	1 (55) 2 (40) 5 (5)
11	Trạm y tế xã Thái An	Quảng Bạ	1 (44,5) 2 (45,5)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNNH (Tỷ lệ %)
			5 (10)
12	Trạm y tế thị trấn Yên Minh	Yên Minh	1 (1) 2 (99)
13	Trạm y tế xã Đường Thượng	Yên Minh	1 (4,8) 2 (95,2)
14	Trạm y tế xã Đông Minh	Yên Minh	1 (40) 2 (60)
15	Trạm y tế xã Ngam La	Yên Minh	1 (31,7) 2 (62,3) 4 (2) 5 (4)
16	Trạm y tế xã Phú Lũng	Yên Minh	1 (37) 2 (49) 5 (14)
17	Trạm y tế xã Thắng Mố	Yên Minh	1 (65) 2 (30) 5 (5)
18	Trạm y tế xã Sùng Tráng	Yên Minh	1 (54) 2 (26) 4 (10) 5 (10)
19	Trạm y tế xã Sùng Thái	Yên Minh	1 (30) 2 (60) 4 (10)
20	Trạm y tế xã Du Già	Yên Minh	1 (30) 2 (70)
21	Trạm y tế xã Du Tiến	Yên Minh	1 (65) 2 (35)
22	Trạm y tế xã Hữu Vinh	Yên Minh	1 (43,5) 2 (56,5)
23	Trạm y tế xã Na Khê	Yên Minh	1 (18)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNNH (Tỷ lệ %)
			2 (82)
24	Trạm y tế xã Mậu Long	Yên Minh	1 (28,5) 2 (71,5)
25	Trạm y tế xã Ngọc Long	Yên Minh	1 (30) 2 (70)
26	Trạm y tế xã Lao và Chải	Yên Minh	1 (44,8) 2 (55,2)
27	Trạm y tế thị trấn Mèo Vạc	Mèo Vạc	1 (50) 2 (50)
28	Trạm y tế xã Niêm Tòng	Mèo Vạc	1 (30) 2 (70)
29	Trạm y tế xã Tát Ngà	Mèo Vạc	1 (50) 2 (50)
30	Trạm y tế xã Nậm Ban	Mèo Vạc	1 (40) 2 (59) 4 (1%).
31	Trạm y tế xã Khâu Vai	Mèo Vạc	1 (74) 2 (15) 4 (10)
32	Trạm y tế xã Lũng Pù	Mèo Vạc	1 (65) 2 (35)
33	Trạm y tế xã Cán Chu Phìn	Mèo Vạc	1 (38) 2 (25) 4 (17) 5 (20)
34	Trạm y tế xã Giáng Chu Phìn	Mèo Vạc	1 (64) 2 (36)
35	Trạm y tế xã Pải Lũng	Mèo Vạc	1 (55) 2 (35) 4 (10)
36	Trạm y tế xã Thượng Phùng	Mèo Vạc	1 (32,2)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNNH (Tỷ lệ %)
			2 (67,8)
37	Trạm y tế xã Sơn Vĩ	Mèo Vạc	1 (25) 2 (75)
38	Trạm y tế xã Tả Lũng	Mèo Vạc	1 (40) 2 (60)
39	Trạm y tế xã Sủng Trà	Mèo Vạc	1 (32,5) 2 (67,5)
40	Trạm y tế xã Sủng Máng	Mèo Vạc	1 (10) 2 (90)
41	Trạm y tế xã Lũng Chinh	Mèo Vạc	1 (15) 2 (85)
42	Trạm y tế xã Pả Vi	Mèo Vạc	1 (25,5) 2 (74,5)
43	Trạm y tế xã Tụ Nhân	Hoàng Su Phì	1 (35) 2 (65)
44	Trạm y tế xã Nậm Khòa	Hoàng Su Phì	1 ( 65) 2 (35)
45	Trạm y tế xã Nàng Đôn	Hoàng Su Phì	1 (30) 2 (70)
46	Trạm y tế xã Nam Sơn	Hoàng Su Phì	1 (65) 2 (30)
47	Trạm y tế xã Bản Máy	Hoàng Su Phì	1 (54,15) 2 (30,85) 5 (5)
48	Trạm y tế xã Bản Nhùng	Hoàng Su Phì	1 (68,25) 2 (31,75)
49	Trạm y tế xã Tả Sử Chóong	Hoàng Su Phì	1 (58,75)
			2 (41,25)
50	Trạm y tế xã Bản Páo	Hoàng Su Phì	1 (58,75) 2 (31,25)

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNNH (Tỷ lệ %)
			5 (10)
51	Trạm y tế xã Hồ Thầu	Hoàng Su Phì	1 (52) 2 (33) 5 (15)
52	Trạm y tế xã Pờ Ly Ngải	Hoàng Su Phì	1 (30) 2 (70)
53	Trạm y tế xã Sán Xả Hồ	Hoàng Su Phì	1 (30) 2 (70)
54	Trạm y tế xã Bản Luốc	Hoàng Su Phì	1 (70) 2 (30)
55	Trạm y tế xã Ngàm Đăng Vài	Hoàng Su Phì	1 (80) 2 (20)
56	Trạm y tế xã Nậm Ty	Hoàng Su Phì	1 (25) 2 (75)
57	Trạm y tế xã Bản Phùng	Hoàng Su Phì	1 (30) 2 (70)
58	Trạm y tế thị trấn Vinh Quang	Hoàng Su Phì	
59	Trạm y tế xã Pố Lồ	Hoàng Su Phì	1 (60) 2 (20) 5 (20)
60	Trạm y tế xã Thàng Tín	Hoàng Su Phì	1 (60) 2 (20) 5 (20)
61	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Hoàng Su Phì	1 (70) 2 (20) 5 (10)
62	Trạm y tế xã Đản Ván	Hoàng Su Phì	1 (55) 2 (25) 5 (20)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)</b>
63	Trạm y tế xã Túng Sán	Hoàng Su Phì	1 (25) 2 (65) 5 (10)
64	Trạm y tế xã Tân Tiến	Hoàng Su Phì	1 (30) 2 (60) 5 (10)
65	Trạm Y tế xã Thượng Tân	Bắc Mê	1 (33,3) 2 (66,7)
66	Trạm y tế xã Đường Hồng	Bắc Mê	1 (54) 2 (36)
67	Trạm y tế xã Phiêng Luông	Bắc Mê	1 (73) 2 (27)
68	Trạm y tế xã Yên Cường	Bắc Mê	1 (65) 2 (35)
69	Trạm y tế xã Yên Định	Bắc Mê	1 (70) 2 (20) 5 (5) 6 (5)
70	Trạm y tế xã Lạc Nông	Bắc Mê	1 (80) 2 (20)
71	Trạm y tế xã Yên Phong	Bắc Mê	1(25) 2 (75)
72	Trạm y tế xã Phú Nam	Bắc Mê	1 (48) 2 (52)
73	Trạm y tế xã Minh Sơn	Bắc Mê	1 (35) 2 (65)
74	Trạm y tế xã Giáp Trung	Bắc Mê	1 (38) 2 (62)
75	Trạm y tế thị trấn Yên Phú	Bắc Mê	1 (28)

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)</b>
			2 (72)
76	Trạm y tế xã Chí Cà	Xín Mần	1 (20) 2 (80)
77	Trạm y tế xã Nàn Sín	Xín Mần	1 (30) 2 (70)
78	Trạm y tế xã Bản Díu	Xín Mần	1 (35) 2 (65)
79	Trạm y tế xã Xín Mần	Xín Mần	1 (30) 2 (70)
80	Trạm y tế xã Thèn Phàng	Xín Mần	1 (30) 2 (70)
81	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Xín Mần	1 (40) 2 (60)
82	Trạm y tế xã Năm Dân	Xín Mần	1 (60) 2 (35) 5 (5)
83	Trạm y tế thị trấn Cốc Pài	Xín Mần	1 (20) 2 (70)
84	Trạm y tế xã Pà Vầy Sủ	Xín Mần	1 (70) 2 (20) 5 (10)
85	Trạm y tế xã Khuôn Lùng	Xín Mần	1 (68) 2 (20) 5 (12)
86	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Xín Mần	1 (65) 2 (25) 5 (10)
87	Trạm y tế xã Cốc Rế	Xín Mần	1 (58,5) 2 (41,5)
88	Trạm y tế xã Tả Nhìu	Xín Mần	1 (73,7) 2 (27,3)

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)</b>
89	Trạm y tế xã Chế Là	Xín Mần	1 (68) 2 (32)
90	Trạm y tế xã Thu Tà	Xín Mần	1 (68,8) 2 (31,2)
91	Trạm y tế xã Bản Ngò	Xín Mần	1 (65) 2 (25) 5 (10)
92	Trạm y tế xã Nà Chì	Xín Mần	1 (60) 2 (40)
93	Trạm y tế xã Nàn Ma	Xín Mần	1 (15) 2 (70) 5 (15)
94	Trạm y tế xã Tả Phìn	Đồng Văn	1 (64) 2 (36)
95	Trạm y tế xã Phó Là	Đồng Văn	1 (54) 2 (36) 4 (10)
96	Trạm y tế xã Sà Phìn	Đồng Văn	1 (64.5) 2 (35.5)
97	Trạm y tế xã Tá Lùng	Đồng Văn	1 (34) 2 (56) 4 (5) 6 (5)
98	Trạm y tế xã Lũng Cú	Đồng Văn	1 (37.5) 2 (47.5) 4 (15)
99	Trạm y tế xã Sùng Trái	Đồng Văn	1 (75) 2 (25)
100	Trạm y tế xã Hồ Quảng Phìn	Đồng Văn	1 (67) 2 (33)
101	Trạm y tế xã Sính Lùng	Đồng Văn	1 (66)

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYT NH (Tỷ lệ %)</b>
			2 (34)
102	Trạm y tế xã Ma Lé	Đồng Văn	1 (20) 2 (80)
103	Trạm y tế xã Lũng Táo	Đồng Văn	1 (33.2) 2 (66.8)
104	Trạm y tế xã Phó Cáo	Đồng Văn	1 (35.5) 2 (64.5)
105	Trạm y tế xã Vần Chải	Đồng Văn	1 (10) 2 (90)
106	Trạm y tế xã Thái Phìn Tủng	Đồng Văn	1 (30) 2 (70)
107	Trạm y tế xã Lũng Thầu	Đồng Văn	1 (15) 2 (85)
108	Trạm y tế xã Sảng Tủng	Đồng Văn	1 (10) 2 (90)
109	Trạm y tế xã Sủng Là	Đồng Văn	1 (30) 2 (70)
110	Trạm y tế thị trấn Đồng Văn	Đồng Văn	1 (99) 2 (1)
111	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
112	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
113	Trạm y tế xã Bằng Hành	Bắc Quang	1 (30) 2 (50) 5 (20)
114	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Bắc Quang	1 (30) 2 (50)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)
			5 (20)
115	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
116	Trạm y tế xã Đông Thành	Bắc Quang	1 (25) 2 (0) 5 (75)
117	Trạm y tế xã Đức Xuân	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
118	Trạm y tế xã Hùng An	Bắc Quang	1 (45) 2 (35) 5 (20)
119	Trạm y tế xã Hữu Sản	Bắc Quang	1 (50) 2 (30) 5 (20)
120	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Bắc Quang	1 (30) 2 (50) 5 (20)
121	Trạm y tế xã Quang Minh	Bắc Quang	1 (50) 2 (30) 5 (20)
122	Trạm y tế xã Tân Lập	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
123	Trạm y tế xã Tân Quang	Bắc Quang	1 (50) 2 (30) 5 (20)
124	Trạm y tế xã Tân Thành	Bắc Quang	1 (40)



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)
			2 (40) 5 (20)
125	Trạm y tế xã Tiên Kiều	Bắc Quang	1 (50) 2 (30) 5 (20)
126	Trạm y tế xã Thượng Bình	Bắc Quang	1 (30) 5 (70)
127	Trạm y tế xã Việt Hồng	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
128	Trạm y tế xã Việt Vinh	Bắc Quang	1 (20) 2 (60) 5 (20)
129	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Bắc Quang	1 (50) 2 (30) 5 (20)
130	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
131	Trạm y tế xã Vô Đếm	Bắc Quang	1 (40) 2 (40) 5 (20)
132	Trạm y tế Thị trấn Yên Bình	Huyện Quang Bình	1 (90) 2 (10)
133	Trạm y tế xã Bản Rịa, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	1 (40) 2 (40) 5 (20)
134	Trạm y tế xã Yên Thành, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	1 (60) 2 (20) 5 (20)

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)</b>
135	Trung tâm y tế xã Tân Trinh	Huyện Quang Bình	1 (30) 5 (70)
136	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Huyện Quang Bình	1 (30) 5 (70)
137	Trạm y tế xã Xuân Minh	Huyện Quang Bình	1 (30) 5 (70)
138	Trạm y tế xã Tân Bắc	Huyện Quang Bình	1 (30) 5 (70)
139	Trạm y tế xã Yên Hà	Huyện Quang Bình	1 (50) 2 (30) 5 (20)
140	Trạm y tế xã Hương Sơn	Huyện Quang Bình	1 (30) 2 (50) 5 (20)
141	Trạm y tế Xã Nà Khương	Huyện Quang Bình	1 (40) 2 (40) 5 (20)
142	Trạm y tế Xã Xuân Giang	Huyện Quang Bình	1 (70) 2 (30)
143	Trạm y tế Xã Tân Nam	Huyện Quang Bình	1 (40) 2 (40) 5 (20)
144	Trạm y tế Xã Bằng Lang	Huyện Quang Bình	1 (45) 2 (35) 5 (20)
145	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Huyện Quang Bình	1 (60) 2 (20) 5 (20)
146	Trạm y tế Xã Tiên Yên	Huyện Quang Bình	1 (50) 2 (30) 5 (20)

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)
147	Trạm y tế phường Minh Khai	TP Hà Giang	1 (70) 2 (30)
148	Trạm y tế phường Quang Trung	TP Hà Giang	1 (50) 2 (50)
149	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	TP Hà Giang	1 (90) 2 (10)
150	Trạm y tế phường Trần Phú	TP Hà Giang	1 (60) 2 (40)
151	Trạm y tế phường Ngọc Hà	TP Hà Giang	1 (30) 2 (70)
152	Trạm Y tế xã Phương Độ	TP Hà Giang	1 (70) 2 (30)
153	Trạm Y tế xã Ngọc Đường	TP Hà Giang	1 (80) 2 (20)
154	Trạm Y tế xã Phương Thiện	TP Hà Giang	1 (80) 2 (20)
155	Trạm Y tế thị trấn Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	1 (70) 2 (30)
156	Trạm Y tế xã Đạo Đức	Huyện Vị Xuyên	1 (60) 2 (40)
157	Trạm Y tế xã Tùng Bá	Huyện Vị Xuyên	1 (30) 2 (70)
158	Trạm Y tế xã Phong Quang	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)
159	Trạm Y tế xã Thượng Sơn	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)
160	Trạm Y tế xã Quảng Ngần	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (30) 3 (20)
161	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	1 (30) 2 (70)

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)</b>
162	Trạm Y tế xã Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	1 (40) 2 (60)
163	Trạm y tế xã Trung Thành	Huyện Vị Xuyên	1 (40) 2 (60)
164	Trạm y tế xã Kim Linh	Huyện Vị Xuyên	1 (60) 2 (40)
165	Trạm y tế xã Kim Thạch	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)
166	Trạm y tế xã Phú Linh	Huyện Vị Xuyên	1 (65) 2 (35)
167	Trạm y tế xã Lao Chải	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)
168	Trạm y tế xã Minh Tân	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)
169	Trạm y tế xã Ngọc Minh	Huyện Vị Xuyên	1 (60) 2 (20) 3 (20)
170	Trạm y tế xã Linh Hồ	Huyện Vị Xuyên	1 (57) 2 (43)
171	Trạm y tế xã Phương Tiến	Huyện Vị Xuyên	1 (60) 2 (40)
172	Trạm y tế xã Thanh Thủy	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)
173	Trạm y tế xã Ngọc Linh	Huyện Vị Xuyên	1 (40) 2 (60)
174	Trạm y tế xã Thanh Đức	Huyện Vị Xuyên	1 (70) 2 (30)
175	Trạm y tế xã Thuận Hòa	Huyện Vị Xuyên	1 (40) 2 (60)
176	Trạm y tế xã Cao Bồ	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Thành phần CTYTNH (Tỷ lệ %)
177	Trạm y tế xã Xín Chải	Huyện Vị Xuyên	1 (50) 2 (50)

**Phu lục 3. Công tác phân loại chất thải y tế tại tuyến huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Tại nơi phát sinh	Có	
2	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế -> phân loại theo túi màu, thùng rác
3	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	Quản Bạ	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế phát sinh -> phân loại theo túi nilon màu
4	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Quản Bạ	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế phát sinh -> phân loại theo túi nilon màu và hộp an toàn
5	Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Ngọc	Quản Bạ	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn-> túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn -> túi màu vàng
6	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
7	Phòng khám đa	Yên Minh	Có	Tại nơi phát	Có	Chất thải y tế phát sinh

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
	khoa khu vực xã Mậu Duệ			sinh		-> phân loại theo túi nilon màu
8	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	Yên Minh	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế phát sinh -> phân loại theo túi nilon màu
9	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	Yên Minh	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
10	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Minh	Yên Minh	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Kim tiêm -> Hộp an toàn màu vàng; Bơm tiêm -> Hộp an toàn màu cam
11	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Yên Minh	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
12	Phòng khám bác sỹ Thu	Yên Minh	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTSH→túi màu xanh; CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng; CT tái chế → túi màu trắng; CT hóa học → thùng đựng hóa chất cũ.
14	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTSH→túi màu xanh; CTLN sắc nhọn →hộp an toàn;



TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
						CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng; Lam kính → túi màu đen; CT hóa học → lọ đựng hóa chất cũ.
15	Phòng khám bác sĩ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân thành 3 loại và để riêng từng loại: CTLN sắc nhọn; CTLN không sắc nhọn và CT giải phẫu.
16	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân thành 2 loại và để riêng từng loại: CTLN sắc nhọn và CTLN không sắc nhọn.
17	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn → hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
18	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Hoàng Su Phì	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu: xanh, đen, vàng, trắng + Hộp an toàn
19	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Hoàng Su Phì	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
20	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su	Hoàng Su Phì	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại tại nơi phát sinh

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
	Phì					
21	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Thu gom tại phòng tiêm dịch vụ
22	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Hoàng Su Phì	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại tại nơi phát sinh
23	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
24	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
25	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc (Bắc Mê)	Bắc Mê	Có	Tại nơi phát sinh	Có	chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
26	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm (Bắc Mê)	Bắc Mê	Có	Tại nơi phát sinh	Có	chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
27	Phòng khám Hoa Lan	Bắc Mê	Có	Tại nơi phát sinh	Có	bông, găng tay, gạc -- -> túi nilon (xanh, vàng) bơm --> hộp an toàn màu trắng

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
						kim tiêm ---> hộp an toàn màu vàng
28	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi nilon
29	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi nilon
30	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi nilon
31	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi nilon
32	Phòng khám đa khoa Thị trấn Phó Bảng	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
33	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
34	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
35	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Kim tiêm -> hộp an toàn Lọ thủy tinh -> túi màu xanh Bông -> túi màu vàng
36	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại từ các khoa vào các thùng màu khác nhau, được dán nhãn
37	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Không	Phân loại tại khoa tiêm
38	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Rác phát sinh -> phân loại vào các xô có nắp đậy phân biệt bằng túi màu -> đốt vào cuối ngày
39	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Tùng Loại chất thải được đựng riêng vào các túi nilon, hộp an toàn theo quy định
40	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh -> hộp an toàn, túi nilon màu
41	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh -> hộp an toàn, túi nilon màu
42	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT lây nhiễm sắc nhọn được đựng trong hộp an toàn, CTYT lây nhiễm không sắc

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
	Diệp					nhọn được đựng trong túi nilong màu vàng
43	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT -> thu gom -> phân loại theo túi màu
44	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh -> hộp an toàn, túi nilon màu
45	Phòng khám bác sỹ Hoàng Thị Cậy	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh -> phân loại theo túi nilon
46	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT lây nhiễm sắc nhọn được đựng trong hộp an toàn, CTYT lây nhiễm không sắc nhọn được đựng trong thùng nhựa có lót túi nilong màu vàng
47	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sỹ Hoàng Tất Vũ	Bắc Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Bơm tiêm -> hộp an toàn, Bông băng -> túi nilon
48	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế được phân loại vào các bao bì, thiết bị chứa được phân biệt theo màu khác nhau
49	Phòng	Huyện	Có	Tại nơi	Có	Tùng loại chất thải

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
	khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Quang Bình		phát sinh		được đựng riêng vào túi nilon, hộp an toàn theo quy định
50	Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luân	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn được đựng riêng trong hộp an toàn
51	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
52	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại tại phòng tiêm. CT phát sinh -> được phân loại theo túi màu và hộp an toàn
53	Phòng khám chuyên Khoa mắt	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế được phân loại vào túi nilon
54	Phòng khám nội khoa	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn được đựng riêng các hộp an toàn. CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi màu vàng
55	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	Không	Tại nơi phát sinh	Không	Chất thải phát sinh được phân loại theo túi



TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
56	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
57	Phòng khám răng thẩm mỹ	Thành phố Hà Giang	Có	Tại khu lưu giữ	Có	CTLN sắc nhọn được đựng riêng các hộp an toàn. CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi
58	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	Thành phố Hà Giang	Có	Tại khu lưu giữ	Có	CTYT lây nhiễm sắc nhọn đựng trong các hộp an toàn. CTLN không sắc nhọn được đựng trong túi màu vàng
59	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chia theo túi. thùng
60	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT lây nhiễm sắc nhọn đựng trong các hộp an toàn. CTLN không sắc nhọn được đựng trong túi màu vàng
61	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	Thành phố Hà Giang	Có	Tại khu lưu giữ	Có	CTYT lây nhiễm sắc nhọn đựng trong các hộp an toàn. CTLN không sắc nhọn được đựng trong túi màu vàng

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
62	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh được phân loại theo túi màu
63	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-
64	Phòng khám nha khoa Thành Giang	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế được phân loại theo túi màu
65	Phòng khám đa khoa Đức Minh	Thành phố Hà Giang	Có	Tại khu lưu giữ	Có	Theo thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT
66	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế phân loại theo túi màu
67	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn Đức Hùng	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế phân loại theo túi nilon
68	Phòng khám đa	Thành phố Hà	Có	Tại nơi phát	Có	Chất thải y tế phân loại theo túi màu

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
	khoa Bình Thu	Giang		sinh		
69	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Không	Chất thải phân loại theo túi màu, hộp nhựa
70	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh phân loại theo túi màu. hộp chứa chất thải
71	Phòng khám chuyên khoa nhi	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế phân loại theo túi màu
72	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh được phân loại theo túi màu
73	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Thành phố Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh được phân loại theo túi màu
74	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại tại nguồn phát sinh
75	Trung tâm	Huyện	Có	Tại nơi	Có	CT phát sinh được

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
	y tế huyện Vị Xuyên	Vị Xuyên		phát sinh		phân loại tại buồng tiêm dịch vụ
76	Phòng khám Km10	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại CT được đựng riêng biệt, chia theo túi màu
77	Phòng khám nội khoa	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại CT được đựng riêng biệt, chia theo túi màu
78	Phòng khám BS Giang	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại CT phát sinh -> phân loại theo túi màu
79	Phòng khám phụ sản KHHGD	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> phân loại theo túi màu và xô nhựa
80	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> CTLN sắc nhọn đựng riêng vào hộp an toàn, CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi màu vàng
81	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Yên Minh	Có	Tại nơi phát sinh	Có	-

**Phụ lục 4. Công tác phân loại chất thải y tế tại tuyến xã**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTNH được phân loại tại nguồn	Hình thức phân loại	CTNH được phân loại theo TP quy định	Quy trình phân loại
1	Trạm y tế xã Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải được phân loại tại phòng --> cho vào các túi nilon có màu sắc khác nhau và hộp an toàn.
2	Trạm y tế xã Cao Mã Pờ	Quản Bạ	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh -> phân thành 2 loại đốt được và không đốt được (loại đốt -> túi nilon; loại không đốt -> chậu inox)
3	Trạm y tế xã Bát Đại Sơn	Quản Bạ	Có	Phân loại tại phòng thủ thuật	Có	Chất thải phát sinh -> phân loại theo túi màu và hộp an toàn
4	Trạm y tế thị trấn Tam Sơn	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn - > túi vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn -> túi vàng
5	Trạm y tế xã Tả Ván	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải phát sinh -> Phân loại theo túi nilon
6	Trạm y tế xã Thanh Vân	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Phân loại theo túi nilon màu và hộp an toàn
7	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải y tế phát sinh -> phân loại theo túi nilon

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

8	Trạm y tế xã Lũng Tắm	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải y tế phát sinh-> phân loại theo túi màu và hộp an toàn
9	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải y tế phát sinh --> Phân loại theo túi nilon và hộp an toàn
10	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn - > túi vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn ->túi vàng
11	Trạm y tế xã Thái An	Quản Bạ	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn - > túi vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn ->túi vàng
12	Trạm y tế thị trấn Yên Minh	Yên Minh	Có	Phân loại ngay trong quá trình phát sinh	Có	Lọ thuốc, bơm tiêm->hộp an toàn; Băng băng->túi nilon màu đen; Rác thải sinh hoạt ->Túi nilon màu xanh
13	Trạm y tế xã Đường Thượng	Yên Minh	Có	Phân loại ngay trong quá trình phát sinh	Có	
14	Trạm y tế xã Đông Minh	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn ->túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn-> túi màu vàng
15	Trạm y tế	Yên	Có	Phân loại thủ	Có	Chất thải lây



	xã Ngam La	Minh		công		nhiễm sắc nhon - >túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhon-> túi màu vàng
16	Trạm y tế xã Phú Lũng	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhon - >túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhon-> túi màu vàng
17	Trạm y tế xã Thắng Mố	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhon - >túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhon-> túi màu vàng
18	Trạm y tế xã Sùng Tráng	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhon - >túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhon-> túi màu vàng
19	Trạm y tế xã Sùng Thái	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhon - >túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhon-> túi màu vàng
20	Trạm y tế xã Du Già	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhon - >túi màu vàng và hộp an toàn;

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

						Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn-> túi màu vàng
21	Trạm y tế xã Du Tiến	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn -> túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn -> túi màu vàng
22	Trạm y tế xã Hữu Vinh	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn -> túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn -> túi màu vàng
23	Trạm y tế xã Na Khê	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải y tế phát sinh --> phân loại theo túi màu
24	Trạm y tế xã Mậu Long	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn -> túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn -> túi màu vàng
25	Trạm y tế xã Ngọc Long	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn -> túi màu vàng và hộp an toàn; Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn -> túi màu vàng
26	Trạm y tế xã Lao và Chải	Yên Minh	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải y tế phát sinh -> phân loại theo

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

						túi màu
27	Trạm y tế thị trấn Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
28	Trạm y tế xã Niêm Tòng	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân thành 2 loại CTLN sắc nhọn và CTLN không sắc nhọn. Để riêng các loại.
29	Trạm y tế xã Tát Ngà	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
30	Trạm y tế xã Nậm Ban	Mèo Vạc	Không	x	Không	x
31	Trạm y tế xã Khâu Vai	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn → hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
32	Trạm y tế xã Lũng Pù	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
33	Trạm y tế xã Cán Chu Phìn	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn → hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng
34	Trạm y tế xã Giáng Chu Phìn	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn → hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng
35	Trạm y tế xã Pải	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn;

	Lũng					CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
36	Trạm y tế xã Thượng Phùng	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn → hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
37	Trạm y tế xã Sơn Vĩ	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
38	Trạm y tế xã Tả Lũng	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
39	Trạm y tế xã Sủng Trà	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
40	Trạm y tế xã Sủng Máng	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
41	Trạm y tế xã Lũng Chinh	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
42	Trạm y tế xã Pả Vi	Mèo Vạc	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTLN sắc nhọn →hộp an toàn; CTLN không sắc nhọn → túi màu vàng.
43	Trạm y tế xã Tụ Nhân	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	
44	Trạm y tế xã Nậm Khòa	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu:

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

						xanh, vàng, đen + hộp an toàn
45	Trạm y tế xã Nàng Đôn	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	
46	Trạm y tế xã Nam Sơn	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu: xanh, đen, vàng, trắng + Hộp an toàn
47	Trạm y tế xã Bản Máy	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu: xanh, đen, vàng, trắng + Hộp an toàn
48	Trạm y tế xã Bản Nhùng	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu: xanh, đen, vàng, trắng + Hộp an toàn
49	Trạm y tế xã Tả Sừ Chóng	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu: xanh, đen, vàng, trắng + Hộp an toàn
50	Trạm y tế xã Bản Páo	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu: xanh, đen, vàng, trắng + Hộp an toàn
51	Trạm y tế xã Hồ Thầu	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải được phân loại theo các túi màu: xanh, đen, vàng, trắng + Hộp an toàn
52	Trạm y tế xã Pờ Ly	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

	Ngài					
53	Trạm y tế xã Sán Xả Hồ	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	
54	Trạm y tế xã Bản Luốc	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	
			Có		Có	
55	Trạm y tế xã Ngàm Đăng Vài	Hoàng Su Phì	Có		Có	
56	Trạm y tế xã Nậm Ty	Hoàng Su Phì	Có		Có	
57	Trạm y tế xã Bản Phùng	Hoàng Su Phì	Có		Có	
58	Trạm y tế xã Pô Lô	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế phát sinh được phân loại bằng túi nilon và hộp an toàn
59	Trạm y tế xã Thành Tín	Hoàng Su Phì	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải y tế được phân loại bằng túi màu và hộp an toàn
60	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế được phân loại bằng túi màu và hộp an toàn
61	Trạm y tế xã Đản Ván	Hoàng Su Phì	Có	Phân loại thủ công		Chất thải y tế được phân loại bằng hộp an toàn và túi màu
62	Trạm y tế xã Túng Sán	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công		Chất thải y tế phát sinh được phân loại bằng túi màu và hộp an toàn theo Thông tư 58
63	Trạm y tế xã Tân Tiến	Hoàng Su Phì	Có	Thủ công		Chất thải y tế phát sinh được phân loại bằng



						túi màu và hộp an toàn theo Thông tư 58
64	Trạm Y tế xã Thượng Tân	Bắc Mê	Có	Phân loại ngay trong quá trình phát sinh	Có	Vật sắc nhọn -> hộp an toàn màu vàng Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn -> túi màu vàng Chất thải thông thường -> túi màu xanh
65	Trạm y tế xã Đường Hồng	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
	Trạm y tế xã Phiêng Luông	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
67	Trạm y tế xã Yên Cường	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
68	Trạm y tế xã Yên Định	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

						nhọn: túi màu vàng
69	Trạm y tế xã Lạc Nông	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
70	Trạm y tế xã Yên Phong	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
71	Trạm y tế xã Phú Nam	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
72 73	Trạm y tế xã Minh Sơn	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
	Trạm y tế xã Giáp Trung	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
74	Trạm y tế	Bắc Mê	Có	Thủ công	Có	Chất thải y tế lây

	thị trấn Yên Phú					nhiễm sắc nhon: túi màu vàng, hộp an toàn chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhon: túi màu vàng
75	Trạm y tế xã Chí Cà	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon, hộp an toàn
76	Trạm y tế xã Nàn Sỉn	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon, hộp an toàn
77	Trạm y tế xã Bản Díu	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon, hộp an toàn
78	Trạm y tế xã Xín Mần	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon, hộp an toàn
79	Trạm y tế xã Thèn Phàng	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon, hộp an toàn
80	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon, hộp an toàn
81	Trạm y tế xã Năm Dăn	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
82	Trạm y tế thị trấn Cốc Pài	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
83	Trạm y tế xã Pà Vây Sủ	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
84	Trạm y tế xã Khuôn Lùng	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
85	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
86	Trạm y tế xã Cốc Rể	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
87	Trạm y tế xã Tả Nhìu	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
88	Trạm y tế	Xín Mần	Có	Tại nơi phát	Có	CTYT => túi ni-

	xã Chế Là			sinh		lon
89	Trạm y tế xã Thu Hà	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
90	Trạm y tế xã Bản Ngòi	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
91	Trạm y tế xã Nà Chì	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
92	Trạm y tế xã Nàn Ma	Xín Mần	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CTYT => túi ni-lon
93	Trạm y tế xã Tả Phìn	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
94	Trạm y tế xã Phố Là	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
95	Trạm y tế xã Sà Phìn	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
96	Trạm y tế xã Tá Lũng	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng

97	Trạm y tế xã Lũng Cú	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
98	Trạm y tế xã Sủng Trái	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
99	Trạm y tế xã Hồ Quảng Phìn	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
100	Trạm y tế xã Sính Lũng	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
101	Trạm y tế xã Ma Lé	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
102	Trạm y tế xã Lũng Táo	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi

						màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
103	Trạm y tế xã Phố Cáo	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
104	Trạm y tế xã Văn Chải	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng
						Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
105	Trạm y tế xã Thái Phìn Túng	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: hộp an toàn + túi màu vàng Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: túi màu vàng
106	Trạm y tế xã Lũng Thầu	Đồng Văn	Không	Tại khu lưu giữ	Không	
107	Trạm y tế xã Sảng Túng	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại theo các túi màu + hộp an toàn
108	Trạm y tế xã Sủng Là	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại theo các túi màu + hộp an toàn
109	Trạm y tế thị trấn Đồng Văn	Đồng Văn	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại theo các túi màu + hộp an toàn
110	Trạm y tế	Bắc	Có	Phân loại	Có	Rác thải phát



	thị trấn Việt Quang	Quang		vào các túi màu khác nhau		sinh -> phân loại vào 4 thùng rác có nắp phân theo các túi màu -> đốt(cuối ngày)
111	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Bắc Quang	Có	Thủ công	Có	Chất thải phát sinh ->Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
112	Trạm y tế xã Bằng Hành	Bắc Quang	Có	Tự phân loại theo túi màu	Có	CTYT lây nhiễm sắc nhọn được đựng trong các hộp an toàn màu vàng riêng biệt. CTYT lây nhiễm không sắc nhọn được đựng trong túi màu vàng
113	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Bắc Quang	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải phát sinh ->Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
114	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Bắc Quang	Có	Thủ công	Có	Chất thải phát sinh ->Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
115	Trạm y tế xã Đông Thành	Bắc Quang	Có	Phân theo túi màu	Có	Rác phát sinh -> phân loại vào 4 xô đậy có phân biệt bằng túi bóng màu -> đốt(cuối ngày)
116	Trạm y tế xã Đức Xuân	Bắc Quang	Có	Phân loại thủ công	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni- long, hộp an toàn theo quy định
117	Trạm y tế xã Hùng An	Bắc Quang	Có	Tự phân loại	Có	Chất thải phát sinh -> Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
118	Trạm y tế xã Hữu Sản	Bắc Quang	Có	Tự phân loại	Có	Từng loại chất thải được đựng

						riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn theo quy định
119	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Bắc Quang	Có	Tự phân loại theo túi màu	Có	CTYT lây nhiễm sắc nhọn được đựng trong các hộp an toàn màu vàng riêng biệt. CTYT lây nhiễm không sắc nhọn được đựng trong túi màu vàng
120	Trạm y tế xã Quang Minh	Bắc Quang	Có	Tự phân loại	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, các xô nhựa có túi lót, hộp an toàn theo quy định
121	Trạm y tế xã Tân Lập	Bắc Quang	Có	Phân loại thủ công		Chất thải phát sinh ->Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
122	Trạm y tế xã Tân Quang	Bắc Quang	Có	Tự phân loại thủ công	Có	Chất thải phát sinh ->Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
123	Trạm y tế xã Tân Thành	Bắc Quang	Có	Tự phân loại	Có	Chất thải phát sinh -> Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
124	Trạm y tế xã Tiên Kiêu	Bắc Quang	Có	Phân loại thủ công	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn theo quy định
125	Trạm y tế xã Thượng Bình	Bắc Quang	Có	Phân loại theo các túi màu	Có	Rác sinh hoạt -> Phân loại vào các xô đựng có nắp, phân biệt bằng túi màu -> Đốt vào cuối ngày

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

126	Trạm y tế xã Việt Hồng	Bắc Quang	Có	Tự phân loại	Có	Chất thải phát sinh -> Phân loại theo túi màu riêng biệt
127	Trạm y tế xã Việt Vinh	Bắc Quang	Có	Phân loại thủ công		Chất thải phát sinh -> Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
128	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Bắc Quang	Có	Phân loại thủ công	Có	Chất thải phát sinh -> Phân loại theo túi màu, hộp an toàn
129	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Bắc Quang	Có	Chia theo túi	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-long, hộp an toàn theo quy định
130	Trạm y tế xã Vô Đếm	Bắc Quang	Có	Phân loại thủ công	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-long, hộp an toàn theo quy định
131	Trạm y tế Thị trấn Yên Bình	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	
132	Trạm y tế xã Bản Rịa, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có	Tại khu vực lưu giữ	Có	Chất thải y tế phân loại theo túi màu
133	Trạm y tế xã Yên Thành, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có	Tại khu vực lưu giữ	Có	Chất thải y tế phân loại theo túi màu
134	Trung tâm y tế xã Tân Trịnh	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Rác thải phát sinh phân loại vào các xô có nắp đậy, phân biệt bằng các túi màu và đốt vào

						cuối ngày
135	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Rác thải phát sinh phân loại vào các xô có nắp đậy, xô đựng phân biệt bằng các túi màu và đốt vào cuối ngày
136	Trạm y tế xã Xuân Minh	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Rác thải phát sinh phân loại vào các xô có nắp đậy, phân biệt bằng các túi màu và đốt vào cuối ngày
137	Trạm y tế xã Tân Bắc	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Rác thải phát sinh phân loại vào các xô có nắp đậy, phân biệt bằng các túi màu và đốt vào cuối ngày
138	Trạm y tế xã Yên Hà	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn quy định
139	Trạm y tế xã Hương Sơn	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn quy định
140	Trạm y tế Xã Nà Khương	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn quy định
141	Trạm y tế Xã Xuân	Huyện Quang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại chất thải được đựng

	Giang	Bình				riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn quy định
142	Trạm y tế Xã Tân Nam	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn quy định
143	Trạm y tế Xã Bằng Lang	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn quy định
144	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Từng loại chất thải được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn quy định
145	Trạm y tế Xã Tiên Yên	Huyện Quang Bình	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Chất thải phát sinh được phân loại vào từng túi màu riêng biệt
146	Trạm y tế phường Minh Khai	TP Hà Giang	Có	Tại khu vực lưu giữ	Có	CTYTLN ko sắc nhọn -> đựng riêng trong túi vàng. CTYTLN sắc nhọn -> đựng riêng trong hộp an toàn
147	Trạm y tế phường Quang Trung	TP Hà Giang	Có	Tại khu vực lưu giữ	Có	CT phát sinh -> Phân loại theo túi màu và hộp an toàn
148	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	TP Hà Giang	Có	Tại khu vực lưu giữ	Có	CT phát sinh -> Phân loại theo túi màu và hộp an toàn

149	Trạm y tế phường Trần Phú	TP Hà Giang	Có	Tại khu vực lưu giữ	Có	CT phát sinh -> Phân loại theo túi màu và hộp an toàn
150	Trạm y tế phường Ngọc Hà	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> Phân loại theo túi màu và hộp an toàn
151	Trạm Y tế xã Phương Độ	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại theo từng loại CT, theo màu sắc túi và hộp đựng CT
152	Trạm Y tế xã Ngọc Đường	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại theo từng loại CT, từng loại CT được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn theo quy định
153	Trạm Y tế xã Phương Thiện	TP Hà Giang	Có	Tại nơi phát sinh	Có	Phân loại theo từng loại CT, từng loại CT được đựng riêng vào túi ni-lon, hộp an toàn theo quy định
154	Trạm Y tế thị trấn Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> CTLN sắc nhọn đựng riêng vào hộp an toàn, còn lại CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi màu vàng
155	Trạm Y tế xã Đạo Đức	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> CTLN sắc nhọn đựng riêng vào hộp an toàn, còn lại CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi màu vàng



156	Trạm Y tế xã Tùng Bá	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> CTLN sắc nhọn đựng riêng vào hộp an toàn, còn lại CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi màu vàng
157	Trạm Y tế xã Phong Quang	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> CTLN sắc nhọn đựng riêng vào hộp an toàn, còn lại CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi màu vàng
158	Trạm Y tế xã Thượng Sơn	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT y tế -> phân loại theo túi màu
159	Trạm Y tế xã Quảng Ngần	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT y tế -> phân loại theo túi màu
160	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT y tế -> phân loại theo túi màu
161	Trạm Y tế xã Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT y tế -> phân loại theo túi màu
162	Trạm y tế xã Trung Thành	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại khu vực lưu giữ	Có	CT phát sinh -> Phân loại theo túi màu và hộp an toàn
163	Trạm y tế xã Kim Linh	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các dụng cụ, thiết bị chứa chất thải theo quy định
164	Trạm y tế xã Kim	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại

	Thạch	Xuyên				riêng vào các dụng cụ, thiết bị chứa chất thải theo quy định
165	Trạm y tế xã Phú Linh	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các dụng cụ, thiết bị chứa chất thải theo quy định
166	Trạm y tế xã Lao Chải	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các dụng cụ, thiết bị chứa chất thải theo quy định
167	Trạm y tế xã Minh Tân	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào từng loại túi màu khác nhau
168	Trạm y tế xã Ngọc Minh	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào từng loại túi màu khác nhau
169	Trạm y tế xã Linh Hồ	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào từng loại túi màu, dụng cụ riêng biệt
170	Trạm y tế xã Phương Tiến	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> CTLN sắc nhọn đựng riêng vào hộp an toàn, còn lại CTLN không sắc nhọn được đựng trong các túi màu vàng
171	Trạm y tế xã Thanh Thủy	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

						dụng cụ, thiết bị chứa chất thải theo quy định
172	Trạm y tế xã Ngọc Linh	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các dụng cụ, thiết bị chứa chất thải theo quy định
173	Trạm y tế xã Thanh Đức	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các túi nilon và hộp an toàn theo quy định
174	Trạm y tế xã Thuận Hòa	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các túi nilon và hộp an toàn theo quy định
175	Trạm y tế xã Cao Bồ	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các túi nilon và hộp an toàn theo quy định
176	Trạm y tế xã Xín Chải	Huyện Vị Xuyên	Có	Tại nơi phát sinh	Có	CT phát sinh -> được phân loại riêng vào các túi nilon và hộp an toàn theo quy định

**Phụ lục 5. Dụng cụ, thiết bị phân loại chất thải y tế tại các cơ sở y tế tuyến Huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Từng loại CTYTNH phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định	Dụng cụ, thiết bị	Tình trạng
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Xô nhựa có nắp	Tốt
2	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Thùng rác nhựa có nắp	Tốt
3	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	Quản Bạ	Có	Sọt	Tốt
4	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Quản Bạ	Có	Kẹp	Tốt
				Xô nhựa	Tốt
5	Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Ngọc	Quản Bạ	Có	Thùng nhựa	Đang sử dụng
				Hộp đựng kim tiêm	Đang sử dụng
6	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	Có	Xô nhựa có nắp	Tốt
				Hộp an toàn	Tốt
7	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	Yên Minh	Có	Xô nhựa có nắp	Tốt
8	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	Yên Minh	Có	Giỏ nhựa	Tốt
				Thùng nhựa có nắp	Tốt
9	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	Yên Minh	Có	Thùng nhựa có	Tốt

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

				nắp	
10	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Minh	Yên Minh	Không	Hộp an toàn	Tốt
11	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Yên Minh	Có	Giỏ nhựa	Tốt
12	Phòng khám bác sỹ Thu	Yên Minh	Có	Xô nhựa có nắp	Tốt
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	xô nhựa có nắp	Tốt
14	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	xô nhựa có nắp	Tốt
15	Phòng khám bác sĩ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Mèo Vạc	Không	Xô nhựa	Tốt
16	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Có	Xô nhựa	Tốt
17	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Có	Xô nhựa	Tốt
18	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Tốt
				Nylon	
19	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Hoàng Su Phì	Có	Túi nilon	Bình thường
20	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Có	Hộp an toàn	Mới
				Túi bóng	Mới
21	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Có	Hộp an toàn	mới
22	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Hoàng Su Phì	Có	Túi	mới
				Hộp đựng vật sắc nhọn	mới
23	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Có	Xô nhựa có nắp	Tốt

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

24	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Có	Xô inox	Tốt
25	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc (Bắc Mê)	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Nilon	
26	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm (Bắc Mê)	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	đang sử dụng
27	Phòng khám Hoa Lan	Bắc Mê	Có	Giỏ nhựa	còn tốt
28	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Xín Mần	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
29	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	Có	Túi nilon, hộp an toàn	Mới
30	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Xín Mần	Có	Túi nilon, hộp an toàn	
31	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Xín Mần	Có	Túi nilon, hộp an toàn	
32	Phòng khám đa khoa Thị trấn Phó Bảng	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Thùng rác Túi nilon	Đang sử dụng
33	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Thùng rác	Đang sử dụng
34	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	Có	Xô nhựa	Sử dụng tốt
35	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Đồng Văn	Có	Giỏ nhựa	Sử dụng tốt
36	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	Có	Túi đựng màu khác nhau	Mới
				Hộp đựng chất sắc nhọn	Mới
37	Trung tâm Y tế huyện	Bắc Quang	Có	Túi nilon	Mới



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

	Bắc Quang			Hộp an toàn	Mới
38	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Sử dụng bình thường
39	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Bắc Quang	Có	Túi nilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
40	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Tốt
				Túi nilon	Tốt
41	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	Bắc Quang	Có	Túi màu	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
42	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	Bắc Quang	Không	Túi nilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Xô nhựa	Sử dụng tốt
43	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Bắc Quang	Có	Túi nilon màu	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Xô nhựa	Sử dụng tốt
44	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Tốt
				Túi nilon	Tốt
45	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Cậy	Bắc Quang	Có	Túi bilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Xô nhựa	Sử dụng tốt
46	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Bắc Quang	Không	Túi nilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
47	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sĩ Hoàng Tất Vũ	Bắc Quang	Không	Túi nilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Xô nhựa	Sử dụng tốt

48	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có	Túi đựng Thùng đựng	Mới Đang sử dụng
49	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Huyện Quang Bình		Túi nilon Hộp an toàn	Sử dụng tốt
50	Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luân	Huyện Quang Bình	Không	Túi nilon Hộp an toàn	Mới
51	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Huyện Quang Bình	Không	Túi nilon Hộp an toàn	Sử dụng tốt Mới
52	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Có	Hộp an toàn	Mới
53	Phòng khám chuyên Khoa mắt	Thành phố Hà Giang	Có	Túi nilon Thùng rác Hộp an toàn	Sử dụng tốt
54	Phòng khám nội khoa	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon	Mới
55	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGĐ	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon	Sử dụng tốt
56	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGĐ	Thành phố Hà Giang	Có	Túi Xô có nắp	Mới
57	Phòng khám răng thẩm mỹ	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon Hộp an toàn	Mới tốt
58	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilone Hộp an toàn	Mới tốt
59	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	Thành phố Hà Giang	Có	Túi nilon và thùng	Mới
60	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilone Hộp an toàn	Sử dụng tốt
61	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilone Hộp an toàn	Mới

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

62	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon	Sử dụng tốt
63	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Có		
64	Phòng khám nha khoa Thành Giang	Thành phố Hà Giang	Có	Túi nilon màu Hộp an toàn Xô nhựa	Sử dụng tốt
65	Phòng khám đa khoa Đức Minh	Thành phố Hà Giang	Có	Túi Xô có nắp	Mới
66	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon Xô nhựa có nắp Xô rác	Sử dụng tốt
67	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn Đức Hùng	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon	Mới
68	Phòng khám đa khoa Bình Thu	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon Hộp an toàn Xô rác	Mới Hộp mới Sử dụng tốt
69	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Thành phố Hà Giang	Không	Hộp đựng Túi nilon	Sử dụng tốt
70	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	Thành phố Hà Giang	Không	Hộp đựng 2l Túi nilon Xô nhựa	Sử dụng tốt
71	Phòng khám chuyên khoa nhi	Thành phố Hà Giang	Không	Túi nilon Hộp an toàn	Mới
72	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Khánh	Thành phố Hà Giang	Có	Túi nilon	Sử dụng tốt
73	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Thành phố Hà Giang	Không	Thùng Xô nhựa	Sử dụng tốt

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

				Hộp Túi nilon	
74	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn	Mới
75	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn	Mới
76	Phòng khám Km10	Huyện Vị Xuyên	Không	Hộp an toàn Xô đựng rác	Sử dụng tốt
77	Phòng khám nội khoa	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
78	Phòng khám BS Giang	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Xô đựng rác	Sử dụng tốt
79	Phòng khám phụ sản KHHGD	Huyện Vị Xuyên	Có	Túi nilon Xô đựng rác	Sử dụng tốt
80	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Huyện Vị Xuyên	Không	Hộp an toàn Xô đựng rác	Sử dụng tốt
81	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Yên Minh	Có	Xô nhựa Túi nilon	Tốt

**Phụ lục 6. Dụng cụ, thiết bị phân loại chất thải y tế tại các cơ sở y tế tuyến xã**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Từng loại CTYTNH phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định	Dụng cụ, thiết bị	Tình trạng
1	Trạm y tế xã Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Giỏ nhựa	Tốt
2	Trạm y tế xã Cao Mã Pờ	Quản Bạ	Không	Chậu inox	Tốt
				Giỏ nhựa	Tốt
				Xô nhựa	Tốt
3	Trạm y tế xã Bát Đại Sơn	Quản Bạ	Có	Xô nhựa	Tốt
				Giỏ nhựa	Tốt
4	Trạm y tế thị trấn Tam Sơn	Quản Bạ	Có	Giỏ nhựa	Tốt
				Hộp an toàn	Tốt
				Túi nilon	Tốt
5	Trạm y tế xã Tả Ván	Quản Bạ	Có	Thùng	Tốt
				Sọt rác	Tốt
6	Trạm y tế xã Thanh Vân	Quản Bạ	Có	Sọt nhựa	Tốt
				Túi nilon	Tốt
				Hộp	Tốt
7	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	Quản Bạ	Có	Hộp	Tốt
				Găng tay	Tốt
				Khẩu trang	Tốt
8	Trạm y tế xã Lũng Tám	Quản Bạ	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Túi nilon	Đang sử dụng

9	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Quản Bạ	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
10	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Quản Bạ	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
11	Trạm y tế xã Thái An	Quản Bạ	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Túi nilon	Đang sử dụng
12	Trạm y tế thị trấn Yên Minh	Yên Minh	Không	Xô nhựa có nắp	Tốt
				Xô inox có nắp	Tốt
13	Trạm y tế xã Đường Thượng	Yên Minh	Không	Xô nhựa	Tốt
14	Trạm y tế xã Đông Minh	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Sọt rác	Đang sử dụng
15	Trạm y tế xã Ngam La	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
16	Trạm y tế xã Phú Lũng	Yên Minh	Có	Thùng nhựa	Đang sử dụng
				Xô nhựa	Đang sử dụng
17	Trạm y tế xã Thắng Mố	Yên Minh	Có	Thùng rác	Đang sử dụng
				Xô nhựa	Đang sử dụng
				Túi Nilon	Đang sử dụng
18	Trạm y tế xã Sủng Tráng	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
19	Trạm y tế xã Sủng Thái	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Túi Nilon	Đang sử dụng
20	Trạm y tế xã Du Già	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Túi Nilon	Đang sử dụng
21	Trạm y tế xã Du Tiến	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Túi nilon	Đang sử dụng
22	Trạm y tế xã Hữu Vinh	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Tốt
23	Trạm y tế xã Na Khê	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Tốt



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

24	Trạm y tế xã Mậu Long	Yên Minh	Có	Xô nhựa	Tốt
25	Trạm y tế xã Ngọc Long	Yên Minh	Có	Xô, sọt nhựa	Tốt
				Túi Nilon	Tốt
				Găng tay, khẩu trang	Tốt
26	Trạm y tế xã Lao và Chải	Yên Minh	Có	Xô, sọt nhựa	Tốt
				Túi Nilon	Tốt
				Găng tay, khẩu trang	Tốt
27	Trạm y tế thị trấn Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	Giỏ nhựa	Tốt
28	Trạm y tế xã Niêm Tông	Mèo Vạc	Không	xô nhựa có nắp	Tốt
29	Trạm y tế xã Tát Ngà	Mèo Vạc	Có	Giỏ nhựa	Tốt
30	Trạm y tế xã Nậm Ban	Mèo Vạc	Không	Giỏ nhựa	Tốt
31	Trạm y tế xã Khâu Vai	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
32	Trạm y tế xã Lũng Pù	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
33	Trạm y tế xã Cán Chu Phìn	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
34	Trạm y tế xã Giáng Chu Phìn	Mèo Vạc	Có	Xô nhựa	Tốt
35	Trạm y tế xã Pải Lũng	Mèo Vạc	Có	Xô nhựa	Tốt
36	Trạm y tế xã Thượng Phùng	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
37	Trạm y tế xã Sơn Vĩ	Mèo Vạc	Có	xô, sọt nhựa	Tốt
38	Trạm y tế xã Tả Lũng	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
39	Trạm y tế xã Sủng Trà	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
40	Trạm y tế xã Sủng Máng	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
41	Trạm y tế xã Lũng Chinh	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

42	Trạm y tế xã Pả Vi	Mèo Vạc	Có	xô nhựa	Tốt
43	Trạm y tế xã Tụ Nhân	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Tốt
44	Trạm y tế xã Nậm Khòa	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Nilon	
				Hộp an toàn	
45	Trạm y tế xã Nàng Đôn	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Tốt
46	Trạm y tế xã Nam Sơn	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Nylon	
				Hộp an toàn	
47	Trạm y tế xã Bản Máy	Hoàng Su Phì	Có	Nylon	
				Xô nhựa	Đang sử dụng
48	Trạm y tế xã Bản Nhùng	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Nylon	
49	Trạm y tế xã Tả Sừ Chóong	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Mới, đang sử dụng
				Nylon	
				Hộp an toàn	
50	Trạm y tế xã Bản Péo	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Nylon	
				Hộp an toàn	
51	Trạm y tế xã Hồ Thầu	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
				Nylon	
				Hộp an toàn	
52	Trạm y tế xã Pờ Ly Ngài	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Tốt
53	Trạm y tế xã Sán Xả Hồ	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Tốt
54	Trạm y tế xã Bản Luốc	Hoàng Su Phì	Có	Xô nhựa	Tốt
55	Trạm y tế xã	Hoàng Su	Có	Xô nhựa	Tốt

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

	Ngầm Đẳng Vải	Phì			
56	Trạm y tế xã Nậm Ty	Hoàng Su Phì	Có	Túi Nylon nhiều màu	Bình thường
57	Trạm y tế xã Bản Phùng	Hoàng Su Phì	Có	Túi Nylon	Tốt
59	Trạm y tế xã Pố Lồ	Hoàng Su Phì	Có	Túi Nilon	Mới
				Xô nhựa	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Mới
60	Trạm y tế xã Thàng Tín	Hoàng Su Phì	Có	Hộp an toàn	Tốt, mới
				Xô nhựa	Tốt
				Túi nilon	Mới
61	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Hoàng Su Phì	Có	Hộp an toàn	Mới
				Xô nhựa	sử dụng tốt
				Túi nilon	Mới
62	Trạm y tế xã Đản Ván	Hoàng Su Phì	Có	Hộp an toàn	Mới
				Xô nhựa	Mới
				Túi nilon	Mới
63	Trạm y tế xã Túng Sán	Hoàng Su Phì	Có	Hộp an toàn	Mới
				Xô nhựa	Tốt
				Túi nilon	Mới
64	Trạm y tế xã Tân Tiến	Hoàng Su Phì		Hộp an toàn	Mới
				Xô nhựa	sử dụng tốt
				Túi nilon	Mới
65	Trạm Y tế xã Thượng Tân	Bắc Mê	Có	xô nhựa có nắp	Còn tốt
				Giỏ nhựa	Còn tốt
66	Trạm y tế xã Đường Hồng	Bắc Mê	Có	xô nhựa	Đang sử dụng
67	Trạm y tế xã Phiêng Luông	Bắc Mê	Có	xô nhựa	Đang sử dụng
68	Trạm y tế xã Yên Cường	Bắc Mê	Có	xô nhựa	Đang sử dụng
				Nilon	

69	Trạm y tế xã Yên Định	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
70	Trạm y tế xã Lạc Nông	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
71	Trạm y tế xã Yên Phong	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Tốt
				Túi nilon	Tốt
72	Trạm y tế xã Phú Nam	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Tốt
				Túi nilon	
73	Trạm y tế xã Minh Sơn	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Tốt
74	Trạm y tế xã Giáp Trung	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Tốt
75	Trạm y tế thị trấn Yên Phú	Bắc Mê	Có	Xô nhựa	Tốt
76	Trạm y tế xã Chí Cà	Xín Mần	Có	Xô nhựa	Còn tốt
77	Trạm y tế xã Nàn Sín	Xín Mần	Có	Xô nhựa	Còn tốt
78	Trạm y tế xã Bản Díu	Xín Mần	Có	Xô nhựa	Còn tốt
79	Trạm y tế xã Xín Mần	Xín Mần	Có	Xô nhựa	Còn tốt
80	Trạm y tế xã Thèn Phàng	Xín Mần	Có	Túi nilon	Còn tốt
81	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Xín Mần	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
82	Trạm y tế xã Nấm Dẩn	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
83	Trạm y tế thị trấn Cốc Pài	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
84	Trạm y tế xã Pà Vầy Sủ	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
85	Trạm y tế xã Khuôn Lùng	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
86	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
87	Trạm y tế xã Cốc Rề	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
88	Trạm y tế xã Tả Nhìu	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

89	Trạm y tế xã Chế Là	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
90	Trạm y tế xã Thu Tà	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
91	Trạm y tế xã Bản Ngò	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
92	Trạm y tế xã Nà Chì	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
93	Trạm y tế xã Nàn Ma	Xín Mần	Có	Túi nilon, Hộp an toàn	Sử dụng tốt
94	Trạm y tế xã Tả Phìn	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Thùng rác	Đang sử dụng
95	Trạm y tế xã Phố Là	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Thùng rác	Đang sử dụng
96	Trạm y tế xã Sà Phìn	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Thùng rác	Đang sử dụng
97	Trạm y tế xã Tá Lũng	Đồng Văn	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
98	Trạm y tế xã Lũng Cú	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Sọt	Đang sử dụng
99	Trạm y tế xã Sủng Trái	Đồng Văn	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
100	Trạm y tế xã Hồ Quảng Phìn	Đồng Văn	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
101	Trạm y tế xã Sính Lũng	Đồng Văn	Có	Xô nhựa	Đang sử dụng
102	Trạm y tế xã Ma Lé	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Túi nilon	Sử dụng tốt
103	Trạm y tế xã Lũng Táo	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Túi nilon	Sử dụng tốt
104	Trạm y tế xã Phố Cáo	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Túi nilon	Sử dụng tốt
105	Trạm y tế xã Vần Chải	Đồng Văn	Có	Xô nhựa	Sử dụng tốt
106	Trạm y tế xã Thái Phìn Túng	Đồng Văn	Có	Xô nhựa Túi nilon	Sử dụng tốt
107	Trạm y tế xã Lũng Thầu	Đồng Văn	Không	0	
108	Trạm y tế xã	Đồng Văn	Có	Giỏ nhựa	Sử dụng tốt

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

	Sàng Tủng				
109	Trạm y tế xã Sủng Là	Đồng Văn	Không	Xô nhựa	Sử dụng tốt
110	Trạm y tế thị trấn Đồng Văn	Đồng Văn	Không	Xô nhựa có nắp	Sử dụng tốt
111	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Bắc Quang	Có	Thùng rác 8l	Sử dụng tốt
				Thùng rác 240l	Sử dụng tốt
112	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Mới
				Túi nilon	mới
				Xô nhựa	Tốt
113	Trạm y tế xã Bằng Hành	Bắc Quang	Không	Túi nilon	Tốt
				Hộp an toàn	Tốt
				Xô nhựa	Tốt
114	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Bắc Quang	Có	Túi nilon	Mới
				Hộp an toàn	Mới
				Xô nhựa	Sử dụng tốt
115	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Mới
				Túi nilon	Mới
				Xô nhựa	Tốt
116	Trạm y tế xã Đông Thành	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Sử dụng bình thường
117	Trạm y tế xã Đức Xuân	Bắc Quang	Có	Túi nilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
118	Trạm y tế xã Hùng An	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Tốt
				Túi nilon	Mới
119	Trạm y tế xã Hữu Sản	Bắc Quang	Có	Túi nilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
120	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Bắc Quang	Không	Túi nilon	Sử dụng bình thường



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

				Hộp an toàn	Tốt
				Xô nhựa	Sử dụng bình thường
121	Trạm y tế xã Quang Minh	Bắc Quang	Có	Túi nilon	Tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
122	Trạm y tế xã Tân Lập	Bắc Quang	Không	Túi nilon	-
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Xô nhựa	Sử dụng tốt
123	Trạm y tế xã Tân Quang	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Tốt
				Túi nilon	Còn mới
124	Trạm y tế xã Tân Thành	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Tốt
				Túi nilon	Tốt
125	Trạm y tế xã Tiên Kiêu	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Túi nilon	Sử dụng tốt
126	Trạm y tế xã Thượng Bình	Bắc Quang		Hộp an toàn	Sử dụng bình thường
127	Trạm y tế xã Việt Hồng	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Túi nilon	Còn mới
128	Trạm y tế xã Việt Vinh	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	-
				Túi nilon	-
				Xô nhựa	-
129	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Mới
				Túi nilon	Mới
				Xô nhựa	Tốt
130	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Bắc Quang	Có	Hộp an toàn	Sử dụng tốt
				Túi nilon	Sử dụng tốt
131	Trạm y tế xã Vô Đếm	Bắc Quang	Có	Túi nilon	Sử dụng tốt
				Hộp an toàn	Sử dụng tốt
132	Trạm y tế Thị	Huyện	Có	1. Hộp an	Mới

	trấn Yên Bình	Quang Bình		toàn	
				2. Túi nilon	
133	Trạm y tế xã Bản Rịa, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Không	1. Túi nilon	Sử dụng tốt
				2. Hộp an toàn	
				3. Xô nhựa	
134	Trạm y tế xã Yên Thành, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Không	1. Túi nilon 2. Hộp an toàn 3. Xô rác	Mới, sử dụng tốt
135	Trung tâm y tế xã Tân Trịnh	Huyện Quang Bình	Có	-	-
136	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Huyện Quang Bình	Có	1. Hộp an toàn	Sử dụng bình thường
137	Trạm y tế xã Xuân Minh	Huyện Quang Bình	Có	1. Hộp an toàn	Sử dụng bình thường
138	Trạm y tế xã Tân Bắc	Huyện Quang Bình	Có	1. Hộp an toàn	Sử dụng bình thường
139	Trạm y tế xã Yên Hà	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon 2. Hộp an toàn	Sử dụng tốt
140	Trạm y tế xã Hương Sơn	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon 2. Hộp an toàn	Sử dụng tốt
141	Trạm y tế Xã Nà Khương	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon 2. Hộp an toàn	Sử dụng tốt
142	Trạm y tế Xã Xuân Giang	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon 2. Hộp an toàn	Sử dụng tốt
143	Trạm y tế Xã Tân Nam	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon	Sử dụng tốt
				2. Hộp an toàn	
144	Trạm y tế Xã Bằng Lang	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon	Sử dụng tốt
				2. Hộp an toàn	
145	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon 2. Hộp an toàn	Sử dụng tốt

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

146	Trạm y tế Xã Tiên Yên	Huyện Quang Bình	Có	1. Túi nilon 2. Hộp an toàn	Sử dụng tốt
147	Trạm y tế phường Minh Khai	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
148	Trạm y tế phường Quang Trung	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn Xô đựng rác	Sử dụng tốt
149	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn	Mới
150	Trạm y tế phường Trần Phú	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn Xô đựng rác	Mới
151	Trạm y tế phường Ngọc Hà	TP Hà Giang	Có	Hộp an toàn Xô đựng rác	Mới
152	Trạm Y tế xã Phương Độ	TP Hà Giang	Có	Túi nilon Hộp an toàn	Mới
153	Trạm Y tế xã Ngọc Đường	TP Hà Giang	Có	Túi nilon Hộp an toàn	Mới
154	Trạm Y tế xã Phương Thiện	TP Hà Giang	Có	Túi nilon Hộp an toàn	Mới
155	Trạm Y tế thị trấn Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Không	Túi nilon Hộp an toàn	Sử dụng tốt
156	Trạm Y tế xã Đạo Đức	Huyện Vị Xuyên	Không	Túi nilon Hộp an toàn	Sử dụng tốt
157	Trạm Y tế xã Tùng Bá	Huyện Vị Xuyên	Có	Túi nilon Hộp an toàn	Sử dụng tốt
158	Trạm Y tế xã Phong Quang	Huyện Vị Xuyên	Có	Túi nilon Hộp an toàn	Sử dụng tốt
159	Trạm Y tế xã Thượng Sơn	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Xô đựng rác	Sử dụng tốt
160	Trạm Y tế xã Quảng Ngần	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Xô đựng rác	Sử dụng tốt
161	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn	Sử dụng tốt
162	Trạm Y tế xã Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
163	Trạm y tế xã	Huyện Vị	Có	Hộp an toàn	Sử dụng tốt

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

	Trung Thành	Xuyên		Xô đựng rác	
164	Trạm y tế xã Kim Linh	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
165	Trạm y tế xã Kim Thạch	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
166	Trạm y tế xã Phú Linh	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
167	Trạm y tế xã Lao Chải	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
168	Trạm y tế xã Minh Tân	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
169	Trạm y tế xã Ngọc Minh	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
170	Trạm y tế xã Linh Hồ	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
171	Trạm y tế xã Phương Tiến	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
172	Trạm y tế xã Thanh Thủy	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
173	Trạm y tế xã Ngọc Linh	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
174	Trạm y tế xã Thanh Đức	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
175	Trạm y tế xã Thuận Hòa	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
176	Trạm y tế xã Cao Bồ	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt
177	Trạm y tế xã Xín Chải	Huyện Vị Xuyên	Có	Hộp an toàn Túi nilon	Sử dụng tốt

**Phụ lục 7. Công tác thu gom chất thải y tế tại các cơ sở y tế nguy hại tuyến tỉnh**

TT	Tên cơ sở y tế		CTNH có được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao được xử lý sơ bộ trước khi thu gom
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	1	2	Sáng và Chiều	100	Không phát sinh
2	Bệnh viện Mắt tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	1	3-4 lần/tháng	Chiều	100	Không phát sinh
3	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Hà Giang	TP Hà Giang	1	1	Sáng	100	Không phát sinh
4	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	1	1	Cuối ngày	100	Không phát sinh
5	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	TP Hà Giang	1	1	16h thứ 3 và thứ 5 hàng tuần	100	Không phát sinh
6	Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hà Giang	TP Hà Giang	1	2	Sáng và Chiều	100	Không phát sinh
7	Trung tâm Kiểm nghiệm	TP Hà Giang	1	1 quý/lần	Sau khi thành lập hợp đồng hủy thuốc	100	Không phát sinh
8	Trung tâm giám định Y khoa	TP Hà Giang	1	1	Cuối ngày	100	Không phát sinh
9	Trung tâm Chăm sóc Sức khỏe Sinh sản	TP Hà Giang	1	1	Chiều	100	Không phát sinh
10	Bệnh viện phục hồi chức năng	Huyện Vị Xuyên	1	1	Chiều	100	Không phát sinh

**Phụ lục 8. Công tác thu gom chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế tuyến Huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	2	10h30 và 16h30	100
2	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	1	Cuối ngày	100
3	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	Quản Bạ	Có	1	Cuối ngày	98
4	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Quản Bạ	Có	2	Trưa và tối	100
5	Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Ngọc	Quản Bạ	Có	1	Cuối ngày	100
6	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	Có	1	Sau 16h30	100
7	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	Yên Minh	Có	1	Cuối ngày	100
8	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	Yên Minh	Có	1	Cuối ngày	100
9	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	Yên Minh	Có	1	Cuối ngày	100
10	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Minh	Yên Minh	Có	Đầy thùng đựng -> mang qua Bệnh viện đa khoa xử lý	Cuối ngày	100
11	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Yên Minh	Có	1	Cuối ngày	100
12	Phòng khám bác sỹ Thu	Yên Minh	Có	1	Cuối ngày	100
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	1	Cuối ngày	100
14	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	1	Cuối ngày	100
15	Phòng khám bác sỹ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Mèo Vạc	Có	1	Cuối ngày	100



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
16	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Có	1	Cuối ngày	100
17	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Có	1	Cuối ngày	100
18	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Hoàng Su Phì	Có	1	Cuối ngày	100
19	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Hoàng Su Phì	Có	1	Cuối ngày	100
20	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Có	1	Chiều 16h	100
21	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Có	1	chiều 16h	100
22	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Hoàng Su Phì	Có	1	chiều 16h	100
23	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Có	1	Cuối ngày	100
24	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Có	Đầy hộp/túi mới thu gom	khi hộp/túi đầy	100
25	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc (Bắc Mê)	Bắc Mê	Có	1	cuối ngày	100
26	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm (Bắc Mê)	Bắc Mê	Có	1	cuối buổi	100
27	Phòng khám Hoa Lan	Bắc Mê	Có	Đầy hộp mới thu (2 tuần/1 lần)	Cuối tuần	100
28	Bệnh viện đa khoa Nà Chì	Xín Mần	Có	1	Buổi sáng, cuối buổi	100
29	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	Có	1	Buổi chiều	100

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
30	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Xín Mần	Có	1	Cuối buổi	100
31	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Xín Mần	Có	1	Cuối buổi	100
32	Phòng khám đa khoa Thị trấn Phó Bảng	Đồng Văn	Có	1	Cuối buổi	100
33	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Đồng Văn	Có	1	Cuối buổi	100
34	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	Có	1	Cuối ngày	100
35	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Đồng Văn	Có	1 lần/tuần	Cuối tuần	100
36	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	Có	2	Đầu sáng và cuối giờ chiều	100
37	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Bắc Quang	Có	1	16h chiều	100
38	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100
39	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100
40	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày làm việc	100
41	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100
42	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
43	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Bắc Quang	Có	2	Cuối buổi sáng và cuối buổi chiều	100
44	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100
45	Phòng khám bác sỹ Hoàng Thị Cậy	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100
46	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100
47	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sỹ Hoàng Tất Vũ	Bắc Quang	Có	1	Cuối ngày	100
48	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có	2	Sáng - Chiều	100
49	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Huyện Quang Bình	Có	1	Cuối ngày	100
50	Phòng khám bác sỹ Hoàng Văn Luân	Huyện Quang Bình	Có	2-3 lần/tuần	Cuối ngày	100
51	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Huyện Quang Bình	Có	1	Cuối ngày	100
52	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Có	1	Chiều	100
53	Phòng khám chuyên Khoa mắt	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
54	Phòng khám nội khoa	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
55	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
56	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
57	Phòng khám răng thẩm mỹ	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
58	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
59	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
60	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
61	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
62	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
63	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
64	Phòng khám nha khoa Thành Giang	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
65	Phòng khám đa khoa Đức Minh	Thành phố Hà Giang	Có	1	17h	100
66	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
67	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn Đức Hùng	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
68	Phòng khám đa khoa Bình Thu	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
		Giang				
69	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
70	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
71	Phòng khám chuyên khoa nhi	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
72	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
73	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Thành phố Hà Giang	Có	1	Cuối ngày	100
74	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có	2	Sáng và chiều	100
75	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có	1	16 h	100
76	Phòng khám Km10	Huyện Vị Xuyên	Có	1	17h	100
77	Phòng khám nội khoa	Huyện Vị Xuyên	Có	1	Cuối ngày	100
78	Phòng khám BS Giang	Huyện Vị Xuyên	Có	1	Cuối ngày	100
79	Phòng khám phụ sản KHHGD	Huyện Vị Xuyên	Có	1	Cuối ngày	100
80	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Huyện Vị Xuyên	Có	1	Cuối ngày	100
81	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Yên Minh	Có	1	Cuối ngày	100

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

**Phụ lục 9. Công tác thu gom chất thải y tế nguy hại tác các cơ sở y tế tuyến xã**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
1	Trạm y tế xã Quản Bạ	Quản Bạ	1	1	Cuối ngày	100
2	Trạm y tế xã Cao Mã Pờ	Quản Bạ	1	1	Cuối ngày	100
3	Trạm y tế xã Bát Đại Sơn	Quản Bạ	1	1	Cuối ngày	100
4	Trạm y tế thị trấn Tam Sơn	Quản Bạ	1	1	Cuối ngày	100
5	Trạm y tế xã Tả Ván	Quản Bạ	1	1	Cuối ngày	100
6	Trạm y tế xã Thanh Vân	Quản Bạ	1	1	Cuối ngày	100
7	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	Quản Bạ	1	1	Cuối ngày	100
8	Trạm y tế xã Lũng Tám	Quản Bạ	1	1	Chiều	100
9	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Quản Bạ	1	1	Chiều	100
10	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Quản Bạ	1	1	Cuối buổi	100
11	Trạm y tế xã Thái An	Quản Bạ	1	1	Cuối buổi	100
12	Trạm y tế thị trấn Yên Minh	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
13	Trạm y tế xã Đường Thượng	Yên Minh	1	2-3 ngày/lần	Khi túi rác đầy	100
14	Trạm y tế xã Đông Minh	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
15	Trạm y tế xã Ngam La	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
16	Trạm y tế xã Phú Lũng	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
17	Trạm y tế xã Thắng Mố	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
18	Trạm y tế xã Sủng Tráng	Yên Minh	1	1	Cuối buổi	100
19	Trạm y tế xã Sủng Thái	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
20	Trạm y tế xã Du Già	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
21	Trạm y tế xã Du Tiến	Yên Minh	1	1	Cuối buổi	100
22	Trạm y tế xã Hữu Vinh	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
23	Trạm y tế xã Na Khê	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
24	Trạm y tế xã Mậu Long	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
25	Trạm y tế xã Ngọc Long	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
26	Trạm y tế xã Lao và Chải	Yên Minh	1	1	Cuối ngày	100
27	Trạm y tế thị trấn Mèo Vạc	Mèo Vạc	1	1 lần/tháng	Cuối tháng	100
28	Trạm y tế xã Niêm Tòng	Mèo Vạc	1	2 ngày/lần	Cuối ngày	100
29	Trạm y tế xã Tát Ngà	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
30	Trạm y tế xã Nậm Ban	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
31	Trạm y tế xã Khâu Vai	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
32	Trạm y tế xã Lũng Pù	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
33	Trạm y tế xã Cán Chu Phìn	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
34	Trạm y tế xã Giáng Chu Phìn	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
35	Trạm y tế xã Pải Lũng	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
36	Trạm y tế xã Thượng Phùng	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
37	Trạm y tế xã Sơn Vĩ	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
38	Trạm y tế xã Tả Lũng	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
39	Trạm y tế xã Sủng Trà	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
40	Trạm y tế xã Sủng Máng	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
41	Trạm y tế xã Lũng Chinh	Mèo Vạc	1	1	Cuối ngày	100
42	Trạm y tế xã Pả Vi	Mèo Vạc	1	1 lần/tuần	Cuối tuần	100
43	Trạm y tế xã Tụ Nhân	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
44	Trạm y tế xã Nậm Khòa	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
45	Trạm y tế xã Nàng Đôn	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
46	Trạm y tế xã Nam Sơn	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối buổi	100
47	Trạm y tế xã Bản Máy	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối buổi	100
48	Trạm y tế xã Bản Nhùng	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối buổi	100
49	Trạm y tế xã Tả Sử Chóng	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối buổi	100
50	Trạm y tế xã Bản Páo	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối buổi	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
51	Trạm y tế xã Hồ Thầu	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối buổi	100
52	Trạm y tế xã Pờ Ly Ngải	Hoàng Su Phì	1	2	Cuối ngày	100
53	Trạm y tế xã Sán Xả Hồ	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
54	Trạm y tế xã Bản Luốc	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
55	Trạm y tế xã Ngâm Đăng Vài	Hoàng Su Phì	1	2	Cuối ngày	100
56	Trạm y tế xã Nậm Ty	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
57	Trạm y tế xã Bản Phùng	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
58	Trạm y tế thị trấn Vinh Quang	Hoàng Su Phì	2	-	-	-
59	Trạm y tế xã Pồ Lô	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
60	Trạm y tế xã Thành Tín	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
61	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
62	Trạm y tế xã Đản Ván	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
63	Trạm y tế xã Túng Sán	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
64	Trạm y tế xã Tân Tiến	Hoàng Su Phì	1	1	Cuối ngày	100
65	Trạm Y tế xã Thượng Tân	Bắc Mê	1	1	Cuối ngày	95
66	Trạm y tế xã Đường Hồng	Bắc Mê	1	1	Cuối buổi	100
67	Trạm y tế xã Phiêng Luông	Bắc Mê	1	1	Cuối buổi	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
68	Trạm y tế xã Yên Cường	Bắc Mê	1	1	Cuối buổi	100
69	Trạm y tế xã Yên Định	Bắc Mê	1	1	Cuối buổi	100
70	Trạm y tế xã Lạc Nông	Bắc Mê	1	1	Cuối buổi	100
71	Trạm y tế xã Yên Phong	Bắc Mê	1	1	Cuối buổi	100
72	Trạm y tế xã Phú Nam	Bắc Mê	1	Hàng ngày	Cuối buổi	100
73	Trạm y tế xã Minh Sơn	Bắc Mê	1	Hàng ngày	Cuối buổi	100
74	Trạm y tế xã Giáp Trung	Bắc Mê	1	Hàng ngày	Cuối buổi	100
75	Trạm y tế thị trấn Yên Phú	Bắc Mê	1	Hàng ngày	Cuối buổi	100
76	Trạm y tế xã Chí Cà	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
77	Trạm y tế xã Nàn Sín	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
78	Trạm y tế xã Bản Díu	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
79	Trạm y tế xã Xín Mần	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
80	Trạm y tế xã Thèn Phàng	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
81	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
82	Trạm y tế xã Nấm Dẩn	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
83	Trạm y tế thị trấn Cốc Pài	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
84	Trạm y tế xã Pà Vây Sủ	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYTNH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
85	Trạm y tế xã Khuôn Lũng	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
86	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
87	Trạm y tế xã Cốc Rễ	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
88	Trạm y tế xã Tả Nhìu	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
89	Trạm y tế xã Chế Là	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
90	Trạm y tế xã Thu Tà	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
91	Trạm y tế xã Bản Ngò	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
92	Trạm y tế xã Nà Chì	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
93	Trạm y tế xã Nàn Ma	Xín Mần	1	1	Cuối buổi	100
94	Trạm y tế xã Tả Phìn	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
95	Trạm y tế xã Phố Là	Đồng Văn	1	2	Buổi trưa Buổi chiều	100
96	Trạm y tế xã Sà Phìn	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
97	Trạm y tế xã Tá Lũng	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
98	Trạm y tế xã Lũng Cú	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
99	Trạm y tế xã Sủng Trái	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
100	Trạm y tế xã Hồ Quảng Phìn	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
101	Trạm y tế xã Sính Lũng	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
102	Trạm y tế xã Ma Lé	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
103	Trạm y tế xã Lũng Táo	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
104	Trạm y tế xã Phố Cáo	Đồng Văn	1	1	Cuối buổi	100
105	Trạm y tế xã Vần Chải	Đồng Văn	1	1	Cuối ngày	100
106	Trạm y tế xã Thài Phìn Tủng	Đồng Văn	1	1	Cuối ngày	100
107	Trạm y tế xã Lũng Thầu	Đồng Văn	1	1	Cuối ngày	90
108	Trạm y tế xã Sảng Tủng	Đồng Văn	1	1	Cuối ngày	100
109	Trạm y tế xã Sủng Là	Đồng Văn	1	1 lần/ tuần (chất thải sắc nhọn) 1 lần/ngày (chất thải không sắc nhọn)	Cuối ngày	100
110	Trạm y tế thị trấn Đồng Văn	Đồng Văn	1	1	Cuối ngày	100
111	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
112	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
113	Trạm y tế xã Bằng Hành	Bắc Quang	1	1	Buổi sáng	100
114	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
115	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Bắc Quang	1	1	Chiều	100

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYTNH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
116	Trạm y tế xã Đông Thành	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
117	Trạm y tế xã Đức Xuân	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
118	Trạm y tế xã Hùng An	Bắc Quang	1	1	Cuối giờ làm việc	100
119	Trạm y tế xã Hữu Sản	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
120	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Bắc Quang	1	1	Sáng sớm	100
121	Trạm y tế xã Quang Minh	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
122	Trạm y tế xã Tân Lập	Bắc Quang	1	1	17h	100
123	Trạm y tế xã Tân Quang	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày làm việc	100
124	Trạm y tế xã Tân Thành	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày làm việc	100
125	Trạm y tế xã Tiên Kiều	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
126	Trạm y tế xã Thượng Bình	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
127	Trạm y tế xã Việt Hồng	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày làm việc	100
128	Trạm y tế xã Việt Vinh	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
129	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Bắc Quang	1	1	17h hàng ngày	100
130	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100
131	Trạm y tế xã Vô Đếm	Bắc Quang	1	1	Cuối ngày	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
132	Trạm y tế Thị trấn Yên Bình	Huyện Quang Bình	1	1	Sáng sớm	100
133	Trạm y tế xã Bản Rịa, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
134	Trạm y tế xã Yên Thành, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
135	Trung tâm y tế xã Tân Trịnh	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
136	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
137	Trạm y tế xã Xuân Minh	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
138	Trạm y tế xã Tân Bắc	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
139	Trạm y tế xã Yên Hà	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
140	Trạm y tế xã Hương Sơn	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
141	Trạm y tế Xã Nà Khuong	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
142	Trạm y tế Xã Xuân Giang	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
143	Trạm y tế Xã Tân Nam	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
144	Trạm y tế Xã Bằng Lang	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
145	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
146	Trạm y tế Xã Tiên Yên	Huyện Quang Bình	1	1	Cuối ngày	100
147	Trạm y tế phường Minh Khai	TP Hà Giang	1	1	16h-16h30	100
148	Trạm y tế phường Quang Trung	TP Hà Giang	1	1	Cuối giờ chiều	100

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYTNH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
149	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	TP Hà Giang	1	1	Cuối ngày	100
150	Trạm y tế phường Trần Phú	TP Hà Giang	1	1	Cuối ngày	100
151	Trạm y tế phường Ngọc Hà	TP Hà Giang	1	1	Cuối ngày	100
152	Trạm Y tế xã Phương Độ	TP Hà Giang	1	1	17h	100
153	Trạm Y tế xã Ngọc Đường	TP Hà Giang	1	1	17h	100
154	Trạm Y tế xã Phương Thiện	TP Hà Giang	1	1	17h	100
155	Trạm Y tế thị trấn Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối giờ chiều	100
156	Trạm Y tế xã Đạo Đức	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối giờ chiều, hoặc đầu giờ sáng	100
157	Trạm Y tế xã Tùng Bá	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
158	Trạm Y tế xã Phong Quang	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối giờ chiều	100
159	Trạm Y tế xã Thượng Sơn	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
160	Trạm Y tế xã Quảng Ngần	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
161	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
162	Trạm Y tế xã Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
163	Trạm y tế xã Trung Thành	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
164	Trạm y tế xã Kim Linh	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	CTYT/NH được thu gom riêng biệt không	Tần suất thu gom (lần/ngày)	Thời điểm thu gom	Tỉ lệ thu gom
165	Trạm y tế xã Kim Thạch	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
166	Trạm y tế xã Phú Linh	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối giờ làm việc	100
167	Trạm y tế xã Lao Chải	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối giờ làm việc	100
168	Trạm y tế xã Minh Tân	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối giờ làm việc	100
169	Trạm y tế xã Ngọc Minh	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
170	Trạm y tế xã Linh Hồ	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
171	Trạm y tế xã Phương Tiến	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối ngày	100
172	Trạm y tế xã Thanh Thủy	Huyện Vị Xuyên	1	1	17h	100
173	Trạm y tế xã Ngọc Linh	Huyện Vị Xuyên	1	1	17h	100
174	Trạm y tế xã Thanh Đức	Huyện Vị Xuyên	1	1	Cuối giờ chiều	100
175	Trạm y tế xã Thuận Hòa	Huyện Vị Xuyên	1	1	17h	100
176	Trạm y tế xã Cao Bồ	Huyện Vị Xuyên	1	1	17h	100
177	Trạm y tế xã Xín Chải	Huyện Vị Xuyên	1	1	17h	100

**Phụ lục 10. Công tác vận chuyển chất thải y tế tại các phòng khám đa khoa khu vực**

TT	Tên cơ sở y tế	Thời điểm vận chuyển	Nhân lực	Có trang bị thiết bị bảo hộ lao động không	Xe vận chuyển chất thải (Xe)
1	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	Cuối ngày	1	Có	1
2	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Trưa và tối	1	Có	0
3	Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Ngọc	Cuối ngày	1	Có	0
4	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	Cuối ngày	1	Có	0
5	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	Cuối ngày	1	Có	0
6	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Minh	Cuối ngày	1	Có	0
7	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Cuối ngày	1	Có	0
8	Phòng khám bác sỹ Thu	Cuối ngày	1	Có	0
9	Phòng khám bác sỹ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Cuối ngày	1	Có	0
10	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn (Mèo Vạc)	Cuối ngày	6	Có	0
11	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái (Mèo Vạc)	Cuối ngày	1	Có	0
12	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Cuối ngày	1	Có	0
13	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Cuối ngày	1	Có	0
14	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Chiều 16h	12	Có	0
15	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc (Bắc Mê)	Cuối ngày	1	Có	0
16	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm (Bắc	Cuối buổi	2	Có	0

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Thời điểm vận chuyển	Nhân lực	Có trang bị thiết bị bảo hộ lao động không	Xe vận chuyển chất thải (Xe)
	Mê)				
17	Phòng khám Hoa Lan	Cuối tuần	1	Không	0
18	Phòng khám Bác sĩ Lương Xuân Long	Cuối buổi	1	Có	1
19	Phòng khám sản phụ khoa Nguyễn Thị Giang	Cuối buổi	1	Có	2
20	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Cuối buổi	8	Có	0
21	Phòng khám đa khoa Thị trấn Phó Bảng	Cuối buổi	1	Có	0
22	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Cuối buổi	1	Có	0
23	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Cuối tuần	1	Có	0
24	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Đầu sáng và cuối giờ chiều	9	Có	0
25	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	16h chiều	2	Có	0
26	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Cuối ngày	1	Có	0
27	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Cuối ngày	1	Có	0
28	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Cuối ngày làm việc	1	Có	0
29	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	Cuối ngày	1	Có	0
30	Phòng khám bác sĩ Vũ Phương Dung			Có	0
31	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	Cuối ngày	1	Có	0
32	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Cuối buổi sáng	4	Có	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Thời điểm vận chuyển và cuối buổi chiều	Nhân lực	Có trang bị thiết bị bảo hộ lao động không	Xe vận chuyển chất thải (Xe)
33	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Cuối ngày	1	Có	0
34	Phòng khám bác sỹ Hoàng Thị Cậy	Cuối ngày	1	Có	0
35	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Cuối ngày	1	Có	0
36	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sỹ Hoàng Tất Vũ	Cuối ngày	1	Có	0
37	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Cuối ngày	1	Có	1
38	Phòng khám bác sỹ Hoàng Văn Luân	Cuối ngày	1	Có	0
39	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Cuối ngày	1	Có	0
41	Phòng khám chuyên Khoa mắt	Cuối ngày	1	Có	0
42	Phòng khám nội khoa	Cuối ngày	1	Có	0
43	Phòng khám siêu âm Bác sỹ Học	Cuối ngày	1	Có	0
44	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	17h	1	Có	1
45	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Cuối ngày	1	Có	1
46	Phòng khám đông y Bùi Thị Hà	Cuối ngày	1	Có	x
47	Phòng khám răng thẩm mỹ	Cuối ngày	1	Có	1
48	Phòng khám Sông Quê	Cuối ngày	1	Có	1
49	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	Cuối ngày	1	Có	0

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao công nghệ Môi trường

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Thời điểm vận chuyển	Nhân lực	Có trang bị thiết bị bảo hộ lao động không	Xe vận chuyển chất thải (Xe)
50	Phòng khám phụ sản - KHHGD	5-6h	1	Không	1
51	Phòng khám da liễu BS Hoàng Thanh Thoát	Cuối ngày	1	Có	1
52	Phòng khám nội soi Tai - Mũi - Họng BS Long	Cuối ngày	1	Có	1
53	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	Cuối ngày	6	Có	1 xe máy
54	Phòng khám đa khoa Hùng Vương	Cuối ngày	1	Có	0
55	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Cuối ngày	1	Có	0
56	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	Cuối ngày	1	Có	1
57	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	Cuối ngày	1	Có	0
58	Phòng khám y học cổ truyền Quang Dương	Cuối ngày	1	Có	0
59	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	Cuối ngày	5	Có	0
60	Phòng khám nha khoa Thành Giang	Cuối ngày	1	Có	0
61	Phòng khám sản. siêu âm Lý Thị Mến			Có	0
62	Phòng khám đa khoa Đức Minh	17h	3	Có	1
63	Phòng khám chuyên khoa Tai Mũi Họng Bác Sĩ Nam			Có	0
64	Phòng khám Nội - Nhi	Cuối ngày	1	Có	1
65	Phòng khám chuẩn trị Đông Y	Cuối ngày	1	Có	0

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Thời điểm vận chuyển	Nhân lực	Có trang bị thiết bị bảo hộ lao động không	Xe vận chuyển chất thải (Xe)
66	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn Mạnh Hùng	Cuối ngày	1	Có	0
67	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn Đức Hùng	Cuối ngày	1	Có	0
68	Phòng khám đa khoa Bình Thu	Cuối ngày	1	Có	0
69	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Cuối ngày	1	Có	0
70	Phòng chuẩn trị Y học cổ truyền Minh Anh	Cuối ngày	1	Có	0
71	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	Cuối ngày	1	Có	0
72	Phòng khám chuyên khoa nhi	Cuối ngày	1	Có	0
73	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng	Cuối ngày	1	Có	0
74	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Cuối ngày	1	Có	0
75	Phòng khám Km10	17h	1	Có	0
76	Phòng khám nội khoa	Cuối ngày	1	Có	0
77	Phòng khám BS Giang	Cuối ngày	1	Có	0
78	Phòng khám phụ sản KHHGD	Cuối ngày	1	Có	0
79	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Cuối ngày	1	Có	0
80	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Cuối ngày	2	Có	0

**Phụ lục 11. Các cơ sở y tế có khu lưu giữ của các cơ sở y tế tuyến Huyện**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Có xây dựng khu vực lưu giữ chất thải y tế hay không	Vị trí lưu giữ CTYTNH
1	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Sau khu vực khám chữa bệnh
2	Trung tâm y tế huyện Quản Bạ	Quản Bạ	Có	Nhà lưu giữ của BVĐK Quản Bạ
3	Phòng khám đa khoa khu vực Tùng Vài	Quản Bạ	Không	-
4	Phòng khám đa khoa khu vực xã Đông Hà	Quản Bạ	Có	Khu tập kết rác
5	Phòng khám ngoài giờ bác sỹ Ngọc	Quản Bạ	Không	-
6	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	Yên Minh	Có	Nhà lưu giữ CTNH cùng khu vực CTR
7	Phòng khám đa khoa khu vực xã Mậu Duệ	Yên Minh	Không	-
8	Phòng khám đa khoa khu vực Lũng Hồ	Yên Minh	Không	-
9	Trung tâm y tế huyện Yên Minh	Yên Minh	Không	-
10	Phòng khám bác sỹ Nguyễn Thị Minh	Yên Minh	Không	-
11	Phòng khám bác sỹ Ngoan	Yên Minh	Không	-
12	Phòng khám bác sỹ Thu	Yên Minh	Không	-
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Có	Gần lò đốt
14	Trung tâm Y tế huyện Mèo Vạc	Mèo Vạc	Không	-
15	Phòng khám bác sỹ Chung - Chuyên khám sản phụ khoa	Mèo Vạc	Không	-

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

16	Phòng khám đa khoa xã Niêm Sơn (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Không	-
17	Phòng khám đa khoa xã Xín Cái (Mèo Vạc)	Mèo Vạc	Không	-
18	Phòng khám đa khoa xã Chiến Phố	Hoàng Su Phì	Không	x
19	Phòng khám đa khoa xã Thông Nguyên	Hoàng Su Phì	Không	x
20	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Có	Kho lưu giữ
21	Trung tâm Y tế huyện Hoàng Su Phì	Hoàng Su Phì	Không	-
22	Phòng khám đa khoa xã Nậm Dịch	Hoàng Su Phì	Không	-
23	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Có	Nằm trong khuôn viên khu xử lý nước thải
24	Trung tâm Y tế huyện Bắc Mê	Bắc Mê	Không	-
25	Phòng khám đa khoa xã Minh Ngọc (Bắc Mê)	Bắc Mê	Không	-
26	Phòng khám đa khoa xã Đường Âm (Bắc Mê)	Bắc Mê	Không	-
27	Phòng khám Hoa Lan	Bắc Mê	Không	-
28	Bệnh viện đa khoa Nà chỉ	Xín Mần	Có	Khu tập trung
29	Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần	Xín Mần	Có	Có kho lưu giữ và máy xử lý
30	Trung tâm Y tế huyện Xín Mần	Xín Mần	Không	x
31	Phòng khám đa khoa xã Ngán Chiên	Xín Mần	Không	x
32	Phòng khám đa khoa Thị trấn Phó Bảng	Đồng Văn	Không	x

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

33	Phòng khám đa khoa xã Lũng Phìn	Đồng Văn	Không	x
34	Bệnh viện Đa khoa huyện Đồng Văn	Đồng Văn	Có	Phía Tây Nam bệnh viện, gần lò đốt
35	Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt	Đồng Văn	Không	x
36	Bệnh viện Đa khoa Khu vực Bắc Quang	Bắc Quang	Có	Kho lưu giữ
37	Trung tâm Y tế huyện Bắc Quang	Bắc Quang	Không	-
38	Phòng khám đa khoa xã Đồng Yên	Bắc Quang	Không	-
39	Phòng khám đa khoa xã Liên Hiệp	Bắc Quang	Không	-
40	Phòng khám đa khoa bác sĩ Hoàng Văn Tháy	Bắc Quang	Không	-
41	Phòng khám chuyên khoa Mai Thị Dung	Bắc Quang	Không	-
42	Phòng khám đa khoa bác sĩ Đặng Phúc Diệp	Bắc Quang	Không	-
43	Phòng khám đa khoa Trí Đức	Bắc Quang	Không	-
44	Phòng khám đa khoa Y Cao Hà Nội	Bắc Quang	Không	-
45	Phòng khám bác sĩ Hoàng Thị Cậy	Bắc Quang	Không	-
46	Phòng khám Răng Hàm Mặt Nha khoa thẩm mỹ Tâm Phúc	Bắc Quang	Không	-
47	Phòng khám tư vấn và điều trị dự phòng bác sĩ Hoàng Tất Vũ	Bắc Quang	Không	-
48	Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có	Lưu giữ tại nơi tập trung của Bệnh viện
49	Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Giang	Huyện Quang Bình	Có	Lưu giữ trong khuôn viên phòng khám đa khoa

Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

50	Phòng khám bác sĩ Hoàng Văn Luân	Huyện Quang Bình	Không	-
51	Phòng khám nội siêu âm Hà Mỹ Hạnh	Huyện Quang Bình	Không	-
52	Trung tâm Y tế thành phố Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Có	Kho lưu trữ
53	Phòng khám chuyên Khoa mắt	Thành phố Hà Giang	Không	-
54	Phòng khám nội khoa	Thành phố Hà Giang	Không	-
55	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	Không	-
56	Phòng khám chuyên khoa phụ sản-KHHGD	Thành phố Hà Giang	Không	-
57	Phòng khám răng thẩm mỹ	Thành phố Hà Giang	Có	Khu vệ sinh riêng
58	Phòng khám răng hàm mặt 45 - Minh Khai	Thành phố Hà Giang	Có	Khu vệ sinh
59	Phòng khám đa khoa chất lượng cao Hà Nội	Thành phố Hà Giang	Không	-
60	Phòng khám Minh Khai (Da liễu) BS Như-Đẹp	Thành phố Hà Giang	Không	-
61	Phòng khám bác sĩ Văn Thủy	Thành phố Hà Giang	Có	Khu vệ sinh
62	Phòng khám da liễu Bác sĩ Nam	Thành phố Hà Giang	Không	-
63	Phòng khám đa khoa Trường trung cấp y tế Hà Giang	Thành phố Hà Giang	Không	x
64	Phòng khám nha khoa Thành Giang	Thành phố Hà Giang	Không	-
65	Phòng khám đa khoa Đức Minh	Thành phố Hà Giang	Có	Khu vực vệ sinh kiểm soát nhiễm khuẩn
66	Phòng khám răng hàm mặt Bác sĩ Nguyễn	Thành phố Hà Giang	Không	-



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

	Mạnh Hùng			
67	Phòng khám sản phụ khoa Bác Sĩ Nguyễn Đức Hùng	Thành phố Hà Giang	Không	-
68	Phòng khám đa khoa Bình Thu	Thành phố Hà Giang	Không	-
69	Phòng khám Tai mũi họng Bác sĩ Phạm Mạnh Công	Thành phố Hà Giang	Có	Lưu giữ trong khu vực kho gần phòng khám
70	Phòng khám nội khoa 263 Nguyễn Thái Học	Thành phố Hà Giang	Không	-
71	Phòng khám chuyên khoa nhi	Thành phố Hà Giang	Không	-
72	Phòng khám nội tổng hợp BS Nguyễn Ngọc Kháng	Thành phố Hà Giang	Không	-
73	Phòng khám chữa bệnh bác sĩ Phan Bá Quỳnh	Thành phố Hà Giang	Không	-
74	Bệnh viện Đa khoa huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có	Kho lưu trữ
75	Trung tâm y tế huyện Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Không	-
76	Phòng khám Km10	Huyện Vị Xuyên	Không	-
77	Phòng khám nội khoa	Huyện Vị Xuyên	Không	-
78	Phòng khám BS Giang	Huyện Vị Xuyên	Không	-
79	Phòng khám phụ sản KHHGD	Huyện Vị Xuyên	Không	-
80	Phòng khám đa khoa KV Bạch Ngọc	Huyện Vị Xuyên	Không	Lưu giữ tạm thời tại lò đốt và được đốt trong ngày
81	Phòng khám đa khoa khu vực xã Bạch Đích	Yên Minh	Không	-

**Phụ lục 12. Các cơ sở y tế tuyến xã có khu lưu giữ**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Có lưu giữ CTNYTNH
1	Trạm y tế xã Quản Bạ	Quản Bạ	Có
2	Trạm y tế xã Lũng Tám	Quản Bạ	Có
3	Trạm y tế xã Thái An	Quản Bạ	Có
4	Trạm y tế xã Na Khê	Yên Minh	Có
5	Trạm y tế xã Bằng Hành	Bắc Quang	Có
6	Trạm y tế xã Kim Ngọc	Bắc Quang	Có
7	Trạm y tế xã Tân Lập	Bắc Quang	Có
8	Trạm y tế xã Việt Vinh	Bắc Quang	Có
9	Trạm y tế xã Bản Rịa, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có
10	Trạm y tế xã Yên Thành, huyện Quang Bình	Huyện Quang Bình	Có
11	Trạm y tế Xã Xuân Giang	Huyện Quang Bình	Có
12	Trạm y tế phường Minh Khai	TP Hà Giang	Có
13	Trạm y tế phường Quang Trung	TP Hà Giang	Có
14	Trạm y tế phường Nguyễn Trãi	TP Hà Giang	Có
15	Trạm y tế phường Trần Phú	TP Hà Giang	Có
16	Trạm Y tế thị trấn Vị Xuyên	Huyện Vị Xuyên	Có
17	Trạm Y tế xã Đạo Đức	Huyện Vị Xuyên	Có
18	Trạm Y tế xã Tùng Bá	Huyện Vị Xuyên	Có
19	Trạm Y tế xã Phong Quang	Huyện Vị Xuyên	Có
20	Trạm Y tế xã Thượng Sơn	Huyện Vị Xuyên	Có
21	Trạm Y tế xã Quảng Ngần	Huyện Vị Xuyên	Có
22	Trạm Y tế thị trấn Nông trường Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	Có
23	Trạm y tế xã Trung Thành	Huyện Vị Xuyên	Có

**Phụ lục 13. Các cơ sở y tế không có khu lưu giữ tuyến xã**

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Không lưu giữ CTYTNH
1	Trạm y tế xã Cao Mã Pờ	Quản Bạ	Không có
2	Trạm y tế xã Bát Đại Sơn	Quản Bạ	Không có
3	Trạm y tế thị trấn Tam Sơn	Quản Bạ	Không có
4	Trạm y tế xã Tả Ván	Quản Bạ	Không có
5	Trạm y tế xã Thanh Vân	Quản Bạ	Không có
6	Trạm y tế xã Nghĩa Thuận	Quản Bạ	Không có
7	Trạm y tế xã Cán Tỷ	Quản Bạ	Tạm lưu giữ tại phòng rồi đốt vào cuối ngày
8	Trạm y tế xã Quyết Tiến	Quản Bạ	Không
9	Trạm y tế thị trấn Yên Minh	Yên Minh	Không có
10	Trạm y tế xã Đường Thượng	Yên Minh	Không có
11	Trạm y tế xã Đông Minh	Yên Minh	Không có
12	Trạm y tế xã Ngam La	Yên Minh	Không có
13	Trạm y tế xã Phú Lũng	Yên Minh	Không có
14	Trạm y tế xã Thắng Mố	Yên Minh	Không có
15	Trạm y tế xã Sủng Tráng	Yên Minh	Không có
16	Trạm y tế xã Sủng Thái	Yên Minh	Không có
17	Trạm y tế xã Du Già	Yên Minh	Không có
18	Trạm y tế xã Du Tiến	Yên Minh	Không có
19	Trạm y tế xã Hữu Vinh	Yên Minh	Không có
20	Trạm y tế xã Mậu Long	Yên Minh	Không có
21	Trạm y tế xã Ngọc Long	Yên Minh	Không có
22	Trạm y tế thị trấn Mèo Vạc	Mèo Vạc	Không có
23	Trạm y tế xã Niêm Tòng	Mèo Vạc	Không có
24	Trạm y tế xã Tát Ngà	Mèo Vạc	Không có

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Không lưu giữ CTYTNH</b>
25	Trạm y tế xã Nậm Ban	Mèo Vạc	Không có
26	Trạm y tế xã Khâu Vai	Mèo Vạc	Không có
27	Trạm y tế xã Lũng Pù	Mèo Vạc	Không có
28	Trạm y tế xã Cán Chu Phìn	Mèo Vạc	Không có
29	Trạm y tế xã Giáng Chu Phìn	Mèo Vạc	Không có
30	Trạm y tế xã Pải Lũng	Mèo Vạc	Không có
31	Trạm y tế xã Thượng Phùng	Mèo Vạc	Không có
32	Trạm y tế xã Sơn Vĩ	Mèo Vạc	Không có
33	Trạm y tế xã Tả Lũng	Mèo Vạc	Không có
34	Trạm y tế xã Sủng Trà	Mèo Vạc	Không có
35	Trạm y tế xã Sủng Máng	Mèo Vạc	Không có
36	Trạm y tế xã Lũng Chinh	Mèo Vạc	Không có
37	Trạm y tế xã Pả Vi	Mèo Vạc	Không có
38	Trạm y tế xã Tụ Nhân	Hoàng Su Phì	Không có
39	Trạm y tế xã Nậm Khòa	Hoàng Su Phì	Không có
40	Trạm y tế xã Nàng Đôn	Hoàng Su Phì	Không có
41	Trạm y tế xã Nam Sơn	Hoàng Su Phì	Không có
42	Trạm y tế xã Bản Máy	Hoàng Su Phì	Không có
43	Trạm y tế xã Bản Nhùng	Hoàng Su Phì	Không có
44	Trạm y tế xã Tả Sử Chóong	Hoàng Su Phì	Không có
45	Trạm y tế xã Bản Páo	Hoàng Su Phì	Không có
46	Trạm y tế xã Hồ Thầu	Hoàng Su Phì	Không có
47	Trạm y tế xã Pờ Ly Ngải	Hoàng Su Phì	Không có
48	Trạm y tế xã Sán Xả Hồ	Hoàng Su Phì	Không có
49	Trạm y tế xã Bản Luốc	Hoàng Su Phì	Không có
50	Trạm y tế xã Ngàm Đăng Vài	Hoàng Su Phì	Không có
51	Trạm y tế xã Nậm Ty	Hoàng Su Phì	Không có

*Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang*

*Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyên giao công nghệ Môi trường*

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Không lưu giữ CTYTNH</b>
52	Trạm y tế xã Bản Phùng	Hoàng Su Phì	Không có
53	Trạm y tế thị trấn Vinh Quang	Hoàng Su Phì	x
54	Trạm y tế xã Pố Lồ	Hoàng Su Phì	Không lưu giữ, đốt vào cuối ngày
55	Trạm y tế xã Thàng Tín	Hoàng Su Phì	Không lưu giữ, đốt vào cuối ngày
56	Trạm y tế xã Thèn Chu Phìn	Hoàng Su Phì	Không lưu giữ, đốt vào cuối ngày
57	Trạm y tế xã Đản Ván	Hoàng Su Phì	Không có
58	Trạm y tế xã Túng Sán	Hoàng Su Phì	Không có
59	Trạm y tế xã Tân Tiến	Hoàng Su Phì	Không có
60	Trạm Y tế xã Thượng Tân	Bắc Mê	Không có
61	Trạm y tế xã Đường Hồng	Bắc Mê	Không có
62	Trạm y tế xã Phiêng Luông	Bắc Mê	Không có
63	Trạm y tế xã Yên Cường	Bắc Mê	Không có
64	Trạm y tế xã Yên Định	Bắc Mê	Không lưu giữ chất thải y tế
65	Trạm y tế xã Lạc Nông	Bắc Mê	Không có
66	Trạm y tế xã Yên Phong	Bắc Mê	Không có vị trí lưu giữ
67	Trạm y tế xã Phú Nam	Bắc Mê	Không có
68	Trạm y tế xã Minh Sơn	Bắc Mê	Không có
69	Trạm y tế xã Giáp Trung	Bắc Mê	Không có
70	Trạm y tế thị trấn Yên Phú	Bắc Mê	Không có vị trí lưu giữ chất thải y tế
71	Trạm y tế xã Chí Cà	Xín Mần	Không có
72	Trạm y tế xã Nàn Sỉn	Xín Mần	Không có
73	Trạm y tế xã Bản Díu	Xín Mần	Không có
74	Trạm y tế xã Xín Mần	Xín Mần	Không có
75	Trạm y tế xã Thèn Phàng	Xín Mần	Không có
76	Trạm y tế xã Trung Thịnh	Xín Mần	Không có
77	Trạm y tế xã Nám Dẩn	Xín Mần	Không có

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ sở y tế</b>	<b>Huyện</b>	<b>Không lưu giữ CTYTNH</b>
78	Trạm y tế thị trấn Cốc Pài	Xín Mần	Không có
79	Trạm y tế xã Pà Vây Sủ	Xín Mần	Không có
80	Trạm y tế xã Khuôn Lũng	Xín Mần	Không có
81	Trạm y tế xã Quảng Nguyên	Xín Mần	Không có
82	Trạm y tế xã Cốc Rễ	Xín Mần	Không có
83	Trạm y tế xã Tả Nhìu	Xín Mần	Không có
84	Trạm y tế xã Chế Là	Xín Mần	Không có
85	Trạm y tế xã Thu Tà	Xín Mần	Không có
86	Trạm y tế xã Bản Ngò	Xín Mần	Không có
87	Trạm y tế xã Nà Chì	Xín Mần	Không có
88	Trạm y tế xã Nàn Ma	Xín Mần	Không có
89	Trạm y tế xã Tả Phìn	Đồng Văn	Không có
90	Trạm y tế xã Phó Là	Đồng Văn	Không có
91	Trạm y tế xã Sà Phìn	Đồng Văn	Không có
92	Trạm y tế xã Tá Lũng	Đồng Văn	Không có
93	Trạm y tế xã Lũng Cú	Đồng Văn	Không có
94	Trạm y tế xã Sủng Trái	Đồng Văn	Không có
95	Trạm y tế xã Hồ Quảng Phìn	Đồng Văn	Không có
96	Trạm y tế xã Sính Lũng	Đồng Văn	Không có
97	Trạm y tế xã Ma Lé	Đồng Văn	Không có
98	Trạm y tế xã Lũng Táo	Đồng Văn	Không có
99	Trạm y tế xã Phó Cáo	Đồng Văn	Không có
100	Trạm y tế xã Vần Chải	Đồng Văn	Không có
101	Trạm y tế xã Thái Phìn Tủng	Đồng Văn	Không có
102	Trạm y tế xã Lũng Thầu	Đồng Văn	Không có
103	Trạm y tế xã Sảng Tủng	Đồng Văn	Không có
104	Trạm y tế xã Sủng Là	Đồng Văn	Không có

*Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang*

*Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyên giao công nghệ Môi trường*

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Không lưu giữ CTYTNH
105	Trạm y tế thị trấn Đồng Văn	Đồng Văn	Không có
106	Trạm y tế thị trấn Việt Quang	Bắc Quang	Không có
107	Trạm y tế thị trấn Vĩnh Tuy	Bắc Quang	Đốt cuối ngày
108	Trạm y tế xã Đồng Tâm	Bắc Quang	Đốt vào cuối ngày
109	Trạm y tế xã Đồng Tiến	Bắc Quang	Đốt vào cuối ngày
110	Trạm y tế xã Đông Thành	Bắc Quang	Đốt hàng ngày
111	Trạm y tế xã Đức Xuân	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
112	Trạm y tế xã Hùng An	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
113	Trạm y tế xã Hữu Sản	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
114	Trạm y tế xã Quang Minh	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
115	Trạm y tế xã Tân Quang	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
116	Trạm y tế xã Tân Thành	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
117	Trạm y tế xã Tiên Kiều	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
118	Trạm y tế xã Thượng Bình	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
119	Trạm y tế xã Việt Hồng	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
120	Trạm y tế xã Vĩnh Hảo	Bắc Quang	Đốt vào cuối ngày
121	Trạm y tế xã Vĩnh Phúc	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
122	Trạm y tế xã Vô Đém	Bắc Quang	Không lưu giữ (đốt cuối ngày)
123	Trạm y tế Thị trấn Yên Bình	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ
124	Trung tâm y tế xã Tân Trinch	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
125	Trạm y tế xã Tiên Nguyên	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
126	Trạm y tế xã Xuân Minh	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
127	Trạm y tế xã Tân Bắc	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)



Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”

TT	Tên cơ sở y tế	Huyện	Không lưu giữ CTYTNH
128	Trạm y tế xã Yên Hà	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
129	Trạm y tế xã Hương Sơn	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
130	Trạm y tế Xã Nà Khương	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
131	Trạm y tế Xã Tân Nam	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
132	Trạm y tế Xã Bằng Lang	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
133	Trạm y tế xã Vĩ Thượng	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
134	Trạm y tế Xã Tiên Yên	Huyện Quang Bình	Không lưu giữ (đốt vào cuối ngày)
135	Trạm Y tế xã Phương Độ	TP Hà Giang	Không lưu giữ
136	Trạm Y tế xã Ngọc Đường	TP Hà Giang	Không lưu giữ
137	Trạm Y tế xã Phương Thiện	TP Hà Giang	Không lưu giữ
138	Trạm Y tế xã Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
139	Trạm y tế xã Kim Linh	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
140	Trạm y tế xã Kim Thạch	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
142	Trạm y tế xã Phú Linh	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
143	Trạm y tế xã Lao Chải	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
144	Trạm y tế xã Minh Tân	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
145	Trạm y tế xã Ngọc Minh	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
146	Trạm y tế xã Linh Hồ	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
147	Trạm y tế xã Phương Tiến	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
148	Trạm y tế xã Thanh Thủy	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
149	Trạm y tế xã Ngọc Linh	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
150	Trạm y tế xã Thanh Đức	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
151	Trạm y tế xã Thuận Hòa	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
152	Trạm y tế xã Cao Bồ	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ
153	Trạm y tế xã Xín Chải	Huyện Vị Xuyên	Không lưu giữ

## Phụ lục 14

### Khái toán kinh phí thực hiện kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế

TT	Hạng mục đầu tư	Dự kiến kinh phí đầu tư (Tr.đ)	Đơn vị cơ sở y tế được đầu tư	Nguồn kinh phí
1	Mua thùng bảo ôn (loại gắn sau xe máy) thực hiện vận chuyển CTYTNH	354	177 các trạm y tế xã/phường/TT	Nguồn vốn sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế
2	Mua thùng bảo ôn (loại gắn sau xe máy) thực hiện vận chuyển CTYTNH	38	19 PKĐKKV	Nguồn vốn sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế
3	Hệ thống xử lý CTY-TNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5) công suất 13 kg/h	11.480	BVĐK Nà Chì; BVĐK huyện Đồng Văn; BVĐK huyện Mèo Vạc; Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang	Nguồn vốn ODA hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB
4	Hệ thống xử lý CTY-TNH bằng công nghệ ma sát ẩm (NEWSTER NW5) công suất 25 kg/h	7.740	BVĐK huyện Quang Bình; BVĐK huyện Quản Bạ;	Nguồn vốn ODA hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB
	<b>Tổng</b>	<b>19.612</b>		

**Kinh phí đầu tư hệ thống xử lý CTYTNH (công nghệ ma sát ẩm NEW-STER NW5 công suất 13 kg/h):**

STT	Hạng mục	Khái toán (Đồng)
1.	Chi phí xây dựng	520.000.000
2.	Chi phí thiết bị	1.700.000.000
3.	Chi phí quản lý dự án	70.000.000
4.	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	200.000.000
5.	CP khác	140.000.000
6.	Chi phí dự phòng	240.000.000
	<b>Tổng</b>	<b>2.870.000.000</b>

**Kinh phí đầu tư hệ thống xử lý CTYTNH (công nghệ ma sát ẩm NEW-STER NW5 công suất 25 kg/h):**

*Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ: “Điều tra, đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế nguy hại và xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh”*

STT	Hạng mục	Khái toán (đồng)
1	Chi phí xây dựng	520.000.000
2	Chi phí thiết bị	2.700.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	70.000.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	200.000.000
5	CP khác	140.000.000
6	Chi phí dự phòng	240.000.000
	<b>Tổng</b>	<b>3.870.000.000</b>

***Kinh phí vận chuyển CTYTNH:***

Cụm xử lý	Thùng bảo ôn (Thời gian sử dụng 5 năm)	Xăng (0,033 lit/km) (đồng)	Quãng đường vận chuyển (km)	Nhân công vận chuyển (Khoán/1 tuần)	Khối lượng CTRYTNH (kg/1 lần vận chuyển)	Chi phí vận chuyển 1 kg
<b>Cụm 1</b>	3.846	276.408	419	150.000	120	3.589
<b>Cụm 2</b>	3.846	126.720	192	150.000	34	8.258
<b>Cụm 3</b>	3.846	368.544	558	150.000	56	9.338
<b>Cụm 4</b>	3.846	126.192	191	150.000	12	23.352
<b>Cụm 5</b>	3.846	196.614	298	150.000	28	12.527
<b>Cụm 6</b>	3.846	13.200	20	150.000	3	55.689
<b>Cụm 7</b>	3.846	353.430	536	150.000	31	16.381
<b>Cụm 8</b>	3.846	124.080	188	150.000	14	19.865
<b>Cụm 9</b>	3.846	145.200	220	150.000	25	11.971
<b>Cụm 10</b>	3.846	360.030	546	150.000	46	11.183
<b>Cụm 11</b>	3.846	208.494	316	150.000	14	25.904
<b>Cụm 12</b>	3.846	257.334	390	150.000	32	12.862

**GIÁ THIẾT ĐẶT RA**

Lượng CTRYTNH được gom vận chuyển 2 lần/tuần

Giá thùng bảo ôn gắn trên xe máy 2.000.000 đồng/1 cái

Thời gian sử dụng 5 năm

Nhân công khoán luôn cho cán bộ y tế phụ trách

Nếu 1 lít xăng giá 20.000 đồng

***Kinh phí xử lý CTYTNH:***

TT	Hạng mục	Chi phí/mẻ (4kg/mẻ)	Chi phí/kg
1	Điện 4kWh/mẻ (2.000 VNĐ/kWh)	8.000	2.000
2	Nước 10 lit (5.000 VNĐ/1.000 lit)	50	≈0
3	Vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế định kỳ (giấy in, lọc vi sinh, lưới cắt...) và phụ cấp nhân viên vận hành dựa theo số mẻ xử lý thực tế	15.000	3.750
	<b>Tổng chi phí xử lý</b>	<b>23.050</b>	<b>5.750</b>

Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Giang

Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyên giao công nghệ Môi trường

**Chi tiết kinh phí cho kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế**

TT	Hạng mục đầu tư	Dự kiến kinh phí đầu tư (Tr.đ)	Đơn vị cơ sở y tế được đầu tư	Nguồn kinh phí
<b>1</b>	<b>Kinh phí đầu tư ban đầu</b>	<b>19.612</b>		
1.1	Mua thùng bảo ôn (loại gắn sau xe máy) thực hiện vận chuyển CTYTNH	354	177 các trạm y tế xã/phường/TT	Nguồn vốn sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế
1.2	Mua thùng bảo ôn (loại gắn sau xe máy) thực hiện vận chuyển CTYTNH	38	19 PKĐKKV	Nguồn vốn sự nghiệp môi trường phân bổ cho Sở Y tế
1.3	Hệ thống xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm (NEWSTER NW5) công suất 13 kg/h	11.480	BVĐK Nà Chì; BVĐK huyện Đồng Văn; BVĐK huyện Mèo Vạc; Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hà Giang	Nguồn vốn ODA hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB
1.4	Hệ thống xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm (NEWSTER NW5) công suất 25 kg/h	7.740	BVĐK huyện Quang Bình; BVĐK huyện Quản Bạ;	Nguồn vốn ODA hỗ trợ của ngân hàng thế giới WB
<b>2</b>	<b>Kinh phí vận hành hệ thống xử lý CTYTNH</b>	<b>1.400</b>	12 cơ sở y tế là cụm trường	Kinh phí từ nguồn chi thường xuyên của các cơ sở y tế và hợp đồng xử lý
	<b>Tổng</b>	<b>21.012</b>		

**Chi tiết kinh phí cho kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế  
(triệu đồng)**

TT	Tên cơ sở	2019	2020	2021	2022	2023	2024
1	Cụm 1: BVĐK tỉnh Hà Giang	300	363	400	440	484	532
2	Cụm 2: BVĐK huyện Vị Xuyên	100	121	133	146	161	177
3	Cụm 3: BVĐK huyện Bắc Quang	100	121	133	146	161	177
4	Cụm 4: BVĐK huyện Quang Bình	100	121	133	146	161	177
5	Cụm 5: BVĐK huyện Xín Mần	100	121	133	146	161	177
6	Cụm 6: BVĐK Nà Chì	100	121	133	146	161	177
7	Cụm 7: BVĐK huyện Hoàng Su Phì	100	121	133	146	161	177
8	Cụm 8: BVĐK huyện Bắc Mê	100	121	133	146	161	177
9	Cụm 9: BVĐK huyện Quản Bạ	100	121	133	146	161	177
10	Cụm 10: BVĐK huyện Yên Minh	100	121	133	146	161	177
11	Cụm 11: BVĐK huyện Đồng Văn	100	121	133	146	161	177
12	Cụm 12: BVĐK huyện Mèo Vạc	100	121	133	146	161	177
	<b>Tổng</b>	<b>1.400</b>	<b>1.694</b>	<b>1.863</b>	<b>2.049</b>	<b>2.254</b>	<b>2.480</b>

Trong đó: Số liệu năm 2019 dựa trên ước tính chi phí tiến hành xử lý chất thải của các Bệnh viện. Lượng chất thải y tế phát sinh hằng năm khoảng 10% so với năm trước, trên cơ sở đó tính toán được khoản kinh phí hỗ trợ vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế cho 12 cụm trong 6 năm.

**Chi tiết nhu cầu đầu tư cho kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế**

TT	Tên cơ sở	Nhiệm vụ	Phương tiện	Đầu tư hệ thống xử lý			Chi phí thường niên	Ghi chú
			Xe máy	Bảo trì hệ thống xử lý	Hệ thống xử lý CTYTNH	Khu tập kết rác thải	Vận hành hệ thống XLCT	
1	Trạm Y tế	Phân loại, thu gom và tập kết chất thải tới TTYT hoặc PKĐK, bệnh viện gần đó	177					
2	PKĐKKV	Phân loại, thu gom và tiếp nhận lưu trữ chất thải y tế của các TYT lân cận	19					19 cơ sở trong đó có 3 cơ sở đã có khu tập kết rác thải (PKĐKKV xã Đông Hà, PKĐKKV xã Xuân Giang, PKĐKKV Bạch Ngọc)
3	BVĐK các huyện	Tiếp nhận xử lý chất thải từ các CSYT trong cụm		11	3		11	Đầu tư hệ thống xử lý CTYTNH bằng công nghệ ma sát âm cho các bệnh viện: BVĐK Nà Chì, BVĐK Đồng Văn và BVĐK Mèo Vạc
4	BVĐK tỉnh	Tiếp nhận xử lý chất thải từ các CSYT trong cụm		1			1	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>196</b>	<b>12</b>	<b>3</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	